

**TRUNG ƯƠNG ĐOÀN TNCS HỒ CHÍ MINH
HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM**

DỰ THẢO



BÁO CÁO TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC
Theo tiêu chuẩn đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục đại học
Của Bộ giáo dục và Đào tạo
(Giai đoạn đánh giá 01/08/2018 – 30/12/2023)

(Hồ sơ đề nghị đánh giá ngoài)

Hà Nội, tháng 02 năm 2024

DANH SÁCH THÀNH VIÊN

HỘI ĐỒNG TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC
CỦA HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 2018 - 2023
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-HVTTNVN ngày tháng 8 năm 2023
của Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam)

TT	Họ và tên	Chức danh, chức vụ	Nhiệm vụ	Chữ ký
1	Nguyễn Hải Đăng	Giám đốc Học viện TTN Việt Nam	Chủ tịch	
2	Hoàng Minh Tuấn	Phó Giám đốc Học viện TTN Việt Nam	Phó Chủ tịch	
3	Trần Thị Tuyết Nhung	Phó Giám đốc Học viện TTN Việt Nam	Phó Chủ tịch	
4	Trần Quang Thái	Phó trưởng phòng phụ trách Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên thường trực	
5	Phạm Thanh Hằng	Phó trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên	Thành viên	
6	Đặng Vũ Tùng	Trưởng Phòng Tổ chức - Hành chính	Thành viên	
7	Đặng Đức Minh	Trưởng Phòng Quản trị	Thành viên	
8	Đặng Thị Nam Phương	Trưởng Phòng Kế hoạch - Tài vụ	Thành viên	
9	Trần Thị Kim Hoa	Giám đốc Trung tâm TT-TV	Thành viên	
10	Đào Thị Thanh Thủy	Trưởng khoa Chính trị học	Thành viên	
11	Phạm Ngọc Linh	Trưởng khoa Công tác Xã hội	Thành viên	
12	Nguyễn Văn Quyết	Phó trưởng khoa Công tác Thanh thiếu niên	Thành viên	
13	Nguyễn Quang Trung	Trưởng khoa Cơ bản	Thành viên	
14	Đặng Vũ Cảnh Linh	Viện trưởng Viện nghiên cứu thanh niên	Thành viên	
15	Nguyễn Toàn Thắng	Tổng biên tập Tạp chí Thanh niên	Thành viên	
16	Bùi Văn Tuyền	Phó trưởng phòng Đào tạo và Quản lý khoa học, Phân viện miền Nam	Thành viên	

17	Hà Dương Thuý Quỳnh	Chủ tịch Công đoàn Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	Thành viên	
18	Trương Khải Minh	Bí thư Đoàn Thanh niên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam	Thành viên	
19	Triệu Hoàng Đại Phúc	Sinh viên lớp Luật 3, K9, đại diện người học	Thành viên	
20	Phạm Hoàng Hiệp	Chuyên viên Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên – Thư ký	
21	Nguyễn Thị Dinh	Chuyên viên Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục	Thành viên – Thư ký	

(Danh sách gồm có 21 người)

MỤC LỤC

MỤC LỤC	
DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT	
ĐẶT VẤN ĐỀ	
Phần I. HỒ SƠ VỀ CƠ SỞ GIÁO DỤC	
1. Khái quát về cơ sở giáo dục	
2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục	
2.1. Quy định pháp lý các hoạt động của HVTTNVN và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Học viện.	
2.2. Những thách thức chính mà HVTTNVN gặp phải và kế hoạch của Học viện để khắc phục những thách thức đó	
2.3. Các điểm mạnh và cơ hội của HVTTNVN và cách mà Học viện tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó	
3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục 8)	
Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC	
Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa	
Tiêu chuẩn 2. Quản trị	
Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý	
Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược	
Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.	
Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực	
Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất	
Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại	
Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong	
Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài	
Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong	
Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng	
Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học	
Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học	
Tiêu chuẩn 15: Giảng dạy và học tập	
Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học	
Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học	
Tiêu chuẩn 18: Quản lý nghiên cứu khoa học	
Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ	
Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học	
Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng	
Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo.	
Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học	
Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng	
Tiêu chuẩn 25: Kết quả tài chính và thị trường	
BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC	

DANH MỤC TỪ VIẾT TẮT

Các từ viết tắt	Chú thích
HVTTNVN	Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam
ĐBCL	Đảm bảo chất lượng
KĐCL	Kiểm định chất lượng
TĐG	Tự đánh giá
KĐCLGD	Kiểm định chất lượng giáo dục
ĐBCLGD	Đảm bảo chất lượng giáo dục
KHHĐ	Kế hoạch hành động
ĐT	Đào tạo
NCKH	Nghiên cứu khoa học
GV	Giảng viên
CB	Cán bộ
SV	Sinh viên
HV	Học viên
NH	Người học
TT&ĐBCLGD	Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục
ĐT&CTSV	Đào tạo và Công tác sinh viên
KH-TV	Kế hoạch - Tài vụ
TTTTV	Trung tâm Thông tin Thư viện
CLPT	Chiến lược phát triển
ĐCCTHP	Đề cương chi tiết học phần
SHTT	Sở hữu trí tuệ
TSTT	Tài sản trí tuệ
CSGD	Cơ sở giáo dục
CTĐT	Chương trình đào tạo
HTQT	Hợp tác quốc tế
CSVC	Cơ sở vật chất
PVCĐ	Phục vụ cộng đồng
ĐGN	Đánh giá ngoài
GTCL	Giá trị cốt lõi
HP	Học phần
ĐTN	Đoàn thanh niên
CVHT	Cố vấn học tập
BHYT	Bảo hiểm y tế
BHTT	Bảo hiểm thân thể
KH & CN	Khoa học và công nghệ
SKKN	Sáng kiến kinh nghiệm
HĐKH	Hội đồng khoa học

ĐẶT VẤN ĐỀ

Chất lượng đào tạo là một trong những vấn đề quan trọng, quyết định đến sự tồn tại và phát triển của tất cả các trường đại học. Trong bối cảnh hiện nay, đòi hỏi nguồn nhân lực có chất lượng cao cho đất nước để ứng phó tốt hơn với các vấn đề. Chính vì vậy, việc nâng cao chất lượng đào tạo của các trường đại học ngày càng trở nên cấp thiết. Nhận thức được tầm quan trọng này, trong những năm qua, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam (HVTTNVN) đã luôn quan tâm đến chất lượng giáo dục và đã có nhiều chính sách, áp dụng nhiều biện pháp để đảm bảo và không ngừng nâng cao chất lượng đào tạo. Trong quá trình đánh giá chất lượng giáo dục, tự đánh giá là một khâu quan trọng trong quá trình đảm bảo chất lượng (ĐBCL) và xây dựng văn hóa ĐBCL bên trong Học viện. Trong quá trình triển khai công tác tự đánh giá (TĐG), HVTTNVN đã căn cứ vào các tiêu chuẩn kiểm định chất lượng (KĐCL) của Bộ GD&ĐT và các tổ chức kiểm định chất lượng giáo dục (KĐCLGD) có uy tính để tiến hành xem xét, TĐG về thực trạng chất lượng và hiệu quả của các hoạt động của Học viện, xác định được các điểm mạnh và điểm tồn tại, từ đó xây dựng kế hoạch hành động (KHHĐ) phù hợp nhằm thực hiện tốt các mục tiêu đã đề ra.

PHẦN I. HỒ SƠ VỀ HỌC VIỆN THANH THIẾU NIÊN VIỆT NAM

1. Khái quát về Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam

Sau nhiều năm tích cực chuẩn bị các điều kiện về đội ngũ, chương trình, tài liệu và cơ sở vật chất, ngày 10/10/2011 Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định số 1769/QĐ-TTg về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân, mở ra thời kỳ phát triển mới của Học viện.

Trong suốt 12 năm từ ngày nâng cấp và hơn 67 năm phát triển, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã và đang không ngừng nỗ lực phát triển để trở thành một cơ sở giáo dục đào tạo nguồn nhân lực có trình độ và chất lượng cao. Những đóng góp của Học viện cho công cuộc bảo vệ, xây dựng và phát triển đất nước đã được ghi nhận bằng nhiều phần thưởng và danh hiệu cao quý: Huân chương Lao động, Huân chương Độc lập, Cờ thi đua của Chính phủ, Nhà nước Cộng hòa Dân chủ Nhân dân Lào tặng Huân chương Tự do Hạng Nhất, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ và BCH Trung ương Đoàn.

Đến thời điểm hiện tại, Học viện đang đào tạo đại học là 7 ngành, bậc sau đại học là 2 ngành. Học viện có đội ngũ giảng viên giỏi, nhiệt tình, tâm huyết, đa phần được đào tạo bài bản. Học viện có cơ sở vật chất rộng rãi, khang trang, hiện đại và là một trong những trường công lập có cơ sở vật chất, hạ tầng thuộc nhóm tốt nhất hiện nay.

Ban Giám đốc Học viện cùng toàn thể cán bộ, giảng viên của Học viện luôn nỗ lực phấn đấu, thực hiện các nhiệm vụ và sứ mạng của Học viện để khẳng định vị thế, có năng lực hội nhập với hệ thống giáo dục đại học trong khu vực.

Học viện có 17 đơn vị trực thuộc Học viện, trong đó có 5 phòng chức năng, 5 Khoa, Trung tâm Thông tin – Thư viện, Trung tâm Bồi dưỡng, Trung tâm Phát triển kỹ năng xã hội, Tạp chí Thanh niên, Viện nghiên cứu Thanh niên. Xuất phát từ nhu cầu của xã hội và sự phát triển của Học viện. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã mở rộng thêm 01 phân hiệu đặt tại Thành phố Hồ Chí Minh.

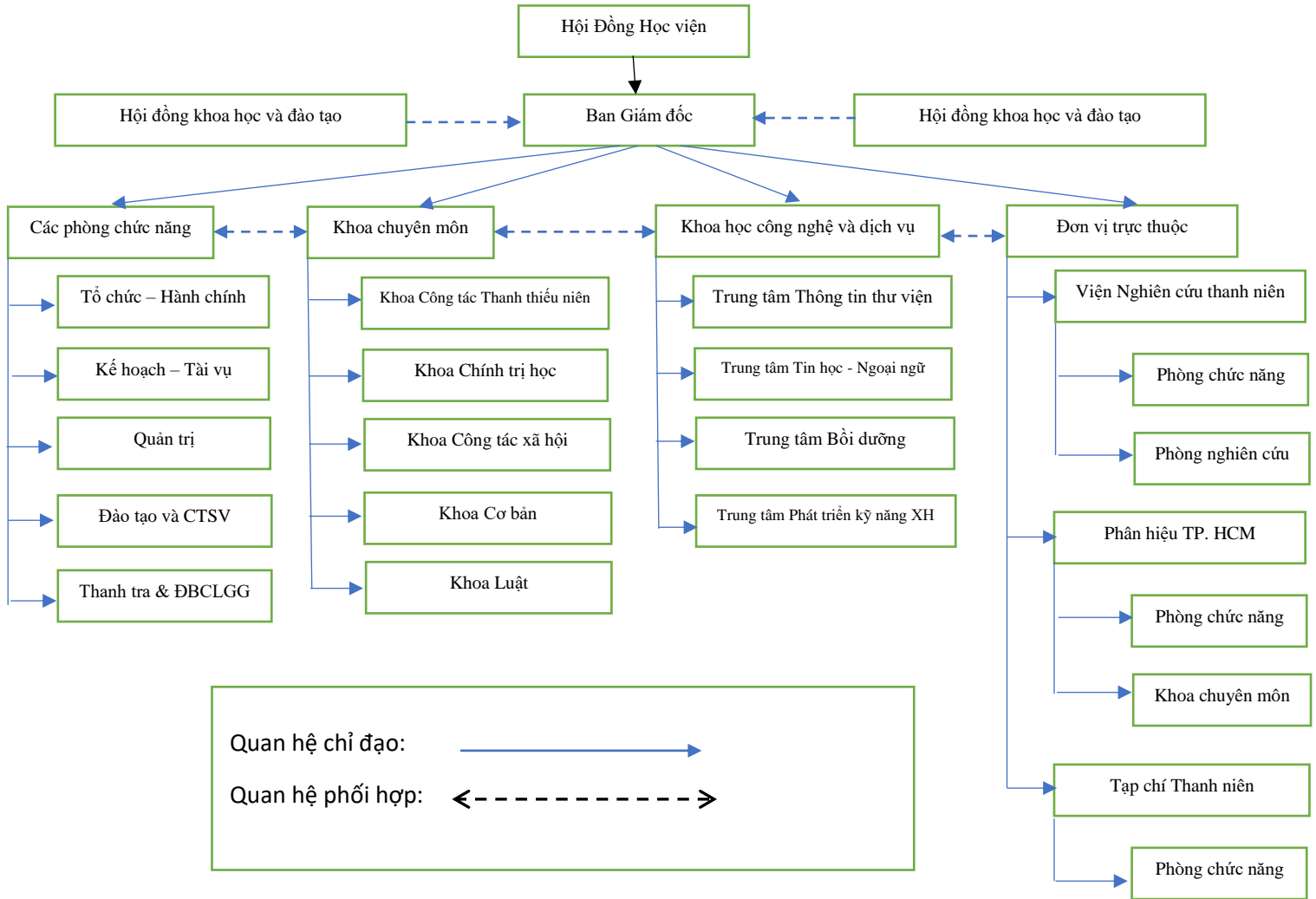
a. Sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi

Sứ mệnh: Đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị; đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về khoa học và thực tiễn cho Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi.

Tầm nhìn: Đến năm 2045, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phân đầu trở thành cơ sở đào tạo đại học trong nhóm đầu, có uy tín ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tính ứng dụng trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng.

Giá trị cốt lõi: **Chất lượng, tiên phong, sáng tạo**

b. Cơ cấu tổ chức của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam



2. Bối cảnh triển khai các hoạt động của cơ sở giáo dục

2.1. Quy định pháp lý của các hoạt động của HVTTNVN và mức độ ảnh hưởng đến hoạt động của Học viện.

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được nâng cấp theo Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 10/10/2011 của Thủ tướng Chính phủ về việc nâng cấp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thành cơ sở giáo dục đại học công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân trên cơ sở Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Học viện được tổ chức và hoạt động theo Điều lệ Trường Đại học và là đơn vị sự nghiệp trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, có nhiệm vụ (1) Đào tạo trình độ đại học và sau đại học; (2) Bồi dưỡng; (3) Nghiên cứu khoa học.

Hiện tại, HVTTNVN đã và đang tiến hành công tác đánh giá chất lượng cấp cơ sở giáo dục (CSGD). Trong giai đoạn từ tháng 01/2018 đến hết tháng 12/2023. Thực hiện Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định về kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục đại học, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã tiến hành công tác Tự đánh giá từ tháng 03/2023 theo công văn 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học và Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm công văn số 768/QLCL-KĐCLGD.

Mục đích Tự đánh giá của Học viện:

- Tự đánh giá giúp Học viện tự rà soát, xem xét, đánh giá thực trạng của Học viện để nhận biết được những điểm mạnh, điểm tồn tại, từ đó triển khai các KHHĐ nhằm cải tiến và nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Học viện;

- Tự đánh giá giúp cho việc xây dựng thái độ, nhận thức của lãnh đạo, các đơn vị chuyên trách, chuyên viên, cán bộ, giảng viên (GV) và nhân viên về chất lượng của mọi mặt hoạt động và xây dựng văn hoá chất lượng bên trong Học viện;

- Thông qua hoạt động TĐG đã thể hiện được tính tự chủ và tự chịu trách nhiệm trong toàn bộ hoạt động đào tạo (ĐT), nghiên cứu khoa học (NCKH) và các nhiệm vụ được giao khác, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu của Học viện. Bên cạnh đó, việc TĐG giúp Học viện tham gia vào quá trình kiểm định CLGD để được công nhận và công khai chất lượng giáo dục.

Quy trình tự đánh giá:

- Bước 1: Thành lập hội đồng tự đánh giá, ban thư ký, các nhóm công tác chuyên trách;
- Bước 2: Lập kế hoạch tự đánh giá và phân công trách nhiệm cụ thể của các nhóm;
- Bước 3: Thu thập thông tin và minh chứng;
- Bước 4: Xử lý, phân tích các thông tin và minh chứng;
- Bước 5: Viết báo cáo tự đánh giá; Hoàn thiện báo cáo tự đánh giá;
- Bước 6: Công bố báo cáo tự đánh giá trong toàn Trường để thu thập ý kiến;
- Bước 7: Triển khai các hoạt động sau khi hoàn thành tự đánh giá.

Phạm vi tự đánh giá:

Đánh giá toàn bộ các mặt hoạt động của Học viện theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường ĐH của Bộ GD&ĐT (ban hành theo Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017).

Phương pháp tự đánh giá:

Tự đánh giá là quá trình Trường dựa trên các tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD do Bộ GDĐT ban hành để tự xem xét, báo cáo về tình trạng chất lượng, hiệu quả hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, nhân lực, cơ sở vật chất và các vấn đề liên quan khác, làm căn cứ để Học viện tiến hành điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm nâng cao chất lượng đào tạo và đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục. Đối với mỗi tiêu chí, các nhóm công tác chuyên trách thực hiện theo trình tự sau:

- Thu thập thông tin, minh chứng;
- Lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan;

- Mô tả, làm rõ thực trạng của tiêu chí;
- Phân tích, giải thích, so sánh, đối chiếu và đưa ra những nhận định; chỉ ra những điểm mạnh, điểm tồn tại và biện pháp khắc phục;
- Lập kế hoạch hành động để khắc phục những tồn tại nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng các mặt hoạt động của Học viện theo từng tiêu chí. Quá trình TĐG và hoàn thành báo cáo TĐG được thực hiện từ tháng 03 năm 2023 đến tháng 11 năm 2023.

Công cụ đánh giá:

Sử dụng Bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục trường đại học và Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm công văn số 768/QLCL-KĐCLGD và các tài liệu hướng dẫn khác.

Cách thức mã hóa minh chứng

Các minh chứng được mã hóa theo hướng dẫn tại văn bản công văn 766/QLCLKĐCLGD ngày 20/4/2018 hướng dẫn tự đánh giá cơ sở giáo dục đại học. Cụ thể, các minh chứng này được mã hóa theo quy tắc sau: Mã minh chứng được ký hiệu theo công thức:

Hn.a.b.c. Trong đó:

- H: viết tắt của “Hộp minh chứng”
- n: số thứ tự của hộp minh chứng (được đánh số từ 1 đến hết);
- a: số thứ tự của tiêu chuẩn (được đánh số từ 01 đến 25);
- b: số thứ tự của tiêu chí (được đánh số từ 01 đến hết số tiêu chí trong mỗi tiêu chuẩn);
- c: số thứ tự của minh chứng trong tiêu chí (được đánh số từ 01 đến hết số minh chứng của mỗi tiêu chí).

Những lợi ích Học viện thu được trong quá trình tự đánh giá

TĐG không chỉ tạo cơ sở cho công tác đánh giá ngoài mà còn thể hiện tính tự chủ và tính tự chịu trách nhiệm của Học viện trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, theo chức năng nhiệm vụ được giao và phù hợp với sứ mạng, mục tiêu đã được xác định.

Qua công tác TĐG, Học viện đã rút ra được những điểm mạnh và những tồn tại nhằm xây dựng các chủ trương, biện pháp, kế hoạch cải tiến, điều chỉnh các nguồn lực và quá trình thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

2.2. Những thách thức chính mà HVTTNVN gặp phải và kế hoạch của Học viện để khắc phục những thách thức đó.

Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng GDĐH: GV, SV, Chương trình, giáo trình giảng dạy; Tính thực hành, thực tế và định hướng nghề nghiệp; Phương pháp giảng dạy và hệ thống đánh giá học tập; CSVC; Đội ngũ những người làm công tác quản lý và công tác hỗ trợ tại các đơn vị. NCKH và chuyên gia công nghệ; PVCĐ, đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan. Tất cả các yếu tố này đều được HVTTNVN kiểm soát bằng hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong, các quy định, quy trình cụ thể cho từng lĩnh vực, được kiểm tra đánh giá và rà soát thường xuyên để khắc phục những khó khăn, cải tiến chất lượng hoạt động.

Các yếu tố cạnh tranh thị trường: là những thách thức mà HVTTNVN phải vượt qua, đó là: (i) Sự cạnh tranh giữa các trường đại học trong nước; (ii) Việc làm cho SV tốt nghiệp ngay sau khi ra trường; (iii) Đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Học viện TTNVN phải vượt qua những thách thức này bằng chính chất lượng của Học viện, chất lượng là hàng đầu, là yếu tố giúp HVTTNVN cạnh tranh lành mạnh trong thị trường giáo dục. Chất lượng trở thành “văn hóa” trong mọi hoạt động của HVTTNVN, được vận hành, rà soát, đánh giá và cải tiến liên tục.

Các yếu tố Văn hóa – Xã hội – Kinh tế: (i) Giáo dục trong thời kỳ hội nhập quốc tế; (ii) Tự chủ đại học; (iii) Nhu cầu của xã hội về học tập; (iv) Nhu cầu tuyển dụng đối với SV tốt nghiệp; (v) Tình hình xã hội của Việt Nam và thế giới có liên quan đến mục đích và định hướng phát triển của Học viện. HVTTNVN luôn quan tâm đến sự phản hồi của các bên liên quan, đến giáo dục trong thời kỳ hội nhập, xu thế phát triển của xã hội và nhu cầu nguồn nhân lực trong thời kỳ mà cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 đang bùng phát, đến tình

hình phát triển kinh tế xã hội... để điều chỉnh sứ mạng, điều chỉnh KHCL phát triển Học viện cho đúng hướng, tránh lệch lạc.

2.3. Các điểm mạnh và cơ hội của HVTTNVN và cách mà Học viện tận dụng những điểm mạnh và cơ hội đó.

Qua một chặng đường gần 67 năm hình thành và phát triển, HVTTNVN đã gặp không ít rủi ro, thách thức và cơ hội. Tuy nhiên cho đến thời điểm hiện tại, Học viện vẫn phát triển mạnh mẽ và bền vững với các điểm mạnh như:

- Lãnh đạo Học viện luôn mong muốn và cam kết phát triển Học viện theo định hướng hiện đại (gắn kết, phát triển và hội nhập).

- Môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp và minh bạch.

- Chất lượng giảng viên/nghiên cứu viên của một số chuyên ngành và cán bộ một số đơn vị trong Học viện đã có uy tín

- Có nguồn kinh phí phù hợp dành cho việc thực hiện các mục tiêu chiến lược đã đề ra.

- Có cơ sở vật chất tốt. Học viện ở trung tâm thành phố, giao thông thuận tiện và các dịch vụ tiện ích đa dạng.

- Học viện đã xây dựng và thực hiện nhiều quy chế, quy định quy trình quản lý các hoạt động của Học viện.

- Đã có đầu tư để phát triển hệ thống thông tin, truyền thông của Học viện như bộ nhận diện thương hiệu, các kênh truyền thông thương hiệu như website, Fanpage, báo chí và kinh nghiệm triển khai marketing tuyển sinh.

- Đã có nhiều sản phẩm đào tạo, nghiên cứu khoa học có chất lượng tốt.

Bên cạnh những điểm mạnh Học viện vẫn còn một số tồn tại:

- Chưa có nhiều nhân lực trình độ cao ở một số lĩnh vực.

- Còn có một số cán bộ ít quan tâm và chưa cố gắng để có các đóng góp thiết thực vào các công việc chung của Học viện cũng như việc phát triển uy tín/thương hiệu của Học viện.

- Chưa ứng dụng nhiều các thành tựu công nghệ thông tin vào quản trị và vận hành các hoạt động của Học viện.

- Chưa có kế hoạch marketing chuyên nghiệp cũng như chưa có chuyên viên được đào tạo và có kinh nghiệm triển khai các hoạt động truyền thông, phát triển thương hiệu.

Mặc dù vậy Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện cũng nhận thức được các cơ hội giúp Học viện phát triển bao gồm:

- Luật giáo dục đại học sửa đổi tăng cường tính tự chủ của Học viện
- Thách thức Học viện phải đối mặt bao gồm:
- Cạnh tranh trong đào tạo, nghiên cứu khoa học ngày càng gia tăng.
 - Số lượng học viên, sinh viên các ngành có xu hướng sụt giảm.
 - Chi phí đầu tư và thường xuyên, vận hành gia tăng.

Từ việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức Học viện đã đưa ra các giải pháp về đào tạo, nghiên cứu khoa học và cung cấp dịch vụ như sau:

Đào tạo: Phát triển đội ngũ giảng viên đảm bảo đủ về số lượng và đảm bảo chất lượng phù hợp với lĩnh vực chuyên môn của các chương trình đào tạo của Học viện theo quy định; Các giảng viên phải tham gia các khóa đào tạo, tập huấn, hội nghị, hội thảo về các nội dung liên quan đến lĩnh vực chuyên môn giảng dạy, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá kiểm định chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học v.v. theo KPI cá nhân đã được phê duyệt; Chuyên viên và đội ngũ cán bộ quản lý các phòng phải tham gia đào tạo, bồi dưỡng về quản lý giáo dục, kiểm định chất lượng giáo dục bằng các khoá đào tạo sau đại học; Các giảng viên, chuyên viên tham gia các đoàn học tập kinh nghiệm giảng dạy, quản lý đào tạo, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý đào tạo tại các cơ sở khác để nâng cao trình độ, chuyên môn nghiệp vụ bản thân theo kế hoạch hoặc theo nhu cầu thực tế; Định kỳ rà soát và điều chỉnh các môn học của chương trình đào tạo theo đúng quy định (1 năm/lần); Định kỳ rà soát, lấy ý kiến các bên liên quan để điều chỉnh chương trình đào tạo theo quy định (2 năm/lần); Thực hiện kiểm định các chương trình đào tạo thông qua các tổ chức kiểm định trong nước được cấp phép theo quy định hiện hành); Duy trì và củng cố hệ thống cơ sở dữ liệu nội bộ để các giảng viên chia sẻ các bài giảng,

kinh nghiệm giảng dạy để tất cả giảng viên trong Học viện có thể tham khảo, nâng cao trình độ phục vụ hiệu quả cho quá trình giảng dạy; Đẩy mạnh hoạt động quảng bá các chương trình đào tạo nhằm tăng chất lượng đầu vào tuyển sinh và tăng dần quy mô đào tạo; Tăng cường các hoạt động kết nối với cựu người học để phát triển mạng lưới bền vững nhằm hỗ trợ cho các hoạt động của Học viện (tuyển sinh, đào tạo, NCKH và phát triển dịch vụ) đồng thời hỗ trợ phát triển chuyên môn cho cựu người học; Xây dựng mới các khóa đào tạo ngắn hạn đáp ứng nhu cầu xã hội như (mỗi năm xây dựng mới ít nhất thêm một chương trình đào tạo theo đề xuất của Khoa chuyên môn); Rà soát, chỉnh sửa quy trình đào tạo để đảm bảo không trùng chéo, nhằm giảm bớt thời gian hoạt động quản lý đào tạo; Tăng cường khuyến khích, hỗ trợ để sinh viên đại học tham gia đề tài nghiên cứu khoa học (mỗi ngành cử nhân có ít nhất 1 đề tài cấp cơ sở /1 năm học); khuyến khích học viên sau đại học sử dụng nguồn số liệu thứ cấp và/hoặc gắn với các dự án nghiên cứu của Học viện hoặc các đơn vị đối tác; áp dụng phương pháp giảng dạy và đánh giá phù hợp với đào tạo dựa trên năng lực; Xây dựng và áp dụng phương pháp lượng giá/đánh giá hiện đại đối với các môn học phù hợp;

Nghiên cứu khoa học: Củng cố và phát triển năng lực của Viện NCTN để mở rộng lĩnh vực cung cấp dịch vụ nghiên cứu khoa học của Học viện; Mời chuyên gia (quốc tế, trong nước) về Học viện tập huấn cho cán bộ; Xây dựng và triển khai các gói đào tạo về phương pháp NCKH, viết bài báo khoa học quốc tế để nâng cao năng lực nghiên cứu khoa học của cán bộ Học viện; Xây dựng và áp dụng chính sách khuyến khích, động viên, khen thưởng cho các đơn vị, cá nhân đưa các đề tài, dự án NCKH trong nước và quốc tế về Học viện; Khuyến khích, khen thưởng cán bộ xuất bản tại tạp chí khoa học quốc tế uy tín trong danh mục ISI, Scopus; Cần tăng cường đầu tư cho các hoạt động hợp tác NCKH quốc tế, thực hiện đề tài NCKH cơ sở, đề tài NCKH của sinh viên (là 1 tiêu chí bắt buộc trong kiểm định các chương trình đào tạo), phát triển tạp chí Thanh niên, đăng ký bản quyền, sở hữu trí tuệ.

III) 3. Cơ sở dữ liệu kiểm định chất lượng cơ sở giáo dục (xem Phụ lục

Phần II. TỰ ĐÁNH GIÁ VỀ CHẤT LƯỢNG CƠ SỞ GIÁO DỤC

Tiêu chuẩn 1. Tâm nhìn, sứ mạng và văn hóa

Tiêu chí 1.1: Lãnh đạo cơ sở giáo dục đảm bảo tâm nhìn, sứ mạng của cơ sở giáo dục đáp ứng được nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có tuyên bố chính thức về sứ mệnh, tâm nhìn của Học viện nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển từng giai đoạn cũng như đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan tại Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [H1.01.01.01]. Ngày 18/08/2023, Giám đốc Học viện đã ban hành Quyết định số 538a công bố sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện, trong đó sứ mệnh được tuyên bố: *“Đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về cơ sở khoa học và thực tiễn cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi”* và tầm nhìn được xác định: *“Đến năm 2045, Học viện phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về thanh niên có uy tín hàng đầu ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu khoa học phục vụ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng khẳng định uy tín ở khu vực và thế giới”* [H.01.01.02].

Để đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới và đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan, các nội dung tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện đều được xây dựng theo định hướng của Trung ương Đoàn, chủ trương của Đảng uỷ, Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện và được ban hành chính thức, công bố trên website Học viện [H.01.01.03] và gửi tới các đơn vị liên quan để

phổ biến tới toàn thể cán bộ, viên chức và người lao động Học viện thông qua phần mềm ClouldOffice **[H.01.01.04]**.

Trong quá trình xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện có sự tham gia của các bên liên quan như: cán bộ quản lý, cán bộ, GV, SV, các doanh nghiệp, cựu SV, cựu GV... Quá trình thực hiện theo quy trình như sau:

Bước 1: Thành lập tổ công tác lập kế hoạch rà soát, xây dựng dự thảo sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển Học viện **[H.01.01.05]**.

Bước 2: Báo cáo dự thảo kết quả cho Giám đốc Học viện để tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan: Gửi dự thảo sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược phát triển Học viện cho các đơn vị để lấy ý kiến của cán bộ, viên chức, người lao động Học viện; tổ chức Hội nghị góp ý kiến vào dự thảo chiến lược **[H.01.01.06]**; các ý kiến góp ý được gửi lại tổ công tác.

Bước 3: Tổ công tác chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo sứ mệnh, tầm nhìn, chiến lược trình thường trực Hội đồng Học viện cho ý kiến **[H.01.01.07]**.

Bước 4: Gửi bản dự thảo xin ý kiến của Ban Tổ chức và các ban liên quan của Trung ương Đoàn **[H.01.01.08]**.

Bước 5: Tổ công tác tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý của các bên liên quan của Trung ương Đoàn, hoàn chỉnh dự thảo; báo cáo Ban Giám đốc Học viện trình Ban Bí thư Trung ương Đoàn phê duyệt **[H.01.01.09]**.

Bước 6: Sau khi có ý kiến phê duyệt của Trung ương Đoàn, Hội đồng Học viện ra quyết định ban hành Chiến lược **[H.01.01.10]** **[H.01.01.11]**.

Trên cơ sở sứ mệnh, tầm nhìn được phê duyệt, Học viện xây dựng kế hoạch khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm: cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, cựu giảng viên, nhà tuyển dụng... **[H.01.01.12]**. Kết quả khảo sát cho thấy đa số các ý kiến phản hồi đều cho rằng sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện phù hợp với chủ trương của Đảng, Nhà nước về phát triển giáo dục đại học và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và của địa phương, có trên 90% ý kiến trả lời khảo sát đánh giá đồng ý và rất đồng ý với các nội dung về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện **[H.01.01.13]**.

Trong quá trình xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn, Học viện đã căn cứ các chủ trương chính sách của Đảng, nhà nước, của ngành, của địa phương cũng như căn cứ nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện trong từng giai đoạn cụ thể như: Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo [H.01.01.14]; Nghị quyết số 15-NQ/TW ngày 05/5/2022 của Bộ Chính trị về phương hướng, nhiệm vụ phát triển thủ đô Hà Nội đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 [H.01.01.15]; Quyết định số 1331/QĐ-TTg ngày 24/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam giai đoạn 2021-2030 [H.01.01.16]; Quyết định số 489/QĐ-TTg ngày 11/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án bồi dưỡng cán bộ Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh giai đoạn 2023 - 2027 [H.01.01.17]. Vì vậy, việc xác định sứ mệnh “*đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về cơ sở khoa học và thực tiễn cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi*” với tầm nhìn đến năm 2045 “*Học viện phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về thanh niên có uy tín hàng đầu ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu khoa học phục vụ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; chuyển giao công nghệ và phục vụ cộng đồng khẳng định uy tín ở khu vực và thế giới*” là phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, nguồn lực và định hướng phát triển của Học viện; phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế-xã hội của thành phố Hà Nội và của cả nước.

Lãnh đạo Học viện đã có các kế hoạch hướng dẫn các đơn vị xây dựng và triển khai các hoạt động theo sứ mệnh, tầm nhìn đã được xác định. Học viện đã có văn bản chỉ đạo các đơn vị khi xây dựng chiến lược phát triển của đơn vị

mình cần phải bám sát vào sứ mệnh, tầm nhìn đã đề ra [H.01.01.18]. Học viện đã thiết kế bảng/biểu trong khuôn viên và đăng trên website của Học viện về sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện [H.01.01.19]; có kế hoạch truyền thông sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.01.20]; ban hành các văn bản yêu cầu các đơn vị trong quá trình thực hiện xây dựng kế hoạch công tác hàng năm cần chú trọng tới việc thực hiện tầm nhìn, sứ mệnh đã được công bố [H.01.01.21]. Trong các chương trình công tác hàng năm của Đảng uỷ, của Học viện đều bám sát tầm nhìn, sứ mệnh đã được công bố [H.01.01.22] [H.01.01.23].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.2. Lãnh đạo CSGD thúc đẩy các giá trị văn hóa phù hợp với tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Ngày 18/08/2023, Học viện đã ban hành Quyết định số 538a công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, trong đó giá trị cốt lõi được khẳng định “Chất lượng, tiên phong, sáng tạo” [H.01.02.01].

Chất lượng: Ưu tiên đổi mới, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học; người học vững lý luận, giỏi nghiệp vụ, thành thạo kỹ năng đáp ứng ngày càng tốt hơn yêu cầu của xã hội; chất lượng sản phẩm nghiên cứu ngày càng tăng, tính ứng dụng ngày càng cao, được cộng đồng và xã hội thừa nhận.

Tiên phong: Đi đầu trong đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đoàn, đón đầu các ngành đào tạo theo xu hướng mới phù hợp với điều kiện của Học viện; tiếp cận tri thức mới, đi đầu trong nghiên cứu về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi, xu hướng mới của thanh thiếu nhi.

Sáng tạo: Đổi mới, sáng tạo trong công tác đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và hoạt động thông tin, truyền thông; định hướng, thúc đẩy hoạt động sáng tạo thông qua trang bị kiến thức, kỹ năng, trải nghiệm và truyền cảm hứng cho cán bộ, viên chức và người học; xây dựng môi trường học tập, nghiên cứu khoa học dân chủ góp phần nâng cao uy tín, vị thế của Học viện.

Nội dung các giá trị cốt lõi của Học viện được xác định trên cơ sở đúc kết các giá trị lịch sử, truyền thống sau gần 70 năm xây dựng và phát triển của Học viện. Đảng ủy, Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện luôn coi trọng việc phổ biến giá trị cốt lõi. Đảng ủy Học viện đã ban hành nghị quyết chỉ đạo, quán triệt tới các chi bộ trực thuộc về sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi [H.01.02.02]. Ban Giám đốc Học viện đã triển khai các hoạt động để tuyên truyền, phổ biến giá trị cốt lõi như: ban hành kế hoạch truyền thông sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.02.03]; thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khoá cho sinh viên [H.01.02.04]; Công khai trên website Học viện; thông qua các bảng hiệu, pano tại các khu vực trong Học viện [H.01.02.05].

Học viện đã thực hiện việc phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Học viện xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển giá trị cốt lõi. Học viện đã xây dựng kế hoạch truyền thông về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H.01.02.06]. Bên cạnh đó, tại các hội nghị, các ngày lễ kỷ niệm lớn, lễ khai giảng, hay các hội nghị chuyên đề Ban Giám đốc Học viện cũng lồng ghép các nội dung tuyên bố về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi vào bài phát biểu để truyền thông và công bố rộng rãi đến các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí: 4/7.

Tiêu chí 1.3. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được phổ biến, quán triệt và giải thích rõ ràng để thực hiện

Ngày 15/8/2023, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tuyên bố tại nghị quyết số 21 [H1.01.03.01], đến ngày 18/08/2023, Giám đốc Học viện đã ban hành quyết định công bố về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H.01.03.02]. Sau khi công bố Học viện đã xây dựng kế hoạch truyền thông về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi để phổ biến đến các bên liên quan [H.01.03.03]; sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện được phổ biến để thực hiện qua các hình thức: phần mềm CouldOffice, công khai trên website, xây dựng các bảng biểu, pa-nô, áp-phích trong khuôn viên Học viện [H.01.03.04], [H.01.03.05]; tổ chức phổ biến, quán triệt và giải thích rõ đến các bên liên quan bằng thông báo, tuyên truyền

[H.01.03.06]; ngoài ra, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện được Lãnh đạo Học viện phổ biến tới sinh viên thông qua các buổi học “Tuần sinh hoạt công dân sinh viên đầu khoá học” [H.01.03.07].

Sứ mệnh, tầm nhìn và các giá trị cốt lõi của Học viện được quán triệt, giải thích rõ đến các đơn vị, cá nhân trong Học viện thông qua cuộc họp với cán bộ chủ chốt sau khi ban hành để xây dựng kế hoạch đều phải bám vào sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi và được thể hiện trong chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Học viện [H.01.03.08] [H.01.03.09] [H.01.03.10] [H.01.03.11] [H.01.03.12] [H.01.03.13] [H.01.03.14] [H.01.03.15] [H.01.03.16]. Đảng uỷ Học viện đã ban hành Nghị quyết Chiến lược phát triển của Học viện, các chi bộ đã triển khai phổ biến các nội dung tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi, đồng thời trao đổi, làm rõ với viên chức, người lao động của các đơn vị trong Học viện thông qua chương trình công tác hàng năm của Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện [H.01.03.17] [H.01.03.18].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.4. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD được rà soát để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Năm 2020, Giám đốc Học viện đã ban hành quyết định thành lập Ban chỉ đạo xây dựng chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 và quyết định thành lập tổ công tác xây dựng chiến lược phát triển Học viện. Tổ công tác có nhiệm vụ rà soát, đánh giá, xem xét xây dựng sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.04.01] [H.01.04.02]. Trên cơ sở đó, sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện được rà soát cùng với quá trình cập nhật, điều chỉnh kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện. Mặc dù, chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam mới được ban hành song trong các cuộc họp của Đảng uỷ, thường trực Hội đồng Học viện, lãnh đạo Học viện luôn quán triệt phải tiếp thu góp ý của các bên liên quan để hoàn thiện sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện. Giám đốc Học viện giao Phòng Tổ chức - Hành chính theo quy định chức năng nhiệm vụ là đơn vị đầu mối tiếp nhận các thông tin góp ý của các đơn vị, tổng hợp, báo cáo

Đảng uỷ, Hội đồng Học viện vào các phiên họp thường kỳ **[H.01.04.03]** **[H.01.04.04]**.

Giám đốc Học viện thành lập Tổ rà soát, cập nhật sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi (gồm thành viên Đảng uỷ, Ban Giám đốc, Chủ tịch Công đoàn, đại diện lãnh đạo một số khoa, phòng và tương đương) và giao việc rà soát sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi gắn với quá trình xây dựng, điều chỉnh kế hoạch, chiến lược phát triển của Học viện để đáp ứng nhu cầu phát triển, tình hình thực tiễn của Học viện và sự hài lòng của các bên liên quan trong việc thực hiện sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi trước các yêu cầu phát triển mới **[H.01.04.05]**. Từ đó, Tổ công tác đã xây dựng kế hoạch rà soát sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi để đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan, trong đó phân công nhiệm vụ cho các thành viên thực hiện rà soát theo đúng quy trình, quy định **[H.01.04.06]**. Quá trình rà soát, Tổ công tác đã đối chiếu nội dung sứ mệnh, tầm nhìn, mục tiêu phát triển của Học viện với định hướng, chiến lược phát triển giáo dục đại học, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và khu vực Bắc Bộ cũng như cả nước; căn cứ điều kiện, thế mạnh, năng lực của Học viện báo cáo Đảng uỷ, Hội đồng Học viện và Ban Giám đốc để có những điều chỉnh cho phù hợp.

Qua rà soát, đánh giá cho thấy cơ bản các nội dung về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà Học viện đã công bố phù hợp với các chủ trương, chính sách, chiến lược phát triển giáo dục đại học Việt Nam, phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội và của vùng Bắc Bộ cũng như cả nước. Nội dung sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi mà Học viện đã công bố phù hợp với nhu cầu định hướng phát triển nguồn nhân lực, thế mạnh và năng lực của Học viện.

Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, Ban chỉ đạo đã họp thống nhất các nội dung về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi **[H.01.04.07]**, sau đó báo cáo Ban Giám đốc, Giám đốc Học viện đã tổ chức họp cán bộ chủ chốt để lấy ý kiến về việc điều chỉnh sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã được xây dựng **[H.01.04.08]**. Trên cơ sở nội dung về sứ

mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, Học viện đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan gồm: cán bộ, giảng viên, sinh viên, cựu sinh viên, cựu giảng viên, nhà tuyển dụng bằng các hình thức khác nhau như: gửi Email, trực tiếp phỏng vấn... [H.01.04.09].

Kết quả khảo sát được tổng hợp qua báo cáo cho thấy trên 90% các ý kiến trả lời đều đồng ý với nội dung của dự thảo về các nội dung của sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.04.10]. Kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo Đảng uỷ, Ban Giám đốc và Hội đồng Học viện để xin ý kiến, sau khi họp thống nhất và trình xin ý kiến Ban Tổ chức và các ban liên quan của Trung ương Đoàn [H.01.04.11]. Sau khi tiếp thu các ý kiến góp ý của các bên liên quan thuộc Trung ương Đoàn, Tổ công tác tiến hành chỉnh sửa dự thảo và báo cáo Ban Giám đốc Học viện trình Ban Bí thư Trung ương Đoàn phê duyệt [H.01.04.12]. Trên cơ sở đó, Giám đốc Học viện ban hành thông báo công bố rộng rãi cho các bên liên quan, triển khai thực hiện [H.01.04.13].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 1.5. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của CSGD cũng như quá trình xây dựng và phát triển chúng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Năm 2023, Học viện đã thành lập Ban chỉ đạo xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 và 01 Tổ công tác có nhiệm vụ rà soát sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.05.01] [H.01.05.02]. Quy trình rà soát, cải tiến sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, quy trình xây dựng kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển của Học viện thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Thành lập tổ công tác rà soát, cập nhật sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện [H.01.05.03]; Tổ công tác lập kế hoạch rà soát, xây dựng dự thảo.

Bước 2: Báo cáo dự thảo kết quả cho Giám đốc Học viện để tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan: Gửi dự thảo tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược phát triển Học viện cho các đơn vị để lấy ý kiến của cán bộ, viên chức, người lao

động Học viện; tổ chức Hội nghị góp ý kiến vào dự thảo chiến lược; các ý kiến góp ý được gửi lại tổ công tác.

Bước 3: Tổ công tác chỉnh sửa, bổ sung vào dự thảo chiến lược trình thường trực Hội đồng Học viện cho ý kiến.

Bước 4: Gửi bản dự thảo xin ý kiến của Ban Tổ chức và các ban liên quan của Trung ương Đoàn.

Bước 5: Tổ công tác tiếp tục chỉnh sửa, bổ sung theo ý kiến góp ý của các bên liên quan của Trung ương Đoàn, hoàn chỉnh dự thảo; báo cáo Ban Giám đốc Học viện trình Ban Bí thư Trung ương Đoàn phê duyệt.

Bước 6: Sau khi có ý kiến phê duyệt của Trung ương Đoàn, Hội đồng Học viện ban hành nghị quyết về ban hành Chiến lược trong đó có công bố sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện.

Căn cứ vào quy trình rà soát, cải tiến sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, Tổ công tác rà soát, cập nhật sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện xây dựng dự thảo và trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt kế hoạch rà soát sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H.01.05.04]. Căn cứ kế hoạch rà soát, Tổ công tác sẽ thực hiện rà soát, đánh giá kết quả thực hiện các nội dung của sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi đã công bố; nghiên cứu các chủ trương, chính sách của Đảng, nhà nước, chính sách của ngành giáo dục và chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, của vùng và cả nước cũng như tình hình thực tế của Học viện, Học viện sẽ tiến hành họp và thống nhất các nội dung dự thảo việc điều chỉnh sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, báo cáo Đảng uỷ, Ban Giám đốc, Hội đồng Học viện để thống nhất hoàn thiện dự thảo trình báo cáo các ban liên quan của Trung ương Đoàn trước khi chỉnh sửa hoàn thiện trình Ban bí thư Trung ương Đoàn phê duyệt; sau đó Giám đốc Học viện sẽ ban hành quyết định công bố rộng rãi về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện.

Bên cạnh đó, trong thời gian tới, Giám đốc Học viện phân công Phòng Tổ chức - Hành chính làm đầu mối điều phối hoạt động theo dõi, đánh giá thực

hiện chiến lược phát triển Học viện, bao gồm cả sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi [H.01.05.05].

Các nội dung điều chỉnh về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện được thực hiện theo quy trình 06 bước và được xin ý kiến chỉ đạo của Đảng ủy, Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện trước khi trình cấp có thẩm quyền phê duyệt... Các nội dung về sứ mệnh, tầm nhìn và giá trị cốt lõi của Học viện sẽ thường xuyên được huy động lấy ý kiến của các bên liên quan nhằm cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 1:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

(1) Học viện đã xây dựng và có công bố chính thức về SM, TN, GTCL đảm bảo sự hài lòng của các bên liên quan.

(2) GTCL của Học viện được xác định dựa trên cơ sở đúc kết các giá trị lịch sử, truyền thống sau gần 70 năm xây dựng và phát triển của Học viện.

(3) TN, SM và văn hóa của Học viện được phổ biến, quán triệt rõ ràng đến các bên liên quan để thực hiện, cho thấy các kết quả tốt và thể hiện xu hướng cải tiến tích cực.

(4) Trong giai đoạn 2019-2023, Học viện đã triển khai rà soát và có cải tiến về TN, SM và văn hóa cũng như quy trình xây dựng để đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

(1) Việc công bố chính thức về SM, TN, GTCL còn đơn giản, chưa được tổ chức rộng rãi để có sự lan tỏa mạnh mẽ, việc tham gia của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp còn hạn chế.

(2) Việc xây dựng kế hoạch nhằm phổ biến và hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Học viện xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL của Học viện chưa được thực hiện thường xuyên.

(3) Chưa tổ chức được thường xuyên việc lấy ý kiến của doanh nghiệp, các bên liên quan trong quá trình hoạt động, quá trình xây dựng SM, mục tiêu, GTCL bằng hình thức tổ chức các hội nghị, hội thảo hàng năm.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Tổ chức công bố chính thức về SM, TN, GTCL rộng rãi để có sự lan tỏa mạnh mẽ, mời các CSGD nghề nghiệp tham gia	Lãnh đạo; Các đơn vị có liên quan	Năm 2023
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường lãnh đạo, phổ biến, hướng dẫn các đơn vị, cá nhân trong Học viện xây dựng kế hoạch hoạt động cụ thể để giữ gìn và phát triển GTCL.	Đảng ủy; HĐT; BGD; các đơn vị	Thường xuyên; Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại 3	Tổ chức lấy ý kiến của các bên liên quan trong quá trình hoạt động, quá trình xây dựng SM, mục tiêu, GTCL bằng hình thức tổ chức các hội nghị, hội thảo hàng năm.	Lãnh đạo; Ban xây dựng chiến lược	2 năm/lần
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục thực hiện rà soát, xây dựng và có công bố chính thức về SM, TN, GTCL đảm bảo sự hài lòng của các bên liên quan.	Lãnh đạo; Ban xây dựng chiến lược Phòng TCHC	2 năm/lần
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xác định GTCL của Học viện dựa trên sự tiếp thu, kế thừa từ các giá trị truyền thống của Trường hơn 60 năm xây dựng và phát triển.	Lãnh đạo; Các đơn vị; Các tổ chức đoàn thể	Thường xuyên
6	Phát huy điểm mạnh 3	Phát huy tốt việc thực hiện TN, SM và văn hóa của Học viện được phổ biến, quán triệt rõ ràng đến các bên liên quan để thực hiện.	Lãnh đạo; Các đơn vị; Các tổ chức đoàn thể	Thường xuyên
7	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục rà soát và có cải tiến về TN, SM và văn hóa cũng như quy trình xây dựng để đáp ứng sự hài lòng của các bên liên quan.	Lãnh đạo	2 năm 1 lần

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 01</i>	<i>4,6</i>
Tiêu chí 1.1	5
Tiêu chí 1.2	4
Tiêu chí 1.3	5
Tiêu chí 1.4	5
Tiêu chí 1.5	4

Tiêu chuẩn 2: Quản trị

Tiêu chí 2.1. Hệ thống quản trị (bao gồm hội đồng quản trị hoặc hội đồng trường); các tổ chức đảng, đoàn thể; các hội đồng tư vấn khác) được thành lập theo quy định của pháp luật nhằm thiết lập định hướng chiến lược phù hợp với bối cảnh cụ thể của cơ sở giáo dục; đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của cơ sở giáo dục

Hệ thống quản trị của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được thành lập theo quy định của Điều lệ Đảng, Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, quy định của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và các quy định khác của pháp luật, bao gồm: Đảng uỷ; Hội đồng Học viện; Công đoàn; Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện, Hội đồng tư vấn về: Khen thưởng, kỷ luật; thi đua, khen thưởng; lương và phụ cấp thâm niên nhà giáo; đánh giá, phân loại viên chức và người lao động... Các thành phần trong hệ thống quản trị được quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của mỗi đơn vị trong quyết định thành lập và tuân thủ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Đảng bộ Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là tổ chức cơ sở đảng trực thuộc Đảng bộ Cơ quan Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2010 - 2025 gồm 12 thành viên [H1.02.01.01]. Ban Chấp hành đảng bộ chịu trách nhiệm trước Đảng bộ trong việc tổ chức lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chủ trương, đường lối của Đảng; chính sách, pháp luật của Nhà nước, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương, của Đảng uỷ Khối các cơ quan Trung ương, của Đảng uỷ Trung ương Đoàn; lãnh đạo thực hiện có hiệu quả chiến lược, chương trình, kế hoạch công tác của Học viện; hoàn thành nghĩa vụ đối với nhà nước; nâng cao đời sống vật chất cho cán bộ, đảng viên, viên chức và người lao động Học viện.

Tại Đại hội năm 2020, Đảng bộ đã bầu ra Ban Chấp hành Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025 gồm 12 đồng chí. Đảng uỷ lãnh đạo, chỉ đạo các nhiệm vụ theo Điều lệ Đảng, Quy chế làm việc của Đảng uỷ Học viện Thanh thiếu niên Việt

Nam để thực hiện chương trình hành động toàn khoá [H1.02.01.02] [H1.02.01.03]. Đảng uỷ sẽ cụ thể hoá các nhiệm vụ, nội dung công tác thông qua các cuộc họp giao ban, chương trình công tác hàng năm, nghị quyết thường kỳ của Đảng uỷ [H1.02.01.04] [H1.02.01.05] [H1.02.01.06].

Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam do Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định thành lập, là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện được Ban Bí thư Trung ương Đoàn ký ban hành, Hội đồng Học viện có số lượng thành viên là số lẻ ít nhất là 19 thành viên bao gồm các thành viên trong và ngoài Học viện, trong đó có: 01 chủ tịch, 01 thư ký Hội đồng và các thành viên. Thành phần cụ thể như sau:

- Thành viên là cán bộ, giảng viên cơ hữu của Học viện gồm thành viên đương nhiên và thành viên do Hội nghị cán bộ, viên chức và người lao động Học viện bầu:

+ Thành viên đương nhiên: Bí thư Đảng uỷ, Chủ tịch Công đoàn, Đại diện BCH Đoàn Thanh niên Học viện là sinh viên Học viện.

+ Thành viên bầu: Có ít nhất 10 thành viên, là đại diện giảng viên chiếm tỷ lệ tối thiểu 25%; đại diện viên chức và người lao động của các đơn vị trực thuộc Học viện.

- Thành viên bên ngoài: Có ít nhất 6 thành viên bao gồm: 01 đồng chí Bí thư Trung ương Đoàn phụ trách Học viện; 05 nhà quản lý, nhà giáo dục, nhà văn hoá, nhà khoa học, doanh nhân, cựu sinh viên, đại diện đơn vị sử dụng lao động.

Theo quy định của Luật giáo dục đại học, Điều lệ trường đại học, ngày 15/10/2018, Bí thư thứ nhất Trung ương Đoàn đã ký ban hành quyết định số 422/-QĐ/TWĐTN-BTC thành lập Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, nhiệm kỳ 2015 - 2020 [H1.02.01.07].

Theo quy định, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cần thực hiện các thủ tục, quy trình để thành lập Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2021 - 2026 để

lãnh đạo hoạt động của Học viện theo chức năng, nhiệm vụ được giao. Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025, Đảng uỷ Học viện đã họp và thống nhất Đề án thành lập Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2021 - 2026, giao Giám đốc Học viện ký văn bản đề nghị Trung ương Đoàn xem xét cho ý kiến **[H1.02.01.08]**.

Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2021 - 2026 được thành lập và công nhận theo Quyết định số 2000 -QĐ/TWĐTN-BTC ngày 08/9/2021 **[H1.02.01.09]** gồm 19 thành viên. Đồng chí Nguyễn Ngọc Lương, Bí thư Trung ương Đoàn phụ trách Hội đồng Học viện. Đến tháng 06/2022, Tiến sỹ Trịnh Minh Thái, thành viên Hội đồng Học viện được công nhận Chủ tịch Hội đồng Học viện **[H1.02.01.10]**. Để thực hiện các nhiệm vụ, Hội đồng đã ban hành các quy định, quy chế cụ thể **[H1.02.01.11]** **[H1.02.01.12]** **[H1.02.01.13]** **[H1.02.01.14]** **[H1.02.01.15]** **[H1.02.01.16]** **[H1.02.01.17]** **[H1.02.01.18]** **[H1.02.01.19]**.

Các hội đồng tư vấn của Học viện đã được thành lập là Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng Tư vấn (bao gồm công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; về thực hiện chế độ, chính sách đối với viên chức và người lao động). Hội đồng KH&ĐT được Giám đốc Học viện thành lập gồm có 21 thành viên có nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Học viện về các nhiệm vụ: 1) Xây dựng và sửa đổi các quy chế, quy định về đào tạo, khoa học và công nghệ; tuyển dụng giảng viên, nghiên cứu viên, nhân viên thư viện trình Hội đồng Học viện; 2) Xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên của Học viện; 3) Xác định trọng tâm đào tạo, bồi dưỡng, xây dựng đề án mở ngành, chuyên ngành đào tạo, triển khai hoặc huỷ bỏ các chương trình đào tạo, bồi dưỡng; định hướng phát triển khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế, phân công thực hiện nhiệm vụ đào tạo, khoa học và công nghệ của Học viện; 4) Đánh giá công tác quản lý, hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, khoa học và công nghệ của các đơn vị trong Học viện **[H1.02.01.20]** **[H1.02.01.21]**. Hội đồng tư vấn gồm 14 thành viên có nhiệm vụ tư vấn cho Giám đốc Học viện về các lĩnh vực: công tác thi đua, khen thưởng, kỷ luật; về thực hiện các chế độ chính sách đối với viên chức, người lao động **[H1.02.01.22]**.

Các tổ chức Công đoàn, Đoàn thanh niên của Học viện được thành lập

theo quy định của pháp luật và theo điều lệ của tổ chức. Công đoàn Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là công đoàn cơ sở trực thuộc Công đoàn Cơ quan Trung ương Đoàn. Ban Chấp hành Công đoàn Học viện có 11 thành viên được bầu tại Đại hội Công đoàn Học viện lần thứ V, nhiệm kỳ 2017 - 2022, lần thứ VI, nhiệm kỳ 2023 - 2028 [H1.02.01.23], [H1.02.01.24]. Công đoàn Học viện hoạt động theo quy chế làm việc của Ban Chấp hành, phân công nhiệm vụ cho các thành viên Ban Chấp hành, xây dựng chương trình công tác cho từng năm [H1.02.01.25] [H1.02.01.26] [H1.02.01.27] [H1.02.01.28]. Trong quá trình hoạt động, Công đoàn Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thể hiện vai trò đại diện bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của đoàn viên và người lao động, tham gia xây dựng môi trường làm việc và phối hợp với Học viện trong việc thực hiện các nhiệm vụ chính trị chung. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là tổ chức Đoàn cấp cơ sở, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng uỷ, Ban Giám đốc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam và sự chỉ đạo của Ban Chấp hành Đoàn cơ quan Trung ương Đoàn; là lực lượng nòng cốt chính trị trong phong trào thanh niên của Khối cơ quan Trung ương Đoàn; có chức năng tham mưu, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, theo dõi hoạt động của các cơ sở Đoàn trực thuộc Đoàn Học viện; tổ chức thực hiện nhiệm vụ theo quy định của Điều lệ Đoàn [H1.02.01.29]. Đoàn Thanh niên Học viện đã tổ chức nhiều hoạt động, chương trình có ý nghĩa, phát huy tinh thần xung kích, sáng tạo đã tạo nên thương hiệu của sinh viên, đoàn viên, thanh niên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, góp phần vào sự phát triển của Học viện [H1.02.01.30] [H1.02.01.31]. Hệ thống 21 câu lạc bộ trực thuộc Đoàn thanh niên đã có những đóng góp quan trọng vào việc tạo lập môi trường đào tạo, hệ sinh thái chung đặc biệt trong các hoạt động đổi mới sáng tạo của Học viện [H1.02.01.32]. Ngay sau Đại hội, Ban Chấp hành Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện đã xây dựng và ban hành Quy chế làm việc của Ban Chấp hành, xây dựng chương trình công tác toàn khoá và kế hoạch công tác hàng năm [H1.02.01.33] [H1.02.01.34] [H1.02.01.35] [H1.02.01.36].

Vai trò và trách nhiệm giải trình của hệ thống quản trị được thể hiện rõ

trong Quy chế tổ chức hoạt động của Học viện TTNVN [H1.02.01.37]. Quy chế này phân định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của từng tổ chức, đơn vị, thể hiện trách nhiệm, cách thức giải quyết công việc, kế hoạch công tác, chế độ thông tin, báo cáo, tính minh bạch và trách nhiệm giải trình tính bền vững và giảm thiểu rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Học viện. Ngoài ra, chức năng, nhiệm vụ từng tổ chức trong hệ thống quản trị như Đảng ủy, Hội đồng Học viện, các tổ chức đoàn thể và sự phối hợp giữa các tổ chức trong hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong Quy chế làm việc của từng tổ chức như Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020 - 2025; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Công đoàn Học viện; Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đoàn Thanh niên Học viện khoá VI [H1.02.01.38] [H1.02.01.39] [H1.02.01.40] [H1.02.01.41]. Nhờ đó việc phối hợp và triển khai các hoạt động của Học viện bảo đảm thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện. Trách nhiệm giải trình, tính minh bạch, giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình hoạt động của hệ thống quản trị được thể hiện rõ trong công tác xây dựng kế hoạch hàng năm, công tác báo cáo, sơ kết, tổng kết và công tác kiểm tra, giám sát. Vào đầu năm học, Đảng ủy, Hội đồng Học viện, các tổ chức đoàn thể xây dựng chương trình công tác, kế hoạch hoạt động để triển khai thực hiện trong năm [H1.02.01.42] [H1.02.01.43] [H1.02.01.44] [H1.02.01.45], có sơ kết, tổng kết kết quả triển khai nhiệm vụ hàng quý, hàng năm [H1.02.01.46] [H1.02.01.47] [H1.02.01.48] [H1.02.01.49]. Trong quá trình hoạt động, Đảng ủy, Hội đồng Học viện và các tổ chức đoàn thể chủ động xây dựng kế hoạch và tổ chức các đoàn kiểm tra, giám sát thường xuyên theo chức năng, nhiệm vụ được quy định trong quy chế làm việc và quy chế tổ chức hoạt động của từng tổ chức [H1.02.01.50] [H1.02.01.51]. Ngoài ra, Đảng ủy, Hội đồng Học viện và các tổ chức đoàn thể đều chịu sự kiểm tra, giám sát của các cơ quan cấp trên có thẩm quyền.

Hệ thống văn bản của Đảng ủy, Hội đồng Học viện, các tổ chức đoàn thể

và các tổ chức tư vấn khác được gửi báo cáo các cơ quan cấp trên trực tiếp, các cơ quan, tổ chức, đơn vị có liên quan để biết và thực hiện. Hệ thống văn bản của Đảng uỷ, Hội đồng Học viện được quản lý tập trung tại bộ phận văn thư thuộc Phòng Tổ chức - Hành chính [H1.02.01.52]. Hệ thống văn bản của Công đoàn Học viện được quản lý tập trung tại Văn phòng Công đoàn Học viện [H1.02.01.53]. Hệ thống văn bản của Đoàn Thanh niên Học viện được quản lý tập trung tại Văn phòng Đoàn Thanh niên Học viện [H1.02.01.54].

Trong quá trình hoạt động, cơ cấu tổ chức của hệ thống quản trị Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được tổ chức và hoàn thiện theo hướng đáp ứng tốt hơn việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức và của Học viện, phù hợp với điều kiện thực tiễn và đáp ứng nhu cầu xã hội. Đảng uỷ, Hội đồng Học viện và các tổ chức đoàn thể có vị trí, vai trò riêng, hoạt động thống nhất trong hệ sinh thái chung của Học viện. Trong đó có phân định rõ chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của từng bộ phận đảm bảo trách nhiệm giải trình, tính bền vững, sự minh bạch và giảm thiểu các rủi ro tiềm tàng trong quá trình quản trị của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.2. Quyết định của các cơ quan quản trị được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, chính sách, hướng dẫn để triển khai thực hiện

Hệ thống quản trị Học viện luôn kịp thời đưa ra các quyết định và được chuyển tải thành các kế hoạch hành động, các văn bản thể chế, văn bản hướng dẫn để triển khai thực hiện.

Đảng uỷ Học viện giữ vai trò lãnh đạo toàn diện các hoạt động của Học viện, lãnh đạo thực hiện công tác chính trị tư tưởng, công tác tổ chức xây dựng Đảng, công tác kiểm tra, giám sát và lãnh đạo các tổ chức đoàn thể. Sau Đại hội Đảng bộ, Đảng uỷ ban hành chương trình hành động thực hiện nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện nhiệm kỳ 2020-2025 [H1.02.02.01]. Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội Đảng bộ Học viện, Đảng uỷ Học viện xây dựng và ban hành chương trình công tác toàn khoá và cho từng năm [H1.02.02.02] [H1.02.02.03]

[H1.02.02.04] [H1.02.02.05] [H1.02.02.06] [H1.02.02.07] [H1.02.02.08] [H1.02.02.09]. Hội đồng Học viện quyết nghị thông qua các nội dung quan trọng về các mặt công tác chuyên môn của Học viện [H1.02.02.10] [H1.02.02.11] [H1.02.02.12] [H1.02.02.13] [H1.02.02.14] [H1.02.02.15] [H1.02.02.16] [H1.02.02.17]. Căn cứ vào trọng tâm công tác của Học viện, vào đầu mỗi năm học, Học viện xây dựng kế hoạch, chương trình công tác trong năm học và chỉ đạo các đơn vị tập trung trong công tác xây dựng kế hoạch hoạt động của từng đơn vị [H1.02.02.18] [H1.02.02.19] [H1.02.02.20] [H1.02.02.21] [H1.02.02.22] [H1.02.02.23]. Học viện chỉ đạo các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ và phân công. Trong những năm qua, Học viện đã ban hành nhiều văn bản quan trọng như Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện; Quy chế làm việc của Hội đồng Học viện; Quy chế chi tiêu nội bộ; Tầm nhìn, sứ mạng và GTCL của Học viện TTNVN; Quy chế về đào tạo trình độ đại học; Quy chế về công tác cố vấn học tập, Quy định về chế độ làm việc đối với giảng viên... [H1.02.02.24] [H1.02.02.25] [H1.02.02.26] [H1.02.02.27] [H1.02.02.28]. Các quy định, quy chế đều được quán triệt, phổ biến tới tất cả cán bộ, viên chức và người lao động trong Học viện qua các buổi họp, Hội nghị của Học viện và hệ thống thông tin, truyền thông của Học viện để người lao động biết và thực hiện. Trên cơ sở nghị quyết của Hội đồng Học viện, Học viện đã tập trung thực hiện công tác tổ chức và nhân sự. Hội đồng Học viện đã thực hiện quy trình và đề nghị Trung ương Đoàn công nhận Giám đốc Học viện [H1.02.02.29], ban hành quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Học viện [H1.02.02.30] [H1.02.02.31]. Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo thực hiện việc rà soát, kiện toàn cơ cấu tổ chức bộ máy, đảm bảo hiệu quả hoạt động và quản lý rủi ro tốt hơn. Trong đó từ năm 2018 đến nay, Học viện đã tập trung chỉ đạo thực hiện kiện toàn, ổn định tổ chức, nhân sự trong toàn Học viện phù hợp với sự phát triển và thực tiễn hoạt động: Thành lập Hội đồng Khoa, cơ cấu lại các bộ môn thuộc Khoa [H1.02.02.32] [H1.02.02.33] [H1.02.02.34] [H1.02.02.35]. Chỉ đạo rà soát thành lập mới, tách và nhập một số đơn vị, điều chỉnh chức năng cho một số đơn vị

[H1.02.02.36] [H1.02.02.37] [H1.02.02.38] [H1.02.02.39] [H1.02.02.40] [H1.02.02.41]. Đây được xem là căn bản trong tổ chức bộ máy của Học viện để đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đổi mới căn bản giáo dục và đào tạo, trước mắt cũng như lâu dài cho sự phát triển của Học viện. Trên cơ sở Nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng Học viện, Học viện thực hiện quy trình bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm theo đúng quy định. Trong giai đoạn 2018-2023, Học viện đã bổ nhiệm lại và bổ nhiệm mới 09 chức danh quản lý ở các đơn vị nhằm đáp ứng nhu cầu công việc [H1.02.02.42] [H1.02.02.43] [H1.02.02.44] [H1.02.02.45] [H1.02.02.46] [H1.02.02.47] [H1.02.02.48] [H1.02.02.49] [H1.02.02.50].

Các hội đồng tư vấn của Học viện họp định kỳ theo quy định. Các cuộc họp đều được ghi biên bản để Giám đốc Học viện xem xét, quyết định. Các tổ chức đoàn thể có chương trình công tác theo nhiệm kỳ và ban hành các kế hoạch, chương trình để triển khai các hoạt động tới các công đoàn viên, đoàn viên, sinh viên trong toàn Học viện [H1.02.02.51] [H1.02.02.52] [H1.02.02.53] [H1.02.02.54] [H1.02.02.55] [H1.02.02.56]. Thực hiện Nghị quyết của Đảng ủy và Hội đồng Học viện, các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm của Ban Chấp hành Công đoàn đã đồng hành cùng Học viện tổ chức cho cán bộ viên chức thực hiện các phong trào thi đua và các cuộc vận động lớn góp phần hoàn thành thắng lợi các nhiệm vụ chính trị của Học viện; tổ chức tốt các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao thu hút đông đảo các đoàn viên tham gia: tổ chức các chương trình, các hoạt động chào mừng các ngày lễ lớn trong năm: Tết Trung thu, ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10, ngày Nhà giáo Việt Nam 20/11; ngày truyền thống Học viện... Công tác thiện nguyện, phục vụ cộng đồng được thực hiện tốt [H1.02.02.57] [H1.02.02.58] [H1.02.02.59]. Trong các chương trình, kế hoạch công tác hàng năm, Đoàn Thanh niên Học viện tăng cường triển khai công tác giáo dục chính trị tư tưởng; học tập, nghiên cứu khoa học; văn hóa - văn nghệ - thể dục thể thao; đồng hành cùng sinh viên lập thân, lập nghiệp; xây dựng môi trường văn hóa - văn minh; khởi nghiệp sáng tạo; tình nguyện, các hoạt động phục vụ cộng đồng... Học viện đặc biệt quan tâm

đến hỗ trợ hoạt động của các câu lạc bộ sinh viên, tạo lập môi trường sư phạm, rèn luyện thiết thực bổ ích cho sinh viên. Hoạt động các câu lạc bộ và phong trào sinh viên tiếp tục được đẩy mạnh, góp phần tạo nên phong cách và giá trị riêng của sinh viên Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H1.02.02.60] [H1.02.02.61] [H1.02.02.62].

Tóm lại, các quyết định của cơ quan quản trị đã được truyền tải vào kế hoạch hành động, chính sách và văn bản hướng dẫn để đảm bảo hiệu quả quản trị về mặt tổ chức cũng như các hoạt động giáo dục trong Học viện; duy trì hệ thống quản trị hoạt động hợp pháp, thực hiện trách nhiệm với cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.3. Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên.

Hệ thống quản trị của Học viện được tiến hành rà soát thường xuyên theo kế hoạch của Học viện, theo yêu cầu của Trung ương Đoàn và tình hình thực tiễn.

Căn cứ Quy chế làm việc của Đảng uỷ Học viện [H1.02.03.01], Đảng uỷ Học viện xây dựng kế hoạch kiểm tra, giám sát toàn khoá và từng năm [H1.02.03.02] [H1.02.03.03]. Đây cũng là dịp để Đảng uỷ Học viện và các đảng uỷ viên rà soát các mặt công tác đã triển khai thực hiện. Uỷ ban kiểm tra Đảng uỷ Học viện cũng đã ban hành quy chế làm việc của uỷ ban [H1.02.03.04].

Định kỳ hàng năm, các đơn vị trong Học viện thực hiện báo cáo tổng kết năm học. Đảng uỷ Học viện báo cáo tổng kết kết quả triển khai các mặt công tác của Đảng bộ, kiểm điểm, đánh giá đối với các tập thể và cá nhân và đánh giá đối với các đảng uỷ viên, từ đó có những điều chỉnh, phân công lại nhiệm vụ các đảng uỷ viên theo tiêu chí kiểm điểm, đánh giá đảng viên của Đảng uỷ Trung ương Đoàn [H1.02.03.05] [H1.02.03.06] [H1.02.03.07] [H1.02.03.08] [H1.02.03.09]. Báo cáo tổng kết năm học của các khoa, phòng, trung tâm được tổng hợp chung thành báo cáo tổng kết của Học viện, trong đó đều có đánh giá thành tựu, tồn tại, hạn chế và phương hướng khắc phục cho năm học tới

[H1.02.03.10] [H1.02.03.11] [H1.02.03.12]. Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Ban chấp hành Công đoàn Học viện [H1.02.03.13] [H1.02.03.14] [H1.02.03.15]. Báo cáo tổng kết hoạt động hàng năm của Đoàn TNCS HCM [H1.02.03.16] [H1.02.03.17] [H1.02.03.18]. Ngoài ra, kết quả rà soát được công bố qua các báo cáo tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm [H1.02.03.19] [H1.02.03.20] [H1.02.03.21].

Trong nhiệm kỳ, Đảng uỷ Học viện đã chỉ đạo rà soát, bổ sung quy hoạch nhân sự cấp uỷ các chi bộ, xây dựng Đề án bổ sung nhân sự Ban Chấp hành thay thế cho các đảng uỷ viên chuyên công tác.

Hàng năm, Học viện đều tiến hành sơ kết nhiệm vụ công tác 6 tháng đầu năm, triển khai các nhiệm vụ 6 tháng cuối năm và tiến hành tổng kết công tác năm vào cuối năm nhằm đánh giá việc thực hiện kế hoạch, các kết quả đã đạt được theo các chỉ tiêu đã đề ra trong kế hoạch, chương trình công tác năm [H1.02.03.22] [H1.02.03.23] [H1.02.03.24] [H1.02.03.25] [H1.02.03.26] [H1.02.03.27]. Hội nghị sơ kết, tổng kết được tổ chức với sự tham gia của đông đủ cán bộ, viên chức và người lao động Học viện. Thông qua Hội nghị, việc rà soát được thực hiện trên tất cả các mảng công tác của Học viện: đào tạo, bồi dưỡng, tuyển sinh, nghiên cứu khoa học, tổ chức hành chính, quản trị, tài chính, hợp tác quốc tế... Đối với những nhiệm vụ chưa hoàn thành được phân tích nguyên nhân, làm rõ trách nhiệm của các đơn vị có liên quan, từ đó Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo các đơn vị triển khai thực hiện [H1.02.03.28].

Cuối mỗi năm học, các tổ chức Đảng, Công đoàn, Đoàn TNCSHCM, Học viện đều tổ chức đánh giá kết quả công tác trong năm học cho các nhân sự trong đơn vị. Đảng uỷ tổ chức đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ năm học đối với các đảng viên [H1.02.03.29] [H1.02.03.30] [H1.02.03.31]. Công đoàn Học viện tổ chức cho các công đoàn viên chấm điểm, xếp loại thi đua công đoàn [H1.02.03.32] [H1.02.03.33] [H1.02.03.34]. Học viện tổ chức cho cán bộ, viên chức, người lao động đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm học [H1.02.03.35] [H1.02.03.36] [H1.02.03.37]. Trên cơ sở các chương trình, kế hoạch được xây dựng, rà soát, điều chỉnh, các văn bản quản lý được xây dựng

đồng bộ, các tổ chức đoàn thể đã thực hiện các nhiệm vụ một cách chủ động, sáng tạo và đã đạt nhiều kết quả được cấp trên đánh giá, ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng [H1.02.03.38] [H1.02.03.39] [H1.02.03.40] [H1.02.03.41].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 2.4: Hệ thống quản trị của cơ sở giáo dục được cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động của cơ sở giáo dục và quản lý rủi ro tốt hơn

Hệ thống quản trị của Học viện sau khi rà soát thì được xem xét tiến hành cải tiến để tăng hiệu quả hoạt động.

Về chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Học viện đã được rà soát nên có điều chỉnh, cải tiến. Cụ thể: Giai đoạn 2011 - 2017, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Học viện được Quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 1953/QĐ-TWĐTN ngày 21/3/2011 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn [H1.02.04.01]. Từ tháng 5/2017 đến tháng 15/8/2023, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Học viện được Quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Quyết định số 3260/QĐ-TWĐTN-BTC ngày 10/5/2017 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn [H1.02.04.02]. Từ 15/8/2023 đến nay, chức năng, nhiệm vụ, cơ cấu tổ chức của Học viện được Quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động ban hành kèm theo Nghị quyết số 20/NQ-HĐHV ngày 15/8/2023 của Hội đồng Học viện [H1.02.04.03]. Theo đó, Học viện đã chỉ đạo rà soát thành lập mới, tách và nhập một số đơn vị, điều chỉnh chức năng cho một số đơn vị [H1.02.04.04] [H1.02.04.05] [H1.02.04.06] [H1.02.04.07] [H1.02.04.08] [H1.02.04.09] [H1.02.04.10].

Cùng với việc điều chỉnh cơ cấu của hệ thống quản trị, đội ngũ cán bộ, viên chức quản lý cũng được điều chỉnh để phù hợp với thực tiễn quản lý [H1.02.04.11] [H1.02.04.12] [H1.02.04.13] [H1.02.04.14] [H1.02.04.15] [H1.02.04.16] [H1.02.04.17] [H1.02.04.18] [H1.02.04.19] [H1.02.04.20] [H1.02.04.21].

Hàng năm, căn cứ kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Trung ương Đoàn, Học viện đã chọn cử và giới thiệu nhân sự tham gia các khoá đào tạo, bồi dưỡng

khác nhau nhằm tạo điều kiện cho cán bộ, viên chức và người lao động học tập nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ [H1.02.04.22].

Hệ thống văn bản quản lý do được rà soát nên đã có những điều chỉnh, cải tiến. Kết quả là Quy chế tổ chức và hoạt động được ban hành năm 2011 và được điều chỉnh, thay thế vào năm 2017, được sửa đổi, bổ sung năm 2023; Quy chế chi tiêu nội bộ được sửa đổi hàng năm theo góp ý tại Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động Học viện từng năm [H1.02.04.23] [H1.02.04.24] [H1.02.04.25] [H1.02.04.26].

Các hội đồng tư vấn cho Giám đốc như Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng lương, Hội đồng thi đua khen thưởng cũng được rà soát, bổ sung, thay thế về chức năng, nhiệm vụ khi có các văn bản mới quy định của nhà nước và thay thế khi có nhân sự chuyên công tác hoặc nghỉ hưu nhằm đáp ứng tốt yêu cầu tư vấn cho Giám đốc Học viện trong từng mảng công tác [H1.02.04.27] [H1.02.04.28]. Hệ thống quản trị của Học viện thường xuyên được rà soát kịp thời, sửa đổi, bổ sung, cải tiến hạn chế được các rủi ro xảy ra.

Bên cạnh công tác điều chỉnh nhân sự qua các năm, Học viện còn có các chương trình tập huấn, bồi dưỡng nhân sự thông qua các thông báo, hội nghị tập huấn, công văn, quyết định cử cán bộ quản lý, cán bộ lãnh đạo tham gia các lớp bồi dưỡng, đào tạo về lý luận chính trị và chuyên môn. Học viện luôn tạo điều kiện để cán bộ, viên chức, người lao động tham gia các khoá học tập nâng cao trình độ sau đại học [H1.02.04.29].

Hiện nay, Học viện đã áp dụng hệ thống quản lý văn bản và điều hành bằng phần mềm CouldOffice. Các phòng chức năng cũng sử dụng những phần mềm chuyên môn để thực hiện nhiệm vụ của mình, như phần mềm đào tạo, phần mềm kế toán [H1.02.04.30] [H1.02.04.31] [H1.02.04.32].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 2:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Học viện có hệ thống quản trị được thiết lập rõ ràng, có Hội đồng Học viện, các tổ chức Đảng, đoàn thể, các hội đồng tư vấn... theo đúng quy

định của Luật Giáo dục Đại học.

- Học viện rà soát và điều chỉnh cơ cấu của hệ thống quản trị của Học viện phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của Học viện trong 05 năm qua.

- Hệ thống văn bản quản lý được theo dõi, đánh giá thường xuyên và cập nhật nhằm đáp ứng với tình hình thực tiễn.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Hội đồng Học viện thành lập muộn do một số nguyên nhân khách quan dẫn đến việc triển khai các định hướng phát triển muộn, công tác giám sát chưa được thực hiện thường xuyên trước năm 2020.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Ban Giám đốc Học viện tiếp tục quản lý, điều hành theo các kế hoạch đã phê duyệt từ cấp chiến lược đến hàng năm.	Ban Giám đốc Học viện	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Rà soát, đánh giá hệ thống văn bản quản lý và các quy chế, quy định được sử dụng tại Học viện	Phòng TC-HC chủ trì, các đơn vị chuyên môn triển khai	Từ năm 2024	
3	Khắc phục tồn tại	Nâng cao hiệu quả hoạt động giám sát của Hội đồng Học viện theo hướng hỗ trợ, cải tiến quy trình công việc	Hội đồng Học viện	Từ năm 2024	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 2	5
Tiêu chí 2.1	5
Tiêu chí 2.2	5
Tiêu chí 2.3	5
Tiêu chí 2.4	5

Tiêu chuẩn 3: Lãnh đạo và quản lý

Tiêu chí 3.1. Lãnh đạo cơ sở giáo dục thiết lập cơ cấu quản lý trong đó phân định rõ vai trò, trách nhiệm, quá trình ra quyết định, chế độ thông tin, báo cáo để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục.

Học viện TTNVN có cơ cấu tổ chức bộ máy rõ ràng theo đúng quy định của pháp luật. Cơ cấu tổ chức của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện [H1.03.01.01] [H1.03.01.02] [H1.03.01.03]. Cơ cấu tổ chức bộ máy Học viện hiện nay bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng học viện, Ban Giám đốc, 05 phòng chức năng, 05 khoa, 03 trung tâm, Viện Nghiên cứu Thanh niên, Tạp chí Thanh niên, Phân viện miền Nam [H1.03.01.04]. Từ thực tiễn thực hiện, cơ cấu tổ chức của Học viện có sự thay đổi, theo đó: Ngoài Ban Giám đốc, Học viện giữ nguyên 04 phòng chức năng, 02 trung tâm, Viện Nghiên cứu Thanh niên, Phân viện miền Nam, 02 khoa. Thành lập mới 02 trung tâm (Trung tâm Bồi dưỡng; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học), 03 khoa (Khoa Cơ bản trên cơ sở sát nhập 03 bộ môn; Khoa Công tác Thanh thiếu niên trên cơ sở sát nhập Khoa Công tác Thanh niên và Khoa Công tác Thiếu nhi, Khoa Luật trên cơ sở tách bộ môn Luật của Khoa Chính trị học) 01 phòng chức năng (Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục, bổ sung thêm 01 đơn vị trực thuộc là Tạp chí Thanh niên theo Quyết định của Ban Bí thư Trung ương Đoàn. Trong Quy chế có các quy định rõ ràng tạo cơ sở để thực hiện các nhiệm vụ chiến lược. Các đơn vị phòng, khoa, viện có cơ cấu quản lý rõ ràng, có chức năng nhiệm vụ cụ thể. Trách nhiệm và cách thức giải quyết công việc của Giám đốc, Phó Giám đốc, Trưởng đơn vị, Phó Trưởng đơn vị, của người lao động được quy định cụ thể. Mọi quan hệ công tác giữa Giám đốc, Phó Giám đốc và Hội đồng Học viện, giữa các Trưởng đơn vị, giữa các đơn vị cũng được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động nhằm tránh chồng chéo trong quá trình thực thi công việc cũng như đảm bảo thực hiện tính giải trình, minh bạch [H1.03.01.05].

Nhiệm vụ của các thành viên trong BGD được phân công rõ trong Thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc điều hành đối với từng mảng công tác cũng như phân công phụ trách đối với các đơn vị chức năng và khoa chuyên môn **[H1.03.01.06]**. Đội ngũ cán bộ quản lý được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại tuân theo tiêu chuẩn, quy trình bổ nhiệm được quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện và văn bản hướng dẫn của Trung ương Đoàn, bao gồm 5 bước: (1) đề xuất đề phê duyệt chủ trương, (2) lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị, (3) lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị cán bộ chủ chốt, (4) xin ý kiến Đảng ủy, Ban Giám đốc và (5) ra quyết định. Các viên chức được bổ nhiệm đều nằm trong diện được quy hoạch, là người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, có sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ **[H1.03.01.07] [H1.03.01.08] [H1.03.01.09] [H1.03.01.10] [H1.03.01.11] [H1.03.01.12] [H1.03.01.13] [H1.03.01.14] [H1.03.01.15]** các cán bộ được bổ nhiệm đều là người có trình độ chuyên môn, có phẩm chất đạo đức và tinh thần trách nhiệm, có sáng tạo trong thực hiện nhiệm vụ, có tiêu chí cho từng vị trí quản lý. Số lượng các vị trí quản lý được xác định cụ thể theo từng đơn vị, mỗi vị trí quản lý đều được mô tả công việc, xác định theo Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt **[H1.03.01.16]**. Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định bổ nhiệm đối với Chủ tịch Hội đồng Học viện, Giám đốc Học viện; Chủ tịch Hội đồng Học viện bổ nhiệm các Phó Giám đốc Học viện; Giám đốc quyết định bổ nhiệm đối với các chức vụ lãnh đạo còn lại gồm: Trưởng, Phó đơn vị (phòng, khoa, trung tâm, các đơn vị trực thuộc), Trưởng, Phó trưởng bộ môn, tổ thuộc khoa. Căn cứ quyền hạn theo thẩm quyền, Giám đốc Học viện đã ký ban hành các quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện để thực hiện **[H1.03.01.17] [H1.03.01.18] [H1.03.01.19] [H1.03.01.20] [H1.03.01.21] [H1.03.01.22] [H1.03.01.23] [H1.03.01.24] [H1.03.01.25] [H1.03.01.26]**. Việc bổ nhiệm đội ngũ lãnh đạo Học viện, trưởng phó các đơn vị trực thuộc, trưởng, phó các bộ môn thuộc các khoa góp phần kiện toàn đội ngũ lãnh đạo chủ chốt của Học viện và các đơn vị, góp phần thực hiện nhiệm vụ chính trị, các mục tiêu chiến lược

cũng như đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá của Học viện. Về chế độ thông tin, báo cáo của đội ngũ cán bộ quản lý được thực hiện theo quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động, thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc và tại các cuộc giao ban hàng tuần, hàng tháng và theo yêu cầu của các bên liên quan. Trưởng các đơn vị phải báo cáo lãnh đạo Học viện về tình hình công tác của đơn vị trong tháng đã qua và kế hoạch công tác tháng tiếp theo tại hội nghị giao ban tháng. Trường hợp cần thiết, trưởng các đơn vị phải báo cáo đột xuất theo yêu cầu của lãnh đạo Học viện. Từng tháng, Giám đốc Học viện ban hành kết luận cuộc họp giao ban tháng để triển khai công việc tới các đơn vị. Định kỳ 3 tháng 01 lần, Giám đốc Học viện báo cáo Chủ tịch Hội đồng Học viện, thường trực Hội đồng Học viện họp 01 lần/tháng về các vấn đề liên quan đến chiến lược, các vấn đề phát sinh cần giải quyết. Học viện duy trì thường xuyên chế độ họp giao ban cán bộ quản lý hàng tuần, hàng tháng, giao ban công tác chuyên môn định kỳ [H1.03.01.27]. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Học viện có những hình thức biểu dương, khen thưởng các tập thể, cá nhân trong thực hiện nhiệm vụ hàng quý, hàng năm [H1.03.01.28].

Đối với kế hoạch chi tiết thực hiện chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045 được trao đổi và thống nhất tại các cuộc họp cán bộ chủ chốt của Học viện, được phê duyệt và ban hành triển khai thực hiện thông qua nghị quyết của Hội đồng Học viện và kết luận của các cuộc họp Ban Giám đốc Học viện [H1.03.01.29]. Học viện cũng đã ban hành kế hoạch chiến lược [H1.03.01.30]. Đây chính là những hoạt động góp phần tạo nên những giá trị cốt lõi của Học viện. Như vậy, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thiết lập cơ cấu quản lý được phân định rõ vai trò, trách nhiệm, chế độ thông tin, báo cáo để tổ chức triển khai nhiệm vụ đảm bảo các mục tiêu chiến lược, sứ mạng, tầm nhìn của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.2. Lãnh đạo cơ sở giáo dục tham gia vào việc thông tin, kết nối các bên liên quan để định hướng tầm nhìn, sứ mạng, văn hoá và các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Ngay sau khi sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu phát triển chiến lược của Học viện được ban hành, Ban Giám đốc Học viện đã tham gia kết nối, tuyên truyền, định hướng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu phát triển. Cụ thể, Ban Giám đốc Học viện đã ban hành Kế hoạch đến các đơn vị thuộc và trực thuộc để tuyên truyền đến toàn thể đội ngũ cán bộ, viên chức, người lao động và học viên, sinh viên trong toàn Học viện [H1.03.02.01]. Đối với viên chức, người lao động được Trưởng các đơn vị phổ biến tại cuộc họp của đơn vị; đối với học viên, sinh viên tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa của Học viện được triển khai thông qua các sự kiện, buổi lễ kỷ niệm các ngày lễ lớn của đất nước, của Trung ương Đoàn và của Học viện; kế hoạch khai giảng năm học mới hay thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khóa cho tân sinh viên [H1.03.02.02] [H1.03.02.03] [H1.03.02.04].

Tầm nhìn, sứ mạng còn được phổ biến rộng rãi cho toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động; các sinh viên, học viên, các cựu sinh viên, các cơ quan, đơn vị có công tác với Học viện thông qua đăng trên website và trên các ấn phẩm truyền thông của Học viện tại địa chỉ <http://vya.edu.vn> [H1.03.02.05]; niêm yết công khai tại các bảng biểu, khẩu hiệu trong khuôn viên Học viện [H1.03.02.06]; Thông qua Tạp chí Thanh niên [H1.03.02.07]. Các nội dung này được chuyên hoá vào từng hoạt động cụ thể trong kế hoạch hàng tháng, hàng năm do đó Lãnh đạo Học viện cũng như khoa, phòng, trung tâm đều hiểu rõ để truyền tải đến các bên liên quan [H1.03.02.08] [H1.03.02.09].

Ngoài ra, trong các cuộc họp, hội nghị tổng kết, hội thảo của Học viện, Lãnh đạo Học viện cũng lồng ghép các nội dung về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược đến các thành viên tham dự. Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược còn được Lãnh đạo Học viện thông tin đến các sinh viên, cựu sinh viên trong các buổi đối thoại, các ngày lễ kỷ niệm 26/3, 20/11, ngày truyền thống Học viện và khai giảng năm học mới lễ khai giảng...[H1.03.02.10].

Qua việc thông tin, kết nối các bên liên quan, sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược phát triển Học viện được lan tỏa không chỉ

đối với cán bộ, viên chức, người lao động, học viên, sinh viên trong Học viện mà còn đối với các cựu sinh viên, người thân và các đối tác, cơ quan, đơn vị có công tác với Học viện.

Thông qua các hình thức tuyên truyền, phổ biến như vậy, Lãnh đạo Học viện cùng toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động, học viên, sinh viên đều rõ về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược để từ đó lan toả đến các cơ quan, đơn vị mà các cựu sinh viên đang công tác, phụ huynh sinh viên và các tầng lớp khác trong xã hội. Từ đó giúp các bên liên quan hiểu rõ hơn về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và các mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.3. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được rà soát thường xuyên

Trong giai đoạn 2018 đến nay, cơ cấu lãnh đạo và quản lý được lãnh đạo Học viện tiến hành rà soát thường xuyên nhằm đáp ứng được yêu cầu quản lý, điều hành trong quá trình phát triển. Học viện đã thành lập Hội đồng Học viện theo quy định tại Luật Giáo dục đại học sửa đổi năm 2018 [H1.03.03.01]. Đối với Ban Giám đốc Học viện, trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện đã thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Giám đốc Học viện, bổ nhiệm lại 01 Phó Giám đốc và bổ nhiệm mới 02 Phó Giám đốc [H1.03.03.02] [H1.03.03.03] [H1.03.03.04] [H1.03.03.05]. Trong quá trình làm việc, việc phân công nhiệm vụ trong BGD được rà soát và thay đổi cho phù hợp với thực tiễn [H1.03.03.06] [H1.03.03.07] [H1.03.03.08]. Việc rà soát cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Học viện được thực hiện thường xuyên, thực hiện việc điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trong Học viện để phù hợp với thực tiễn triển khai thực hiện nhiệm vụ. Từ năm 2017 đến nay, Học viện đã cơ cấu lại một số đơn vị phù hợp với vận hành và quản lý như: thành lập Khoa Cơ bản trên cơ sở sáp nhập các tổ bộ môn tin học, ngoại ngữ, văn hoá và giáo dục thể chất; thành lập các tổ bộ môn thuộc Khoa Công tác xã hội, thành lập Khoa Công tác Thanh thiếu niên trên cơ sở sáp nhập Khoa Công tác thành niên và Khoa Công tác Thiếu nhi; thành lập các

tổ bộ môn thuộc Khoa Công tác Thanh thiếu niên; thành lập các phòng chức năng thuộc Tạp chí Thanh niên [H1.03.03.09] [H1.03.03.10] [H1.03.03.11] [H1.03.03.12] [H1.03.03.13]. Phòng Tổ chức - Hành chính thường xuyên tiến hành rà soát viên chức quản lý sắp hết tuổi quản lý để tiến hành thủ tục bộ nhiệm mới; quy trình đánh giá được thực hiện công khai, minh bạch [H1.03.03.14] [H1.03.03.15] [H1.03.03.16].

Để cụ thể hóa các quy định của Nhà nước, của Trung ương Đoàn về tổ chức bộ máy, Học viện đã xây dựng và ban hành các văn bản nhằm hoàn thiện hệ thống cơ cấu lãnh đạo quản lý như: Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Thanh niên, Tạp chí Thanh niên, Phân viện miền Nam; Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học; Quy định chức năng, nhiệm vụ các đơn vị thuộc Học viện gồm: Các khoa thuộc Học viện; Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Phòng Tổ chức - Hành chính, Trung tâm Thông tin - Thư viện, Phòng Quản trị, Phòng Kế hoạch - Tài vụ... Học viện thường xuyên có sự rà soát các quy chế, quy định. Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị đầu mối được Ban Giám đốc Học viện giao nhiệm vụ tiếp nhận các thông tin góp ý của các đơn vị, trên cơ sở đó rà soát văn bản, tiến hành rà soát toàn bộ các quy chế, quy định của Học viện và đề xuất các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả quản lý, vận hành Học viện [H1.03.03.17]. Dự thảo các văn bản, quy chế, quy định của Học viện đều được gửi đến các đơn vị để các đơn vị góp ý hoàn thiện trước khi trình Ban Giám đốc phê duyệt ban hành triển khai thực hiện [H1.03.03.18] [H1.03.03.19] [H1.03.03.20] [H1.03.03.21] [H1.03.03.22] [H1.03.03.23] [H1.03.03.24] [H1.03.03.25] [H1.03.03.26] [H1.03.03.27] [H1.03.03.28]. Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện được ban hành phù hợp với thực tiễn và chiến lược phát triển của Học viện [H1.03.03.29].

Nhằm đánh giá về kết quả trong triển khai nhiệm vụ của từng vị trí lãnh đạo, hàng năm Học viện triển khai công tác đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị các người lao động theo quy định của Nhà nước, của Trung ương Đoàn và Học viện [H1.03.03.30]. Đặc biệt, Lãnh đạo Học viện gồm: Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc và các Phó Giám đốc Học viện phải đánh giá kết quả

công tác và kết quả nêu gương hàng quý [H1.03.03.31]. Đối với các vị trí lãnh đạo quản lý, việc đánh giá, xếp loại phải dựa trên kết quả hoạt động của đơn vị được giao quản lý, phụ trách, có tiêu chí rõ ràng, các tiêu chí đánh giá, kế hoạch đánh giá và kết quả đánh giá được công bố công khai và được thể hiện rõ trên mẫu phiếu đánh giá [H1.03.03.32]. Kết quả đánh giá là cơ sở quan trọng để bố trí, sử dụng, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, đào tạo, bồi dưỡng, khen thưởng, kỷ luật và thực hiện các chế độ chính sách khác [H1.03.03.33] [H1.03.03.34] [H1.03.03.35]. Đội ngũ lãnh đạo, quản lý của Học viện luôn thực hiện đúng các quy định của Nhà nước, hướng dẫn của Trung ương Đoàn về công khai, minh bạch tài sản thu nhập. Việc công khai được thực hiện dưới hình thức các cuộc họp, bản kê khai của các cá nhân được thu nộp, quản lý theo quy định [H1.03.03.36] [H1.03.03.37] [H1.03.03.38].

Sau khi có kết quả đánh giá, phân loại cán bộ, viên chức và người lao động, Học viện thực hiện việc xếp loại thi đua hàng năm. Việc xếp loại thi đua được thực hiện vào cuối năm công tác và do Hội đồng tư vấn Học viện về thi đua, khen thưởng xem xét. Căn cứ biên bản cuộc họp bình xét thi đua cuối năm, Học viện trình Ban Bí thư Trung ương Đoàn xem xét các danh hiệu thi đua đối với lãnh đạo Học viện, Giám đốc Học viện sẽ công nhận các danh hiệu thi đua đối với cán bộ, viên chức và người lao động các đơn vị theo thẩm quyền [H1.03.03.39] [H1.03.03.40].

Nhằm đảm bảo đội ngũ cán bộ luôn có tính kế thừa, tạo động lực cho sự phân đầu góp phần thực hiện mục tiêu chiến lược, việc quy hoạch cán bộ quản lý của Học viện được tiến hành định kỳ, thường xuyên hàng năm: có kế hoạch triển khai/rà soát quy hoạch hàng năm, hướng dẫn về công tác rà soát quy hoạch cán bộ quản lý của Học viện, có quy định điều kiện tiêu chuẩn quy hoạch các chức danh từ Ban Giám đốc Học viện đến các vị trí lãnh đạo các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện. Theo hướng dẫn, các đơn vị trực thuộc đề xuất các nhân sự đáp ứng các tiêu chuẩn theo quy định vào danh sách quy hoạch với từng vị trí quản lý, chuyển Phòng Tổ chức - Hành chính để tổng hợp và tiến hành đề xuất danh sách nhân sự được quy hoạch dựa trên trình độ chuyên môn, năng

lực công tác, phẩm chất đạo đức trình các cấp có thẩm quyền phê duyệt. Trong đó, Ban Bí thư Trung ương Đoàn phê duyệt kết quả quy hoạch lãnh đạo Học viện (đối với các chức danh: Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc và các Phó Giám đốc Học viện), Ban Giám đốc Học viện quyết định phê duyệt quy hoạch lãnh đạo các khoa, phòng, trung tâm, bộ môn [H1.03.03.41] [H1.03.03.42] [H1.03.03.43] [H1.03.03.44]. Đội ngũ cán bộ quản lý của Học viện được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, luân chuyển đều là những cá nhân có trình độ và phẩm chất đạo đức, tinh thần trách nhiệm, có kinh nghiệm điều hành và có ý chí vươn lên, sáng tạo trong tổ chức thực hiện nhiệm vụ [H1.03.03.45] [H1.03.03.46] [H1.03.03.47] [H1.03.03.48] [H1.03.03.49] [H1.03.03.50] [H1.03.03.51] [H1.03.03.52] [H1.03.03.53] [H1.03.03.54] [H1.03.03.55] [H1.03.03.56] [H1.03.03.57]. Từ các hoạt động rà soát nói trên, cơ cấu lãnh đạo và quản lý của Học viện ngày càng hợp lý, chất lượng đội ngũ cán bộ quản ngày càng được nâng cao về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất đạo đức. Tuy nhiên, một số đơn vị chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng về đội ngũ lãnh đạo kế thừa nên Ban Giám đốc Học viện vẫn phải đang kiêm nhiệm một số vị trí lãnh đạo khoa, phòng [H1.03.03.58] [H1.03.03.59] [H1.03.03.60] [H1.03.03.61] [H1.03.03.62] [H1.03.03.63].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 3.4. Cơ cấu lãnh đạo và quản lý của cơ sở giáo dục được cải tiến nhằm tăng hiệu quả quản lý và đạt được hiệu quả công việc của cơ sở giáo dục như mong muốn

Đội ngũ cán bộ, viên chức lãnh đạo, quản lý của Học viện là những người điều hành, giữ vị trí quan trọng trong tổ chức bộ máy của Học viện. Đội ngũ này đóng vai trò quyết định trong việc đảm bảo thực hiện thành công chính sách giáo dục và nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo của Học viện. Vì vậy, cải tiến đội ngũ cán bộ, viên chức lãnh đạo, quản lý là hoạt động không thể thiếu và được thực hiện rà soát thường xuyên.

Quy chế tổ chức và hoạt động quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện do BCH Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí

Minh ban hành lần đầu vào năm 2011, lần thứ hai vào năm 2017 và được sửa đổi, bổ sung lần ba vào năm 2023 [H1.03.04.01] [H1.03.04.02] [H1.03.04.03]; Tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện được ban hành vào năm 2017 đã có sự cải tiến đổi mới, theo đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Học viện.

Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện, đối với các đơn vị trong Học viện, từ năm 2017 đến năm 2023, BGD đã tổ chức rà soát để liên tục cải tiến đảm bảo cơ cấu quản lý tinh gọn, hiệu quả, chuyên nghiệp và đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển Học viện: sáp nhập 03 bộ môn trực thuộc Học viện thành lập mới Khoa Cơ bản [H1.03.04.04]; sáp nhập Khoa Công tác Thanh niên và Khoa Công tác Thiếu nhi thành Khoa Công tác Thanh thiếu niên [H1.03.04.05]; tách bộ phận bồi dưỡng thuộc Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên để thành lập mới Trung tâm Bồi dưỡng thuộc Học viện [H1.03.04.06]; thành lập mới Khoa Luật trên cơ sở tách bộ môn Luật thuộc Khoa Chính trị học [H1.03.04.07]; thành lập Phòng Thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục [H1.03.04.08].

Giai đoạn 2017-2023. Học viện đã rà soát và ban hành hệ thống các văn bản, nhiều quy định của Học viện đã ban hành mới, tăng cường hiệu quả quản lý: Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện; Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Học viện; Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế đào tạo trình độ đại học của Học viện; Quy định về công tác cố vấn học tập; Quy định về chế độ làm việc của giảng viên... [H1.03.04.09] [H1.03.04.10] [H1.03.04.11] [H1.03.04.12] [H1.03.04.13]. Các quy chế, quy định của Học viện trước khi ban hành đều được gửi đi lấy ý kiến góp ý của các đơn vị chuyên môn. Bên cạnh đó, Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị đầu mối được Ban Giám đốc Học viện giao nhiệm vụ tiếp thu các ý kiến của các bên liên quan để tổng hợp trình Ban Giám đốc Học viện điều chỉnh, bổ sung hoàn thiện các văn bản quy định của Học viện.

Việc cải tiến cơ cấu lãnh đạo và quản lý được tiến hành thường xuyên, trên cơ sở đảm bảo tuân thủ các quy định của nhà nước, của Trung ương Đoàn

[H1.03.04.14]. Căn cứ vào kết quả đánh giá, kết quả quy hoạch và tình hình đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý thực tế để lựa chọn những người đáp ứng được các điều kiện để bồi dưỡng họ phát triển và đưa ra những người không còn đủ điều kiện. Ban Giám đốc Học viện đã chỉ đạo các đơn vị rà soát quy hoạch đối với Trưởng, Phó các đơn vị; trưởng phó các bộ môn thuộc khoa. Việc triển khai công tác rà soát quy hoạch được thực hiện từ đơn vị sau đó gửi về Phòng Tổ chức – Hành chính tổng hợp, báo cáo Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện xem xét, phê duyệt. Đối với các chức danh lãnh đạo Học viện, Trung ương Đoàn sẽ tiến hành rà soát quy hoạch định kỳ theo thẩm quyền **[H1.03.04.15]** **[H1.03.04.16].**

Việc đánh giá hiệu quả lãnh đạo quản lý cán bộ quản lý và hiệu quả công việc của các đơn vị được thực hiện hàng năm. Cụ thể, mỗi đơn vị sẽ có kế hoạch hoạt động năm học dựa trên kế hoạch năm học của Học viện; các kế hoạch này có chỉ tiêu công việc hàng năm của đơn vị và được thực hiện sơ kết cuối kỳ và tổng kết cuối năm. Kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động hàng năm được sử dụng làm cơ sở đánh giá cán bộ quản lý **[H1.03.04.17]** **[H1.03.04.18]**. Căn cứ theo hướng dẫn của Ban Bí thư Trung ương Đoàn và kết quả đánh giá hàng năm, Học viện thực hiện bổ nhiệm, bổ nhiệm lại và luân chuyển cán bộ quản lý **[H1.03.04.19]** **[H1.03.04.20]** **[H1.03.04.21]** **[H1.03.04.22]**. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện có 08 viên chức, viên chức quản lý chuyên môn công tác, chấm dứt hợp đồng làm việc **[H1.03.04.23]** **[H1.03.04.24]** **[H1.03.04.25]** **[H1.03.04.26]** **[H1.03.04.27]** **[H1.03.04.28]** **[H1.03.04.29]** **[H1.03.04.30]** **[H1.03.04.31]**. Thực hiện quy trình bổ nhiệm lại Giám đốc Học viện, bổ nhiệm mới 02 Phó Giám đốc và 06 cán bộ quản lý từ cấp phó trưởng khoa trở lên được bổ nhiệm, bổ nhiệm lại **[H1.03.04.32]** **[H1.03.04.33]** **[H1.03.04.34]** **[H1.03.04.35]** **[H1.03.04.36]** **[H1.03.04.37]** **[H1.03.04.38]** **[H1.03.04.39]**. Thực hiện luân chuyển, điều động viên chức nhằm đáp ứng sở trường, chuyên môn của các viên chức và thực hiện 02 đợt tuyển dụng viên chức vào năm 2017 và 2019 để bổ sung, kiện toàn nhân sự thực hiện nhiệm vụ chuyên môn tại các đơn vị **[H1.03.04.40]** **[H1.03.04.41]** **[H1.03.04.42]**, **[H1.03.04.43]**.

Và thực hiện miễn nhiệm, không bổ nhiệm lại đối với viên chức không đủ điều kiện theo quy định [H1.03.04.44].

Công tác rà soát, cải tiến các quy định, quy chế của Học viện, cơ cấu tổ chức, chức năng của các đơn vị thuộc Học viện, công tác quy hoạch, đánh giá, bổ nhiệm của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong thời gian qua đã giúp Học viện có cơ cấu tổ chức hợp lý, công tác quản lý điều hành có hiệu quả cao, góp phần cho những thành tựu và những thành tích vượt bậc của Học viện trong giai đoạn vừa qua.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 3:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có cơ cấu lãnh đạo, quản lý hoàn thiện theo quy định của pháp luật và đáp ứng tốt yêu cầu công tác của Học viện, đã thành lập và hoàn thiện Hội đồng Học viện, đáp ứng hoạt động tổ chức quản lý của Học viện.

Học viện đã ban hành đầy đủ các quy định, quy chế phục vụ cho công tác lãnh đạo, quản lý. Các văn bản, quy định, quy chế được rà soát, điều chỉnh, bổ sung, hoàn thiện thường xuyên phục vụ hiệu quả cho công tác lãnh đạo, quản lý của Học viện.

Công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ lãnh đạo quản lý các cấp của Học viện được thực hiện định kỳ theo năm, theo nhiệm kỳ, công tác quy hoạch được thực hiện đúng quy định, đáp ứng tốt yêu cầu công tác quản lý, điều hành Học viện và các đơn vị.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

Một số đơn vị chưa có sự chuẩn bị sẵn sàng về đội ngũ lãnh đạo kế thừa.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện cơ cấu lãnh đạo, quản lý đảm bảo đáp ứng tầm nhìn, sứ mạng, GTCL và mục tiêu chiến lược phát triển Học viện	Hội đồng HV, Ban Giám đốc Học viện	Thường xuyên	
2	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên cập nhật, rà soát, điều chỉnh, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật, các quy chế, quy định để đạt được tầm nhìn, sứ mạng, văn hóa và các mục tiêu chiến lược của Học viện	Ban Giám đốc Học viện, Phòng Tổ chức – Hành chính	Thường xuyên	
3	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục duy trì, thực hiện công tác rà soát, đánh giá đội ngũ cán bộ cán bộ quản lý các cấp định kỳ theo năm, theo nhiệm kỳ đáp ứng mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện.	Ban Giám đốc Học viện, Phòng Tổ chức – Hành chính	Thường xuyên	
4	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng kế hoạch tuyển dụng mới cũng như bồi dưỡng nhân sự tiềm năng vào vị trí đội ngũ lãnh đạo kế thừa.	Ban Giám đốc Học viện, Phòng Tổ chức – Hành chính	Từ năm 2023	

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 3	5
Tiêu chí 3.1	5
Tiêu chí 3.2	5
Tiêu chí 3.3	5
Tiêu chí 3.4	5

Tiêu chuẩn 4: Quản trị chiến lược

Tiêu chí 4.1. Thực hiện việc lập kế hoạch chiến lược nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mạng và văn hoá cũng như các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam căn cứ vào chức năng nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của đơn vị để xây dựng chiến lược phát triển Học viện theo giai đoạn cụ thể đáp ứng tầm nhìn, sứ mệnh của Học viện. Việc triển khai xây dựng quản trị chiến lược là yêu cầu tất yếu đối với cơ sở giáo dục nói chung và đối với Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nói riêng. Xác định rõ công tác xây dựng quản trị chiến lược là kim chỉ nam để đạt được những mục tiêu quan trọng được xem là nhiệm vụ cốt lõi trọng tâm. Quản trị chiến lược của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xác định, phân chia thành 3 giai đoạn và có mối liên hệ chặt chẽ với nhau: Xây dựng chiến lược; thực thi chiến lược; kiểm soát và đánh giá chiến lược. Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng dựa trên các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về giáo dục đào tạo, công tác Thanh thiếu nhi và chiến lược phát triển thanh niên Việt Nam; các xu thế phát triển giáo dục đại học trên thế giới; chức năng nhiệm vụ, năng lực và thế mạnh nhằm xây dựng, phát triển Học viện thành cơ sở đào tạo, bồi dưỡng và nghiên cứu khoa học có uy tín trong xã hội. Xây dựng chiến lược nhằm định hướng cho Học viện phát triển mạnh mẽ, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học, đáp ứng yêu cầu của thực tiễn.

Để xây dựng Chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021- 2025 tầm nhìn 2030, năm 2020, Học viện thành lập tổ công tác xây dựng Chiến lược phát triển Học viện [H1.04.01.01]. Nhằm đáp ứng với mục tiêu chiến lược và thực tiễn phát triển của Học viện, Lãnh đạo Học viện đã quyết định thay đổi từ giai đoạn 2021 - 2025 sang đến năm 2030, tầm nhìn 2045 trong xây dựng dự thảo chiến lược [H1.04.01.02]. Tổ công tác xây dựng Chiến lược phát triển Học viện đã Dự thảo Chiến lược phát triển và đưa ra tổ chức Hội thảo để tham khảo, tiếp thu các ý kiến của các đại biểu, nhà khoa học, chuyên gia tham dự để bổ sung,

hoàn thiện Chiến lược [H1.04.01.03]. Sau khi chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện bản dự thảo chiến lược theo ý kiến góp ý của các bên liên quan, dự thảo Chiến lược phát triển Học viện được gửi Ban Tổ chức Trung ương Đoàn, Ban Bí thư Trung ương Đoàn xem xét, cho ý kiến để ban hành [H1.04.01.04]. Kế hoạch chiến lược phát triển của Học viện đã bao quát tất cả các lĩnh vực về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, nguồn nhân lực, cơ sở vật chất, tài chính.

Kế hoạch Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045 được xây dựng và ban hành theo Nghị quyết số 21/NQ-HĐHV ngày 15/08/2023 của Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam và chính thức được ban hành triển khai thực hiện [H1.04.01.05]. Hệ thống xây dựng và triển khai chiến lược của Học viện tập trung vào bốn thuộc tính quan trọng sau: 1) Tính toàn diện; 2) Kết nối; 3) Liên tục cải tiến; 4) Có định hướng đến kết quả. Các mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện nhằm đạt được tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi là phát triển Học viện theo định hướng ứng dụng nghiên cứu khoa học, đào tạo để đạt được các mục tiêu như: Số lượng đề tài nghiên cứu khoa học của viên chức, người lao động và sinh viên trong Học viện được ứng dụng vào thực tiễn; các ngành đào tạo với phương châm lấy thực tiễn để đạo tạo đạt chuẩn về chất lượng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực cho xã hội, các hoạt động khoa học công nghệ được kết nối phục vụ cộng đồng. Các chỉ tiêu về nguồn thu tài chính đảm bảo việc thu chi để thực hiện kế hoạch chiến lược, phát triển đội ngũ viên chức, người lao động chất lượng cao, có đủ trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm, cơ sở vật chất khang trang đầy đủ trang thiết bị đáp ứng nhu cầu đào tạo của Học viện. Như vậy, Kế hoạch Chiến lược phát triển được Học viện được xây dựng, ban hành phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi cũng như các mục tiêu chiến lược đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.2. Kế hoạch chiến lược được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

Kế hoạch chiến lược của Học viện được cụ thể hoá thành các kế hoạch ngắn hạn (hàng năm) và kế hoạch trung hạn (2 năm và 3 năm) với các chỉ số đo lường cụ thể [H1.04.02.01] [H1.04.02.02] [H1.04.02.03] [H1.04.02.04] [H1.04.02.05] [H1.04.02.06] [H1.04.02.07]. Các kế hoạch về công tác tuyển sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, các kế hoạch về chuyên ngành đào tạo, công tác đào tạo bồi dưỡng, các kế hoạch mở ngành đào tạo được thực hiện theo đúng lộ trình đảm bảo các chỉ tiêu đề ra của Học viện. Kế hoạch phát triển hoạt động nghiên cứu khoa học được chú trọng với số lượng các công bố khoa học và các đề tài nghiên cứu khoa học ngày càng tăng và có tính áp dụng thực tiễn cao [H1.04.02.08] [H1.04.02.09] [H1.04.02.10]. Các chương trình phục vụ cộng đồng được bắt đầu từ hoạt động thiện nguyện, tình nguyện là thế mạnh của Học viện đến nay đã đi vào chiều sâu, tập trung chuyên môn vào mục tiêu phát triển bền vững và triển khai các dự án vì cộng đồng [H1.04.02.11] [H1.04.02.12] [H1.04.02.13]. Cơ sở vật chất của Học viện được đầu tư, nâng cấp, xây dựng, trang thiết bị dạy học được đầu tư, cải tạo sửa chữa theo từng giai đoạn cụ thể đáp ứng nhu cầu giảng dạy và nghiên cứu khoa học [H1.04.02.14] [H1.04.02.15]. Tất cả các hoạt động đều được triển khai theo kế hoạch và hướng đến đạt được mục tiêu chiến lược của Học viện.

Các văn bản về Chiến lược phát triển của Học viện, Kế hoạch năm học/kế hoạch hành động của các giai đoạn đều được gửi đến các đơn vị để triển khai thực hiện qua nhiều hình thức như: trang thông tin điện tử, email, văn bản giao nhận tại đơn vị và được triển khai trực tiếp tại các cuộc họp giao ban [H1.04.02.16] [H1.04.02.17]. Đầu năm học, các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác năm học của từng lĩnh vực như: công tác đào tạo, công tác sinh viên, công tác khảo thí, công tác đảm bảo chất lượng giáo dục, công tác thi đua khen thưởng... các kế hoạch của các đơn vị được tổng hợp thành kế hoạch công tác năm học của Học viện được Giám đốc Học viện phê duyệt bao gồm các chỉ số KPIs cụ thể đối với từng lĩnh vực cụ thể. Trên cơ sở kế hoạch được phê duyệt, Giám đốc triển khai xây dựng phân công nhiệm vụ thông qua phiên họp giao ban thống nhất giữa các đơn vị. Bằng cách đó mỗi lãnh đạo đơn vị đều hiểu rõ

lý do cần triển khai các nhiệm vụ theo các chỉ số KPIs cụ thể của đơn vị mình và mỗi cá nhân trong đơn vị cũng hiểu rõ nhiệm vụ cần hoàn thành để đơn vị và toàn Học viện có thể đạt được Kế hoạch năm học đã xây dựng [H1.04.02.18] [H1.04.02.19]. Các nhiệm vụ này thường xuyên được rà soát, nhắc nhở và sơ kết tại các cuộc họp giao ban hàng tháng giữa Ban Giám đốc và lãnh đạo các đơn vị [H1.04.02.20] [H1.04.02.21] [H1.04.02.22] [H1.04.02.23] [H1.04.02.24] [H1.04.02.25] [H1.04.02.26] [H1.04.02.27] [H1.04.02.28] [H1.04.02.29] [H1.04.02.30] [H1.04.02.31].

Việc triển khai thực hiện các hoạt động của đơn vị được báo cáo tại Hội nghị sơ kết công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ công tác 6 tháng cuối năm diễn ra vào giữa năm học. Thành phần hội nghị bao gồm toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động trong Học viện. Hội nghị tiến hành đánh giá kết quả công tác 6 tháng đầu năm, triển khai nhiệm vụ 6 tháng cuối năm. Qua hội nghị, lãnh đạo Học viện sẽ giải đáp các ý kiến góp ý, kiến nghị của các đại biểu tham dự [H1.04.02.32].

Vào cuối năm học, Học viện tổ chức Hội nghị tổng kết công tác năm, triển khai nhiệm vụ công tác năm tiếp theo. Học viện giao Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo tổng kết của các đơn vị thành báo cáo tổng kết của Học viện, hoàn thiện và xin ý kiến của lãnh đạo các đơn vị trước khi báo cáo trước Hội nghị tổng kết. Toàn thể cán bộ, viên chức, người lao động được đóng góp ý kiến, kiến nghị vào các văn bản báo cáo tổng kết. Phòng Tổ chức - Hành chính có trách nhiệm tiếp thu, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện báo cáo để gửi các đơn vị được biết và thực hiện [H1.04.02.33] [H1.04.02.34]. Tại Hội nghị tổng kết công tác năm học, Hội nghị cán bộ công chức, viên chức KPIs được rà soát và đánh giá về kết quả đạt được, chưa đạt được và giải trình lý do cụ thể, nhờ đó việc triển khai thực hiện các kế hoạch dài hạn và ngắn hạn của các đơn vị luôn được hoàn thành và không ngừng được cải tiến [H1.04.02.35] [H1.04.02.36].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 5/7

Tiêu chí 4.3. Các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phần đầu chính được thiết lập để đo lường mức độ thực hiện các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Trong Chiến lược phát triển Học viện và đặc biệt trong Kế hoạch năm học của Học viện, kế hoạch năm học của các đơn vị, các chỉ số cụ thể như: Chỉ tiêu về công tác đào tạo (tuyển sinh, mở mã ngành đào tạo, tổ chức đào tạo, công tác sinh viên); Chỉ tiêu về nghiên cứu khoa học, trong đó có các đề tài nghiên cứu học, số lượng công trình nghiên cứu khoa học được áp dụng trong thực tế và phục vụ cộng đồng; Chỉ tiêu trong công tác tổ chức, cán bộ; Chỉ tiêu trong công tác tài chính trong đó có ngân sách nhà nước cấp và ngân sách từ nguồn thu hoạt động sự nghiệp; chỉ tiêu về công tác quản trị, trong đó có cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ quá trình đào tạo và các hoạt động khác tại Học viện; Chỉ tiêu quan hệ hợp tác quốc tế, trong đó có ký kết các chương trình đào tạo, trao đổi kinh nghiệm với đối tác nước ngoài... được xác định chi tiết, cụ thể, từ đó thiết lập hệ thống đo lường các chỉ số đã thực hiện được, xây dựng các chỉ tiêu phần đầu để đạt được [H1.04.03.01] [H1.04.03.02] [H1.04.03.03] [H1.04.03.04].

Các KPIs, chỉ tiêu xác định rõ ràng về số lượng, cụ thể về chất lượng, khả thi để thực hiện bằng cách tăng dần qua từng năm. Các chỉ tiêu này được rà soát định kỳ nhằm kiểm tra, đánh giá tiến độ thực hiện, kịp thời điều chỉnh, khắc phục những tồn tại, bổ sung những chỉ số mới (nếu có) và đảm bảo mục tiêu của chiến lược không đi chệch hướng. Điều này được thể hiện qua báo cáo sơ kết, tổng kết công tác hàng năm của Học viện [H4.03.03.05] [H4.03.03.06] [H4.03.03.07] [H4.03.03.08] [H4.03.03.09] [H4.03.03.10].

Hàng năm, Học viện giao Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo tổng kết của các đơn vị thành báo cáo tổng kết chung của Học viện, trong đó có yêu cầu các đơn vị kiểm đếm, đánh giá các nội dung công việc đã hoàn thành, công việc chưa hoàn thành so với mục tiêu chiến lược đã đề ra từ đầu năm. Sau khi báo cáo tổng kết công tác năm được dự thảo xong, Phòng Tổ chức - Hành chính gửi về các đơn vị để xin ý kiến góp ý, cho ý kiến tại Hội nghị tổng

kết công tác năm, Hội nghị cán bộ, viên chức, người lao động. Trong báo cáo tổng kết công tác năm, Học viện chỉ rõ những kết quả đạt được, tồn tại, nguyên nhân và đưa ra giải pháp khắc phục, xây dựng kế hoạch trong giai đoạn tiếp theo [H4.03.03.11] [H4.03.03.12] [H4.03.03.13] [H4.03.03.14].

Bên cạnh đó, Học viện báo cáo kết quả công tác năm và trình bày kế hoạch công tác năm sau với Ban Bí thư Trung ương Đoàn vào cuộc họp duyệt kế hoạch công tác năm do Trung ương Đoàn tổ chức. Sau cuộc họp, Trung ương Đoàn ban hành kết luận chương trình công tác năm của Học viện [H4.03.03.15].

Hàng tháng, hàng quý, Học viện tổ chức đánh giá, biểu dương khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong việc thực hiện nhiệm vụ [H4.03.03.16] [H4.03.03.17]. Cuối năm, Học viện tổ chức đánh giá, phân loại viên chức, người lao động. Trên cơ sở kết quả đánh giá, xếp loại viên chức, Học viện có các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu thi đua đối với các tổ chức cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong năm học [H4.03.03.18] [H4.03.03.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 4.4. Quá trình lập kế hoạch chiến lược cũng như các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đạt được các mục tiêu chiến lược của cơ sở giáo dục

Khi xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2015 - 2020 tầm nhìn 2025, Học viện chỉ dựa trên ý kiến góp ý của Ban Lãnh đạo Học viện. Sau đó đến năm 2021, Khi xây dựng Kế hoạch chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045, Học viện thành lập tổ công tác xây dựng chiến lược phát triển Học viện [H1.04.04.01].

Sau khi rà soát đánh giá các chỉ số thực hiện chính, các chỉ tiêu phấn đấu chính của các hoạt động, Học viện thực hiện việc so sánh, đối chiếu, đánh giá việc xây dựng và thực hiện kế hoạch chiến lược để đề xuất các giải pháp thực hiện nhằm đạt mục tiêu chiến lược và có biện pháp điều chỉnh phù hợp. Trong đó tập trung so sánh, đối chiếu, đánh giá các lĩnh vực gồm: Công tác đào tạo,

nguồn nhân lực, tài chính, nghiên cứu khoa học, hợp tác quốc tế và phục vụ cộng đồng. Thông qua việc đối chiếu, so sánh, nhằm điều chỉnh bổ sung, để phù hợp với điều kiện và tính hình thực tế, hàng năm, Học viện giao cho các đơn vị thuộc và trực thuộc thực hiện kế hoạch công tác năm **[H1.04.04.02]**.

Việc cải tiến của Học viện thực hiện theo hướng điều chỉnh sự phù hợp giữa các chỉ tiêu đề ra theo hướng tăng chất lượng đào tạo, chất lượng tuyển sinh, tăng chất lượng nghiên cứu khoa học; cơ sở vật chất đáp ứng quy mô của các ngành học; đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong các lĩnh vực quản lý, đào tạo. Chất lượng chương trình đào tạo, chất lượng giảng viên cũng như các chất lượng dịch vụ phục vụ cũng được nâng cao và ngày càng được cải tiến **[H1.04.04.03]**.

Công tác kiểm đếm được thực hiện thường xuyên nhằm đánh giá các chỉ tiêu đạt được theo từng năm, từ đó đưa ra những cải tiến chính và những mục tiêu phấn đấu chính. Số liệu kiểm đếm trên các mặt thể hiện kết quả thực hiện các kế hoạch trong mục tiêu chiến lược, cụ thể như: Quy mô tuyển sinh hàng năm; Số lượng tốt nghiệp; Số lượng nhân sự (viên chức, người lao động); Ngân sách hàng năm; Số lượng chương trình đào tạo mở mới...Chỉ số hiệu quả trong: Tỷ lệ tốt nghiệp, lưu ban, bỏ học; Chỉ số hiệu quả ngoài: Tỷ lệ sinh viên có việc làm; Số lượng các đề tài nghiên cứu khoa học, sáng kiến kinh nghiệm được áp dụng **[H1.04.04.04]**.

Căn cứ kết quả tổng kết, đánh giá hằng năm, Đảng uỷ, Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện ban hành các văn bản thực hiện việc tổng kết những kết quả đạt được và đánh giá những việc chưa làm được để điều chỉnh kế hoạch chiến lược và các chỉ số, chỉ tiêu phấn đấu đạt được nhưng hiệu quả chưa cao, mặt khác loại bỏ những yếu tố kém hiệu quả, đồng thời đưa ra các biện pháp để đạt được những chỉ tiêu phấn đấu đề ra **[H1.04.04.05]** **[H1.04.04.06]** **[H1.04.04.07]** **[H1.04.04.08]** **[H1.04.04.09]** **[H1.04.04.10]**. Nhiều nhiệm vụ mới được bổ sung trong năm học có ảnh hưởng đến tiến độ triển khai các hoạt động đã lên kế hoạch từ đầu năm và chuyển sang cho năm học tiếp theo. Trên cơ sở kết quả tổng kết cuối năm, Học viện tiến hành tổng kết công tác năm học,

binh xét thi đua căn cứ vào mức độ thực hiện kế hoạch công tác của từng đơn vị, cá nhân và có các hình thức khen thưởng để ghi nhận những thành tích của cá tập thể, cá nhân [H1.04.04.11] [H1.04.04.12] [H1.04.04.13] [H1.04.04.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 4:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

(1) Học viện đã xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược giai đoạn 2021 -2030 tầm nhìn 2040, nội dung chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược đều hướng tới đạt được tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược của Học viện đã công bố.

(2) Học viện đã xây dựng và ban hành các kế hoạch ngắn hạn (KHCL giai đoạn và kế hoạch năm) để triển khai thực hiện.

(3) Trong các kế hoạch chiến lược ngắn hạn, trung hạn đã thiết lập được các chỉ số thực hiện chính (KPIs) rõ ràng và bám sát mục tiêu chiến lược.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

(1) Trong quá trình xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược, chưa lấy đầy đủ ý kiến các bên liên quan (người học, người sử dụng lao động...)

(2) Một số chỉ số thực hiện chưa đạt được mục tiêu đề ra.

(3) Chưa thực hiện điều chỉnh, cải tiến kế hoạch chiến lược theo từng giai đoạn.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần xây dựng văn bản quy định rõ ràng về việc đánh giá hiệu quả việc thực hiện, cải tiến, điều chỉnh các kế hoạch chiến lược, kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và mức độ thực hiện các chỉ số KPIs của các đơn vị, phòng, khoa, trung tâm.	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Thường xuyên giám sát, đánh giá, rà soát việc thực hiện chiến lược cũng như các KPIs.	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược; Các phòng, khoa liên quan	Hàng tháng; Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại 3	Cần có sự liên kết chặt chẽ giữa các phòng, khoa trong việc điều chỉnh các kế hoạch chiến lược ngắn hạn và trung hạn đảm bảo phù hợp với mục tiêu chiến lược của Học viện	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược; Các phòng, khoa liên quan	Thường xuyên
4	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng chiến lược phát triển và kế hoạch thực hiện chiến lược phát triển Học viện giai đoạn 2021-2030 tầm nhìn 2040	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược	Làm ngay
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục xây dựng kế hoạch hành động chi tiết có các KPIs rõ ràng để công tác giám sát chiến lược phát triển Học viện được thực hiện có hiệu quả.	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược; các phòng khoa liên quan	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục nghiên cứu, rà soát, cải tiến các chỉ số KPIs đảm bảo phù hợp với các mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện.	BGD; Tổ công tác xây dựng kế hoạch chiến lược; Phòng, Khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 4	4,75
Tiêu chí 4.1	5
Tiêu chí 4.2	5
Tiêu chí 4.3	5
Tiêu chí 4.4	4

Tiêu chuẩn 5: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 5.1: Có hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Để thực hiện mục tiêu chiến lược về phát triển đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Học viện đã thiết lập hệ thống để xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Học viện đã ban hành các văn bản quy định chức năng, nhiệm vụ các phòng, khoa, bộ môn trong đó quy định rõ các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Về đào tạo, căn cứ vào các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên có nhiệm vụ chủ trì xây dựng hệ thống các văn bản, quy chế, quy định, chính sách liên quan đến hoạt động đào tạo như: Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học; Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo đại học văn bằng thứ hai theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo đại học chính quy theo hình thức song song hai chương trình; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy định về chuẩn chương trình đào tạo, xây dựng, thẩm định ban hành chuẩn đầu ra và chương trình đào tạo các trình độ giáo dục đại học; Quy định về công tác cố vấn học tập; các kế hoạch đào tạo, các văn bản về xét cấp học bổng, rèn luyện..... Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên chịu trách nhiệm xây dựng các văn bản về công tác tổ chức thi: Quy trình tổ chức thi, Quy trình phúc khảo... [H1.05.01.01] [H1.05.01.02] [H1.05.01.03] [H1.05.01.04] [H1.05.01.05] [H1.05.01.06] [H1.05.01.07] [H1.05.01.08] [H1.05.01.09] [H1.05.01.10] [H1.05.01.11] [H1.05.01.12] [H1.05.01.13] [H1.05.01.14]. Về nghiên cứu khoa học, chức năng quản lý khoa học do Phòng Tổ chức - Hành chính đảm nhận trước tháng 6/2021, từ sau đó chức năng này do Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên đảm nhận [H1.05.01.15]. Bên cạnh đó, Viện Nghiên cứu Thanh niên là đơn vị trực thuộc Học viện thường trực hoạt động nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, là đơn vị có trách nhiệm xây dựng

chính sách, điều phối và tổ chức nghiên cứu khoa học cho khối cán bộ Học viện, dựa trên các văn bản pháp quy của Chính phủ, các văn bản hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Bộ Khoa học và Công nghệ, Viện Nghiên cứu Thanh niên có nhiệm vụ xây dựng các chính sách, các quy chế, quy định, hướng dẫn công việc,... liên quan đến hoạt động NCKH: Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên; Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, sinh viên,... [H1.05.01.16] [H1.05.01.17]. Về phục vụ cộng đồng, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện và các Khoa: Chính trị học, Công tác xã hội, Khoa Công tác Thanh thiếu niên là các đơn vị xây dựng các chính sách, các hoạt động hỗ trợ và phục vụ sinh viên như: tư vấn cho người học hỗ trợ về nhà ở, tổ chức các hoạt động tình nguyện cho cộng đồng địa phương và các tỉnh, tham gia các chiến dịch tình nguyện... [H1.05.01.18] [H1.05.01.19].

Ngoài ra, Học viện có những quy định, hướng dẫn chung để xây dựng các chính sách quản lý nội bộ, là cơ sở hướng dẫn cho các đơn vị trực thuộc Học viện, cá nhân liên quan xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng đảm bảo thống nhất và đồng bộ như: Nghị quyết về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng; Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện; Quy định công tác văn thư, lưu trữ; ... Những quy định này cũng là cơ sở để đảm bảo nội dung các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng phù hợp với quy định của Học viện, phù hợp với tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược phát triển của Học viện [H1.05.01.20] [H1.05.01.21] [H1.05.01.22].

Trong quá trình xây dựng các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, để đảm bảo thực hiện đúng quy định về công tác văn thư, Học viện đã ban hành quy định quy trình tiếp nhận, xử lý, chuẩn bị và ban hành văn bản đồng thời thực hiện nghiêm túc các quy định tại Nghị định 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư [H1.05.01.23].

Hàng năm, căn cứ chương trình công tác, tình hình thực tế, các nội dung

đăng ký xây dựng quy chế, quy định, chỉnh sửa, đổi mới cơ chế chính sách được các đơn vị đăng ký, đề xuất và Ban Giám đốc Học viện phê duyệt trong kế hoạch công tác năm của Học viện giao cho từng đơn vị **[H1.05.01.24]**.

Học viện thường xuyên bám sát các quy định của Nhà nước, của Trung ương Đoàn và các bộ/ban ngành để triển khai văn bản hướng dẫn, tổ chức tập huấn cũng như cử cán bộ tham gia tập huấn về các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Nội vụ và Bộ Khoa học và Công nghệ. Đảng ủy, Ban Giám đốc chỉ đạo các đơn vị soạn thảo bám sát các yêu cầu của Luật Giáo dục, Luật Giáo dục đại học, Luật Khoa học và Công nghệ; Điều lệ trường đại học và các thông tư, Quy chế, quy định và hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Khoa học và Công nghệ và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và trên cơ sở thực tế của Học viện để xây dựng nội dung quản lý đào tạo đại học, quy chế quản lý đào tạo trình độ thạc sĩ, quy định về chế độ chính sách đối với sinh viên, học viên; quy định thu học phí. Sau khi dự thảo các nội dung của chính sách, quy chế, quy định sẽ tiếp tục lấy ý kiến của các đơn vị, sau đó đơn vị tham mưu sẽ tổng hợp, điều chỉnh, bổ sung trình Hội đồng Khoa học và Đào tạo, Hội đồng tư vấn xem xét cho ý kiến. Sau khi có ý kiến của các Hội đồng, Giám đốc Học viện sẽ xem xét, quyết định ban hành **[H1.05.01.25] [H1.05.01.26] [H1.05.01.27] [H1.05.01.28] [H1.05.01.29] [H1.05.01.30] [H1.05.01.31] [H1.05.01.32] [H1.05.01.33] [H1.05.01.34] [H1.05.01.35] [H1.05.01.36] [H1.05.01.37] [H1.05.01.38] [H1.05.01.39] [H1.05.01.40]**.

Nhằm thu hút, khuyến khích các bên liên quan tích cực tham gia các hoạt động trong công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Học viện đã ban hành nhiều chính sách về nghiên cứu khoa học như: khen thưởng, động viên với các giảng viên công bố các sản phẩm khoa học trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế; hình thức tuyên dương, khen thưởng các cá nhân có thành tích cao trong nghiên cứu khoa học hàng năm; thu hút cán bộ, giảng viên có trình độ tiến sĩ về làm việc tại Học viện và tận dụng tài năng của các chuyên gia, nhà khoa học uy tín sau tuổi nghỉ hưu dưới hình thức ký hợp

đồng thuê khoán chuyên môn. Có chính sách khích lệ đội ngũ viên chức tham gia học tập nâng cao trình độ. Học viện luôn tạo điều kiện về thời gian và hỗ trợ kinh phí để cán bộ quản lý và giảng viên tham gia các hoạt động đào tạo, tập huấn về chuyên môn, nghiệp vụ ở trong và ngoài nước; cử giảng viên tham gia khóa bồi dưỡng nâng cao ở trong và ngoài nước và tham gia các hoạt động phục vụ cộng đồng như: Tình nguyện, thiện nguyện, tập huấn, bồi dưỡng cho cán bộ đoàn cơ sở, tư vấn, hướng nghiệp... [H1.05.01.41] [H1.05.01.42] [H1.05.01.43] [H1.05.01.44] [H1.05.01.45] [H1.05.01.46] [H1.05.01.47] [H1.05.01.48].

Để ban hành các quy định, quy chế về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, ngoài việc giao bộ phận tham mưu dự thảo, Học viện còn giao các đơn vị xem xét, cho ý kiến đồng thời tiếp thu các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của Trung ương Đoàn, rà soát các quy định có liên quan để hoàn chỉnh, trước khi phê duyệt ban hành. Bên cạnh đó, hàng tuần, tháng, quý, trong các cuộc họp giao ban, Ban Giám đốc Học viện có những chỉ đạo trực tiếp, chuyên đề liên quan đến đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.2: Quy trình giám sát sự tuân thủ các chính sách được cụ thể hoá bằng văn bản, phổ biến và thực hiện

Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện được Trung ương Đoàn phê duyệt, Hội đồng Học viện ký ban hành trong đó quy định chức năng, nhiệm vụ của Học viện [H1.05.02.01]. Trên cơ sở đó, Học viện đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các phòng, khoa, các tổ bộ môn trong đó có phân công đơn vị, bộ phận theo dõi và giám sát thực hiện các chính sách [H1.05.02.02] [H1.05.02.03] [H1.05.02.04]. Cụ thể, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên có nhiệm vụ giám sát sự tuân thủ thực hiện các chính sách về đào tạo, Viện Nghiên cứu Thanh niên giám sát việc thực hiện các chính sách về nghiên cứu khoa học, Công đoàn, Đoàn thanh niên và các khoa liên quan giám sát việc thực hiện các chính sách về phục vụ cộng đồng tương ứng với các hoạt động cụ thể của từng đơn vị [H1.05.02.05] [H1.05.02.06] [H1.05.02.07]

[H1.05.02.08] [H1.05.02.09].

Học viện đã triển khai và thực hiện các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và một số hoạt động liên quan đến phục vụ cộng đồng, tuy nhiên chưa ban hành quy trình cụ thể về giám sát sự tuân thủ các chính sách đó.

Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng của Học viện thể hiện qua kế hoạch/chương trình công tác năm. Trên cơ sở đó, Ban Giám đốc Học viện triển khai tới các đơn vị thông qua thông báo kết luận của Giám đốc Học viện đối với kế hoạch/chương trình công tác của các đơn vị, đoàn thể. Các văn bản đã triển khai của Học viện: Kết luận của Ban Giám đốc Học viện về chương trình công tác năm 2023 của Viện Nghiên cứu Thanh niên; Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, các Khoa, Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện **[H1.05.02.10] [H1.05.02.11] [H1.05.02.12] [H1.05.02.13] [H1.05.02.14].**

Định kỳ, Học viện tổ chức giao ban tháng, giao ban quý, sơ kết 6 tháng đầu năm và tổng kết năm. Trong đó, có xem xét các kết quả thực hiện được đồng thời chỉ ra các mặt còn hạn chế, chưa thực hiện được để kịp thời điều chỉnh các chính sách có liên quan đến đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H1.05.02.15] [H1.05.02.16] [H1.05.02.17] [H1.05.02.18].**

Đặc biệt, định kỳ hàng tháng, Học viện tổ chức các cuộc họp giao ban sinh viên lắng nghe những phản hồi từ phía người học về toàn bộ các chương trình học, cơ chế chính sách dành cho người học, tiếp nhận phản hồi để kịp thời điều chỉnh và bổ sung **[H1.05.02.19].**

Bên cạnh đó, định kỳ, Thường trực Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện tổ chức họp xem xét các mặt công tác, tiến độ thực hiện công việc để điều chỉnh, tháo gỡ vướng mắc, khó khăn **[H1.05.02.20].** Tuy nhiên, các biên bản cuộc họp/thông báo nội dung cuộc họp chưa được công bố, triển khai tới các đơn vị.

Hoạt động giám sát được thể hiện thông qua các báo cáo hàng năm của các đơn vị liên quan như: Báo cáo tổng kết công tác năm học của Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên; Báo cáo tổng kết công tác của Viện Nghiên cứu

thanh niên; Báo cáo tổng kết công tác của Công đoàn, Đoàn Thanh niên; Các báo cáo năm học của các đơn vị trong Học viện [H1.05.02.21] [H1.05.02.22] [H1.05.02.23] [H1.05.02.24] [H05.05.02.25]. Công tác giám sát sự tuân thủ thực hiện các chính sách còn được thực hiện một cách thường xuyên thông qua các cuộc họp giao ban... Thông qua các cuộc họp này, trưởng các đơn vị báo cáo tiến độ thực hiện các công việc theo kế hoạch, đưa ra các khó khăn và xin ý kiến đóng góp của các bên liên quan cũng như ý kiến chỉ đạo của Ban Giám đốc Học viện [H1.05.02.26]. Ngoài ra, Học viện cũng thực hiện báo cáo theo yêu cầu của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, Bộ Giáo dục và Đào tạo, Cục Quản lý chất lượng, Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội [H1.05.02.27].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 5.3: Các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được rà soát thường xuyên

Để rà soát các văn bản của Học viện đảm bảo cập nhật đáp ứng với quy định của Nhà nước, với sứ mệnh, tầm nhìn của Học viện đã công bố, Học viện yêu cầu các đơn vị cần chủ động rà soát cập nhật văn bản thuộc lĩnh vực hoạt động của đơn vị phù hợp với văn bản hướng dẫn mới của Bộ Giáo dục và Đào tạo hoặc trong quá trình triển khai thực hiện văn bản, chính sách nếu thấy không phù hợp. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ của đơn vị, Trưởng đơn vị đề xuất lên Ban Giám đốc Học viện về việc rà soát và cập nhật văn bản. Đơn vị phụ trách sẽ căn cứ vào văn bản quy phạm pháp luật của nhà nước và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện để xây dựng dự thảo văn bản; sau đó sẽ tổ chức lấy ý kiến về dự thảo thông qua văn bản xin ý kiến hoặc tổ chức họp. Định kỳ hàng tháng, quý, Học viện tổ chức hội nghị giao ban tháng giữa tất cả các đơn vị trong Học viện. Tại Hội nghị, các mặt công tác tại Học viện được rà soát, đánh giá trong đó có việc rà soát các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Sau hội nghị, Ban Giám đốc Học viện ra thông báo kết luận về các công việc cần triển khai tới các đơn vị. Đối với việc rà soát các chính sách về đào tạo: Học viện giao Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, các khoa tiến hành rà soát [H5.05.03.01]. Đối với các chính sách về nghiên cứu

khoa học: Học viện giao Viện Nghiên cứu Thanh niên và Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên (bộ phận quản lý khoa học) tiến hành rà soát **[H5.05.03.02]**. Đối với các chính sách về phục vụ cộng đồng: Học viện giao Công đoàn, Đoàn Thanh niên, các khoa và các đơn vị có liên quan tiến hành rà soát **[H5.05.03.03]** **[H5.05.03.04]**.

Căn cứ vào mục tiêu chiến lược phát triển, Học viện triển khai xây dựng kế hoạch công tác năm học của Học viện, kế hoạch công tác năm học của các đơn vị **[H5.05.03.05]** **[H5.05.03.06]**, trong đó có chỉ số KPIs về các mục tiêu dự kiến đối với các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ. Các mục tiêu này thường xuyên được rà soát thông qua các báo cáo **[H5.05.03.07]**. Những mục tiêu đạt được phải có thông tin minh chứng rõ ràng, những chỉ tiêu chưa đạt thì phải có giải trình và tìm hiểu nguyên nhân vướng mắc, tồn tại từ đó tìm cách giải quyết khắc phục. Vào cuối năm học, các đơn vị căn cứ chức năng, nhiệm vụ thực hiện tổng kết, đánh giá, báo cáo kết quả đạt được **[H5.05.03.08]** **[H5.05.03.09]**. Trên cơ sở báo cáo của các đơn vị, Học viện đã có báo cáo tổng kết hàng năm và được trình bày tại Hội nghị tổng kết cuối năm, Hội nghị CNVC định kỳ (trong đó có việc rà soát các chính sách về đào tạo NCKH, PVCĐ) **[H5.05.03.10]** **[H5.05.03.11]**.

Bên cạnh đó, Đảng uỷ, Hội đồng Học viện cũng đã ban hành các nghị quyết về các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng **[H5.05.03.12]** **[H5.05.03.13]**.

Các cuộc giao ban, tháng quý đều có các kết luận. Các cuộc họp của Thường trực Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện có các nội dung liên quan đến các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đây là cơ sở để Học viện có những điều chỉnh chính sách phù hợp với sứ mệnh, tầm nhìn, giá trị cốt lõi và mục tiêu chiến lược phát triển Học viện **[H5.05.03.14]** **[H5.05.03.15]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức 4/7.

Tiêu chí 5.4: Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được cải tiến nhằm tăng hiệu quả hoạt động của CSGD, đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Căn cứ vào kết quả rà soát, kiểm tra nội bộ các chính sách về đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng, đơn vị được phân công sẽ tổng hợp những ý kiến đóng góp, sau đó tổ chức họp để xem xét các ý kiến đóng góp và đề nghị hướng khắc phục, cải tiến nội dung các chính sách [H1.05.04.01]. Bên cạnh đó, việc điều chỉnh, thay đổi các chính sách còn căn cứ vào kết quả đánh giá, phê duyệt của của Bộ Giáo dục và Đào tạo.... [H1.05.04.02] [H1.05.04.03]. Từ năm 2018 đến nay, Học viện đã có những điều chỉnh các chính sách cho phù hợp hơn với tình hình thực tế của Học viện và nhu cầu kinh tế - xã hội.

Đối với các chính sách về đào tạo: Từ năm 2018 đến nay, Học viện ban hành và cập nhật Quy chế đào tạo trình độ đại học; Quy chế đào tạo trình độ đại học hệ vừa làm vừa học; Quy chế đào tạo đại học theo hệ thống tín chỉ; Quy định đào tạo đại học chính quy theo hình thức song song hai chương trình; Quy định đào tạo trình độ thạc sĩ; Quy định về chương trình đào tạo trình độ giáo dục đại học; Quy định về công tác cố vấn học tập; các kế hoạch đào tạo; Quy trình xét tốt nghiệp, Quy trình tổ chức thi; Quy trình in và bảo mật đề thi; Quy trình phúc tra, phúc khảo,Nhằm khuyến khích SV, Học viện đã ban hành Quy định về xét học bổng khuyến khích học tập, Quy định về xét và đánh giá điểm rèn luyện của SV... [H1.05.04.04] [H1.05.04.05]. Đối với các chính sách liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học: Học viện có nhiều các hoạt động cải tiến chính sách, quy chế, quy định nhằm đẩy mạnh và làm tăng hiệu quả của các hoạt động về nghiên cứu khoa học. Để khuyến khích và thu hút đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia nghiên cứu khoa học, Học viện đã ban hành văn bản: Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của cán bộ, giảng viên; Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của học viên, sinh viên... [H1.05.04.06] [H1.05.04.07]. Đối với các hoạt động phục vụ cộng đồng: Học viện ban hành quy định chung về các hoạt động phục vụ cộng đồng nhằm đẩy

manh các hoạt động của Học viện một cách đa dạng, toàn diện và hiệu quả, mang lại lợi ích lớn hơn cho cộng đồng như: tư vấn cho người học hỗ trợ về nhà ở, tổ chức các hoạt động tình nguyện cho cộng đồng tại các địa phương, tham gia các chiến dịch tình nguyện...[H1.05.04.08].

Hàng năm, phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức lấy ý kiến viên chức, người lao động về hệ thống các chính sách của Học viện thông qua các hội nghị, cuộc họp giao ban. Kết quả khảo sát cho thấy tỷ lệ viên chức, người lao động hài lòng về chế độ, chính sách đạt trên 75% [H1.05.04.09] [H1.05.04.10]. Tuy nhiên, việc lấy ý kiến của các bên liên quan vào quá trình xây dựng, rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện còn hạn chế, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài nhà trường.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 5:

Tóm tắt các điểm mạnh

Học viện xây dựng được hệ thống các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ phù hợp với quy định của Nhà nước, đáp ứng các yêu cầu của Luật Giáo dục đại học và phù hợp với tầm nhìn, sứ mạng và mục tiêu chiến lược của Học viện.

Các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được cụ thể hóa bằng văn bản (các quy chế quy định, các quy trình nghiệp vụ, các hướng dẫn công việc...) và phổ biến cho các bên liên quan thực hiện.

Việc rà soát, cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ được thực hiện và có lấy ý kiến các bên liên quan khi rà soát, cập nhật văn bản.

Tóm tắt các điểm tồn tại

Sự tham gia của các bên liên quan vào quá trình xây dựng, rà soát các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện còn hạn chế, đặc biệt là các bên liên quan bên ngoài nhà trường.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường triển khai việc lấy ý kiến các bên liên quan khi rà soát hệ thống các văn bản	BGD; Các phòng, khoa, liên quan	Từ năm học 2023-2024
2	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục xây dựng hệ thống văn bản quy định về các chính sách đào tạo, NCKH và PVCĐ phù hợp với hoạt động của Học viện. trong từng giai đoạn.	Đảng ủy; HĐHV; BGD; Các phòng, khoa liên quan	Thường xuyên
3	Phát huy điểm mạnh 2	Duy trì công tác phân công các đơn vị chịu trách nhiệm xây dựng, giám sát, rà soát và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ.	Đảng ủy; HĐHV; BGD; Các phòng, khoa liên quan	Thường xuyên
4	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục thực hiện thường xuyên việc rà soát và cải tiến các chính sách về đào tạo, NCKH và PVCĐ có lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan.	Đảng ủy; HĐHV; BGD; Các phòng, khoa liên quan	Thường xuyên

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 5	4,5
Tiêu chí 5.1	5
Tiêu chí 5.2	5
Tiêu chí 5.3	4
Tiêu chí 5.4	4

Tiêu chuẩn 6: Quản lý nguồn nhân lực

Tiêu chí 6.1: Nguồn nhân lực được quy hoạch để đáp ứng đầy đủ nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam xác định việc quy hoạch đội ngũ cán bộ, viên chức quản lý, phát triển nguồn nhân lực là mục tiêu tiên quyết nhằm đáp ứng nhu cầu của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Chiến lược phát triển của Học viện xác định: Tiếp tục nâng cao trình độ, năng lực nghiên cứu của đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng và mở rộng quy mô đào tạo, nghiên cứu khoa học; quy hoạch và đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chủ chốt tạo nguồn cán bộ lâu dài đảm bảo số lượng, chất lượng của Học viện và các đơn vị trực thuộc; hoàn thiện bộ máy theo hướng tinh, gọn, phù hợp với sự phát triển của Học viện và các đơn vị thành viên **[H1.06.01.01]**.

Hội đồng Học viện đã ban hành Đề án tổ chức bộ máy, danh mục vị trí việc làm và khung số lượng người làm việc cho từng vị trí việc làm của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, giai đoạn 2022 - 2026 **[H1.06.01.02]**. Theo đó tiêu chí quy hoạch, tiêu chuẩn nguồn nhân lực được xác định cụ thể cho từng vị trí từ Chủ tịch Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện, đội ngũ lãnh đạo quản lý cấp phòng, đội ngũ viên chức chuyên môn, chuyên ngành, nhân viên hỗ trợ phục vụ **[H1.06.01.03]**.

Đề án tổ chức bộ máy, danh mục vị trí việc làm của Học viện là căn cứ quan trọng để xác định nhu cầu nhân lực của từng đơn vị, khoa/viện, đáp ứng nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, là căn cứ thực hiện quy hoạch đội ngũ nhân sự của Học viện trong thời gian tới với định biên nhân sự cho từng đơn vị, có mô tả từng vị trí nhân lực cần tuyển dụng **[H1.06.01.04]**.

Trong công tác quy hoạch và phát triển nguồn nhân lực, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam giao Phòng Tổ chức - Hành chính làm đầu mối, chủ trì triển khai thực hiện việc quy hoạch, phát triển đội ngũ viên chức, người lao động **[H1.06.01.05]**. Trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện đã thực hiện tuyển

dụng được 68 viên chức, 18 nhân sự làm việc theo chế độ hợp đồng lao động
[H1.06.01.06] [H1.06.01.07] [H1.06.01.08] [H1.06.01.09] [H1.06.01.10]
[H1.06.01.11] [H1.06.01.12] [H1.06.01.13] [H1.06.01.14] [H1.06.01.15]
[H1.06.01.16].

Cũng trong giai đoạn này, Học viện đã thực hiện quy trình và tiếp nhận
16 viên chức về công tác tại Học viện [H1.06.01.17] [H1.06.01.18]
[H1.06.01.19] [H1.06.01.20] [H1.06.01.21] [H1.06.01.22] [H1.06.01.23]
[H1.06.01.24] [H1.06.01.25] [H1.06.01.26] [H1.06.01.25] [H1.06.01.26]
[H1.06.01.27] [H1.06.01.28] [H1.06.01.29] [H1.06.01.30] [H1.06.01.31]
[H1.06.01.32].

Hàng năm, Học viện gửi đến các đơn vị văn bản đề nghị kê khai nhu cầu
đào tạo, bồi dưỡng, căn cứ tình hình thực tiễn, nhu cầu nguyện vọng của cán
bộ, Học viện ban hành kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và xem xét, quyết định
chọn cử cán bộ, viên chức, người lao động đi bồi dưỡng, học cao học, nghiên
cứu sinh tại các cơ sở đào tạo trong nước [H1.06.01.33] [H1.06.01.34].

Song song với công tác quy hoạch phát triển nguồn nhân lực thì Học viện
quan tâm, chú trọng, ban hành nhiều chính sách liên quan: Quy định chế độ làm
việc của giảng viên; Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế đãi ngộ đối với giảng
viên có trình độ tiến sỹ; Quy chế khen thưởng tháng, quý... bên cạnh với đó là
việc thực hiện các quy định chung của Trung ương Đoàn về thi đua, khen
thưởng, về nâng lương thường xuyên, nâng lương trước thời hạn [H1.06.01.35]
[H1.06.01.36] [H1.06.01.37] [H1.06.01.37] [H1.06.01.38] [H1.06.01.39].

Để đảm bảo được đội ngũ và chất lượng nguồn nhân lực, Học viện đã
xây dựng các chính sách về nhân sự để thực hiện tốt công tác quy hoạch, trong
đó thể hiện rõ các chính sách về tuyển dụng, đào tạo, bổ nhiệm, chế độ phúc
lợi, chính sách thu hút, giữ chân nhân tài. Nguồn nhân lực hiện nay được Học
viện quy hoạch đã cơ bản đáp ứng nhu cầu hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa
học và phục vụ cộng đồng. Bên cạnh đội ngũ giảng viên cơ hữu, Học viện còn
xây dựng đội ngũ giảng viên thỉnh giảng là những chuyên gia, giảng viên có
học hàm, học vị cao, có nhiều kinh nghiệm thực tế từ các Học viện, trường đại

học, các cơ quan, đơn vị tham gia giảng dạy cho Học viện [H1.06.01.40] [H1.06.01.41] [H1.06.01.42].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.2: Các tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn bao gồm cả các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật sử dụng trong việc đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự được xác định và được phổ biến

Tuyển dụng và lựa chọn đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên là quá trình tìm kiếm và lựa chọn nhân sự để thỏa mãn nhu cầu sử dụng, bổ sung nguồn nhân lực cần thiết của Học viện, đóng vai trò hết sức quan trọng trong việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Chính vì vậy, Học viện đã đưa các tiêu chí về đạo đức và tự do học thuật vào các khâu của công tác cán bộ, từ tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm và sắp xếp nhân sự. Ngoài các quy định của Nhà nước về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức, công tác tuyển dụng, đề bạt, bổ nhiệm tại Học viện còn được thực hiện theo các quy chế, quy định của Trung ương Đoàn và đặc thù của các khối (Hành chính, giảng dạy, nghiên cứu, báo chí) của Học viện. Quy định này được phổ biến trên trang thông tin điện tử của Học viện để các đơn vị và các viên chức biết và thực hiện. Hàng năm, căn cứ nhu cầu nhân lực và đề án vị trí việc làm, Học viện ban hành kế hoạch tuyển dụng, trong đó có yêu cầu cho từng vị trí tuyển dụng [H1.06.02.01] [H1.06.02.02] [H1.06.02.03].

Tiêu chí tuyển dụng và lựa chọn nhân sự được quy định trong Đề án vị trí việc làm của Học viện và được thực hiện đúng theo các quy định của Nhà nước và Học viện [H1.06.02.04]. Theo đó, các tiêu chí về khung năng lực của mỗi vị trí việc làm đều được xác định. Căn cứ vào nhu cầu của các đơn vị, căn cứ danh mục vị trí việc làm, sau khi được Trung ương Đoàn phê duyệt, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển dụng viên chức, trong đó xác định rõ tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn riêng cho từng vị trí tuyển dụng [H1.06.02.05] [H1.06.02.06] [H1.06.02.07]. Kế hoạch tuyển dụng được thông báo công khai đến toàn thể các đơn vị và đăng trên website của Học viện, trong đó nêu rõ số lượng vị trí việc làm cần tuyển, điều kiện, hồ sơ đăng ký dự tuyển, nội dung,

hình thức, thời gian thi tuyển. Quy trình tuyển dụng được thực hiện theo đúng quy định của Luật viên chức và các văn bản hướng dẫn nhà nước, Bộ Nội vụ. Học viện thành lập Hội đồng tuyển dụng và các ban giúp việc cho hội đồng gồm: Ban đề thi, ban coi thi, ban phách, ban chấm thi. Sau khi tổng hợp hồ sơ đăng ký dự tuyển, Hội đồng tuyển dụng xem xét điều kiện về hồ sơ, Học viện công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi và thông báo triệu tập thí sinh dự thi. Sau khi tổ chức thi tuyển, kết quả thi tuyển được công khai tại Phòng Tổ chức - Hành chính, trên website Học viện. Hội đồng tuyển dụng báo cáo Giám đốc Học viện kết quả thi tuyển, trình Trung ương Đoàn phê duyệt kết quả. Sau khi có kết quả phê duyệt, Giám đốc Học viện giao Phòng Tổ chức - Hành chính soạn thảo và thông báo thí sinh trúng tuyển đến triển khai quyết định tuyển dụng viên chức và ký hợp đồng làm việc **[H1.06.02.08]** **[H1.06.02.09]** **[H1.06.02.10]** **[H1.06.02.11]**.

Ngoài tuyển dụng viên chức theo quy định, Học viện còn thực hiện việc tuyển dụng nhân sự làm việc theo chế độ hợp đồng lao động. Quy trình theo các bước như sau: Căn cứ nhu cầu của các đơn vị, Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc Học viện; sau đó Học viện thành lập Hội đồng sát hạch nhân sự về công tác tại đơn vị. Thành phần Hội đồng gồm: Ban Giám đốc Học viện, Trưởng phòng Tổ chức - Hành chính, Trưởng/phó đơn vị có nhu cầu cần tuyển. Nếu vượt qua kỳ sát hạch, nhân sự sẽ được Học viện tuyển dụng và ký hợp đồng lao động có thời hạn **[H1.06.02.12]** **[H1.06.02.13]** **[H1.06.02.14]** **[H1.06.02.15]** **[H1.06.02.16]** **[H1.06.02.17]** **[H1.06.02.18]** **[H1.06.02.19]** **[H1.06.02.20]**.

Việc lựa chọn đề bạt, bổ nhiệm viên chức quản lý tại Học viện được thực hiện theo các quy định chung của Đảng và Nhà nước, của Trung ương Đoàn và Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện **[H1.06.02.21]** **[H1.06.02.22]**. Đối với chức danh Giám đốc và Phó Giám đốc, Học viện căn cứ vào quy định của Trung ương Đoàn gồm tiêu chuẩn chung và tiêu chuẩn cụ thể được quy định tại Điều lệ trường đại học và Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện. Đối

với chức danh Trưởng, Phó các đơn vị thuộc và trực thuộc căn cứ vào quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện [H1.06.02.23].

Quy trình bổ nhiệm lãnh đạo được thực hiện qua các bước: đề xuất đề xin phê duyệt chủ trương của Trung ương Đoàn và Đảng uỷ Học viện, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại đơn vị, tổ chức lấy phiếu tín nhiệm tại hội nghị giữa cấp uỷ và lãnh đạo đơn vị, xin ý kiến Đảng uỷ, Ban Giám đốc; Báo cáo và xin ý kiến Trung ương Đoàn về việc bổ nhiệm viên chức quản lý và cuối cùng ra quyết định [H1.06.02.24].

Ngoài việc bổ nhiệm chức danh lãnh đạo, viên chức quản lý, Học viện còn tiến hành bổ nhiệm chức danh nghề nghiệp cho các viên chức đủ điều kiện theo các ngạch: Giảng viên, Chuyên viên, kế toán viên, nghiên cứu viên, thư viện viên, phóng viên, y sĩ... và đề nghị Trung ương Đoàn xem xét, bổ nhiệm đối với chức danh từ chuyên viên chính và tương đương trở lên [H1.06.02.25].

Bên cạnh đó, công tác đánh giá cán bộ, viên chức và người lao động Học viện được triển khai thường xuyên. Từ tháng 6/2020 được thực hiện theo tháng, quý, năm. Hàng tháng, các đơn vị bình xét, đánh giá thi đua tại đơn vị và báo cáo kết quả về Hội đồng tư vấn Học viện để tổng hợp trình Ban Giám đốc Học viện xem xét, khen thưởng các tập thể, cá nhân xuất sắc trong quý [H1.06.02.26]. Cuối năm, căn cứ văn bản hướng dẫn của Trung ương Đoàn, Học viện triển khai đánh giá, nhận xét cán bộ, viên chức người lao động và bình xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng cho các cá nhân và tập thể có thành tích xuất sắc trong năm học [H1.06.02.27].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.3: Xác định và xây dựng được tiêu chuẩn năng lực bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm cán bộ, giảng viên, nhân viên khác nhau

Các tiêu chuẩn năng lực (bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo) của các nhóm cán bộ, giảng viên và nhân viên khác nhau của Học viện được thể hiện tại Đề án tổ chức bộ máy, danh mục vị trí việc làm và khung số người làm việc cho từng vị trí việc làm của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, giai đoạn 2022 -

2026 [H1.06.03.01]. Tiêu chuẩn năng lực của các nhóm: viên chức quản lý, giảng viên, chuyên viên, kế toán viên, thư viện viên, nhân viên... được Học viện xác định là yếu tố quan trọng để Học viện lựa chọn và xây dựng đội ngũ nguồn nhân lực chất lượng cao, giỏi về chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt, cụ thể Đề án đã xác định danh mục vị trí việc làm và khung số lượng người làm việc cho từng vị trí từ Chủ tịch Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện, Trưởng, Phó các đơn vị, Trưởng, Phó bộ môn, giảng viên, chuyên viên và nhân viên phục vụ.

Trên cơ sở thống kê công việc theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức bộ máy, Học viện phân thành 3 nhóm công việc như sau: Nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành; nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp và nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ. Trong mỗi nhóm công việc đều có các vị trí, các vị trí đều có tiêu chuẩn khung năng lực cụ thể.

Đối với nhóm công việc lãnh đạo, quản lý, điều hành yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, uy tín, tư duy, khả năng đoàn kết, tập hợp, quy tụ viên chức trong đơn vị; yêu cầu về kỹ năng gồm có kỹ năng giao việc, ngoại giao, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề, ra quyết định, kỹ năng tổng hợp, phân tích, nhận định và đánh giá trong quản lý, điều hành công việc. Tùy từng vị trí quản lý là các khoa chuyên môn hay các phòng ban chức năng, các tiêu chuẩn năng lực được xác định cụ thể; theo yêu cầu của công tác quản lý, một số trường đơn vị phải có học vị Tiến sĩ, ví dụ như Trưởng các khoa chuyên môn, Trưởng phòng Đào tạo và Công tác sinh viên; các vị trí quản lý cấp cao như Chủ tịch Hội đồng Học viện, Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện có các yêu cầu về số năm kinh nghiệm quản lý trong lĩnh vực giáo dục. Ngoài ra, tiêu chuẩn và khung năng lực Chủ tịch Hội đồng, Giám đốc, Phó Giám đốc Học viện: thực hiện theo quy định của Luật Giáo dục đại học, quy định của Đảng và Quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan Trung ương Đoàn do Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành; đối với tiêu chuẩn lãnh đạo quản lý cấp Phòng: thực hiện theo quy định về tiêu chuẩn chức danh lãnh đạo, quản lý của cơ quan Trung ương Đoàn do

Ban Bí thư Trung ương Đoàn ban hành và Quy định tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Đối với những tiêu chuẩn cụ thể do Hội đồng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam quy định, nhưng không được trái với quy định của Đảng, Nhà nước và cơ quan Trung ương Đoàn [H1.06.03.02] [H1.06.03.03].

Đối với nhóm công việc hoạt động nghề nghiệp yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, có khả năng nghiên cứu khoa học, biên soạn giáo án, có phương pháp dạy học hiệu quả, phù hợp với nội dung môn học; yêu cầu về kỹ năng gồm kỹ năng giảng dạy, thuyết trình, xử lý tình huống, phân tích, tổng hợp, quản lý thời gian, làm việc nhóm. Đối với nhóm công việc hỗ trợ, phục vụ yêu cầu về năng lực và kỹ năng gồm: phẩm chất đạo đức, trình độ, kinh nghiệm, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng phân tích, tổng hợp và quản lý thời gian. Ngoài ra, đối với tiêu chuẩn và khung năng lực các vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành, vị trí hỗ trợ, phục vụ: thực hiện theo Thông tư liên tịch của Bộ Nội vụ và các Bộ quản lý chức danh nghề nghiệp viên chức chuyên ngành về tiêu chuẩn chức danh nghề nghiệp viên chức. [H1.06.03.04].

Căn cứ Đề án tổ chức bộ máy, danh mục vị trí việc làm và khung số người làm việc cho từng vị trí việc làm của từng đơn vị, Học viện xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hằng năm và tiến hành việc tuyển dụng viên chức dựa trên các quy định về tuyển dụng và ký kết hợp đồng làm việc đối với viên chức tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, bổ nhiệm cán bộ quản lý theo vị trí việc làm và nhu cầu công việc [H1.06.03.05] [H1.06.03.06].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.4: Nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng, phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được xác định và có các hoạt động được triển khai để đáp ứng các nhu cầu đó

Học viện luôn xác định đào tạo, bồi dưỡng là một nhiệm vụ công tác trọng tâm lâu dài của Học viện, Đảng uỷ, Ban Giám đốc luôn quan tâm, chỉ đạo, đôn đốc các phòng, khoa và các đơn vị trong Học viện xây dựng kế hoạch

đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị thực hiện tốt công tác đào tạo chuyên môn, nghiệp vụ, lý luận chính trị. Học viện triển khai công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ viên chức dựa trên các văn bản quy định của Nhà nước, Kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hàng năm của Trung ương Đoàn **[H1.06.03.01]**.

Để khuyến khích đội ngũ viên chức, giảng viên đi học tập, nâng cao trình độ, Học viện đã có chế độ đối với giảng viên đi học nghiên cứu sinh như: hỗ trợ về thời gian, kinh phí đào tạo, miễn giảm giờ giảng, khen thưởng sau khi bảo vệ thành công luận án tiến sĩ, vinh danh tại các hội nghị lớn của Học viện.

Hàng năm, Học viện đều đưa ra kế hoạch đào tạo bồi dưỡng để toàn Học viện thực hiện dựa trên nhu cầu các đơn vị cũng như dựa trên chiến lược phát triển Học viện trong từng giai đoạn **[H1.06.03.02]**. Học viện xây dựng các kế hoạch đào tạo trung hạn về đào tạo, bồi dưỡng phù hợp với chiến lược phát triển, trong đó có các kế hoạch đào tạo bồi dưỡng riêng cho viên chức quản lý, cho giảng viên và chuyên viên, phục vụ cho nhu cầu nhân lực trong từng lĩnh vực chuyên môn và quản lý. Thông báo đăng ký nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng hàng năm gửi về các đơn vị **[H1.06.03.03]**.

Các kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng và phát triển chuyên môn của đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên được triển khai thực hiện. Căn cứ vào Đề án tổ chức bộ máy và danh mục vị trí việc làm, chiến lược phát triển nguồn lực của Học viện, căn cứ vào nhu cầu đào tạo của viên chức, Học viện thông báo tới các đơn vị để các đơn vị thông báo rộng rãi tới từng viên chức trong đơn vị mình kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của Học viện để viên chức căn cứ vào tiêu chuẩn, vị trí và nhu cầu của mình gửi đăng ký đào tạo tới đơn vị, trưởng đơn vị căn cứ vào nhu cầu phát triển của đơn vị, tính phù hợp của ngành và chuyên ngành đăng ký đào tạo của viên chức nếu thấy phù hợp thì trưởng đơn vị sẽ làm tờ trình đề cử viên chức của đơn vị mình lên Học viện. Học viện căn cứ vào danh sách của từng đơn vị rà soát lại xem ứng viên có đáp ứng đủ yêu cầu của từng chương trình đào tạo không, chuyên ngành có phù hợp với sự phát triển của đơn vị không, viên chức cử đi có phù hợp với nguồn ngân sách đã được duyệt không... để ra công văn, quyết định cử đi đào tạo **[H1.06.03.04]**.

Theo Kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng hàng năm, Học viện tổ chức nhiều khoá bồi dưỡng về nghiệp vụ sư phạm, về trung cấp, cao cấp lý luận chính trị, về quản lý hành chính nhà nước, về ngoại ngữ, tin học, bồi dưỡng lãnh đạo quản lý cấp phòng, cấp vụ, về chuyên đổi số, về đổi mới sáng tạo và nhiều khoá bồi dưỡng khác... Ngoài các khoá đào tạo, bồi dưỡng do Học viện tổ chức, Học viện tạo điều kiện, khuyến khích cho cán bộ quản lý, giảng viên tham gia các hội thảo khoa học quốc tế, hội thảo khoa học quốc gia, tham gia các khoá bồi dưỡng, tập huấn chuyên môn ở trong nước và nước ngoài nhằm đáp ứng đa dạng nhu cầu về đào tạo và phát triển của đội ngũ cán bộ, giảng viên và chuyên viên **[H1.06.03.05]**, thu hút được đông đảo viên chức và người lao động tham gia.

Viên chức được cử đi đào tạo phải tiến hành làm báo cáo định kỳ một năm một lần cho đơn vị và gửi phòng Tổ chức - Hành chính theo dõi và lưu hồ sơ cá nhân. Trong báo cáo định kỳ này, viên chức phải nêu rõ những công việc đã thực hiện và chưa thực hiện được trong thời gian đào tạo, nêu khó khăn, hạn chế của mình trong quá trình thực hiện nghiên cứu để Học viện hỗ trợ giải quyết. Hàng năm, phòng Tổ chức - Hành chính báo cáo kết quả thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để nắm bắt được tiến độ hoàn thành của từng giai đoạn đào tạo. Trong giai đoạn 2018 - 2023, đã có hơn 30 lượt viên chức được cử đi đào tạo thạc sỹ và tiến sỹ ở trong nước và nước ngoài **[H1.06.03.06]**.

Để thực hiện chỉ tiêu chiến lược về tỷ lệ giảng viên có học vị Tiến sỹ, Học viện xây dựng chính sách khuyến khích, hỗ trợ đào tạo tiến sỹ, có thưởng cho các tiến sỹ hoàn thành đúng thời hạn được thể hiện trong Quy định về đào tạo và bồi dưỡng, Quy chế chi tiêu nội bộ **[H1.06.03.07]** **[H1.06.03.08]**.

**Bảng: Các loại hình và kết quả đào tạo, bồi dưỡng trong giai đoạn
2018 - 2023:**

TT	Chương trình đào tạo, bồi dưỡng	Số lượt
1	<i>Đào tạo</i>	
1.1	Nghiên cứu sinh	17
1.2	Thạc sỹ	03
1.3	Cao cấp lý luận chính trị	06
1.4	Trung cấp lý luận chính trị	26
2	<i>Bồi dưỡng</i>	
2.1	Chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên	13
2.2	Chương trình bồi dưỡng quản lý nhà nước chương trình chuyên viên chính	
2.3.	Bồi dưỡng giảng giảng viên hạng II, III	51
2.4	Bồi dưỡng quốc phòng an ninh đối tượng 2, 3, 4	
2.5	Chương trình bồi dưỡng lãnh đạo cấp phòng, vụ	38

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.5: Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ (bao gồm chế độ khen thưởng, ghi nhận và kế hoạch bồi dưỡng) được triển khai để thúc đẩy và hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Hệ thống quản lý việc thực hiện nhiệm vụ là một quá trình gồm các bước từ xác định nội dung, mục tiêu công việc đến theo dõi, kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện công việc giữa cán bộ quản lý và nhân viên nhằm đảm bảo các nhiệm vụ và mục tiêu công việc được thành công, đóng góp vào mục tiêu chung

của Học viện. Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị tham mưu thực hiện công tác đánh giá, phân loại và kế hoạch bồi dưỡng cán bộ, viên chức và người lao động trong toàn Học viện [H1.06.05.01].

Căn cứ để đánh giá gồm các văn bản quy định của Nhà nước, Quy chế đánh giá của Trung ương Đoàn, Kế hoạch đánh giá, nhận xét hàng năm của Trung ương Đoàn. Việc đánh giá hiệu quả công việc của công chức, viên chức, người lao động được thực hiện hằng tháng, hàng quý và tổng hợp đánh giá năm được tiến hành vào dịp cuối năm [H1.06.05.02].

Quy trình và tiêu chí đánh giá được Học viện áp dụng theo quy định và hướng dẫn hàng năm của Trung ương Đoàn. Theo đó, đánh giá phân loại viên chức, người lao động ở 4 mức: hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành. Mỗi mức được quy định tiêu chí đánh giá riêng. Nội dung đánh giá gồm kết quả thực hiện nhiệm vụ, đạo đức nghề nghiệp, tinh thần trách nhiệm và các nghĩa vụ khác của viên chức, người lao động [H1.06.05.03]. Quy trình đánh giá được thực hiện như sau: Cá nhân tự đánh giá kết quả công tác theo chức trách nhiệm vụ được giao và trình bày trước cuộc họp của đơn vị. Tại cuộc họp, Trưởng đơn vị lấy ý kiến nhận xét của tập thể đơn vị và gửi bảng tổng hợp kết quả đánh giá, xếp loại của các cá nhân trong đơn vị về Phòng Tổ chức - Hành chính. Phòng Tổ chức - Hành chính tổng hợp, báo cáo tại cuộc họp Hội đồng tư vấn Học viện. Hội đồng tư vấn cho ý kiến trình Giám đốc Học viện xem xét ra quyết định. Kết quả đánh giá được phê duyệt và thông báo công khai đến các đơn vị, cá nhân trong Học viện qua hình thức gửi văn bản tới các đơn vị [H1.06.05.04].

Trên cơ sở kết quả đánh giá, Học viện sử dụng để xem xét trong công tác thi đua, khen thưởng, công nhận các danh hiệu thi đua đối với các tập thể, cá nhân. Viên chức, người lao động đáp ứng đầy đủ các tiêu chí chung nếu có công trình nghiên cứu khoa học, có sáng kiến hoặc có thành tích xuất sắc đặc biệt đều được Học viện ghi nhận bằng các hình thức khen thưởng và công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở. Đối với giảng viên nếu trong năm học có

vượt giờ sẽ được Học viện thanh toán tiền vượt giờ **[H1.06.05.05]**
[H1.06.05.06].

Quy trình đánh giá xếp loại viên chức và bình bầu thi đua được thực hiện theo quy trình công khai, minh bạch. Học viện đã thành lập Hội đồng tư vấn về thi đua khen thưởng để đánh giá, xếp loại viên chức và người lao động **[H6.06.05.07]**. Hội đồng tư vấn về thi đua khen thưởng đánh giá hiệu quả công việc của cán bộ, viên chức và người lao động trên cơ sở kết quả đánh giá của từng đơn vị và được thể hiện ở biên bản họp của Hội đồng **[H6.06.05.08]**.

Sau khi Hội đồng tư vấn về thi đua khen thưởng họp, Phòng Tổ chức - Hành chính trình Giám đốc Học viện ra quyết định xếp loại viên chức và quyết định công nhận các danh hiệu thi đua cho cá nhân, tập thể trong toàn Học viện. Kết quả đánh giá xếp loại viên chức được sử dụng làm căn cứ cho các quyết định về thi đua, khen thưởng và được Học viện công bố công khai tại Hội nghị viên chức, người lao động và được gửi trực tiếp đến các đơn vị. Các tập thể, cá nhân được công nhận danh hiệu thi đua và khen thưởng đều được vinh danh tại hội nghị tổng kết năm **[H6.06.05.09]**.

Kết quả đánh giá là cơ sở để xét nâng lương trước thời hạn, bố trí công việc và quy hoạch cán bộ. Cụ thể: viên chức được công nhận danh hiệu Chiến sĩ thi đua các cấp hoặc được tặng Bằng khen của Thủ tướng, Bằng khen của Trung ương Đoàn hay các hình thức khen thưởng khác đều được xem xét nâng lương trước thời hạn **[H6.06.05.10]**. Các chính sách này giúp Học viện đánh giá được các hoạt động của đội ngũ nhân sự trong năm học để có hình thức khen thưởng, động viên xứng đáng, tạo động lực cho đội ngũ nhân sự phát huy năng lực và gắn bó lâu dài hơn nữa với Học viện. Kết quả thi đua khen thưởng được báo cáo hàng năm để đánh giá hiệu quả công việc và phương hướng nhiệm vụ của năm học tiếp theo **[H6.06.05.11]**.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.6: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát thường xuyên

Việc thực hiện các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được bảo đảm rà soát, cập nhật, bổ sung và xây dựng các chế độ, chính sách, quy trình, quy hoạch được triển khai liên tục thường xuyên định kỳ vào sơ kết 6 tháng đầu năm, tổng kết năm. Việc rà soát được thực hiện với các hình thức như lấy ý kiến của các cá nhân, đơn vị qua các hội nghị. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị thường trực, tham mưu việc rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực [H1.06.06.01].

Định kỳ hàng tháng, hàng năm, thông qua Hội nghị giao ban tháng, tổng kết năm, Phòng Tổ chức - Hành chính tổ chức lấy ý kiến đóng góp của toàn thể viên chức Học viện cho các chế độ, chính sách, quy chế, quy định và quy hoạch về nguồn nhân lực để xây dựng mới hoặc điều chỉnh, bổ sung các văn bản như: Quy chế Tổ chức và Hoạt động của Học viện, Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy chế làm việc của giảng viên [H6.06.06.02] [H6.06.06.03] [H6.06.06.04]. Quy trình được tổ chức như sau: Phòng Tổ chức - Hành chính gửi văn bản đến các đơn vị thuộc và trực thuộc lấy ý kiến góp ý vào dự thảo. Tại đơn vị, các ý kiến đánh giá của giảng viên, chuyên viên về chế độ, chính sách và quy hoạch nguồn nhân lực được tổng hợp và gửi về phòng Tổ chức - Hành chính. Đơn vị chủ trì chỉnh sửa dự thảo và tiếp tục lấy ý kiến tại cuộc họp cán bộ chủ chốt Học viện. Phòng Tổ chức - Hành chính tiếp tục chỉnh sửa và hoàn thiện dự thảo trình Giám đốc Học viện ký ban hành.

Trong quá trình rà soát về các chế độ chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực phù hợp với tình hình thực tế của Học viện và phù hợp với các văn bản mới của Nhà nước. Trong quá trình thực hiện, Học viện tiến hành rà soát một số quy trình, quy định cần phải điều chỉnh nên đã ban hành sửa đổi Quy chế. Đối với chế độ, chính sách thi đua, khen thưởng, Học viện đã ban hành quy định về khen thưởng quý [H1.06.06.05]. Đối với chế độ, chính sách của giảng viên sau khi Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành văn bản mới, Học

viện đã chỉnh sửa, bổ sung và ban hành Quy chế quy định chế độ làm việc của giảng viên Học viện [H1.06.06.06].

Việc thực hiện thi đua, khen thưởng, đánh giá, xếp loại cán bộ, viên chức và người lao động luôn được thực hiện công khai, minh bạch, đúng quy trình, quy định và thường xuyên được rà soát, điều chỉnh. Ngày 15/8/2023, Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045 đã được Hội đồng Học viện ký ban hành [H1.06.06.07]. Trên cơ sở Chiến lược phát triển, Hội đồng Học viện đã chỉ đạo các bộ phận có liên quan xây dựng chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, viên chức và người lao động đến năm 2030, tầm nhìn 2045.

Bên cạnh đó, các chế độ khác như đối với các viên chức sắp đến tuổi nghỉ hưu, Học viện đã có phân công, bố trí bồi dưỡng viên chức tạo nguồn kế cận để đảm nhận nhiệm vụ. Đặc biệt, chế độ, chính sách đối với các giảng viên được kéo dài thời gian làm công tác chuyên môn của các giảng viên có chức danh phó giáo sư, có trình độ tiến sỹ cũng được rà soát, thực hiện theo quy định của nhà nước [H1.06.06.08] [H6.06.06.09] [H6.06.06.10] [H6.06.06.11].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 6.7: Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Trong giai đoạn 2018-2023, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam với các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch nguồn nhân lực được cải tiến để hỗ trợ hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, cụ thể: Quy chế chi tiêu nội bộ được cập nhật thường xuyên, bổ sung các định mức chi, nâng mức chi cho các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD như thu nhập tăng thêm, các khoản thưởng, các khoản chi phúc lợi cho cán bộ, viên chức và người lao động [H1.06.07.01]. Trên cơ sở quy chế thi đua, khen thưởng của cơ quan Trung ương Đoàn, để khuyến khích và động viên các cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, Học viện đã ban hành Thông báo về việc ban hành tiêu chí thí điểm đánh giá các tập thể, cá nhân hàng tháng và tuyên dương khen thưởng theo quý. [H1.06.07.02].

Để thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao từ bên ngoài đồng thời tạo động lực cho cán bộ, viên chức và người lao động học tập nâng cao trình độ, Học viện đã ban hành quy định về đãi ngộ đối với giảng viên có trình độ tiến sỹ [H1.06.07.03]. Các cán bộ, viên chức trình độ cao được tạo điều kiện trong việc đề bạt, được đưa vào quy hoạch cán bộ để công hiến trí tuệ, nguồn trí thức chất lượng cao để phát triển Học viện [H1.06.07.04].

Hàng năm, Học viện tiến hành rà soát các quy trình để tiến hành cải tiến, chỉnh sửa, bổ sung nhằm đáp ứng sự thay đổi quy định của pháp luật, sự phát triển của Học viện và nguồn nhân lực. Trong công tác quy hoạch, Học viện thực hiện việc quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp khoa, phòng, trung tâm, Ban Giám đốc Học viện để làm căn cứ cho phát triển nguồn nhân lực theo các quy trình, quy định và hướng dẫn của Trung ương Đoàn. Thông qua việc nguồn nhân lực được quy hoạch, đặc biệt là đội ngũ viên chức lãnh đạo, quản lý đã góp phần đảm bảo nguồn nhân lực đáp ứng đầy đủ cho nhu cầu của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H1.06.07.05].

Các quy định về công tác tổ chức cán bộ, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng; Quy định về bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ; các thông báo tuyển dụng viên chức; Quy trình nâng bậc lương có thông báo và hướng dẫn được rà soát và cập nhật thường xuyên, Quy định về quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học được rà soát, điều chỉnh để nâng cao hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện [H1.06.07.06] [H1.06.07.07] [H1.06.07.08].

Bên cạnh việc liên tục cập nhật, cải tiến các chế độ chính sách về nguồn nhân lực, căn cứ Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045; Kế hoạch chiến lược phát triển đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên; Đề án vị trí việc làm đã được phê duyệt, Học viện tiến hành phê duyệt Quy hoạch nguồn lực cho các đơn vị trực thuộc và được rà soát, bổ sung Quy hoạch hàng năm, để từ đó có cơ sở đầu tư cho phát triển nhân lực của Học viện trong từng giai đoạn phát triển [H1.06.07.09] [H1.06.07.10].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 6:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã thực hiện tốt công tác quản lý nguồn nhân lực; đã xây dựng chiến lược phát triển Học viện, xây dựng Đề án vị trí việc làm mang tính tổng thể và đồng bộ ở các nhóm và các khâu của công tác cán bộ. Trong Đề án đã quy định cụ thể về tiêu chuẩn năng lực, trong đó bao gồm cả kỹ năng lãnh đạo của các nhóm viên chức.

- Học viện đã ban hành các Quy định về tuyển dụng, bổ nhiệm, Quy định về nâng bậc lương thường xuyên, nâng bậc lương trước thời hạn, thâm niên nhà giáo, Quy định về chế độ làm việc của viên chức và người lao động tại Học viện, Quy chế chi tiêu, Quy định về đào tạo, bồi dưỡng. Các quy định, quy chế này là các căn cứ để thực hiện tuyển dụng, bổ nhiệm và thực hiện các chính sách về nhân sự, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực của Học viện.

- Học viện có các hướng dẫn cụ thể về đánh giá cán bộ, thi đua khen thưởng, có các hình thức thi đua khen thưởng riêng, phù hợp với pháp luật và thực tiễn tại Học viện, từ đó viên chức lập thành tích được ghi nhận động viên kịp thời, khách quan, tạo động lực làm việc cho viên chức và người lao động, góp phần tạo tính hấp dẫn cho môi trường Học viện làm việc để thu hút các giảng viên có trình độ cao và năng lực tốt từ các cơ quan, đơn vị, tổ chức khác.

- Các tiêu chí tuyển dụng đã được xác định một cách rõ ràng và được phổ biến công khai. Các viên chức quản lý được tuyển dụng, lựa chọn đều đáp ứng các tiêu chí của Học viện.

- Các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực được rà soát, kiểm tra và báo cáo thường xuyên, đảm bảo thực hiện đúng quy định và kịp thời, tạo được niềm tin cho viên chức và người lao động.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện chưa xây dựng được một văn bản riêng quy định tiêu chuẩn năng lực đối với chức danh lãnh đạo, quản lý.

- Học viện chưa xây dựng được kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hàng năm. Cơ chế chính sách về thu hút nhân tài và phát triển đội ngũ có trình độ

cao chưa đủ mạnh nên đội ngũ có trình độ cao phát triển chậm.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Ban hành văn bản riêng để quy định cụ thể hóa các tiêu chuẩn năng lực đối với chức danh lãnh đạo, quản lý	BGD; Phòng TC-HC	Năm 2024
2	Khắc phục tồn tại 3	- Xây dựng kế hoạch phát triển nguồn nhân lực hàng năm. - Rà soát, đổi mới các chế độ chính sách thu hút nguồn nhân lực có trình độ cao.	Phòng TC-HC	Hàng năm
3	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát, điều chỉnh và bổ sung Đề án vị trí việc làm hàng năm.	BGD; Phòng TC-HC	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên rà soát và cải tiến các quy định, quy chế cho phù hợp với các quy định pháp luật, phù hợp với thực tiễn của Học viện và để thực hiện các giải pháp đột phá chiến lược về nhân sự.	BGD; Phòng TC-HC	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục duy trì chế độ khen thưởng và ghi nhận thành tích thi đua để tạo động lực làm việc cho VC và NLD.	BGD; Phòng TC-HC	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 4	Tiếp tục duy trì các tiêu chí tuyển dụng và phổ biến công khai quy trình tuyển dụng.	BGD; Phòng TC-HC	Hàng năm
7	Phát huy điểm mạnh 5	Tiếp tục rà soát các chế độ, chính sách, quy trình và quy hoạch về nguồn nhân lực.	BGD; Phòng TC-HC	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 6</i>	5
Tiêu chí 6.1	5
Tiêu chí 6.2	5
Tiêu chí 6.3	5
Tiêu chí 6.4	5
Tiêu chí 6.5	5
Tiêu chí 6.6	5
Tiêu chí 6.7	5

Tiêu chuẩn 7: Quản lý tài chính và cơ sở vật chất

Tiêu chí 7.1: Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của cơ sở giáo dục để hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Để phát huy được nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất phục vụ cho hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, Học viện đã thành lập bộ phận chuyên trách về công tác tài chính là Phòng Kế hoạch - Tài vụ [H1.07.01.01]. Chức năng, nhiệm vụ của Phòng Kế hoạch - Tài vụ được ban hành kèm theo Quyết định số 407 QĐ/HVTTNVN ngày 13/12/2011. Theo đó, Phòng Kế hoạch - Tài vụ là đơn vị chức năng tham mưu cho Giám đốc Học viện thực hiện quản lý về công tác kế hoạch - tài chính, hạch toán, kế toán, quản lý và sử dụng vốn, quỹ, nguồn kinh phí của Học viện theo các chế độ, quy định hiện hành. Phòng Kế hoạch - Tài vụ là đơn vị thường trực xây dựng kế hoạch trung hạn và dài hạn của Học viện; chủ trì phối hợp với các đơn vị có liên quan thực hiện theo dõi, giám sát đánh giá việc phát triển của các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.07.01.02].

Phòng Kế hoạch - Tài vụ hiện nay có đủ nhân lực và công cụ để hỗ trợ cho việc thực hiện các chức năng, nhiệm vụ được giao. Công tác lập kế hoạch và theo dõi, giám sát việc phát triển các nguồn lực tài chính phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được triển khai qua hệ thống các phần mềm chuyên dụng như: phần mềm kế toán, phần mềm hoá đơn... từ đó nâng cao hiệu quả quản lý và triển khai các nhiệm vụ được giao [H1.07.01.03].

Học viện đã ban hành các văn bản chiến lược, kế hoạch dài hạn và ngắn hạn để tạo các nguồn tài chính hợp pháp hỗ trợ việc thực hiện tầm nhìn, sứ mạng, các mục tiêu chiến lược trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Cụ thể là:

Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045, trong đó, xác định nguồn tài chính của Học viện hình thành

từ ngân sách Nhà nước cấp, nguồn thu từ học phí; nguồn thu sự nghiệp và các nguồn thu khác [H1.07.01.04].

Hội đồng Học viện đã ban hành Quy chế tài chính của Học viện quy định về nguyên tắc, thẩm quyền quản lý tài chính và các quy định về: Nguồn tài chính và nhiệm vụ chi; lập và chấp hành dự toán ngân sách, quyết toán kinh phí Ngân sách nhà nước cấp, quản lý hoạt động thu thi; nguyên tắc quản lý vốn và tài sản, lập và sử dụng quỹ, kế toán, kiểm toán và quyết toán tài chính, công khai tài chính; việc sử dụng các nguồn lực tài chính phát sinh, các hoạt động tài chính khác tại Học viện. Các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện, cá nhân có liên quan đến công tác tài chính của Học viện có trách nhiệm thực hiện các quy định của quy chế và các quy định về chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi tiêu theo Quy chế chi tiêu nội bộ của Học viện [H1.07.01.05] [H1.07.01.06].

Bảng: Các nguồn lực tài chính của Học viện giai đoạn 2018 – 2023

Đơn vị tính: Triệu đồng

Cấu trúc nguồn thu	Năm 2018		Năm 2019		Năm 2020		Năm 2021		Năm 2022		Năm 2023 (ước tính)	
	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ	Số tiền	Tỷ lệ
Từ ngân sách nhà nước cấp	25,980	52%	29,132	46%	25,708	39%	23,556	30%	29,135	32%	21,560	27%
Từ học phí các lớp theo chỉ tiêu đào tạo	9,406	19%	13,207	21%	15,118	23%	19,112	24%	30,563	33%	34,000	42%
Từ nguồn thu sự nghiệp	14,767	29%	21,521	34%	24,482	37%	37,105	47%	32,600	35%	25,000	31%
Từ các nguồn khác	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0
Tổng cộng:	50,153		63,860		65,308		79,773		92,298		80,560	

Hàng năm, Phòng Kế hoạch - Tài vụ tổng hợp dự toán thu chi ngân sách nhà nước, báo cáo Giám đốc Học viện xem xét, trình Trung ương Đoàn phê duyệt phục vụ các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng theo đúng chiến lược phát triển của Học viện. Trên cơ sở phê duyệt của Trung ương Đoàn, Học viện giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm cho các đơn vị trực thuộc gồm: Tạp chí Thanh niên, Viện nghiên cứu Thanh niên, Phân viện miền Nam và Văn phòng Học viện (Khối đào tạo cơ sở Hà Nội). Đây được coi là bản kế hoạch phát triển các nguồn lực tài chính trong ngắn hạn của Học viện với các chỉ tiêu tài chính để các đơn vị thực hiện hàng năm sát với thực tiễn và có tính khả thi [H1.07.01.07] [H1.07.01.08] [H1.07.01.09] [H1.07.01.10]. Công tác lập dự toán tài chính hàng năm của Học viện thực hiện đúng theo quy định của Nhà nước [H1.07.01.11] [H1.07.01.12] [H1.07.01.13] [H1.07.01.14] [H1.07.01.15] [H1.07.01.16]. Việc xây dựng kế hoạch tài chính hàng năm được thực hiện rõ ràng, minh bạch và đúng thời hạn [H1.07.01.17]. Các số liệu tài chính kế toán và toàn bộ hoạt động của Học viện được thực hiện phù hợp trên các chế độ, chuẩn mực và luật dành cho các đơn vị hành chính sự nghiệp có thu [H1.07.01.18] [H1.07.01.19] [H1.07.01.20] [H1.07.01.21] [H1.07.01.22] [H1.07.01.23] [H1.07.01.24] [H1.07.01.25] [H1.07.01.26] [H1.07.01.27] [H1.07.01.28] [H1.07.01.29] [H1.07.01.30] [H1.07.01.31] [H1.07.01.32] [H1.07.01.33] [H1.07.01.34].

Để tăng cường công tác quản lý tài chính, Học viện đã xây dựng và ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ [H1.07.01.35]. Quy chế đã tạo quyền chủ động trong việc quản lý, chi tiêu tài chính cho thủ trưởng đơn vị, viên chức, người lao động nhằm hoàn thành nhiệm vụ được giao; đảm bảo việc chi tiêu đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả và thống nhất trong toàn Học viện; từng bước tăng thu nhập, khuyến khích tính hăng say làm việc trong đội ngũ viên chức, người lao động đồng thời tăng tích lũy nguồn tài chính tái đầu tư phát triển Học viện.

Trên cơ sở Quyết định giao dự toán ngân sách nhà nước hàng năm của Trung ương Đoàn [H1.07.01.36], Học viện đã triển khai thực hiện kế hoạch

tăng cường nguồn lực tài chính thông qua Quyết định giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm về tài chính cho các đơn vị trực thuộc Học viện [H1.07.01.37].

Công tác kiểm tra, kiểm toán về công tác tài chính của Học viện được thực hiện bởi cơ quan quản lý cấp trên: Trung ương Đoàn, Kiểm toán Nhà nước. Hàng năm, Học viện có trách nhiệm báo cáo hoạt động tài chính cho Trung ương Đoàn, Trung ương Đoàn sẽ ban hành thông báo xét duyệt quyết toán ngân sách đối với Học viện [H1.07.01.38].

Ngoài ra, Học viện còn đáp ứng công tác kiểm tra xét duyệt quyết toán năm đối với Kiểm toán Nhà nước khi có văn bản quy định. Căn cứ Công văn số 10141-CV/TWĐTN-VP ngày 01/8/2022 của Ban Bí thư Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh về việc thực hiện kiến nghị của Kiểm toán nhà nước năm 2021; Thông báo số 484/TB-KTNN ngày 26/7/2022 của Kiểm toán Nhà nước về kết quả kiểm toán tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện đã Báo cáo tình hình thực hiện kiến nghị của Kiểm toán Nhà nước [H1.07.01.39].

Hàng năm, việc thực hiện các kế hoạch tài chính được phản ánh trong báo cáo tài chính của Học viện, các đơn vị trực thuộc Học viện và tổng hợp báo cáo tài chính của toàn Học viện [H1.07.01.40]. Công tác tài chính liên tục được rà soát, đánh giá, cập nhật hàng năm thông qua Hội nghị viên chức, người lao động Học viện, báo cáo tổng kết công tác năm, báo cáo của Ban Thanh tra nhân dân [H1.07.01.41], [H1.07.01.42]. Qua đó, Học viện chỉ đạo các đơn vị chuyên môn triển khai sửa đổi các quy định quản lý tài chính trong quy chế chi tiêu nội bộ cho phù hợp với tình hình thực tế, thực tiễn phát triển của Học viện và các quy định quản lý tài chính của Nhà nước.

Cơ cấu thu, chi giai đoạn 2018 - 2023 về cơ bản đã đáp ứng được yêu cầu triển khai công tác đào tạo, nghiên cứu khoa học, phục vụ cộng đồng và các hoạt động khác của Học viện. Các mục tiêu tài chính đã đạt được một số kết quả nhất định như: Về hoạt động thường xuyên, cơ cấu nguồn thu giảm dần từ nguồn ngân sách Nhà nước cấp, tăng cường nguồn thu từ học phí. Về cơ cấu chi: Tăng tỉ lệ chi cho con người, nghiệp vụ chuyên môn... Như vậy, công tác rà soát kế hoạch tài chính luôn được chú trọng nhằm đánh giá đúng tình hình

thực hiện kế hoạch của Học viện, kịp thời có những điều chỉnh cho phù hợp với thực tiễn.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.2. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Công tác cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng luôn được Học viện quan tâm, coi trọng. Học viện giao cho phòng Quản trị là đầu mối phối hợp với phòng Kế hoạch - Tài vụ và các đơn vị trong Học viện chịu trách nhiệm quản lý, mua sắm, bảo trì, sửa chữa và sử dụng cơ sở vật chất; giám sát thực hiện kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá và nâng cấp cơ sở vật chất về hạ tầng các trang thiết bị dạy và học để thực hiện nhiệm vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng [H1.07.02.01] [H1.07.02.02]. Việc kiểm tra, đánh giá kết quả được thực hiện chặt chẽ và đã được phân công nhiệm vụ trong Ban Giám đốc Học viện [H1.07.02.03]. Để nâng cao cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học, công tác lập kế hoạch luôn được chú trọng. Kế hoạch được xây dựng và được phê duyệt thực hiện để đầu tư cho cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, các phương tiện dạy và học, các phòng học, nhà chức năng, thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH [H1.07.02.04].

Việc vận hành lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng, phương tiện dạy học, các phòng thực hành, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thực hiện trên cơ sở căn cứ chiến lược phát triển Học viện qua các giai đoạn [H1.07.02.05]. Căn cứ kế hoạch hoạt động từng năm học, Học viện triển khai kế hoạch mua sắm cơ sở vật chất, trang thiết bị hàng năm, nhằm thực hiện đầu tư, quản lý cơ sở vật chất, cơ sở hạ tầng một cách đồng bộ, khoa học và có hiệu quả [H1.07.02.06] [H1.07.02.07]. Nhờ vậy, từ năm 2018 đến nay, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã có hệ thống hạ tầng kỹ thuật, trang thiết bị,

phương tiện dạy và học, phòng thực hành tương đối đồng bộ, hiện đại, đủ để phục vụ cho dạy, học, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, **[H1.07.02.8]**.

Học viện đã sử dụng nhiều nguồn kinh phí khác nhau để tăng cường đầu tư về cơ sở vật chất một cách đồng bộ và tiện nghi, phục vụ tốt công tác quản lý đào tạo, nghiên cứu khoa học, cung cấp dịch vụ và các sinh hoạt hàng ngày của viên chức, người lao động, đội ngũ giảng viên và người học **[H1.07.02.09]** **[H1.07.02.10]**. Việc rà soát, đánh giá sử dụng cơ sở vật chất được phòng Quản trị phối hợp với các đơn vị trong Học viện thực hiện qua việc giám sát, theo dõi sử dụng tại các đơn vị. Các công cụ theo dõi đánh giá bao gồm sổ quản lý vận hành các hệ thống điều hòa, thiết bị **[H1.07.02.11]**. Khi hỏng, các đơn vị, cá nhân báo với Phòng Quản trị và được sửa chữa kịp thời, đặc biệt tại các phòng học, đảm bảo việc dạy và học không bị gián đoạn **[H1.07.02.12]**.

Nhằm theo dõi, đánh giá chính xác hiệu quả sử dụng hệ thống cơ sở vật chất và hạ tầng các phương tiện dạy và học, phòng thực hành, thiết bị đối với từng loại hình đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, Học viện đã giao nhiệm vụ cho Phòng Quản trị phối hợp với các bộ phận khác có liên quan thành lập các tổ công tác kiểm kê, kiểm tra cơ sở vật chất để đánh giá và đề xuất để đáp ứng tốt nhu cầu học tập tại giảng đường, nhu cầu sinh viên ở tại kí túc xá, cũng như nhu cầu của cán bộ, viên chức, người lao động **[H1.07.02.13]** **[H1.07.02.14]**. Học viện cũng đã tiến hành khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người học về cơ sở vật chất phục vụ hoạt động học tập của sinh viên, giảng dạy của giảng viên thông qua các buổi giao ban sinh viên hàng tháng, các đợt khảo sát **[H1.07.02.15]** **[H1.07.02.16]**.

Tất cả các hoạt động từ việc lập kế hoạch đầu tư, bảo trì, đánh giá, rà soát, xây dựng cơ sở dữ liệu theo dõi, quá trình cải tiến nâng cấp cơ sở vật chất và phương tiện dạy và học, phòng thực hành, thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, được thực hiện trên cơ sở quy định của Quy chế mua sắm, quản lý và sử dụng tài sản của Học viện **[H1.07.02.17]**.

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.3. Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, kiểm toán, nâng cấp các thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng trong Học viện đóng vai trò rất quan trọng đến việc cung cấp các dịch vụ phục vụ nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học. Với quy mô Học viện lớp như hiện nay, Học viện phân công trách nhiệm vụ đối với từng đơn vị thuộc Học viện:

Học viện giao Phòng Quản trị xây dựng kế hoạch phát triển công nghệ thông tin; xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện hoạt động quản trị hệ thống thông tin, đảm bảo an toàn thông tin, bảo trì, bảo dưỡng, sửa chữa thiết bị công nghệ của hệ thống máy chủ, đảm bảo vận hành tốt phục vụ công tác quản lý điều hành của Học viện; Quản lý, sửa chữa, bảo trì hệ thống cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, hệ thống mạng, lập kế hoạch bảo trì, nâng cấp thường xuyên và liên tục. Phòng Tổ chức - Hành chính thực hiện quản trị thông tin trên website Học viện [H1.07.03.01] [H1.07.03.02].

Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 xác định các giải pháp hiện đại hóa, quản lý khai thác có hiệu quả cơ sở vật chất, trong đó có việc nâng cấp cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin mạnh và tiên tiến [H1.07.03.03].

Hàng năm, căn cứ vào tình hình thực tế và nhu cầu của các đơn vị, Phòng Quản trị phối hợp với Phòng Kế hoạch - Tài chính xây dựng kế hoạch đầu tư về thiết bị công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt [H1.07.03.04].

Trên cơ sở kế hoạch hàng năm, Học viện bố trí nguồn kinh phí đầu tư cung cấp cơ sở hạ tầng bao gồm hệ thống mạng LAN, máy chủ, các phòng thực hành máy tính, các phần mềm phục vụ quản lý và được lên kế hoạch bảo trì, sửa chữa kịp thời. Nhờ vậy, hệ thống công nghệ thông tin và cơ sở hạ tầng công

nghe thông tin ngày càng đáp ứng tốt hơn các nhu cầu của viên chức, người lao động và sinh viên Học viện. Cụ thể, hiện nay, Học viện có 100 máy tính để bàn, 20 máy tính xách tay trang bị tại các phòng làm việc của các phòng, khoa, 02 phòng thực hành máy tính với số lượng 100 Bộ máy tính, có 01 hệ thống máy chủ.

Bên cạnh sự kiểm tra thường xuyên của bộ phận chức năng, kế hoạch bảo dưỡng định kỳ, các phòng máy, phòng học, phòng làm việc, Website được giao hằng năm theo giao dự toán kinh phí hàng năm cho các đơn vị. Học viện định kỳ hàng tháng tổ chức giao ban sinh viên để tiếp nhận các ý kiến phản hồi từ sinh viên về hệ thống CNTT và cơ sở hạ tầng để tiếp nhận ý kiến, rà soát đánh giá hiệu quả của việc đầu tư.

Để đáp ứng nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, về hệ thống công nghệ thông tin, Học viện đã thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về hệ thống này. Trên cơ sở đó, các đơn vị quản lý có liên quan đề xuất việc thực hiện cải tạo, cải tiến hệ thống nhằm đảm bảo ngày càng tốt hơn cho nhu cầu đào tạo, nghiên cứu khoa học **[H1.07.03.05]** **[H1.07.03.06]**. Kết quả khảo sát lấy ý kiến cho thấy việc đầu tư, sửa chữa, bảo trì hệ thống thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng là có hiệu quả, mức độ đáp ứng về hệ thống Internet, wifi và máy tính, hệ thống quản trị mạng, cơ sở hạ tầng thông tin của Học viện hoạt động có hiệu quả đáp ứng nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCD.

Bên cạnh đó tại báo cáo của Ban thanh tra nhân dân hàng năm; báo cáo quyết toán, báo cáo, nghị quyết hội nghị CNVC, báo cáo hội nghị công tác đào tạo khoa học hàng năm đã đánh giá việc đầu tư, sửa chữa, bảo trì hệ thống CNTT, CSVC đã đáp ứng được yêu cầu thực hiện các nhiệm vụ của Học viện **[H1.07.03.07]** **[H1.07.03.08]** **[H1.07.03.09]**. Chính sách tài chính đầu tư cho thiết bị công nghệ thông tin và thiết bị hạ tầng được thiết lập dựa trên chính sách tự chủ của cơ sở giáo dục công lập **[H1.07.03.10]**.

Học viện giao cho phòng TC-HC, phòng quản trị và các đơn vị liên quan rà soát, đánh giá, theo dõi hiệu quả sử dụng thiết bị công nghệ thông tin và cơ

sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng, hệ thống dự phòng, bảo mật và quyền truy cập, thông qua báo cáo đánh giá nhiệm vụ các năm học. Trên cơ sở các ý kiến đánh giá, kết luận của hội nghị và đề xuất từ các bên liên quan, Học viện đã triển khai việc nâng cấp, cải tiến thiết bị CNTT và cơ sở hạ tầng như máy tính, hệ thống mạng đáp ứng được nhu cầu đào tạo, NCKH và PVCĐ. Học viện đã có sự cải tiến trong đầu tư mua sắm, sửa chữa, bảo trì, nâng cấp các thiết bị CNTT, hạ tầng mạng, đường truyền internet, các phần mềm quản lý phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ trên cơ sở kết quả khảo sát các đối tượng và sự phát triển chung của Học viện [H1.07.03.11] [H7.07.03.12].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.4: Hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập và vận hành

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã thiết lập hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Học viện có văn bản quy định rõ ràng về cơ cấu, chức năng nhiệm vụ các đơn vị trực thuộc Học viện, trong đó các đơn vị liên quan đến quản trị nguồn lực học tập như Thư viện, CSDL trực tuyến, thiết bị giảng dạy...là Trung tâm Thông tin - Thư viện và Phòng Quản trị [H1.07.04.01] [H1.07.04.02].

Bên cạnh đó, các kế hoạch đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến cũng được xây dựng và ban hành một cách kịp thời, bám sát thực tiễn. Các hoạt động liên quan đến công tác đầu tư, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến được lập kế hoạch hàng năm và được phê duyệt, như: kế hoạch bổ sung vốn tài liệu, rà soát và mua CSDL trực tuyến, rà soát các nguồn tin trực tuyến, rà tài liệu theo Đề

cương môn học, kiểm kê tài liệu, kế hoạch bổ sung trang thiết bị...

[H1.07.04.03] [H1.07.04.04] [H1.07.04.05] [H1.07.04.06]

Học viện rất chú trọng đầu tư mới, bảo trì các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến nhằm đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Hàng năm, kinh phí đều được phân bổ cho các mục mua học liệu, mua Cơ sở dữ liệu trực tuyến cho Thư viện, mua mới, bảo trì thiết bị hỗ trợ giảng dạy... **[H1.07.04.07] [H1.07.04.08] [H1.07.04.09] [H1.07.04.10]**.

Bên cạnh việc đầu tư và bảo trì các nguồn lực học liệu, như nguồn học liệu của Thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và cộng đồng, hàng năm, các đơn vị chức năng đều có hoạt động rà soát, đánh giá hiệu quả đầu tư cho các nguồn lực kể trên. Tuy nhiên, trong giai đoạn dịch COVID-19 đang bùng phát, việc giảng dạy chuyển sang hình thức online, các nhu cầu thông tin cũng được phục vụ trực tuyến nhiều nên các trang thiết bị hỗ trợ giảng dạy được sử dụng cũng giảm xuống.

Trung tâm Thông tin - Thư viện là nơi cung cấp sách báo, tài liệu và tạo mọi điều kiện thuận lợi cho cán bộ, giảng viên và sinh viên khai thác thông tin phục vụ học tập và NCKH. Để thực hiện việc quản lý sử dụng và khai thác các tài liệu thư viện có hiệu quả, Học viện đã ban hành Quy định về chức năng, nhiệm vụ của Trung tâm Thông tin - Thư viện, quy định nội quy Thư viện, tài liệu hướng dẫn sử dụng thư viện số của Học viện **[H1.07.04.11] [H1.07.04.12] [H7.07.04.13]**. Thời gian mở cửa của thư viện theo giờ hành chính và được quy định theo mùa để phù hợp với thời gian giảng dạy của cán bộ, giảng viên và thời gian học tập của sinh viên **[H7.07.04.14]**. Thư viện có diện tích trên 500m², bao gồm phòng đọc, phòng xử lý thông tin, mượn sách, phòng máy tính. Hiện nay, thư viện của Học viện có trên 10.000 đầu sách các loại, có hơn 300 đề tài nghiên cứu khoa học, đề tài tốt nghiệp của sinh viên, luận văn tham khảo, 05 máy tính nối mạng internet phục vụ miễn phí nhu cầu tra cứu thông tin của giảng viên và sinh viên **[H7.07.04.15]**.

Phòng Quản trị có các dữ liệu theo dõi, đánh giá hiệu quả sử dụng các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến. Dữ liệu này được tổng hợp qua các kỳ rà soát, đánh giá định kỳ, bao gồm Biên bản kiểm kê; Danh mục đề xuất tu bổ tài liệu sau kiểm kê; **[H1.07.04.16]** **[H1.07.04.17]**. Các dữ liệu này được dùng để đánh giá hiệu quả đầu tư của Học viện, đồng thời là căn cứ cho phê duyệt các đề xuất mua/bảo trì tài nguyên học liệu, trang thiết bị... Để có dữ liệu cài tiến nhằm phục vụ tốt hơn nhu cầu của giảng viên và sinh viên, Học viện giao Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về mức độ hài lòng về cơ sở vật chất, hệ thống công nghệ thông tin và thư viện để tiếp thu các kiến nghị, kịp thời điều chỉnh, cải tiến **[H1.07.04.18]**.

Một yếu tố cũng rất được Học viện quan tâm, chú trọng là tính cập nhật của các nguồn lực học tập như nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, CSDL trực tuyến phục vụ đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Các nguồn lực này được các đơn vị chịu trách nhiệm cập nhật định kỳ, thể hiện ở Danh mục tài liệu thuộc các cơ sở dữ liệu theo các năm trong chu kỳ đánh giá, gồm: Cơ sở dữ liệu Đề cương môn học; Cơ sở dữ liệu luận văn; Cơ sở dữ liệu sách in; Cơ sở dữ liệu sách điện tử **[H1.07.04.19]**.

Hàng năm, Học viện đã lập kế hoạch đầu tư cải tiến các nguồn lực học tập như: Nguồn học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu **[H1.07.04.20]**. Trong giai đoạn 2018 - 2023 một số hạng mục thiết bị dạy học đã được Học viện đầu tư quan tâm cải tiến như: thay thế hệ thống máy chiếu kém chất lượng; Cấp bổ sung máy tính cho Trung tâm Thư viện đáp ứng yêu cầu học tập, nghiên cứu cho sinh viên, đầu tư kinh phí lắp đặt các màn hình Led lớn tại các hội trường Học viện phục vụ cho học tập chuyên đề, sinh hoạt học thuật, hoạt động cộng đồng của CB, GV, SV. Đầu tư kinh phí để trang bị máy tính đồng bộ cho các khoa, phòng chuyên môn **[H1.07.04.21]**.

Quá trình thiết lập và vận hành hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá và tăng cường các nguồn lực học liệu của thư viện, thiết bị hỗ trợ giảng dạy, cơ sở dữ liệu để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ

cộng đồng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được tổng kết, rà soát, đánh giá hiệu quả hoạt động hàng năm thông qua các hội nghị, các cuộc họp giao ban định kỳ hàng tháng và tại các cuộc họp tổng kết hàng năm [H1.07.04.22] [H1.07.04.23] [H1.07.04.23].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Tiêu chí 7.5. Hệ thống lập kế hoạch, thực hiện, đánh giá và cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được thiết lập và vận hành

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có phòng Quản trị là đơn vị chịu trách nhiệm về công tác vệ sinh môi trường Học viện, đảm bảo an ninh trật tự, hướng dẫn sinh viên trong việc thực hiện chế độ bảo hiểm y tế; Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên là đơn vị hướng dẫn chế độ chính sách cho người học về các trợ cấp xã hội; Công đoàn học viện là đơn vị xây dựng kế hoạch khám sức khỏe cho viên chức, người lao động Học viện. Phòng Tổ chức - Hành chính là đơn vị quản lý nhân sự, tham mưu các chế độ chính sách cho cán bộ, giảng viên và người lao động Học viện [H1.07.05.01] [H1.07.05.04] [H1.07.05.03] [H1.07.05.04].

Học viện lập kế hoạch và triển khai các công việc cụ thể theo năm học như phương án vệ sinh môi trường Học viện, cắt tỉa cây cảnh, và tưới cây đảm bảo môi trường Học viện xanh - sạch - đẹp [H1.07.05.05], phương án bảo vệ Học viện đảm bảo an ninh trật tự [H1.07.05.06]. Kế hoạch phòng cháy chữa cháy đảm bảo luôn sẵn sàng ứng phó với tình huống khẩn cấp [H1.07.05.07]; kế hoạch khám sức khỏe định kỳ cho cán bộ, viên chức, người lao động và học sinh, sinh viên được thực hiện đầy đủ [H1.07.05.08] [H1.07.05.09].

Hàng năm, Học viện đầu tư cho công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn, an ninh trật tự ...bằng việc ký kết hợp đồng dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt; hợp đồng phun thuốc diệt muỗi; hợp đồng nâng cấp hệ thống camera an ninh toàn Học viện [H1.07.05.10] [H1.07.05.11] [H1.07.05.12]. Học viện có các báo cáo hàng năm về việc đầu tư cho công tác vệ sinh môi trường, sức khỏe, an toàn, an ninh trật tự và khả năng tiếp cận của

những người có nhu cầu đặc biệt như: biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng thu gom rác thải, biên bản nghiệm thu thanh lý hợp đồng phun thuốc muỗi [H1.07.05.13] [H1.07.05.14] [H1.07.05.15]. Học viện có các cáo cáo về sự an toàn về môi trường làm việc của Học viện như: báo cáo công tác phòng cháy chữa cháy; có báo cáo về việc đầu tư cho môi trường, sức khỏe, sự an toàn [H1.07.05.16].

Đối với lĩnh vực chăm sóc sức khỏe: Học viện phối hợp để thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe cho CB, GV, SV theo đúng quy định và các hướng dẫn của cấp trên. 100% CB, GV, SV Học viện đều thực hiện mua Bảo hiểm y tế, 100% CB, GV đều được đóng BHYT đầy đủ, đảm bảo thuốc men điều trị [H1.07.05.17] [H1.07.05.18].

Đối với lĩnh vực an toàn trong Học viện: toàn bộ hệ thống khuôn viên Học viện được đầu tư xây dựng hệ thống bảo vệ bao bọc xung quanh, Học viện có đội ngũ bảo vệ thực hiện việc đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn đảm bảo chuyên nghiệp trong và ngoài khuôn viên Học viện [H1.07.05.19]. Ngoài lực lượng bảo vệ, Học viện còn thực hiện nghiêm túc quy chế phối hợp chặt chẽ với chính quyền, cơ quan Công an địa phương để phối hợp tốt trong công tác bảo vệ an ninh chung trong khu vực [H1.07.05.20]. Học viện thường xuyên cử cán bộ đi học tập huấn nghiệp vụ phòng cháy, chữa cháy để thực hiện nhiệm vụ đảm bảo an toàn khi có sự cố cháy xảy ra [H1.07.05.21]. Hệ thống các tòa nhà trong Học viện được thiết kế đảm bảo an toàn, có lối thoát hiểm, có hệ thống đèn chỉ báo khi gặp sự cố [H1.07.05.22], có hệ thống thang máy hiện đại và được bảo trì bảo dưỡng thường xuyên [H1.07.05.23], các phòng học, phòng thực hành, nhà đa năng đều có bảng nội quy và hướng dẫn sử dụng các trang thiết bị để đảm bảo an toàn phòng cháy [H1.07.05.24].

Bên cạnh việc quan tâm về môi trường, sức khỏe, an toàn thì việc thực hiện các nhiệm vụ khác, để đảm bảo tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt, hàng năm Học viện đã có các hoạt động dịch vụ, đáp ứng nhu cầu của người học. Học viện đầu tư cơ sở vật chất thể dục thể thao đáp ứng nhu cầu, tạo sân chơi về văn hóa, văn nghệ, thể dục - thể thao, hoạt động ngoại khóa cho

CB, GV, SV trong toàn Học viện; thiết lập công thông tin về việc làm, giới thiệu việc làm cho người học thông qua các hoạt động với sự tham gia của các Khoa chuyên môn, phòng ĐT và CTSV, Đoàn thanh niên, Hội sinh viên phối hợp tổ chức thực hiện.

Việc theo dõi đánh giá, cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt được giao cho Phòng quản trị, Phòng Đào tạo và công tác sinh viên, Phòng Kế hoạch - Tài vụ thực hiện và quản lý cơ sở dữ liệu theo chức năng nhiệm vụ. Dựa trên các kết quả đánh giá, rà soát, Học viện đã cải thiện hiệu quả đầu tư cải tiến môi trường, sức khỏe, sự an toàn và khả năng tiếp cận của những người có nhu cầu đặc biệt. Các kế hoạch cải tiến luôn được đưa vào chương trình công tác hàng năm của Học viện [**H1.07.05.25**]. Đặc biệt, để khuyến khích những sinh viên có hoàn cảnh đặc biệt đến học, Học viện đã có chính sách miễn giảm học phí, cấp học bổng cho thí sinh Trung học phổ thông trúng tuyển vào Học viện [**H1.07.05.26**].

Tự đánh giá tiêu chí: 5/7.

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 7:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Học viện được thành lập đúng quy định, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, hoạt động hiệu quả. Công tác kế toán tài chính thực hiện đúng với các văn bản quy định của các Cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Phân công, phân nhiệm hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCD đúng quy định.

- Công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan đảm bảo xanh - sạch - đẹp, việc thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế cho CB, GV và SV được thực hiện đầy đủ. Công tác an ninh trường học được tăng cường, an toàn về tài sản và an ninh trật tự trong khu vực được đảm bảo.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các văn bản liên quan đến sự cải tiến chưa được trình bày thành văn bản rõ ràng mà đang được trình bày lồng ghép ở nhiều văn bản khác nhau.

- Việc thực hiện quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ cho các hoạt động về cơ sở vật chất, thư viện, môi trường, sức khỏe, an toàn chưa khoa học, phân tán, từ đó ảnh hưởng đến hiệu quả xây dựng kế hoạch triển khai khắc phục và cải tiến.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Văn bản cải tiến về tài chính kế toán riêng biệt cho từng hoạt động: đào tạo, NCKH và PVCĐ	BGD; Phòng KH-TV	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Thực hiện xây dựng và quản lý cơ sở dữ liệu một cách khoa học, có cán bộ đầu mối chuyên trách để tổng hợp, tham vấn, đề xuất kế hoạch chung của Học viện	BGD	2023
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống lập kế hoạch, triển khai, kiểm toán, tăng cường các nguồn lực tài chính của Học viện được thành lập đúng quy định, được phân công nhiệm vụ rõ ràng, hoạt động hiệu quả. Công tác kế toán tài chính thực hiện đúng với các văn bản quy định của các Cơ quan Nhà nước	Phòng KH-TV	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phân công, phân nhiệm hệ thống lập kế hoạch, bảo trì, đánh giá, nâng cấp cơ sở vật chất và cơ sở hạ tầng như các phương tiện dạy và học, các phòng thí nghiệm, thiết bị và công cụ để đáp ứng các nhu cầu về đào tạo, NCKH và PVCĐ đúng quy định.	BGD	Hàng năm

5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục quan tâm, thực hiện công tác vệ sinh môi trường, cảnh quan đảm bảo xanh - sạch - đẹp, việc thực hiện các chế độ bảo hiểm y tế cho CB, GV và SV được thực hiện đầy đủ. Thực hiện công tác an ninh trường học được tăng cường, an toàn về tài sản và an ninh trật tự trong khu vực được đảm bảo.	BGD	Hàng năm
---	----------------------	---	-----	----------

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 7</i>	<i>5.0</i>
Tiêu chí 7.1	5
Tiêu chí 7.2	5
Tiêu chí 7.3	5
Tiêu chí 7.4	5
Tiêu chí 7.5	5

Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại

Tiêu chí 8.1. Có kế hoạch phát triển các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Để thực hiện tốt nhiệm vụ mạng lưới và quan hệ đối ngoại, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã có quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc Học viện và giao cho Trung tâm Bồi dưỡng của Học viện. Trung tâm Bồi dưỡng với chức năng, nhiệm vụ tham mưu, giúp việc cho Ban Giám đốc Học viện trong công tác quản lý, tổ chức các hoạt động đối ngoại của Học viện, các nhiệm vụ chủ yếu bao gồm: Tư vấn, phổ biến thông tin về hoạt động đối ngoại; Quản lý hoạt động hợp tác quốc tế của Học viện; Xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động hợp tác quốc tế; Công tác lễ tân, đón tiếp các đoàn khách quốc tế; Xác nhận tài liệu dịch, tham gia xây dựng hình ảnh Học viện [H1.08.01.01]. Để tránh sự chồng chéo trong công tác chỉ đạo, giám sát và đánh giá hoạt động quan hệ đối ngoại, Hội đồng Học viện đã ban hành quy chế giám sát của Hội đồng Học viện nhiệm kỳ 2021 - 2026, Ban Giám đốc Học viện cũng ban hành Thông báo phân công nhiệm vụ rõ ràng để hoạt động đối ngoại thực hiện đúng quy định [H1.08.01.02] [H1.08.01.03]. Theo đó, Trung tâm Bồi dưỡng có bảng mô tả công việc cụ thể để phân công, phân nhiệm và tự chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện; nhân sự của Trung tâm Bồi dưỡng có trách nhiệm tham gia xây dựng kế hoạch, theo dõi giám sát các hoạt động đối ngoại đúng quy định, điều này được chỉ rõ trong bản mô tả các vị trí công việc [H1.08.01.04] [H1.08.01.05].

Với chiến lược phát triển Học viện qua từng giai đoạn phù hợp với sự phát triển chung của giáo dục, kinh tế của cả nước cũng như quốc tế, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam luôn coi trọng và đẩy mạnh quan hệ đối ngoại [H1.08.01.06]. Xác định được tầm nhìn, sứ mệnh cụ thể, rõ ràng và cơ chế tự chủ trong môi trường hội nhập, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã và đang khẳng định thương hiệu với truyền thống 67 năm xây dựng và phát triển, tăng cường hiệu quả hợp tác quốc tế [H1.08.01.07]. Phát triển mạng lưới và

quan hệ đối tác được thiết lập dựa trên các văn bản theo quy định của Nhà nước và đặc thù riêng của Học viện [H1.08.01.08]. Quá trình thực hiện phát triển mạng lưới đối ngoại được các bộ phận giám sát, cải tiến và đã đạt được một số thành tựu nhất định [H1.08.01.09].

Trong thời đại công nghệ và hội nhập, Đảng ủy, Hội đồng Học viện và Ban Giám đốc Học viện luôn nhận thức được tầm quan trọng của việc tạo mối quan hệ đối ngoại. Kế hoạch đối ngoại của Học viện được tổng hợp trong kế hoạch hoạt động chung và định kỳ được phổ biến đến toàn thể cán bộ Học viện tại Hội nghị sơ kết và tổng kết cuối năm. Các hoạt động cụ thể như đón tiếp khách quốc tế được thông báo trên lịch tuần của Học viện, các đơn vị liên quan được gửi kế hoạch. Sau khi kết thúc hoạt động đều có tin bài về hoạt động đăng trên website Học viện để phổ biến thông tin và góp phần quảng bá hoạt động hợp tác quốc tế nói riêng cũng như hình ảnh của Học viện nói chung [H1.08.01.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.2. Các chính sách, quy trình và thỏa thuận để thúc đẩy các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được triển khai thực hiện

Trong khuôn khổ hợp tác quốc tế về nghiên cứu khoa học và đào tạo, kế hoạch đối ngoại trong nước và hợp tác quốc tế của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023 được các đơn vị liên quan xây dựng dựa trên cơ sở kế hoạch thực hiện Chiến lược phát triển của Học viện [H1.08.02.01] [H1.08.02.02]. Quan điểm mở rộng quan hệ hợp tác quốc tế được thể hiện trong Chiến lược phát triển Học viện: Chủ động và tích cực tìm kiếm, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch lựa chọn, cử cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên đi học tập, nghiên cứu tại nước ngoài; xây dựng kế hoạch đào tạo lưu học sinh khi có ký kết hợp tác với các đối tác hoặc theo hiệp định giáo dục mà Việt Nam ký kết với các nước; nghiên cứu tổ chức trao đổi sinh viên, nghiên cứu sinh ở các ngành học với các đối tác, cơ sở giáo dục ở nước ngoài. Chiến lược cũng chỉ rõ nêu rõ các quy định về chức năng, nhiệm vụ, kế hoạch mục tiêu

chất lượng của các đơn vị [H1.08.02.03].

Việc thực hiện các hoạt động đối ngoại được triển khai theo chủ trương chung của Trung ương Đoàn và kế hoạch hằng năm của đơn vị [H1.08.02.04] [H1.08.02.05]. Quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại [H1.08.02.06] đặc biệt là HTQT đã có các điều khoản cụ thể về trách nhiệm các đơn vị liên quan đến công tác đoàn vào, đoàn ra. Các nội dung dự án hợp tác thường được xây dựng chi tiết, theo dõi, giám sát, điều chỉnh nếu cần thiết. Có thể thấy, về cơ bản các hoạt động đối ngoại đã được thực hiện từng bước theo kế hoạch đề ra với số lượng đối tác ngày càng mở rộng, thành phần đa dạng và hợp tác trong nhiều lĩnh vực [H1.08.02.07].

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã tích cực mở rộng quan hệ với các đối tác cả trong nước và ngoài nước. Cụ thể, Học viện đã ký kết nhiều biên bản ghi nhớ, các thỏa thuận và hợp đồng hợp tác với các tổ chức, cơ sở giáo dục và doanh nghiệp trong nước và các biên bản ghi nhớ và thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài, trong số này có nội dung về trao đổi SV, GV và NCKH [H1.08.02.08]. Đối với các hoạt động hợp tác trong nước, Học viện đã triển khai các đề tài NCKH về các lĩnh vực khác nhau, trong đó tập trung vào những chủ đề nghiên cứu là thế mạnh của Học viện đang diễn ra sôi nổi và liên tục, thu hút được nhiều sự quan tâm [H1.08.02.09]. Thực hiện thỏa thuận hợp tác giữa chính phủ Việt Nam với chính phủ Lào và Cam-pu-chia, tổ chức lớp bồi dưỡng ngắn hạn về công tác thanh niên cho cán bộ đoàn thanh niên Lào và Cam-pu-chia tại Hà Nội [H1.08.02.10].

Công tác tổ chức và tham gia vào các hội nghị, hội thảo, diễn đàn trong nước thời gian qua đã có nhiều tiến bộ với sự tham gia của các tổ chức, đối tác về công tác xã hội. Hội thảo đều được tổ chức với chất lượng cao, thu hút đại biểu trong và ngoài nước tham gia [H1.08.02.11].

Học viện đã có chủ trương và chính sách về việc phát triển các mạng lưới các mối quan hệ đối tác với đối tác quốc tế [H1.08.02.12] [H1.08.02.13]. Các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế thường xuyên được viết bài và đăng tải lên website của Học viện [H1.08.02.14]. Học viện đã tổ chức các buổi làm

việc và đối thoại với các đối tác nhằm nâng cao chất lượng hợp tác trong đào tạo thực hành, giới thiệu việc làm, phối hợp phát triển chương trình đào tạo, bồi dưỡng và đào tạo ngắn hạn [H1.08.02.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7.

Tiêu chí 8.3. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được rà soát

Đối với mảng hợp tác với các đối tác trong nước, các lĩnh vực như hợp tác trong thực tập cho SV tại DN, giới thiệu việc làm cho SV, hợp tác trong các đề tài về NCKH với các tổ chức và DN, và các hợp tác cung cấp các dịch vụ đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn cho các cơ sở giáo dục, tổ chức, cá nhân được các đơn vị liên quan là phòng Đào tạo và CTSV, Trung tâm bồi dưỡng và Viện nghiên cứu thanh niên triển khai theo kế hoạch hoạt động hằng năm đã phê duyệt [H1.08.03.01] [H1.08.03.02] [H1.08.03.03]. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ hợp tác trong các lĩnh vực này được tiến hành rà soát định kỳ dựa trên các các yếu tố gồm: kết quả thực hiện được so sánh, đối chiếu với kế hoạch và dự kiến kết quả ban đầu để có những phân tích điểm mạnh, tồn tại, nguyên nhân để từ đó đề xuất phương án cải thiện, điều chỉnh chỉ tiêu hoặc phương pháp thực hiện trong giai đoạn mới [H1.08.03.04]. Các báo cáo tháng của các đơn vị này được trình bày tại cuộc họp giao ban hàng tháng giữa BGD và các trưởng, phó đơn vị trong toàn Học viện [H1.08.03.05]. Các ý kiến góp ý và các chỉ đạo nếu có cũng được đưa ra tại các cuộc họp này để làm cơ sở cho các bước điều chỉnh và thực hiện sau đó. Ngoài ra, công tác rà soát, đánh giá các hoạt động thường xuyên thường được thực hiện tại các cuộc họp phòng hàng tháng, quý, năm hoặc theo từng sự vụ. Tình hình và kết quả thực hiện các công tác này được đưa vào báo cáo tổng kết, đánh giá hàng năm của các đơn vị liên quan, được đưa vào báo cáo công tác đào tạo và phương hướng hoạt động đào tạo hàng năm; báo cáo tổng kết của Trung tâm Bồi dưỡng và phương hướng nhiệm vụ năm học tới hàng năm của Học viện trong hội nghị công nhân viên chức hàng năm với các ý kiến đóng góp về công tác này từ các cá nhân, đơn vị trong Học viện [H1.08.03.06].

Các kết quả hoạt động được đối chiếu với chiến lược và mục tiêu phát triển của Học viện trong giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn đến 2045 [H1.08.03.07]. Để tạo cơ sở cho công tác rà soát phát triển mạng lưới, Học viện đã ban hành quy định về quản lý các hoạt động đối ngoại của Học viện để lựa chọn và phát triển đối tác trong nước và quốc tế nhằm nâng cao hiệu quả công tác lựa chọn và mở rộng mạng lưới đối tác và quan hệ hợp tác [H1.08.03.08]. Bên cạnh đó, các quan hệ đối tác và hoạt động hợp tác đối ngoại trong nước của Học viện cũng được rà soát, xem xét các hoạt động đã thực hiện và đánh giá hiệu quả qua hệ thống báo cáo hoặc các buổi họp tại đơn vị. Trung tâm Bồi dưỡng cũng lập báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Đảng ủy và BGĐ [H1.08.03.09]. Tuy nhiên, việc văn bản hóa và lưu hồ sơ các nội dung này chưa thật đầy đủ và việc này cần được lưu ý và chấn chỉnh trong thời gian tới.

Đối với hoạt động đối ngoại quốc tế hiện nay, do Trung tâm Bồi dưỡng chủ trì và phối hợp với các đơn vị trong quá trình thực hiện. Nội dung các hoạt động HTQT bao gồm phát triển mạng lưới đối tác và quan hệ quốc tế đều được triển khai theo kế hoạch. Trong 5 năm qua, Học viện chưa có bất kỳ vi phạm nào liên quan đến hoạt động đối ngoại. Các hoạt động đối ngoại tiếp tục đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của Học viện [H8.08.03.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 8.4. Các đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại được cải thiện để đạt được tầm nhìn, sứ mạng và các mục tiêu chiến lược của CSGD

Học viện có phát triển về số lượng đối tác, mạng lưới và quan hệ đối ngoại hoặc về kết quả hoạt động đối ngoại trong 5 năm của chu kỳ đánh giá. Trong giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2023 Học viện tổ chức các hoạt động đối ngoại trong nước và quốc tế, được đăng tải và đưa tin trên website của Học viện và các phương tiện truyền thông khác [H1.08.04.01]. Hàng năm, Trung tâm Bồi dưỡng tham mưu báo cáo tổng kết về hiệu quả hoạt động đối ngoại tại Học viện, kết quả so chuẩn, đối sánh về hoạt động đối ngoại hàng năm [H1.08.04.02]. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được Đảng và Nhà nước giao nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ Đoàn, cán bộ cho Hội Liên hiệp thanh

niên Việt Nam, Hội sinh viên Việt Nam. Đề án phát triển hợp tác của Học viện được xây dựng dựa trên các đơn vị xây dựng kế hoạch tương ứng của đơn vị phù hợp với Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 của Học viện [H1.08.04.03].

Trong quá trình thực hiện các quan hệ hợp tác với nhiều tổ chức hướng nghiệp, trường đại học, đối tác khác để xây dựng và phát triển nhiều chương trình đào tạo, có chuẩn đầu ra đáp ứng được yêu cầu, tiêu chuẩn theo nhu cầu xã hội. Chẳng hạn như hợp tác liên kết với các ban, ngành Trung ương, các đơn vị có uy tín trong nước để tổ chức đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn về công tác thanh niên của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam cho cán bộ đoàn thanh niên Lào và Campuchia [H1.08.04.04].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 8:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Có bộ phận chỉ đạo, thực hiện và giám sát về hoạt động đối ngoại rõ ràng, không bị chông chéo. Các văn bản quy định về quan hệ đối ngoại phù hợp với yêu cầu. Hàng năm, Học viện báo cáo tổng kết, đánh giá công tác đối ngoại đầy đủ.

- Thông tin về đối ngoại của Học viện được đưa tin trên trang thông tin điện tử của Học viện đầy đủ.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các kế hoạch phát triển quan hệ đối ngoại đang chủ yếu dừng lại ở lĩnh vực công tác xã hội, các lĩnh vực khác chưa được đẩy mạnh.

- Các chính sách khuyến khích về công tác NCKH trong HTQT chưa được chú trọng và đẩy mạnh đúng mức để thúc đẩy hoạt động này phát triển hơn nữa nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển của Học viện.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Phát triển mạng lưới và quan hệ đối ngoại trên tất cả các lĩnh vực	BGD; Các khoa, Trung tâm Bồi dưỡng	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng chính sách khuyến khích về công tác NCKH và các lĩnh vực khác trong quan hệ đối ngoại	BGD; Phòng KH-TV	Năm 2024
4	Phát huy điểm mạnh 1	Thực hiện theo dõi, kiểm tra, giám sát và báo cáo các hoạt động đối ngoại	Phòng KH-TV	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục truyền thông về mạng lưới và quan hệ đối ngoại của Học viện	Trung tâm Thông tin – Thư viện; Các khoa, phòng, trung tâm	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 8	4.75
Tiêu chí 8.1	5
Tiêu chí 8.2	5
Tiêu chí 8.3	5
Tiêu chí 8.4	4

Tiêu chuẩn 9: Hệ thống ĐBCL bên trong

Tiêu chí 9.1. Cơ cấu, vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình của hệ thống ĐBCL bên trong được thiết lập để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

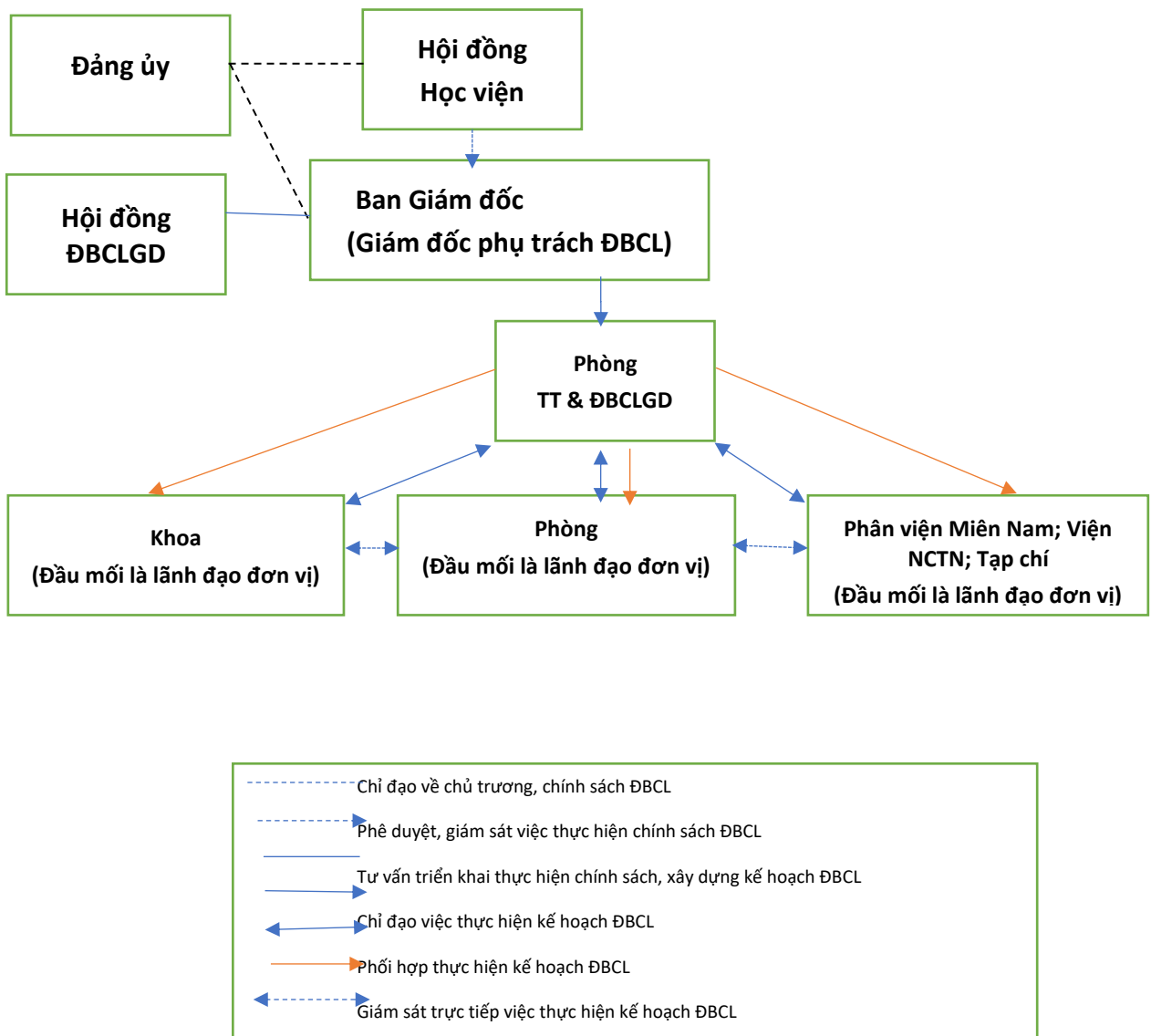
Học viện đã thiết lập được hệ thống ĐBCL bên trong với bộ phận chuyên trách là phòng TT&ĐBCLGD [H2.09.01.01]. Phòng TT&ĐBCLGD được thành lập năm 2023 trên cơ sở tách ra từ Phòng ĐT&CTSV được quy định chức năng nhiệm vụ rõ ràng, tham mưu cho Giám đốc về những lĩnh vực liên quan đến công tác Thanh tra và ĐBCLGD của Học viện [H2.09.01.02]. Phòng thực hiện chức năng, nhiệm vụ công tác ĐBCLGD theo quy định nêu rõ trong các văn bản gồm: Quy định chức năng nhiệm vụ của mạng lưới ĐBCLGD, Quy định về công tác ĐBCLGD tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H2.09.01.03] [H2.09.01.04], Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H2.09.01.05]. Về mặt nhân sự, phòng có 07 cán bộ chuyên trách, trong đó gồm có 01 Phó Trưởng phòng phụ trách và 06 chuyên viên; đội ngũ cán bộ chuyên trách về công tác ĐBCLGD của Học viện được đào tạo, bồi dưỡng chuyên môn về công tác đảm bảo và KĐCLGD dực thường xuyên; Giám đốc Học viện phụ trách và chỉ đạo trực tiếp các hoạt động về thanh tra và ĐBCLGD [H2.09.01.06] [H2.09.01.07]. Các thành viên của Phòng TT&ĐBCLGD đều được phân công nhiệm vụ rõ ràng và được báo cáo tới BGD, các đơn vị liên quan trong Học viện để thuận lợi trong công tác triển khai các hoạt động về thanh tra và đảm bảo chất lượng của Học viện [H2.09.01.08] [H2.09.01.09].

Bên cạnh phòng chuyên trách, Học viện cũng có một mạng lưới ĐBCLGD tại các khoa, phòng chức năng, trung tâm và các tổ chức đoàn thể (sau đây gọi chung là đơn vị). Hệ thống ĐBCL bên trong hướng đến đáp ứng tốt sứ mạng, tầm nhìn, đạt được các mục tiêu chiến lược của Học viện và đáp ứng tốt nhu cầu các bên liên quan. Học viện đã xây dựng hệ thống ĐBCL bên trong để thực hiện các mục tiêu chiến lược và công tác ĐBCL của Học viện Hệ thống này được cấu trúc chặt chẽ, đảm bảo sự vận hành thống nhất từ BGD tới

các bộ môn [H2.09.01.10]. Nhằm tạo ra sự phối hợp nhuần nhuyễn khi thực hiện công tác ĐBCLGD giữa các cấp, Học viện ban hành quy định cụ thể về chức năng, nhiệm vụ của mạng lưới ĐBCLGD [H2.09.01.11].

Tổ chức hoạt động ĐBCL của Học viện được thể hiện ở sơ đồ vận hành tổ chức hoạt động ĐBCL.

Hình 9.1: Sơ đồ tổ chức hệ thống ĐBCL bên trong của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam.



Nhằm tăng cường năng lực công tác ĐBCL và KĐCLGD cho CB, VC, NLD của Học viện cũng như xây dựng đội ngũ CB, VC đáp ứng yêu cầu của hoạt động KĐCLGD Học viện đã tổ chức các buổi tập huấn dành cho CB, VC, NLD trong toàn Học viện; đội ngũ nhân sự chuyên trách về công tác ĐBCLGD đã tích cực tham gia nhiều khoá tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về công tác bảo

đảm và KĐCLGD được tổ chức trong và ngoài Học viện. Tất cả những người tham gia đều được cấp chứng chỉ hoàn thành khóa tập huấn, bồi dưỡng [H2.09.01.12].

Để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý, Học viện cũng đồng thời ban hành, phổ biến nhiều văn quy định, hướng dẫn về hoạt động ĐBCLGD như Quy chế về tổ chức hoạt động của Học viện, Quy định về công tác khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan, Quy định so chuẩn, đối sánh, Quy định về công tác ĐBCLGD, hệ thống quy trình ĐBCLGD... [H2.09.01.13]

[H2.09.01.14]. Đối với những quy định đã qua 2 năm áp dụng, Học viện đều có sự rà soát để ban hành phiên bản mới phù hợp hơn với thực tiễn áp dụng. Bên cạnh đó, hàng năm, phòng TT&ĐBCLGD cũng đều đặn chủ trì xây dựng Kế hoạch Đảm bảo chất lượng năm học và phổ biến rộng rãi đến các đơn vị để thống nhất và triển khai thực hiện [H2.09.01.15].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.2. Xây dựng kế hoạch chiến lược về ĐBCL (bao gồm chiến lược, chính sách, sự tham gia của các bên liên quan, các hoạt động trong đó có việc thúc đẩy công tác ĐBCL và tập huấn nâng cao năng lực) để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 đã xác định công tác ĐBCL là một trong những nội dung quan trọng trong chiến lược phát triển Học viện. Học viện đã xác định các chính sách ưu tiên cho hoạt động ĐBCLGD [H2.09.02.01]. Căn cứ vào các chiến lược phát triển, Học viện đã tổ chức xây dựng Kế hoạch ĐBCL theo từng năm học [H2.09.02.02].

Bản Chiến lược này có cấu trúc logic gồm năm phần: Bối cảnh chung; sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi; quan điểm, mục tiêu chiến lược phát triển; các giải pháp chủ yếu và tổ chức thực hiện. Tại phần Sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi được xác định như sau: *“Đến năm 2045, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phấn đấu trở thành cơ sở đào tạo đại học trong nhóm đầu, có uy tín ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân*

lực của xã hội; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học và tính ứng dụng trong hoạt động đào tạo và bồi dưỡng”. Đây là cơ sở để hình thành các mục tiêu và giải pháp trọng tâm về ĐBCL. Tại phần Quan điểm, mục tiêu chiến lược phát triển, Học viện đã vạch ra những quan điểm và các mục tiêu mà các khoa/phòng/trung tâm/tổ chức đoàn thể cần triển khai đến năm 2030, trong đó việc thúc đẩy công tác ĐBCL, tăng cường bồi dưỡng, tập huấn năng lực cho đội ngũ làm công tác ĐBCL được ưu tiên hàng đầu. Tại phần Các giải pháp chủ yếu, Học viện đã xây dựng 09 giải pháp cụ thể đối với từng lĩnh vực hoạt động của Học viện, trong đó riêng đối với giải pháp về ĐBCLGD Học viện xây dựng 03 giải pháp cụ thể từ việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống ĐBCLGD bên trong đến việc nâng cao uy tín và xếp hạng của Học viện [H2.09.02.03].

Cùng với Chiến lược ĐBCL, Chính sách ĐBCL cũng đã được ban hành thể hiện định hướng ưu tiên, nguyên tắc hành động đối với các vấn đề về chất lượng của Học viện [H2.09.02.04]. Trên phương diện tổng thể, Học viện khẳng định “chất lượng là yếu tố hàng đầu” và “phải được giám sát, cải tiến thường xuyên, liên tục”. Bên cạnh đó, Học viện cũng nhấn mạnh ưu tiên các vấn đề cụ thể gồm: Phát triển đội ngũ nhân sự, nâng cao chất lượng đào tạo, tăng cường hoạt động NCKH. Trên những cơ sở ưu tiên này, Học viện đã rà soát, điều chỉnh Quy chế chi tiêu nội bộ, Quy định chế độ làm việc của GV nhằm tăng mức hỗ trợ tài chính đối với CB, GV đi học tập nâng cao trình độ, nghiên cứu khoa học; tăng định quy đổi giờ chuyên môn đối với các GV tham gia xây dựng, chỉnh sửa các CTĐT, ĐCCTHP [H2.09.02.05] [H2.09.02.06]. CB, GV tham gia các khóa tập huấn về ĐBCL được hỗ trợ tài chính giống như đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn, do đó, đã hoàn toàn chuyên tâm học tập, nghiên cứu và nhận được giấy chứng nhận/chứng chỉ hoàn thành các khoá học [H2.09.02.07]. Học viện cũng phổ biến các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL và KĐCLGD, định hướng, cách tiếp cận chất lượng của Học viện đến các bên liên quan, giúp CB, GV, NV, SV và các bên liên quan khác hiểu và đồng hành cùng quá trình thực hiện Chiến lược của Học viện [H2.09.02.08].

Đề cao vai trò của các bên liên quan, ngay từ trong quá trình xây dựng,

Học viện đã chủ động triển khai khảo sát lấy ý kiến góp ý của đội ngũ CB, GV, NV về các chính sách ĐBCL, các hoạt động ĐBCL và sự hài lòng của các bên liên quan đối với các chính sách, quá trình triển khai các hoạt động ĐBCL để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của Học viện [H2.09.02.09].

Học viện đã tiến hành đánh giá thực trạng về công tác ĐBCL giai đoạn 2018 - 2023, xác định những thành tựu và hạn chế làm căn cứ xây dựng kế hoạch ĐBCL giai đoạn 2023-2027 [H2.09.02.10] [H2.09.02.11]. Bản kế hoạch đã xác định chính sách chất lượng, các mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể cho từng giai đoạn về công tác ĐBCLGD; Sự tham gia của các bên liên quan với các khảo sát: Khảo sát ý kiến của SV về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát chất lượng ĐT và xây dựng CDR, khảo sát tình trạng việc làm của SV sau khi tốt nghiệp, khảo sát về CSVC và chất lượng dịch vụ... [H2.09.02.12].

Trong kế hoạch ĐBCL, Học viện ưu tiên tổ chức các hoạt động tập huấn, bồi dưỡng kiến thức về ĐBCL cho CB, GV. Các khóa học có nội dung liên quan đến nâng cao kỹ năng lãnh đạo, quản lý, học tập nâng cao trình độ, bồi dưỡng chuyên môn; tham gia viết báo cáo TĐG phục vụ cho công tác kiểm định Học viện. Hằng năm, Học viện dành nguồn lực cho hoạt động ĐBCL bên trong, đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực ĐBCL cho đội ngũ CB làm công tác ĐBCL như: có phân công lãnh đạo Học viện phụ trách công tác ĐBCL, cử CB chuyên trách ĐBCL đi học lớp kiểm định viên KĐCL giáo dục; cử CB trong hệ thống ĐBCL tham dự các khoá đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn về ĐBCL do Bộ GDĐT, Học viện và các đơn vị bên ngoài tổ chức [H2.09.02.13].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.3. Kế hoạch chiến lược về ĐBCL được quán triệt và chuyển tải thành các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn để triển khai thực hiện

“Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045” ngay sau khi hoàn thành đã được phổ biến rộng rãi tới toàn thể CB, GV, SV của Học viện [H2.09.03.01] [H2.09.03.02]. Thực hiện chỉ đạo của Giám đốc tại cuộc họp giao ban tháng 8/2023, Phòng Tổ chức -

Hành chính đã đăng tải toàn văn Chiến lược lên trang thông tin điện tử của Học viện, đồng thời trưởng, phó các khoa/phòng/trung tâm cũng đã tổ chức họp nhằm quán triệt các nội dung của Chiến lược đến từng cá nhân trong đơn vị [H2.09.03.03] [H2.09.03.04] [H2.09.03.05]. Riêng phòng TT&ĐBCLGD, với vai trò là bộ phận chuyên trách, hằng năm đều phải chủ trì xây dựng Kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học để cụ thể hóa Kế hoạch hành động đã nêu trong bản Chiến lược, Kế hoạch về ĐBCL được phổ biến rộng rãi tới các bên liên quan để triển khai thực hiện, thông qua các cuộc họp giao ban, trên website của Học viện để tất cả các bên liên quan thuận lợi trong việc tìm kiếm và tra cứu [H2.09.03.06].

Bên cạnh các cuộc họp giao ban đầu năm, Học viện đã tổ chức các cuộc họp Mạng lưới đảm bảo chất lượng nhằm phổ biến, giao nhiệm vụ cho các đơn vị về việc thực hiện Kế hoạch ĐBCL năm học [H2.09.03.07] [H2.09.03.08]. Trên cơ sở đó, trưởng, phó đơn vị; bộ phận ĐBCL đơn vị trực tiếp triển khai các hoạt động tại đơn vị mình. Kết quả hoạt động ĐBCL được mỗi đơn vị đưa vào trong Báo cáo kết quả hoạt động năm học [H2.09.03.09]. Trong đó, xác định các nhiệm vụ cơ bản về công tác ĐBCL như: kế hoạch triển khai công tác TĐG CSGD, TĐG CTĐT, kế hoạch đăng ký KĐCL đối với CSGD và CTĐT, kế hoạch cải tiến chất lượng sau khi thực hiện TĐG đối với CSGD và CTĐT kế hoạch triển khai hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan, các hoạt động tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về ĐBCL hay rà soát, bổ sung, chỉnh sửa hệ thống văn bản liên quan đến công tác ĐBCL... Trên cơ sở đó, căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, các đơn vị trong Học viện xây dựng kế hoạch năm học của đơn vị mình để triển khai thực hiện [H2.09.03.10].

Phòng TT&ĐBCLGD với vai trò là phòng chuyên trách, hằng năm cũng lập kế hoạch và triển khai nhiều hoạt động ĐBCL ở phạm vi toàn Học viện, trong đó, có việc xây dựng, hoàn thiện hệ thống quy định, quy trình, hướng dẫn công tác ĐBCL; tham mưu cho BGĐ về việc cử CB, GV của phòng và trong mạng lưới tham gia các khoá đào tạo/tập huấn về ĐBCL [H2.09.03.11] [H2.09.03.12].

Bên cạnh đó, Học viện đã ban hành quy định khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan để làm cơ sở thực hiện việc cải tiến chất lượng, đồng thời đánh giá mức độ đáp ứng các mục tiêu chiến lược và các hoạt động về ĐBCL, ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng [H2.09.03.13]. Phòng TT&ĐBCLGD đã phối hợp với các đơn vị triển khai lấy ý kiến khảo sát của người học về hoạt động giảng dạy của GV, chất lượng ĐT, CTĐT, CSVC, NCKH, chế độ chính sách, lấy ý kiến của CB, GV; Phòng TT & ĐBCLGD thực hiện khảo sát về tình hình việc làm (người sử dụng lao động), thực hiện khảo sát tình hình việc làm SV đã tốt nghiệp. Kết quả khảo sát được tổng hợp làm căn cứ thực hiện cải tiến chất lượng [H2.09.03.14]. Trong quá trình thực hiện và xử lý kết quả, luôn luôn chú ý đến độ tin cậy, khách quan của các thông tin phản hồi, dữ liệu khảo sát được bảo mật và chỉ cung cấp tới các cấp có thẩm quyền. Tuy nhiên, sự phối hợp giữa các đơn vị trong chia sẻ, sử dụng thông tin, dữ liệu và khai thác, sử dụng dữ liệu chưa có tính hệ thống, đồng bộ. Hằng năm, Học viện lập kế hoạch ĐBCL vào đầu năm học và thực hiện báo cáo tổng kết khi kết thúc năm học [H2.09.03.15]. Trong các báo cáo này đã đánh giá chung việc triển khai công tác ĐBCL trên các mảng như: Công tác tổ chức - hành chính; công tác ĐT; công tác khảo thí; công tác TT&ĐBCLGD; Công tác PVCĐ; công tác NCKH; tài chính và CSVC. Đồng thời, báo cáo đã chỉ ra những hạn chế, tồn tại cũng như xây dựng phương hướng, nhiệm vụ cải tiến cho năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.4. Hệ thống lưu trữ văn bản, rà soát, phổ biến các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL được triển khai

Để công tác quản lý, lưu trữ văn bản trong toàn Học viện được thống nhất, ngoài Quy chế về công tác văn thư của Bộ Nội vụ; Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh Học viện đã ban hành hướng dẫn về công tác văn thư của Học viện, trong đó hướng dẫn các bước thực hiện việc soạn thảo, ban hành, thẩm định, quản lý đến công tác lưu trữ toàn bộ hệ thống văn bản của Học viện. Thực hiện đúng Quy định về chức năng nhiệm vụ của mạng lưới ĐBCL, Quy

định về công tác ĐBCL, phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị lưu trữ toàn bộ các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Học viện; mỗi phòng/khoa/trung tâm lưu trữ các văn bản tương tự nhưng phù hợp với chức năng, nhiệm vụ chính của đơn vị **[H2.09.04.01]**.

Hệ thống văn bản bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Học viện được phân loại gồm:

- Các báo cáo tổng kết về công tác ĐBCL và Kế hoạch ĐBCL hằng năm của Học viện **[H2.09.04.02] [H2.09.04.03]**.

- Chính sách ĐBCL, các văn bản rà soát chính sách ĐBCL **[H2.09.04.04] [H2.09.04.05]**.

- Quy định, quy trình và thủ tục ĐBCL **[H2.09.04.06] [H2.09.04.07]**.

- Các kế hoạch/báo cáo tổng kết công tác ĐBCL của các khoa/phòng/trung tâm **[H2.09.04.08]**.

- Văn bản của Bộ GDĐT về công tác đảm bảo và kiểm định chất lượng giáo dục **[H2.09.04.09]**.

Hệ thống văn bản trên được lưu trữ ở 2 dạng: văn bản giấy và số hóa (file pdf). Để thuận tiện cho việc truy xuất, phòng TT-ĐBCLGD lập một danh mục, sắp xếp theo cấp - thời gian ban hành, đồng thời có ghi rõ số hiệu cũng như nội dung trích xuất của mỗi văn bản **[H2.09.04.10]**. Phòng cũng lưu trữ trực tuyến toàn bộ các văn bản trên ứng dụng Google Drive và chia sẻ cho tất cả các thành viên trong mạng lưới đảm bảo chất lượng của Học viện **[H2.09.04.11]**. Riêng đối với những văn bản cần công khai đến nhiều đối tượng liên quan (giảng viên, sinh viên, doanh nghiệp...), phòng chủ động đăng tải trực tiếp trên website của Học viện tại mục ĐBCLGD **[H2.09.04.12]**. Song song với nhiệm vụ lưu trữ, phòng cũng thường xuyên theo dõi, cập nhật các văn bản mới ban hành, do đó đảm bảo được cho hệ thống lưu trữ tính hiện hành, không lỗi thời.

Bên cạnh đó, về mặt hành chính, công tác văn thư lưu trữ được Học viện giao cho phòng Tổ chức - Hành chính chủ trì triển khai và thực hiện, hệ thống văn bản được lưu trữ và quản lý qua sổ văn thư lưu trữ tại bộ phận văn thư của Học viện, trong đó có ghi chép theo dõi văn bản đi - đến theo từng năm và có

đầy đủ số ban hành, ngày tháng văn bản đến - đi, tên văn bản... [H2.09.04.13].

Thực hiện nhiệm vụ của Chiến lược ĐBCL, Học viện thường xuyên rà soát chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL và lập kế hoạch xây dựng mới hoặc chỉnh sửa, bổ sung hằng năm [H2.09.04.14]. Tuy nhiên việc chia sẻ, truyền tải, lưu trữ thông tin dưới dạng dữ liệu điện tử mới bước đầu được triển khai, còn chưa đồng bộ, chưa có tính hệ thống. Để đảm bảo các văn bản về chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục luôn phù hợp, cập nhật, Học viện thực hiện rà soát những văn bản về ĐBCL không còn phù hợp nhằm kịp thời chỉnh sửa, thay thế [H2.09.04.15]. Trưởng các đơn vị chịu trách nhiệm rà soát các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục liên quan đến đơn vị của mình và dự thảo nội dung cập nhật chỉnh sửa, gửi các đơn vị góp ý, tổng hợp các ý kiến góp ý và chỉnh sửa cho phù hợp, sau đó trình BGD ký duyệt ban hành và phổ biến [H2.09.04.16].

Sau mỗi lần ban hành mới, các chính sách, quy trình mới đều được phổ biến tại các cuộc họp giao ban, họp khoa/phòng/trung tâm hằng tháng. Đồng thời được cập nhật lên drive, website để thuận lợi cho việc tiếp cận của toàn thể cán bộ, giảng viên, sinh viên.

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.5. Các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được thiết lập để đo lường kết quả công tác ĐBCL của CSGD

Căn cứ chiến lược phát triển Học viện, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam ban hành kế hoạch cho từng giai đoạn và được cụ thể hóa vào các kế hoạch năm học, xác định các nhiệm vụ, chỉ tiêu chủ yếu và phân công đến từng đơn vị trong Học viện. Căn cứ kế hoạch ĐBCL đến năm 2030 [H2.09.05.01], Học viện đã xác định một số chỉ số thực hiện chính để đo lường và đánh giá hoạt động ĐBCL, trong đó tập trung chủ yếu vào những nhóm chỉ tiêu như: đội ngũ, ĐT, NCKH, PVCĐ, ĐBCL. Các chỉ số đánh giá cơ bản được các đơn vị sử dụng trong công tác lập kế hoạch, đánh giá tình hình thực hiện giữa các năm. Cuối năm học, Học viện tổng kết đánh giá các hoạt động ĐT, NCKH, HTQT, Khảo thí, ĐBCL, tài chính, CSVC... và đưa ra phương hướng, xây dựng các

chỉ tiêu phấn đấu cho năm sau [H2.09.05.02]. Tuy nhiên, các chỉ số thực hiện chính vẫn chưa được xây dựng một cách có hệ thống. Học viện căn cứ vào kế hoạch năm học, báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết hoạt động ĐBCL, xem xét các chỉ số thực hiện chính đã được thiết lập để đo lường, so sánh, và đánh giá kết quả công tác ĐBCL của Học viện. Ngoài ra, phòng TT&ĐBCLGD cũng dựa vào kết quả khảo sát CB, GV, SV về các hoạt động ĐBCL để đo lường, đánh giá các kết quả công tác ĐBCL trong Học viện. Về cơ bản các kết quả khảo sát đều nhận được những phản hồi tích cực. Căn cứ vào những ý kiến phản hồi của CB, GV, SV về CSVC, NCKH, chế độ chính sách, Học viện tiến hành cải tiến, hoàn thiện các hệ thống văn bản, các quy trình triển khai thực hiện năm sau tốt hơn năm trước [H2.09.05.03]. Kết quả ĐBCL của Học viện khi áp dụng chỉ số thực hiện chính đã có những cải thiện rõ rệt trong công tác ĐBCL. Cụ thể: (i) Tăng cường cán bộ tham gia các khóa học, đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL và KĐCL do Bộ GDĐT, các Trung tâm KĐCLGD tổ chức; (ii) Mời chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về tập huấn, tổ chức trao đổi, học tập về công tác ĐT và ĐBCL [H2.09.05.04] [H2.09.05.05]. Căn cứ vào kết quả đánh giá theo các chỉ số chính và tổng kết về công tác ĐBCL, Học viện đã có những hoạt động thi đua khen thưởng hàng năm nhằm khuyến khích và động viên các đơn vị, cá nhân đã có những thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ được giao [H2.09.05.06].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 9.6. Quy trình lập kế hoạch, các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phấn đấu chính được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược và ĐBCL của CSGD

Thực hiện nhiệm vụ “Chiến lược ĐBCL đến năm 2030” về việc rà soát, cải tiến chất lượng các hoạt động, Học viện thường xuyên chủ động việc rà soát, cải tiến quy trình lập kế hoạch hoạt động cũng như các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phấn đấu chính [H2.09.06.01].

Đối với quy trình lập kế hoạch ĐBCL năm học tại Học viện thực hiện theo các bước sau: (1) Các đơn vị lập dự thảo Kế hoạch ĐBCL của đơn vị, (2)

phòng TT& ĐBCLGD tiến hành lập Kế hoạch ĐBCL của Học viện, (3) họp thảo luận về các bản kế hoạch; (4) Hoàn thiện kế hoạch và triển khai thực hiện [H2.09.06.02].

Đối với Chiến lược ĐBCL, phòng TT & ĐBCLGD được sự chỉ đạo của Giám đốc đã xây dựng Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2018-2023. Báo cáo đã chỉ ra nguyên nhân cơ bản chưa hoàn thành mục tiêu đặt ra là việc xác định chưa đúng tình trạng nguồn lực về tài chính, nhân sự đáp ứng cho chiến lược. Báo cáo cũng đề xuất cần phải cải tiến quy trình xây dựng Chiến lược giai đoạn tiếp theo trong đó bổ sung các bước: tổ chức hội thảo để lấy ý kiến đơn vị sử dụng lao động, sinh viên, các nhà khoa học; tăng cường phân tích SWOT về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thử thách của Học viện để xác định mục tiêu chiến lược phù hợp [H2.09.06.03].

Về phía các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính, theo sự đề xuất trong Báo cáo tổng kết kết quả thực hiện Chiến lược ĐBCL giai đoạn 2018-2023, Giám đốc Học viện và mạng lưới ĐBCL cũng thống nhất chuyển các chỉ số thực hiện chính chưa hoàn thành sang giai đoạn 2030. Sự thay đổi này được đánh giá là phù hợp với tình hình hiện thực tế của Học viện.

Trong 5 năm của chu kỳ đánh giá, Học viện đã thực hiện rà soát và cải tiến quy trình lập kế hoạch các hoạt động để đáp ứng mục tiêu chiến lược và ĐBCLGD. Các mục tiêu chiến lược và ĐBCLGD này được rà soát và cập nhật bộ tiêu chí các chỉ số thực hiện chính và các chỉ tiêu phân đầu chính để đảm bảo đạt được các mục tiêu chiến lược đã được đề ra. Đối với các mục tiêu chiến lược không hoàn thành phải có báo cáo giải trình trước Giám đốc và mạng lưới ĐBCLGD và được thống nhất chuyển sang giai đoạn tiếp theo [H2.09.06.04].

Đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 9:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Hệ thống ĐBCL bên trong nhà Học viện đã được thiết lập có quy định về vai trò, trách nhiệm và trách nhiệm giải trình cụ thể, rõ ràng đồng thời nhà Học viện cũng đã ban hành một số quy định, hướng dẫn, kế hoạch hằng năm

cụ thể để hỗ trợ hiệu quả cho công tác quản lý hoạt động ĐBCL.

- Chiến lược ĐBCL giáo dục Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được xây dựng và chuyển tải thành các Kế hoạch ĐBCL năm học, được phổ biến, triển khai và quán triệt thực hiện đến toàn thể các đơn vị, CB, GV, NV.

- Toàn bộ các đơn vị, CB, GV, NV của Học viện đều được tuyên truyền, phổ biến đầy đủ về trong công tác ĐBCL.

- Các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phân đầu chính đã được sử dụng hằng năm để đo lường/đánh giá kết quả công tác ĐBCL.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện chưa có CB có thể Kiểm định viên KĐCLGD.

- Hoạt động ĐGN chất lượng CSGD và TĐG chất lượng CTĐT chưa được triển khai theo kế hoạch.

- Cách thức lưu trữ các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL của Nhà Học viện còn mang tính truyền thống, chưa ứng dụng CNTT.

- Các chỉ số thực hiện chính và chỉ tiêu phân đầu chính chưa rõ ràng đối với từng lĩnh vực hoạt động của Học viện nên chưa hỗ trợ tốt cho việc đánh giá kết quả công tác ĐBCL trong từng lĩnh vực.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Cử CB phòng chuyên trách tham dự kì thi cấp thẻ Kiểm định viên KĐCL giáo dục.	BGD	2024-2025
2	Khắc phục tồn tại 2	Triển khai việc TĐG chất lượng CTĐT đối các ngành Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Công tác Xã hội; Công tác Thanh thiếu niên	Khoa có chuyên ngành đào tạo	2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Đầu tư xây dựng phần mềm quản lý thông tin ĐBCL trong đó có các chính sách, hệ thống, quy trình và thủ tục ĐBCL.	BGD	2024

4	Phát huy điểm mạnh 4	Phân nhóm KPIs theo từng nhóm lĩnh vực hoạt động để đánh giá kết quả hoạt động ĐBCL.	BGD; Các phòng, khoa	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 1	Căn cứ vào các quy định, hướng dẫn của cấp trên và tình hình thực tiễn tại Học viện để tiếp tục ban hành đầy đủ hơn các hướng dẫn về quy trình thực hiện các hoạt động ĐBCL.	BGD; Phòng TT-KT&QLCL	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 9</i>	4,83
Tiêu chí 9.1	5
Tiêu chí 9.2	5
Tiêu chí 9.3	5
Tiêu chí 9.4	5
Tiêu chí 9.5	5
Tiêu chí 9.6	4

Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài

Tiêu chí 10.1. Kế hoạch tự đánh giá và chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được thiết lập

Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [H2.10.01.01] [H2.10.01.02]. Chiến lược ĐBCL được cụ thể hóa thành các kế hoạch ĐBCLGD hằng năm, trong đó xác định mục đích rõ ràng cùng lộ trình cụ thể cho kế hoạch TĐG và ĐGN CSGD và CTĐT của Học viện. Để triển khai kế hoạch, Học viện có các hướng dẫn thực hiện TĐG và chuẩn bị cho việc ĐGN; đồng thời phổ biến các văn bản liên quan đến công tác ĐBCL và KĐCL, các văn bản hướng dẫn do Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT ban hành cho các bên liên quan. Các tài liệu và các văn bản TĐG được in sao, đóng quyển phát cho các thành viên Hội đồng TĐG [H2.10.01.03].

Để thực hiện mục tiêu chiến lược ĐBCL, phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối chủ trì, tham mưu cho BGĐ xây dựng Kế hoạch ĐBCL năm học, triển khai các hoạt động TĐG và ĐGN bao gồm xây dựng các văn bản, biểu mẫu, tổ chức tập huấn và hướng dẫn các bên liên quan thực hiện TĐG và ĐGN [H2.10.01.04]. Đối với công tác TĐG, Học viện đã xây dựng và ban hành Kế hoạch TĐG CSGD giai đoạn 2018-2023 [H2.10.01.05]. Bản Kế hoạch có nêu rõ trách nhiệm, quyền hạn, nhiệm vụ và lộ trình cụ thể để hoàn thành báo cáo tự đánh giá. Học viện cũng đã xây dựng Kế hoạch chuẩn bị cho đánh giá ngoài [H2.10.01.06] trong đó có nêu rõ tiến độ để thực hiện đánh giá ngoài từ tháng 12/2023 đến tháng 06/2024.

Năm 2023, Học viện tiến hành tự đánh giá CSGD theo các công văn hướng dẫn của Bộ GDĐT. Học viện thành lập Hội đồng TĐG, Ban thư ký và các nhóm chuyên trách, trong đó phân công rõ trách nhiệm, quyền hạn và nhiệm vụ của các thành viên cũng như cơ chế phối hợp giữa các đơn vị, tiến độ thực hiện để đảm bảo hiệu quả [H2.10.01.07] [H2.10.01.08], đồng thời thông báo đến các đơn vị trong Học viện về việc phổ biến Kế hoạch TĐG và đề nghị các đơn vị hỗ trợ công tác TĐG [H2.10.01.09]. Để công tác TĐG đạt hiệu quả và thực

hiện đúng kế hoạch, Học viện giao cho phòng TT&ĐBCLGD tổ chức tập huấn công tác TĐG CSGD cho các bên liên quan. Tại Hội nghị, chủ tịch Hội đồng tự đánh giá đã chỉ ra tính cấp thiết phải thực hiện công tác TĐG CSGD, thư ký hội đồng phổ biến Kế hoạch TĐG và hướng dẫn các văn bản liên quan đến ĐBCL, TĐG do Cục Quản lý chất lượng - Bộ GDĐT ban hành tới các bên liên quan và các thành viên của Hội đồng tự đánh giá [H2.10.01.10]. Tài liệu đã được in sao và đóng thành cuốn phát cho từng thành viên trong Hội đồng TĐG [H2.10.01.11]. Trong quá trình TĐG, Học viện đã phối hợp với Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng tổ chức tập huấn, hướng dẫn và phổ biến về hoạt động TĐG đến các bên liên quan thông qua hội nghị tập huấn công tác TĐG CSGD theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT ngày 19/5/2017 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H2.10.01.12] [H2.10.01.13].

Để chuẩn bị cho công tác TĐG CSGD, Học viện đã cử cán bộ đi tập huấn nghiệp vụ TĐG giá theo quy định của Bộ GDĐT [H2.10.01.14]. Học viện cũng cử cán bộ tham gia khóa bồi dưỡng nghiệp vụ KĐCL cho đội ngũ cán bộ đảm nhận công tác ĐBCL [H2.10.01.15]; Các nhóm chuyên trách đã triển khai các hoạt động theo Kế hoạch TĐG như nghiên cứu tài liệu hướng dẫn, thu thập minh chứng... Hội đồng TĐG đã họp để rà soát tiến độ, báo cáo BGD các vướng mắc trong quá trình triển khai để có chỉ đạo kịp thời [H2.10.01.16].

Trong công tác kiểm định chất lượng Học viện mới chỉ tập trung Tự đánh giá CSGD mà chưa thực hiện tự đánh giá CTĐT.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.2. Việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được thực hiện định kỳ bởi các cán bộ và/hoặc các chuyên gia độc lập đã được đào tạo

Trên cơ sở kế hoạch TĐG đã được ban hành, Học viện đã triển khai công tác TĐG, trong đó tổ chức rà soát, đánh giá chất lượng theo từng lĩnh vực: quản trị, CSVC, ĐT, NCKH và PVCD. Học viện đã xây dựng kế hoạch TĐG cấp CSGD vào năm 2023 theo Bộ tiêu chuẩn đánh giá CSGD quy định tại Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT và các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT

[H2.10.01.01] [H2.10.01.02]. Học viện thành lập Hội đồng TĐG CSGD **[H2.10.01.03]**, ban hành Kế hoạch TĐG giai đoạn 2018 - 2023, phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá **[H2.10.01.04]**.

Nhằm tiếp tục cải tiến, nâng cao chất lượng công tác TĐG, Học viện thực hiện đồng thời công tác tự đánh giá theo quy định tại Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT, Công văn 1668/QLCL-KĐCLGD thay thế Bảng hướng dẫn đánh giá ban hành kèm theo Công văn số 768/QLCL-KĐCLGD và đồng thời thực hiện cải tiến chất lượng căn cứ trên những điểm tồn tại đã được rút ra trong quá trình thực hiện tự đánh giá. Hội đồng TĐG Học viện được thành lập gồm 21 thành viên, ban thư ký 05 người, 05 nhóm chuyên trách với 30 thành viên với quyết tâm hoàn thành báo cáo tự đánh giá theo đúng kế hoạch để chuẩn bị cho đánh giá ngoài **[H2.10.01.05]**.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCLGD, Học viện đã quan tâm đến công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ làm công tác về ĐBCLGD có đủ năng lực, đáp ứng tốt các yêu cầu về tiêu chuẩn KĐCLGD. Học viện đã có 03 cán bộ có chứng chỉ đào tạo kiểm định viên kiểm định chất lượng giáo dục và cử nhiều cán bộ, giảng viên tham gia các khoá tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về công tác ĐBCL và KĐCLGD cũng như tổ chức các khóa tập huấn về ĐBCL tại Học viện **[H2.10.01.06]**. Các cán bộ được đào tạo đều tham gia vào các nhóm chuyên trách của Hội đồng TĐG với các nhiệm vụ như thư kí tổng hợp hoặc thư kí tổng hợp của các nhóm. Tất cả các cán bộ tham gia hội đồng tự đánh giá đã được tổ chức tham dự khóa bồi dưỡng về công tác ĐBCL giáo dục đại học do Trung tâm kiểm định chất lượng giáo dục, Hiệp hội các trường đại học, cao đẳng phối hợp với Học viện thực hiện **[H2.10.01.07] [H2.10.01.08]**. Như vậy, đội ngũ cán bộ tham gia vào công tác tự đánh giá của Học viện đã được đào tạo và tập huấn về đảm bảo chất lượng tương đối đầy đủ, tuy nhiên số lượng đội ngũ cán bộ có chứng chỉ kiểm định viên còn hạn chế, chưa có cán bộ, GV được cấp chứng chỉ kiểm định viên do Bộ GDĐT từ năm 2018 đến nay chưa tổ chức thi cấp thẻ kiểm định viên KĐCLGD.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.3. Các phát hiện và kết quả của việc tự đánh giá và đánh giá ngoài được rà soát

Học viện đã nhận thức được vai trò quan trọng của công tác TĐG là hoạt động không thể thiếu để đánh giá, phát hiện các điểm mạnh, điểm tồn tại từ đó có các chính sách, biện pháp nhằm cải tiến nâng cao chất lượng. Các nhóm công tác chuyên trách đã nghiên cứu, phân tích, đánh giá các hoạt động của Học viện theo các lĩnh vực cụ thể từ đó xác định và chỉ ra được các điểm mạnh cần tiếp tục phát huy và cũng đã xác định được những tồn tại cần khắc phục [H2.10.03.01].

Những điểm tồn tại được xác định trong quá trình tự đánh giá:

1. Chưa ban hành được kế hoạch chiến lược phát triển Học viện ngắn hạn, trung hạn và dài hạn.
2. Học viện đã thành lập HDHV nhưng chưa xây dựng quy chế và triển khai kế hoạch hoạt động của HDHV.
3. Đội ngũ làm công tác đảm bảo chất lượng chưa được bồi dưỡng nhiều về năng lực chuyên môn trong công tác ĐBCL.
4. Học viện chưa xây dựng quy chế về công tác cán bộ. Số lượng giảng viên có trình độ cao, học hàm học vị còn thấp.
5. Học viện đã định kỳ rà soát CTĐT, tuy nhiên trong quá trình rà soát chưa thực hiện khảo sát các bên liên quan để cập nhật các tiến bộ khoa học kỹ thuật cũng như yêu cầu của thị trường.
6. Các đề tài NCKH ít gắn với thực tiễn, chưa thực hiện chuyển giao đề tài khoa học, nên nguồn thu từ NCKH còn hạn chế.
7. Các hoạt động đối ngoại hợp tác quốc tế còn hạn chế chưa đáp ứng được kỳ vọng của BCH TW Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.
8. Nguồn tài nguyên học liệu tại thư viện ít được cập nhật, chưa khai được thư viện điện tử và nguồn tài nguyên học liệu số.

Trên cơ sở phân tích các điểm mạnh, điểm tồn tại, mỗi nhóm công tác chuyên trách đã đề xuất các kế hoạch để khắc phục các điểm tồn tại trọng yếu, phát huy các điểm mạnh cốt lõi nhằm nâng cao chất lượng về mọi hoạt động

của Học viện chưa đáp ứng với Bộ tiêu chuẩn theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, BGD Học viện đã chỉ đạo xây dựng Kế hoạch cải tiến chất lượng cho năm học 2023-2024 và giai đoạn 2023-2028 [H2.10.03.02]. Việc thực hiện Kế hoạch cải tiến chất lượng được thực hiện theo từng lộ trình năm học [H2.10.03.03] và đã có kết quả cải tiến như sau:

1. Học viện đã triển khai xây dựng và ban hành Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [H2.10.03.04].

2. Hội đồng Học viện đã ban hành Nghị quyết về Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H2.10.03.05].

3. Mạng lưới đảm bảo chất lượng của Học viện đã được tập huấn bài bản về nội dung chuyên môn, cấp chứng chỉ bồi dưỡng [H2.10.03.06].

4. Chương trình đào tạo đã được rà soát, bổ sung, chỉnh sửa, có sự tham khảo ý kiến của các bên liên quan [H2.10.03.07].

5. Thư viện đã được đầu tư cơ sở hạ tầng với phần mềm thư viện số để giúp người học và cán bộ giảng viên dễ dàng tra cứu.

Tuy nhiên vẫn còn một số điểm tồn tại chưa khắc phục liên quan đến các hoạt động NCKH, CGCN, hoạt động HTQT, ...

Do chưa trải qua quá trình đánh giá ngoài nên Hội đồng tự đánh giá chưa có cơ hội được tiếp nhận những phân tích thực trạng và khuyến nghị cải tiến chất lượng từ đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 10.4. Quy trình tự đánh giá và quy trình chuẩn bị cho việc đánh giá ngoài được cải tiến để đáp ứng các mục tiêu chiến lược của CSGD

Năm 2023, Học viện thực hiện công tác TĐG theo bộ tiêu chuẩn gồm 25 tiêu chuẩn và 111 tiêu chí và quy trình ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT; Công văn hướng dẫn số 766/QLCL-KĐCLGD ngày 20/4/2018 về hướng dẫn TĐG CSGDĐH; Công văn số 1668/QLCL-KĐCLGD ngày 31/12/2019 hướng dẫn đánh giá theo bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CSGD ĐH [H2.10.04.01]. Học viện đã căn cứ vào hướng dẫn của Bộ GDĐT

để thành lập Hội đồng TĐG, ban thư ký, nhóm chuyên trách, xây dựng kế hoạch TĐG [H2.10.04.02].

Sau khi thực hiện quá trình tự đánh giá giai đoạn 2018 - 2023, Hội đồng đã tổ chức họp rút kinh nghiệm giữa các đơn vị trong Học viện, rà soát, đánh giá lại quy trình thực hiện. Hội đồng TĐG và thành viên của các nhóm công tác chuyên trách đã chỉ ra những hạn chế còn tồn tại ở lần đánh giá này và yêu cầu quy trình tự đánh giá phải thật sự chi tiết, có tính xác thực, hữu ích hơn trong việc cải tiến chất lượng nhằm đáp ứng được các mục tiêu chiến lược của Học viện.

Hội đồng tự đánh giá CSGD được thành lập theo Quyết định số 240/QĐ-HVTTNVN ngày 23/07/2021 và Quyết định số 500a/QĐ-HVTTNVN ngày 01/08/20223 để thực hiện quá trình tự đánh giá các lĩnh vực trong Học viện [H2.10.04.03]. Hội đồng đã triển khai xây dựng kế hoạch tự đánh giá chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 - 2023 [H2.10.04.04], phân công đánh giá theo từng lĩnh vực hoạt động của Học viện, quy định rõ mốc thời gian các công việc cần làm..., đảm bảo được mục tiêu cải tiến chất lượng, các đơn vị trong Học viện đã tổ chức họp trao đổi kinh nghiệm, chia sẻ những thực hành tốt trong công tác ĐBCLGD [H2.10.04.05].

Hội đồng có nhiệm vụ triển khai tự đánh giá CSGD theo quy định về kiểm định chất lượng CSGD đại học. Hội đồng tự đánh giá đã lựa chọn các nhóm công tác chuyên trách đến từ nhiều đơn vị phòng, khoa trong Học viện, phần lớn là các cán bộ, giảng viên trẻ, có trình độ, năng lực nghiên cứu và tâm huyết với sự phát triển của Học viện. Trong Kế hoạch tự đánh giá, các nhóm công tác có sự phân công cụ thể chi tiết cho từng thành viên trong nhóm [H2.10.04.06]; tăng cường công tác tập huấn cho các nhóm công tác và các thành viên Hội đồng TĐG [H10.10.04.07]; ban hành quy định và lưu trữ hồ sơ minh chứng và chỉ đạo các đơn vị thực hiện lưu trữ đầy đủ hệ thống minh chứng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ chuyên môn của đơn vị [H2.10.04.08]; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin là sử dụng Drive và phần mềm lưu trữ minh chứng trong quá trình triển khai tự đánh giá [H2.10.04.09] [H2.10.04.10].

Hiện nay Học viện đang hoàn thành công tác tự đánh giá giai đoạn 2018 - 2023 và đang chuẩn bị cho công tác đánh giá ngoài [H2.10.04.11]. Dự kiến trong tháng 03/2024 Học viện sẽ thực hiện đánh giá ngoài.

Bên cạnh đó, thông qua hội nghị cán bộ viên chức, tổng kết năm học, Học viện đã tuyên truyền đến toàn thể cán bộ, GV, nhân viên và SV tầm quan trọng của hoạt động TĐG và ĐGN, nâng cao ý thức trách nhiệm về công tác TĐG của trên cơ sở đó, tham gia, hỗ trợ hiệu quả cho công tác TĐG của Học viện chuẩn bị cho ĐGN [H2.10.04.12].

Học viện chưa thực hiện đánh giá ngoài nên quy trình chuẩn bị cho đánh giá ngoài chưa được rà soát, cải tiến.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 10:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Kế hoạch đảm bảo chất lượng được xây dựng hàng năm, có sự phân công nhiệm vụ cụ thể đến các bên liên quan.

- Các thành viên trong Hội đồng tự đánh giá của Học viện đều được tham dự khóa tập huấn về công tác đảm bảo chất lượng.

- Học viện đã xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng khả thi trong từng năm học để khắc phục tồn tại, phát huy điểm mạnh.

- Công tác rà soát, đánh giá, cải tiến cho quá trình tự đánh giá được Học viện thực hiện nghiêm túc, đáp ứng mục tiêu cải tiến chất lượng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện chưa triển khai tự đánh giá các chương trình đào tạo

- Đội ngũ nhân sự tham gia khoá đào tạo chứng chỉ kiểm định viên còn hạn chế.

- Chưa có cơ hội được tiếp nhận những phân tích thực trạng và đề xuất cải tiến từ đoàn chuyên gia đánh giá ngoài.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai công tác TĐG 03 chương trình đào tạo	Khoa có chuyên ngành đào tạo	2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Cử cán bộ tham gia đào tạo lớp kiểm định viên và thi lấy thẻ kiểm định viên khi Bộ GDĐT tổ chức.	BGD	2023-2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Tiến hành đánh giá ngoài	BGD; phòng TT&ĐBCLGD	Tháng 12/2023
4	Phát huy điểm mạnh 1	Đôn đốc công tác TĐG đã được phân công cụ thể cho các đơn vị, tổ chức, cá nhân của Học viện	BGD; Các phòng, khoa	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 2	Tiếp tục phát huy điểm mạnh, hạn chế tồn tại của các lĩnh vực hoạt động	BGD; Các phòng, khoa	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 10	4,0
Tiêu chí 10.1	4
Tiêu chí 10.2	4
Tiêu chí 10.3	4
Tiêu chí 10.4	4

Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin đảm bảo chất lượng bên trong

Tiêu chí 11.1. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng được thiết lập

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác ĐBCL bên trong và đã sớm quan tâm đến công tác này. Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục được thành lập theo QĐ số 421/QĐ-HVTTNVN ngày 06/7/2023 với chức năng nhiệm vụ là giúp việc cho Giám đốc Học viện điều hành và quản lý công tác Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục của Học viện [H2.11.01.01] [H2.11.01.02]. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong bao gồm việc thu thập, xử lý, báo cáo, tiếp nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ. Học viện có kế hoạch xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD và được thể hiện rõ trong kế hoạch ĐBCL hàng năm [H2.11.01.03] và giao bộ phận đầu mối quản lý thông tin ĐBCL bên trong có nhiệm vụ quản lý thông tin ĐBCL bên trong, điều hành, quản lý trang thông tin điện tử của Học viện bao gồm thu thập, xử lý, cập nhật các dữ liệu của các đơn vị về lĩnh vực đào tạo, NCKH, PVCĐ và đưa thông tin dữ liệu lên website, trích xuất dữ liệu báo cáo Học viện và cấp trên, các bên liên quan khi có yêu cầu theo quy định.

Sau khi có kế hoạch Xây dựng hệ thống quản lý thông tin với sự hợp bàn trao đổi của các đơn vị liên quan [H2.11.01.04], Học viện đã phân công đơn vị đầu mối là phòng TT&ĐBCLGD và các đơn vị hỗ trợ, phối hợp trong việc quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong [H2.11.01.05]. Trong đó phòng ĐT&CTSV chịu trách nhiệm quản lý thông tin, dữ liệu về hoạt động đào tạo, về người học, NCKH sinh viên, giảng viên, các hoạt động PVCĐ và văn bằng chứng chỉ. Phòng TC-HC chịu trách nhiệm quản lý thông tin, dữ liệu về cán bộ, giảng viên và đội ngũ chuyên viên, nhân viên. Phòng KH-TV chịu trách nhiệm quản lý thông tin dữ liệu về công tác tài chính. Phòng Quản trị chịu trách nhiệm quản lý thông tin dữ liệu về quản lý, sử dụng tài sản. Trung tâm Bồi

dưỡng chịu trách nhiệm quản lý thông tin dữ liệu HTQT và PVCĐ. Phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm lập Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong Học viện hàng năm để các đơn vị thực hiện và đầu mối thực hiện các báo cáo Ba công khai theo thông tư 36 của Bộ GDĐT, quản lý hệ thống thông tin khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ của Học viện **[H2.11.01.06]**. Trên cơ sở đó, phòng đã tham mưu BGĐ ban hành Quy định về khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan bao gồm: người học đánh giá hoạt động giảng dạy của giảng viên, chất lượng đào tạo của Học viện, khảo sát tình hình việc làm của sinh viên đã tốt nghiệp **[H2.11.01.07]** **[H2.11.01.08]**

Các quy định này được định kỳ rà soát và điều chỉnh bổ sung phù hợp với thực tiễn triển khai. Thực hiện các quy định khảo sát, hàng năm Học viện đều ban hành Kế hoạch khảo sát các bên liên quan về hoạt động của Học viện **[H2.11.01.09]**, trong đó phòng TT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm chủ trì khảo sát các bên liên quan như SV, CB, GV và NV, phối hợp với các đơn vị liên quan khảo sát CSVC, các đơn vị sử dụng lao động, CTĐT, NCKH, HTQT, hoạt động thư viện, hoạt động phục vụ, hỗ trợ người học và các hoạt động PVCĐ. Các báo cáo về kết quả khảo sát được tổng hợp báo cáo BGĐ và gửi tới các bên liên quan làm căn cứ để quản lý và cải tiến cho những lần khảo sát sau. Việc thu thập, xử lý thông tin từ các bên liên quan được thực hiện định kỳ hàng năm đảm bảo bảo cho việc thu thập, xử lý, báo cáo, nhận và chuyển thông tin từ các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ.

Để nâng cao hiệu quả trong việc thu thập và xử lý thông tin từ các bên liên quan, Học viện đang triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin, cho phép thu thập, lưu trữ, xử lý và phân tích ý kiến của các bên liên quan cũng như các dữ liệu trong hoạt động ĐT và NCKH **[H2.11.01.10]**. Trên cơ sở đó, Học viện xây dựng Kế hoạch ứng dụng CNTT trong quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong để có các phương án cụ thể về ứng dụng CNTT **[H2.11.01.11]**, cụ thể:

- Trong quản lý thông tin đào tạo về CTĐT, hoạt động đào tạo, người học, văn bằng,... Học viện sử dụng phần mềm quản lý đào tạo với nhiều phần mềm

phân cho các đơn vị chức năng liên quan [H2.11.01.12].

- Các thông tin về tài chính, tài nguyên học liệu đều sử dụng các phần mềm chuyên dụng trong từng lĩnh vực như phần mềm kế toán Misa [H2.11.01.13], phần mềm thư viện điện tử, phần mềm thư viện số [H2.11.01.14].

- Các thông tin về hoạt động khảo sát các bên liên quan đều sử dụng các ứng dụng Google Form, Google Drive [H2.11.01.15].

- Các thông tin về quản lý hệ thống văn bản đi, văn bản đến được thực hiện trên ứng dụng phần mềm Eoffice [H2.11.01.16].

Các hệ thống này cho phép người dùng là cán bộ giảng viên và sinh viên kê khai và truy xuất dữ liệu cũng như các báo cáo liên quan. Việc cập nhật dữ liệu được thực hiện theo quy trình và thông báo của các đơn vị phụ trách nhằm kịp thời cung cấp các số liệu phục vụ công tác quản lý và ra quyết định.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.2. Thông tin về ĐBCL bên trong bao gồm kết quả phân tích dữ liệu phải phù hợp, chính xác và sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan nhằm hỗ trợ cho việc ra quyết định; đồng thời, đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã đẩy mạnh việc ứng dụng CNTT để hỗ trợ các hoạt động đào tạo, quản lý, lưu trữ và triển khai tại Học viện gồm các phần mềm về quản lý đào tạo (xây dựng kế hoạch giảng dạy, đăng ký tín chỉ, thời khóa biểu, xây dựng kế hoạch thi, hệ thống làm phách, vào điểm,...), phần mềm quản lý sinh viên (điểm rèn luyện, xét học bổng, chế độ chính sách,...), phần mềm quản lý thu học phí, phần mềm quản lý điểm học phần, phần mềm dữ liệu về văn bằng, phần mềm thanh toán học phí online... để phục vụ cho việc lưu trữ thông tin về người học [H2.11.02.01] [H2.11.02.02] [H2.11.02.03]. Ngoài ra các thông tin cơ bản về đào tạo, NCKH và PVCĐ cũng như các hoạt động hỗ trợ đều đăng tải trên trang thông tin điện tử của Học viện, người học cũng có thể dễ dàng thông qua mạng Lan và hệ thống Wifi phủ sóng khắp Học viện để cập nhật thông tin một cách thuận lợi nhất [H2.11.02.04].

Bên cạnh đó phần mềm Quản lý văn bản CloudOffice đã phát huy tác dụng trong việc lưu trữ, phân loại và cung cấp các thông tin từ các văn bản đến và văn bản đi của Học viện [H2.11.02.05]. Công tác khảo sát các bên liên quan cũng được triển khai trên nền tảng ứng dụng Google Drive để thực hiện [H2.11.02.06]. Chính vì vậy, mọi chủ trương, chính sách của Học viện đều được phổ biến đến toàn thể CB, GV và SV để thống nhất thực hiện.

Việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong trên nền tảng CNTT như trên đã phát huy tác dụng để các đơn vị, cá nhân cũng như các bên liên quan có được thông tin chính xác, khách quan về các lĩnh vực đào tạo, NCKH và PVCĐ. Với việc ứng dụng phần mềm quản lý đào tạo, quá trình học tập của SV được phân tích chính xác, đầy đủ, thuận tiện trong việc xét học vụ, xét điểm rèn luyện và xét tốt nghiệp giảm thời gian đáng kể và tăng hiệu quả xử lý công việc [H2.11.02.07] [H2.11.02.08] [H2.11.02.09]. Đối với các loại khảo sát về ý kiến các bên liên quan, nhằm đảm bảo tính khách quan, chính xác, minh bạch, bảo mật và an toàn dữ liệu, Học viện đã triển khai ứng dụng CNTT vào các khâu tổ chức khảo sát online bằng ứng dụng Google Drive, Google Form từ năm 2021, xử lý và phân tích dữ liệu trên ứng dụng Excel [H2.11.02.10]. Trên cơ sở dữ liệu được phân tích, phòng TT&ĐBCLGD lập báo cáo tổng hợp và gửi đến các bên liên quan [H2.11.02.11]. Hàng năm, Học viện thực hiện niêm yết báo cáo Ba công khai trang thông tin điện tử theo quy định tại Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT [H2.11.02.12]. Báo cáo thông tin công khai được công khai minh bạch trên trang thông tin điện tử của Học viện là hình thức Học viện công khai, minh bạch các điều kiện đảm bảo chất lượng đối với các đơn vị quản lý nhà nước và với xã hội. Thông qua trang thông tin điện tử của Học viện, các thông tin về hoạt động đào tạo, KHCN, hoạt động kết nối PVCĐ được đăng tải, tuyên truyền, nâng cao ý thức PVCĐ cho toàn thể viên chức, người lao động và người học của Học viện góp phần nâng cao chất lượng cho các hoạt động này [H2.11.02.13]. Trên cơ sở các báo cáo về các lĩnh vực hoạt động của Học viện được đối sánh giữa các năm học, phân tích kết quả, tìm ra nguyên nhân, từ đó giúp lãnh đạo Học viện có các biện pháp ra các quyết

định điều chỉnh hợp lý và kịp thời trên các lĩnh vực hoạt động để cải tiến nâng cao chất lượng [H2.11.02.14].

Để thống nhất và quản lý có hiệu quả hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, BGD đã phân công nhiệm vụ cho các đơn vị đảm nhiệm từng mảng hoạt động trong hệ thống thông tin ĐBCL bên trong một cách rõ ràng [H2.11.02.15], các đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm lưu trữ cơ sở dữ liệu và sẵn sàng trích xuất khi cần. Thông tin về đào tạo như: kết quả, tiến trình học tập của SV được lưu trữ một cách khoa học theo lớp, ngành, khóa học để thuận tiện trong việc truy xuất và quản lý. Với phần mềm quản lý đào tạo có thể dễ dàng trích xuất các dữ liệu liên quan tới đào tạo như: kết quả xét học vụ, kết quả xét điểm rèn luyện và kết quả SV tốt nghiệp... [H2.11.02.16] [H2.11.02.17] [H2.11.02.18]. Cơ sở dữ liệu về việc lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV, khảo sát các bên liên quan về hoạt động của Học viện, về CTĐT, về tình trạng việc làm và về chất lượng người học tốt nghiệp [H2.11.02.19] [H2.11.02.20] [H2.11.02.21] [H2.11.02.22], hàng năm được lưu trữ tại phòng TT&ĐBCLGD theo năm học để dễ dàng trích xuất. Các thông tin về ba công khai, đề án tuyển sinh, CTĐT, CĐR,... theo quy định của Bộ GDĐT được công bố chính thức trên website của Học viện [H2.11.02.23].

Tất cả các thông tin về ĐBCL bên trong Học viện bao gồm các thông tin sơ cấp và thông tin thứ cấp (các kết quả phân tích dữ liệu) đều được ban hành và lưu trữ theo đúng quy định hành chính nhà nước, phù hợp, chính xác và luôn sẵn có để cung cấp kịp thời cho các bên liên quan, đồng thời hỗ trợ cho BGD ban hành các chính sách, quyết định giúp cho việc điều hành và quản lý các hoạt động trong Học viện một cách thuận lợi và hiệu quả. Toàn bộ dữ liệu được lưu trữ và quản trị theo cấu trúc cơ sở dữ liệu của từng phần mềm quản lý, luôn sẵn sàng cho việc trích xuất khi cần.

Để đảm bảo an toàn, bảo mật cho hệ thống thông tin ĐBCL bên trong, Học viện đã trang bị hệ thống tường lửa với hệ thống máy chủ chạy trên nền Windows Sever chức năng sao lưu, backup dữ liệu chéo trên 2 máy chủ và giao quyền truy cập, quản lý cho một bộ phận, cá nhân nhất định để đảm bảo an

toàn, bảo mật [H2.11.02.24]. Đồng thời Học viện còn quy định hướng dẫn sử dụng phần mềm QLĐT; phân cấp, phân quyền cụ thể cho người sử dụng để đảm bảo tính bảo mật trong quá trình cập nhật thông tin [H2.11.02.25]. Ngoài ra trong Quy định về khảo sát các bên liên quan cũng đã xác định rõ trách nhiệm, thẩm quyền của cá nhân và các đơn vị liên quan trong việc bảo mật thông tin [H2.11.02.26].

Các công văn đến và đi, các quyết định, quy định, quy chế... được Phòng TC- HC lưu trữ dưới hai hình thức văn bản cứng và online (bản scan). Mỗi lĩnh vực chuyên môn đều có các đơn vị phụ trách, có trách nhiệm lưu trữ và bảo mật thông tin [H2.11.02.27]. Hệ thống mạng Internet của Học viện cũng được bảo mật, bảo đảm an toàn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 11.3. Thực hiện rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin

Học viện định kỳ hàng năm thực hiện rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong thông qua kế hoạch rà soát, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin đảm bảo chất lượng bên trong [H2.11.03.01]. Trên cơ sở đó, đề xuất điều chỉnh, bổ sung, hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong như: điều chỉnh các văn bản về việc phân công nhiệm vụ, chính sách, quy trình, thủ tục bảo mật [H2.11.03.02]. Để đảm bảo việc công bố thông tin trên website được liên tục, bộ phận quản lý website đã tiến hành sao lưu dữ liệu website định kỳ [H2.11.03.03].

Định kỳ hàng năm, thông tin, cơ sở dữ liệu ĐBCL bên trong được rà soát không chỉ về số lượng mà cả chất lượng cũng như sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin. Hệ thống khảo sát các bên liên quan từ chỗ chỉ khảo sát người học đã mở rộng phạm vi đối tượng khảo sát các bên liên quan là người học sắp tốt nghiệp, CSV, CB, GV, NV và nhà tuyển dụng [H2.11.03.04]. Trên cơ sở đó, nội dung khảo sát cũng được mở rộng phạm vi từ chỗ chỉ khảo sát hoạt động giảng dạy của GV, đến nay Học viện đã khảo sát

trên các nội dung hoạt động của Học viện như: chất lượng CTĐT, CĐR, các hoạt động hỗ trợ người học, môi trường làm việc, chất lượng người học tốt nghiệp, tình hình việc làm của cựu người học, các hoạt động PVCD. Trên cơ sở kết quả khảo sát, các thông tin liên quan đến CTĐT, CTDH, các đơn vị đào tạo tiến hành rà soát, tổng kết và đề xuất chỉnh sửa bổ sung [H2.11.03.05]. Đối với việc báo cáo Ba công khai, Học viện đã ban hành quy trình cụ thể, bổ sung các biểu mẫu báo cáo theo đúng Thông tư số 36/2017/TT-BGDĐT [H2.11.03.06] [H2.11.03.07]. Để đảm bảo sự thống nhất, bảo mật và an toàn của dữ liệu và thông tin, mỗi lĩnh vực chuyên môn đều có các đơn vị phụ trách, có trách nhiệm lưu trữ và bảo mật thông tin [H2.11.03.08], chính vì vậy, hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Học viện luôn đảm bảo an toàn và bảo mật.

Trong quá trình điều chỉnh các nội dung của hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, BGD Học viện thường tổ chức các cuộc họp để lấy ý kiến của các đơn vị trong toàn Học viện như Quy định lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo, môi trường làm việc của Học viện, Quy định So chuẩn đối sánh, ... [H2.11.03.09] [H2.11.03.10].

Trong quá trình xây dựng và phát triển CTĐT, tổ chức lấy ý kiến của doanh nghiệp, đơn vị sử dụng lao động về CĐR, CTĐT để chỉnh sửa và ban hành CTĐT đáp ứng chuẩn đầu ra [H2.11.03.11]. Thông qua việc lấy ý kiến khảo sát các hoạt động PVCD, Học viện đã ban hành Kế hoạch cải tiến các hoạt động Kết nối và phục vụ cộng đồng [H2.11.03.12],... Trên cơ sở lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan để từ đó xem xét, điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin ĐBCL một cách kịp thời.

Nhằm rà soát, điều chỉnh và quản lý hệ thống thông tin ĐBCL có hiệu quả, hàng năm Học viện thực hiện khảo sát lấy ý kiến của CB, GV và SV đối với hệ thống quản lý thông tin. Sau mỗi hoạt động khảo sát, Học viện đều có báo cáo kết quả khảo sát và tiến hành họp để đánh giá, rà soát điều chỉnh hệ thống quản lý thông tin, hệ thống dữ liệu thông tin ĐBCL bên trong để cải tiến nâng cao chất lượng đáp ứng tốt hơn nhu cầu của các bên liên quan.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 11.4. Việc quản lý thông tin ĐBCL bên trong cũng như các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được cải tiến để hỗ trợ đào tạo, NCKH và PVCĐ

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam bước đầu đã có sự cải tiến về các chính sách, quy trình và kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong CSGD. Về chính sách, để tăng cường hiệu quả ĐBCL bên trong, Học viện đã xây dựng chiến lược ĐBCL, thành lập mạng lưới ĐBCL, có quy định cụ thể về hoạt động ĐBCL trong Học viện, trên cơ sở đó Học viện ban hành chính sách ĐBCL để đảm bảo cho hoạt động quản lý thông tin ĐBCL bên trong đạt hiệu quả cao hơn [H2.11.04.01] [H2.11.04.02] [H2.11.04.03]. Kế hoạch quản lý thông tin ĐBCL bên trong được xây dựng và rà soát hàng năm [H2.11.04.04]. Sau khi rà soát, nhận thấy cần ban hành và cải tiến các quy trình quản lý thông tin ĐBCL bên trong, Học viện chỉ đạo các đơn vị chức năng xây dựng Quy trình Báo cáo Báo công khai, rà soát và xây dựng các quy trình đảm bảo chất lượng, quy trình khảo sát các bên liên quan [H2.11.04.05] [H2.11.04.06] [H2.11.04.07]. Các phiếu lấy ý kiến trong hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện được rà soát, chỉnh sửa hàng năm [H2.11.04.08]. Đối tượng khảo sát cũng được mở rộng dần, năm 2018 mới chỉ thực hiện khảo sát SV đánh giá giảng viên thì đến nay Học viện đã mở rộng các loại khảo sát trên đối tượng SV sắp tốt nghiệp đánh giá chất lượng đào tạo, khảo sát CB, GV, NV về môi trường làm việc, khảo sát CSV về tình hình việc làm và môi trường làm việc, khảo sát nhà tuyển dụng về chất lượng người học sau khi tốt nghiệp, khảo sát các hoạt động PVCĐ [H2.11.04.09],... Kết quả phân tích, lấy ý kiến cho từng lĩnh vực hoạt động giúp Học viện có cơ sở để đánh giá, từ đó điều chỉnh cải tiến các hoạt động đạt hiệu quả, chất lượng.

Hàng năm, sau khi có kết quả phân tích đánh giá chất lượng người học sau khi ra trường, dựa trên báo cáo kết quả khảo sát các bên liên quan về chất lượng CTĐT, Học viện đã thực hiện cải tiến và đến thời điểm hiện nay, đã có 07 CTĐT được rà soát và ban hành theo hướng tăng tín chỉ thực hành, thực tập

của các học phần chuyên ngành, bổ sung môn học kỹ năng mềm, các môn học chuyên sâu theo hướng ứng dụng [H2.11.04.10]. Hiện nay, Học viện đang tiếp tục rà soát CTĐT theo hướng đáp ứng CĐR, trên cơ sở đó các ĐCCTHP cũng được chỉnh sửa, cải tiến các phương thức kiểm tra đánh giá thông qua các rubric, tăng cường đánh giá quá trình nhằm đáp ứng CĐR [H2.11.04.11] [H2.11.04.12]. Căn cứ vào báo cáo phân tích kết quả NCKH hằng năm, Học viện đã đưa ra những giải pháp cụ thể để tăng số lượng và chất lượng hoạt động NCKH trong toàn Học viện, đồng thời Học viện đã xây dựng và phát triển nâng cấp chỉ số cho Tạp chí Thanh niên [H2.11.04.13].

Dựa trên việc phân tích các báo cáo khảo sát về loại hình và khối lượng các hoạt động PVCD qua các năm học, từ đó Học viện đã xây dựng kế hoạch cải tiến các hoạt động hỗ trợ và PVCD, có các chính sách cụ thể về hoạt động PVCD [H2.11.04.14]. Trên cơ sở đó mà các hoạt động PVCD ngày càng được chú trọng và đa dạng hơn đã có sự gia tăng về khối lượng và số lượng, cụ thể: hoạt động hiến máu tình nguyện, hoạt động tình nguyện mùa hè xanh, mùa đông ấm, xuân tình nguyện,... ngày càng gia tăng [H2.11.04.15].

Trên cơ sở các số liệu trích xuất từ hệ thống thông tin qua phần mềm quản lý đào tạo, phòng ĐT&CTSV tổ chức hội nghị xét học vụ hằng năm để đánh giá tỷ lệ sinh viên lên lớp, thi lại, học lại, ... là cơ sở để các tổ bộ môn rà soát đánh giá phương pháp giảng dạy, chất lượng đề thi và cải tiến các phương pháp kiểm tra đánh giá [H2.11.04.16]. Thông qua kết quả dự giờ hàng năm, báo cáo khảo sát sinh viên đánh giá giảng viên,... là cơ sở để GV điều chỉnh kịp thời các hoạt động giảng dạy [H2.11.04.17]. Trên cơ sở dữ liệu khảo sát các bên liên quan, phòng TT&ĐBCLGD lập báo cáo kết quả khảo sát về chất lượng giảng dạy của GV, chất lượng môi trường làm việc của CB, GV và NV, tình trạng việc làm sau khi tốt nghiệp, sự hài lòng của SV và cựu SV về CTĐT... gửi đến BGD cũng như các đơn vị liên quan trong Học viện để có căn cứ chỉ đạo các đơn vị xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng [H2.11.04.18]. Báo cáo Hội nghị công nhân viên chức hằng năm được phân tích trên tất cả các lĩnh vực công tác chuyên môn: đào tạo và NCKH, quản lý tài chính, quản lý cơ sở vật

chất, PVCD,... [H2.11.04.19], tất cả các thông tin được phân tích đánh giá theo từng lĩnh vực thể hiện qua các báo cáo là cơ sở để BGD và đội ngũ cán bộ quản lý đưa ra những quyết định, chính sách cải tiến phù hợp và kịp thời hỗ trợ công tác đào tạo, NCKH và PVCD.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 11:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã thiết lập hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong và có phương án ứng dụng CNTT cho hệ thống nhằm đảm bảo hỗ trợ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

- Học viện bước đầu đã xây dựng hệ thống các chính sách bảo mật dữ liệu thông tin cụ thể đảm bảo hệ thống thông tin ĐBCL bên trong của Học viện luôn an toàn, bảo mật theo đúng quy định.

- Định kỳ hàng năm Học viện tổ chức rà soát hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong, điều chỉnh số lượng, chất lượng, sự thống nhất, bảo mật, an toàn của dữ liệu và thông tin.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Ứng dụng CNTT trong việc xây dựng hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong chưa đồng bộ và triển khai phủ khắp các lĩnh vực của Học viện.

- Việc cải tiến hệ thống quản lý thông tin ĐBCL bên trong về chính sách, quy trình chưa đủ mạnh để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

- Việc sử dụng kết quả phân tích đánh giá hệ thống thông tin ĐBCL bên trong còn hạn chế trong việc hỗ trợ để nâng cao các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Triển khai sử dụng phần mềm quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong. Triển khai sử dụng một số phần mềm chuyên môn như quản lý nhân sự, quản lý tài sản, quản lý KHCN.	Phòng TT&ĐBCLGD Các phòng, khoa	2023-2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Tăng cường cải tiến các chính sách, quy trình quản lý hệ thống thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ hiệu quả cho hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	Phòng TT&ĐBCLGD Các phòng, khoa liên quan	2023-2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Nâng cao chất lượng các báo cáo đánh giá phân tích các thông tin ĐBCL bên trong để hỗ trợ cải tiến và nâng cao các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD	Các phòng, khoa, trung tâm	2023-2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 11	4,5
Tiêu chí 11.1	5
Tiêu chí 11.2	5
Tiêu chí 11.3	4
Tiêu chí 11.4	4

Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng

Tiêu chí 12.1. Xây dựng kế hoạch liên tục nâng cao chất lượng của CSGD bao gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam xác định việc nâng cao chất lượng là vấn đề trọng tâm quyết định sự phát triển của cơ sở giáo dục. Vì vậy, Học viện luôn chú trọng xây dựng kế hoạch nâng cao chất lượng về chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

- Về chính sách, hệ thống: Học viện ban hành Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [H2.12.01.01] trong đó mục tiêu chiến lược của Học viện là *“Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam phấn đấu trở thành cơ sở giáo dục đại học đa ngành theo hướng ứng dụng có chất lượng, uy tín, đứng đầu trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đoàn và nghiên cứu khoa học về công tác đoàn, phong trào thanh thiếu nhi; từng bước phát triển mô hình đại học thông minh và hội nhập quốc tế”*. Từ kế hoạch chiến lược, Học viện xây dựng kế hoạch trung hạn và ngắn hạn để triển khai chiến lược trong các lĩnh vực hoạt động của Học viện [H2.12.01.02] [H2.12.01.03]. Đồng thời, Học viện ban hành chính sách đảm bảo chất lượng nhằm cam kết chất lượng với người học và toàn xã hội [H2.12.01.04]. Ngoài ra, Học viện ban hành chính sách thu hút nhân tài, đặc biệt là cán bộ, giảng viên có trình độ cao [H2.12.01.05]; chính sách thu hút sinh viên giỏi [H2.12.01.06]; chính sách chế độ học bổng cho sinh viên [H2.12.01.07]. Mặt khác, với quy định Quản lý hoạt động NCKH, Quy chế chi tiêu nội bộ được ban hành nhằm khuyến khích, động viên cán bộ, giảng viên, sinh viên tích cực tham gia NCKH [H2.12.01.08] [H2.12.01.09].

- Về quy trình, thủ tục: Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã ban hành các quy trình thủ tục nhằm cao hiệu quả quản lý và nâng cao chất lượng, kế hoạch hành động có tính liên tục với các mốc thời gian và chỉ tiêu cụ thể để

đảm bảo tốt nhất cho hoạt động đào tạo, NCKH, PVCĐ [H2.12.01.10]. Các Quy trình cụ thể áp dụng cho lĩnh vực đào tạo: quy trình xây dựng và thẩm định CDR, CTĐT quy trình xây dựng đề cương chi tiết, quy trình nghiệm thu đề tài, quy trình thẩm định, nghiệm thu giáo trình... [H2.12.01.11] [H2.12.01.12] [H2.12.01.13]. Trong công tác công khai các điều kiện ĐBCL, Học viện đã ban hành quy trình báo cáo thông tin công khai [H2.12.01.14].

- Về nguồn lực: Học viện có chiến lược phát triển nguồn nhân lực trong đó có kế hoạch, giải pháp để nâng cao chất lượng đội ngũ và kế hoạch nguồn lực tài chính hàng năm [H2.12.01.15]. Từ các kế hoạch chiến lược, Học viện xây dựng các kế hoạch ngắn hạn về công tác đào tạo, bồi dưỡng nhằm từng bước thực hiện kế hoạch dài hạn đã đề ra [H2.12.01.16]. Các kế hoạch phân bổ tài chính hàng năm thể hiện rõ Học viện quyết tâm đầu tư nguồn lực để nâng cao chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Đầu tư chỉnh sửa CTĐT, biên soạn giáo trình; đầu tư cho các hoạt động nâng cao dạy và học ở các Khoa; công tác thi, kiểm tra; công tác ĐBCL và KĐCL; đầu tư trang thiết bị máy móc, cơ sở hạ tầng phục vụ công tác đào tạo; nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho đội GV, CB quản lý và NV; đầu tư cho công tác NCKH và PVCĐ [H2.12.01.17].

Học viện luôn chú trọng việc đảm bảo và nâng cao chất lượng ĐT, NCKH và PVCĐ, do đó luôn có các kế hoạch cải tiến liên tục. Nghị quyết Hội nghị công chức, viên chức hàng năm thể hiện quyết tâm của tập thể công chức, viên chức Học viện không ngừng nâng cao chất lượng các hoạt động, cụ thể: Trong xây dựng kế hoạch ngắn hạn, Học viện ban hành Kế hoạch hoạt động cho từng năm học, trên cơ sở đó các phòng/khoa/trung tâm cụ thể hóa bằng kế hoạch hoạt động của đơn vị mình. Các kế hoạch này được xây dựng với công việc, mốc thời gian, trách nhiệm chủ trì, trách nhiệm phối hợp một cách cụ thể nhằm thực hiện tốt nhất các hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ, không ngừng nâng cao chất lượng [H2.12.01.18] [H2.12.01.19]. Học viện chú trọng xây dựng kế hoạch và thực hiện cải tiến chất lượng hàng năm [H2.12.01.20]. Học viện triển khai mô hình quản lý NCKH theo cấp: Học viện và Khoa, quán triệt việc chủ

động khai thác các nhiệm vụ khoa học từ bên ngoài, hỗ trợ sinh viên và giảng viên nghiên cứu khoa học, đẩy mạnh hoạt động xuất bản tài liệu giáo trình...đẩy mạnh nghiên cứu khoa học của sinh viên [H2.12.01.21]. Có thể nói, các kế hoạch cải tiến nhằm nâng cao chất lượng được Học viện xây dựng và triển khai một cách liên tục đồng thời phân công rõ trách nhiệm chủ trì và phối hợp rõ ràng với các mốc thời gian cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 12.2 Các tiêu chí lựa chọn đối tác, các thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập và các tiêu chí lựa chọn thông tin so chuẩn và đối sánh để nâng cao chất lượng hoạt động được thiết lập

Đối sánh là một hoạt động quan trọng trong việc rà soát, xây dựng kế hoạch, xây dựng chương trình nhằm cải tiến nâng cao chất lượng các hoạt động của Học viện. Lựa chọn đối tác để đối sánh, so chuẩn nhằm nâng cao chất lượng, phát huy các nguồn lực sẵn có của Học viện, mang lại lợi ích thiết thực cho GV, SV và các đối tác và trên hết là phản ánh được sứ mạng, đáp ứng được tầm nhìn của Học viện, vì vậy Học viện ban hành Quy định so chuẩn, đối sánh [H2.12.02.01], trong đó có các tiêu chí cụ thể về lựa chọn đối tác, cụ thể:

Về tiêu chí lựa chọn đối tác, Học viện xác định:

1. Đối tác trong nước: Là CSGD đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau: Thuộc loại hình trường đại học công lập, cùng trực thuộc Bộ GDĐT chủ quản. Có sự tương đồng về địa lý, qui mô GV, qui mô người học, trình độ và ngành đào tạo. Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

2. Đối tác ngoài nước: Là CSGD đại học của nước ngoài trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau: Là trường đại học thuộc khu vực ASEAN; ưu tiên trường tham gia Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á- AUN; Có sự tương đồng về vị trí địa lý, quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo. Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.

Đối với các cơ sở giáo dục trong nước, Học viện lựa chọn những cơ sở

giáo dục có uy tín trong nước, có ngành đào tạo gần với ngành đào tạo của Học viện như Học viện Phụ Nữ, Trường đại học Lao động Xã hội [H2.12.02.02].

Xác định nội dung so chuẩn, đối sánh chất lượng là hoạt động quan trọng giúp Học viện đi đúng hướng để nâng cao chất lượng, Học viện tiến hành công tác so chuẩn, đối sánh với nội dung thuộc các lĩnh vực: bộ máy nhân sự, hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, cơ sở vật chất, tài chính, kết nối và phục vụ cộng đồng cùng các kết quả của các hoạt động như tỷ lệ giảng viên/sinh viên, tỷ lệ giảng viên có trình độ tiến sĩ/giảng viên, số ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo, chương trình đào tạo tỷ lệ tốt nghiệp, kết quả nghiên cứu khoa học sáng tạo, tỷ lệ có việc làm của sinh viên...[H2.12.02.03].

Các tiêu chí lựa chọn nội dung để thực hiện so chuẩn, đối sánh chất lượng được thể hiện ở các nội dung: nguồn nhân lực; tài chính; CTĐT; NCKH; CSVC; HTQT và PVCĐ.

Về đào tạo: Chỉ tiêu tuyển sinh; Mục tiêu ĐT; khối lượng tín chỉ; thời gian ĐT; CĐR; số ngành ĐT; quy mô tuyển sinh; quy mô ĐT; CTĐT; tỷ lệ SV (tốt nghiệp, thôi học, học lại); thời gian tốt nghiệp trung bình của người học theo khóa ĐT... Học viện tiến hành thực hiện so chuẩn đối sánh các CTĐT trình độ đại học. Công tác đối sánh trong và đối sánh ngoài CTĐT được thực hiện với việc lựa chọn các trường đại học có uy tín trong nước và có các ngành đào tạo gần với các ngành Học viện đang đào tạo [H2.12.02.04].

Về NCKH, công nghệ và HTQT: Loại hình và số lượng NCKH của GV, cán bộ nghiên cứu; SV; loại hình và số lượng các công bố khoa học; loại hình và số lượng các TSTT; ngân quỹ cho từng hoạt động nghiên cứu; kết quả NCKH và sáng tạo, bao gồm thương mại hóa, thử nghiệm chuyên gia, thành lập các đơn vị khởi nghiệp... [H2.12.02.05]. Với công tác Đối ngoại, Học viện tiến hành so chuẩn nhưng chỉ mới dừng lại ở mức đối sánh bên trong [H2.12.02.06].

Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: Loại hình và khối lượng hoạt động kết nối cộng đồng; hiệu quả kết nối và PVCĐ; tỷ lệ việc làm của SV sau tốt nghiệp từ 6-12 tháng; mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất

lượng của người học tốt nghiệp; sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động kết nối và PVCĐ; các chỉ số thị trường của các hoạt động ĐT, NCKH và PVCĐ; tác động xã hội đến kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ đối với người học, đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên của Học viện [H2.12.02.07].

Việc thực hiện đối sánh cũng được ghi rõ trong quy định về đối sánh giúp các đơn vị có kế hoạch cũng như cách thức thực hiện để triển khai tốt nhất việc đối sánh của từng đơn vị cũng như toàn Học viện [H2.12.02.08]. Tuy nhiên, nội dung đối sánh chưa cụ thể.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí: 12.3. Thực hiện việc so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo

Dựa trên bộ tiêu chuẩn đánh giá chất lượng giáo dục ban hành kèm theo Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT quy định về KĐCL CSGD ĐH và Thông tư số 04/2016/TT-BGDĐT quy định về tiêu chuẩn đánh giá chất lượng CTĐT các trình độ của giáo dục ĐH, các đơn vị chức năng thực hiện việc so chuẩn, đối sánh theo quy định. Căn cứ vào Quy định so chuẩn, đối sánh chất lượng giáo dục đã được ban hành, Học viện thực hiện việc so chuẩn và đối sánh chất lượng giáo dục [H2.12.03.01] : Xây dựng kế hoạch so chuẩn đối sánh và thông báo cho các đơn vị thực hiện [H2.12.03.02]; Các đơn vị, bộ phận căn cứ vào Quy định so chuẩn, đối sánh tiến hành thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện của các đơn vị gửi về phòng TT&ĐBCLGD tổng hợp thành Báo cáo kết quả so chuẩn và đối sánh hàng năm của Học viện trên từng lĩnh vực [H2.12.03.03], cụ thể như sau:

Về tuyển sinh: Theo kế hoạch, bộ phận thực hiện so chuẩn và đối sánh về công tác tuyển sinh là phòng ĐT&CTSV. Trong báo cáo phòng ĐT&CTSV so chuẩn, đối sánh và phân tích kết quả tuyển sinh đạt được của năm sau so với năm trước về điểm tuyển sinh đầu vào, chỉ tiêu tuyển sinh, kết quả tuyển sinh; đối sánh với trường đại học khác cùng khối ngành [H2.12.03.04].

Về kết quả đào tạo: Hằng năm, trong báo cáo tổng kết của phòng ĐT&CTSV tiến hành lập bảng tổng hợp, phân tích đối sánh tỷ lệ lên lớp/thời

học, tỷ lệ tốt nghiệp hàng năm; Kết quả học tập; Tỷ lệ sinh viên có việc làm sau khi tốt nghiệp năm sau so với năm trước. Ngoài ra, Học viện đối sánh tỷ lệ sinh viên tốt nghiệp và tỷ lệ sinh viên có việc làm của Học viện với các trường để từ đó có cái nhìn tổng thể về kết quả đào tạo của Học viện để kịp thời điều chỉnh [H2.12.03.05].

Về chương trình đào tạo: Nhiệm vụ thực hiện đối sánh về CTĐT là phòng ĐT&CTSV phối hợp các khoa chuyên ngành. Trong giai đoạn từ 2018 - 2023, khi xây dựng, rà soát CTĐT, phòng ĐT&CTSV phối hợp các khoa chuyên ngành đã thực hiện so chuẩn CTĐT trình độ đại học với các trường đại học ở trong nước [H2.12.03.06];

Về NCKH: Phòng ĐT&CTSV là đơn vị chủ trì được giao nhiệm vụ thực hiện đối sánh các hoạt động liên quan đến công tác NCKH. Trong giai đoạn từ năm 2018 - 2023, Phòng ĐT&CTSV đã thực hiện so sánh loại hình và số lượng NCKH của sinh viên từng khoa năm sau với năm trước, so sánh loại hình và số lượng NCKH của GV của Học viện năm sau so với năm trước và với các trường [H2.12.03.07]. Để nâng cao chất lượng NCKH, Học viện luôn khuyến khích CB, GV thực hiện NCKH và công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước.

Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: Đối với hoạt động PVCĐ, phòng ĐT&CTSV là đơn vị chủ trì và phối hợp với CD, ĐTN, HSV và các khoa để thực hiện lựa chọn so chuẩn, đối sánh với các tiêu chí: Các hoạt động đào tạo, bồi dưỡng, khoa học, kết nối doanh nghiệp, các hoạt động tình nguyện, thiện nguyện, nhân đạo của năm sau so với năm trước, là cơ sở để đánh giá kết quả thực hiện cả về số lượng và chất lượng các hoạt động kết nối và PVCĐ. Tuy nhiên, quá trình đối sánh với các đối tác về hoạt động này còn gặp khó khăn, nên phòng ĐT&CTSV chưa triển khai đối sánh ngoài, là hạn chế của công tác này [H2.12.03.08].

Báo cáo kết quả so chuẩn đối sánh hàng năm là cơ sở để Học viện tăng cường các hoạt động ĐBCL, triển khai Kế hoạch cải tiến chất lượng [H2.12.03.09], trên từng lĩnh vực:

- Công tác tuyển sinh: Trên cơ sở kết quả đối sánh, phòng ĐT&CTSV đã điều chỉnh, cải tiến, cập nhật chính sách và xây dựng kế hoạch tuyển sinh hằng năm [**H2.12.03.10**]: Kiện toàn bộ máy tổ chức, tổ chức hội thảo về tuyển sinh, đưa ra các ý kiến đóng góp cho Đề án tuyển sinh hằng năm, các giải pháp đổi mới tuyển sinh như tăng cường quảng bá hình ảnh, nâng cao thương hiệu nhà Học viện...; Hoạt động truyền thông được chú trọng, thể hiện qua Kế hoạch triển khai các hoạt động truyền thông phục vụ công tác tuyển sinh hằng năm [**H2.12.03.11**].

- Chương trình đào tạo: Kết quả đối sánh về chương trình đào tạo là cơ sở để Học viện tiến hành rà soát CDR, CTĐT 2 lần để đáp ứng nhu cầu xã hội. Học viện đã rà soát 07 CTĐT đại học trong giai đoạn từ năm 2018-2023 [**H2.12.03.12**]. Hiện nay, các chương trình đào tạo đang tiếp tục được rà soát, cập nhật đáp ứng chuẩn đầu ra theo Thông tư 08/2021/TT-BGDĐT [**H2.12.03.13**].

- Công tác NCKH: Từ kết quả so chuẩn và đối sánh, Học viện thực hiện các giải pháp đổi mới sáng tạo trong NCKH sau khi thực hiện so chuẩn và đối sánh: Ban hành đổi mới các quy định về Quản lý KHCN [**H2.12.03.14**], rà soát quy chế chi tiêu nội bộ bổ sung các khuyến khích đối với đội ngũ GV, CB, NV và SV tham gia NCKH. Đưa ra các khuyến khích về tinh thần NCKH trong các hội thảo khoa học, các hoạt động đánh giá tổng kết cuối năm của cá nhân và tập thể gắn với nhiệm vụ NCKH cũng như chế độ hỗ trợ kinh phí cho các đề tài NCKH, hỗ trợ tính tiết NCKH khi các GV đăng bài báo trên các tạp chí trong và ngoài nước, khuyến khích CB, GV công bố công trình khoa học trên các tạp chí có chỉ số ISI, Scopus [**H2.12.03.15**].

- Về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng: Từ kết quả so chuẩn, đối sánh cho thấy hoạt động kết nối và PVCD đã được Học viện quan tâm, phòng CTSV đã xây dựng Kế hoạch cải tiến các hoạt động PVCD và rà soát ban hành Quy định PVCD với các chính sách rõ ràng khuyến khích CB, GV và SV tham gia tham gia các hoạt động kết nối và PVCD [**H2.12.03.16**] [**H2.12.03.17**].

Qua việc thực hiện đối sánh các hoạt động, Học viện đã xây dựng kế hoạch

cải tiến chất lượng hàng năm để nâng cao hiệu quả đào tạo, NCKH và PVCĐ. Hệ thống ĐBCL bên trong ngày càng được hoàn thiện từ cơ cấu tổ chức đến hệ thống các văn bản, chính sách điều hành. Các CTĐT đã khẳng định được sự phù hợp với chất lượng giáo dục mong muốn, hoạt động NCKH ngày càng nâng cao cả về chất và lượng, tăng cường được chất lượng giáo dục trong Học viện, phương thức tuyển sinh ngày càng đa dạng, các hoạt động PVCĐ ngày càng mở rộng về loại hình và quy mô. Căn cứ kết quả đối sánh và so chuẩn đã giúp Học viện xác định rõ hơn uy tín của Học viện so với các CSGD khác trong nước. Đồng thời Phòng TT&ĐBCLGD tổng hợp, thông báo đến các đơn vị và yêu cầu các đơn vị sử dụng kết quả đối sánh để làm căn cứ đưa ra các biện pháp nâng cao chất lượng, đổi mới trong tuyển sinh, đổi mới trong chính sách NCKH, đổi mới trong hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học trong đó có các hoạt động liên quan đến ĐT, NCKH và PVCĐ nhằm thực hiện mục tiêu chiến lược của Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn đến 2045 [H2.12.03.18]. Tuy nhiên, việc so chuẩn và đối sánh với các CSGD khác còn hạn chế.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.4. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được rà soát

Năm 2023, trên cơ sở Thông tư số 12/2017/TT-BGDĐT, Học viện đã thực hiện công tác so chuẩn và đối sánh nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL nhằm tham chiếu các tiêu chí đối sánh của CSGD với CSGD khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn [H2.12.04.01]. Cụ thể như triển khai so chuẩn, các thông tin đối sánh được lựa chọn, sử dụng theo các bước sau: Rà soát các tiêu chí cần đối sánh nội bộ (các kế hoạch cải tiến); rà soát các đơn vị kèm các tiêu chí cần đối sánh bên ngoài; đánh giá hiệu quả thực hiện, hiện trạng; đề xuất giải pháp [H2.12.04.02].

Sau khi rà soát, Học viện nhận thấy quy trình so chuẩn, đối sánh gồm 3 bước cơ bản như sau: Bước 1. Chuẩn bị dữ liệu; Bước 2. Đánh giá theo tiêu chí đối sánh; Bước 3. Sử dụng kết quả đối sánh. Theo đó, việc lựa chọn đối tác để so chuẩn, đối sánh là do các đơn vị lựa chọn, chưa có 1 quy định cụ thể nào về

nội dung này. Từ đó, Học viện đã chỉ đạo phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị đầu mối thực hiện xây dựng dự thảo so chuẩn đối sánh [H2.12.04.03].

Mặt khác, Học viện lựa chọn so chuẩn, đối sánh trên một số lĩnh vực và có tham chiếu các tiêu chí đối sánh của một số trường có uy tín trong nước và đặc biệt là khối trường trong hệ thống, cụ thể:

Về hoạt động đào tạo và tuyển sinh: Tiêu chí đối sánh thể hiện trên các nội dung: Số ngành đào tạo, quy mô tuyển sinh, quy mô đào tạo, kết quả đào tạo như tỷ lệ tốt nghiệp, tỷ lệ thôi học, tỷ lệ học lại, thời gian tốt nghiệp trung bình của người học.

Về hoạt động NCKH: Các tiêu chí được lựa chọn so chuẩn đối sánh gồm: Loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên; người học; Loại hình và số lượng các công bố khoa học; Các tài sản trí tuệ; kinh phí dành cho NCKH

Về hoạt động kết nối và PVCĐ: Tiêu chí lựa chọn so chuẩn, đối sánh về cơ bản được xác lập gồm: Tỷ lệ có việc làm của người học sau 1 năm tốt nghiệp; Sự hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học TN; Loại hình và khối lượng các hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; Kết quả các hoạt động kết nối và PVCĐ; Sự hài lòng của các bên liên quan đối với hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng; Số lượng hiến máu nhân đạo hàng năm (đơn vị máu); chương trình tình nguyện (mùa hè xanh, mùa đông ấm...); Số lượng các công trình nhà tình thương, tình nghĩa, quà tặng bằng hiện vật khác.

Các tiêu chí so chuẩn, đối sánh, các thang đo đã được tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các CSGD khác, cụ thể: (1) nội dung thang đo so chuẩn đối sánh về hoạt động ĐT như: CTĐT; CDR của CTĐT, của môn học; cấu trúc chương trình; tỉ lệ GV/SV, SV tốt nghiệp; tỉ lệ giỏi/khá, tỷ lệ có việc làm sau 1 năm và mức thu nhập trung bình của cựu SV. (2) Nội dung thang đo để đối sánh về hoạt động NCKH như: Số lượng các công trình NCKH trong và ngoài nước đã công bố; lĩnh vực nghiên cứu, chuyên giao và tiếp nhận công nghệ mới, tiếp nhận và thực hiện các dự án tài trợ; số lượng NCKH của SV. (3) Nội dung thang đo để đối sánh về CSVC như: Diện tích CSĐT; số lượng giảng đường, phòng học, thư viện; hệ thống các công trình phụ trợ, các thiết bị phục

vụ giảng dạy và tài liệu học thuật, y tế. (4) Nội dung thang đo so chuẩn đối sánh về tài chính như: Mức học phí hằng năm của ĐH... so với các CSGD ĐH trên địa bàn; các chế độ chính sách đối với cán bộ, GV, nhân viên; các chế độ học bổng và mức ưu đãi học phí cho SV [H2.12.04.04] [H2.12.04.05] [H2.12.04.06]. Việc tham chiếu các tiêu chí đối sánh của các cơ sở giáo dục khác khi lựa chọn, xác định thang đo chuẩn là cơ sở để xây dựng quy định so chuẩn đối sánh mới.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 12.5. Quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được cải tiến để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng

Quy định đối sánh so chuẩn được Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thực hiện theo yêu cầu của Thông tư 12/2017/TT-BGDĐT. Công tác rà soát được thực hiện công khai với sự tham gia của các đơn vị có liên quan trong Học viện, do đó đã đưa ra được nội dung cải tiến quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh để liên tục đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD. Từ đó ban hành Dự thảo quy định so chuẩn đối sánh năm 2023 và được các đơn vị liên quan trong Học viện góp ý hoàn thiện [H2.12.05.01] [H2.12.05.02] [H2.12.05.03]. Trên cơ sở góp ý của các đơn vị, phòng TT&ĐBCLGD hoàn thiện dự thảo và tham mưu BGD ban hành quy định so chuẩn đối sánh chính thức năm 2023 [H2.12.05.04], cụ thể như sau:

Về tiêu chí lựa chọn đối tác, quy định mới đã làm rõ thêm nội dung gồm:

1. Đối tác trong nước: Là CSGD đại học trong hệ thống giáo dục quốc dân, trong đó ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:
 - Thuộc loại hình trường đại học công lập.
 - Có sự tương đồng về địa lý, qui mô giảng viên, qui mô người học, trình độ và ngành đào tạo.
 - Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh.
2. Đối tác ngoài nước: Là cơ sở giáo dục đại học của nước ngoài trong đó

ưu tiên chọn các trường có đặc điểm sau:

- Là trường đại học thuộc khu vực ASEAN; ưu tiên cơ sở giáo dục tham gia Mạng lưới các trường đại học Đông Nam Á (AUN-QA);

- Có sự tương đồng về vị trí địa lý, quy mô giảng viên, quy mô người học, trình độ và ngành đào tạo

- Sẵn sàng chia sẻ thông tin chính thức phục vụ đối sánh

Về quy trình so chuẩn, đối sánh cũng được quy định cụ thể chặt chẽ hơn với các bước cụ thể như sau: Về quy trình, Quy định so chuẩn, đối sánh đối với đối sánh nội bộ gồm 8 bước, đối với đối sánh ngoài gồm 10 bước.

Về tiêu chí của các nội dung so chuẩn đối sánh: Quy định so chuẩn, đối sánh đã sắp xếp các tiêu chí một cách rõ ràng và khoa học, bao gồm đầy đủ các tiêu chí về bộ máy nhân sự (nêu rõ các tỷ lệ đội ngũ giảng viên/sinh viên, cán bộ phục vụ/sinh viên, giảng viên/nhân viên phục vụ, tỷ lệ trình độ...), tiêu chí hoạt động đào tạo (nêu rõ các chỉ tiêu về tuyển sinh, quy mô đào tạo, kết quả đào tạo), tiêu chí về tài chính và kết quả thực hiện nhằm đánh giá được ngân sách phục vụ hoạt động đào tạo, nckh và phục vụ cộng đồng cũng như đối sánh về mức học phí với các đối tác, từ đó là căn cứ điều chỉnh, cải tiến hợp lý.

Về trách nhiệm của các đơn vị trong Quy định so chuẩn, đối sánh được quy định cụ thể, chi tiết, rõ ràng nhằm xác định rõ trách nhiệm cũng như nội dung đối sánh đã được lựa chọn.

Qua hoạt động so chuẩn đối sánh, Học viện đã thực hiện cải tiến các hoạt động để đạt hiệu quả tốt nhất trong công tác đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng. Trong lĩnh vực đào tạo, sau khi rà soát các quy chế, quy định, quyết định, các chính sách mới đã được cải tiến nhằm đạt được các kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD: Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học [H2.12.05.05]. Từ đó, nhà Học viện đã ra kế hoạch về quy trình xây dựng, rà soát, phát triển CTĐT, ĐCCT, CDR. Kế hoạch này được áp dụng cho kỳ rà soát CTĐT, ĐCCTHP, CDR từ năm học 2023-2024 [H2.12.05.06]. Các CTĐT được cải tiến một cách khoa học, các khối kiến thức giảng dạy của mỗi CTĐT được phân bổ hợp lý, đáp ứng điều kiện tiên

quyết của các học phần, thống nhất giữa các khối kiến thức giáo dục đại cương, khối kiến thức giáo dục chuyên ngành (kiến thức bắt buộc và kiến thức tự chọn) và kỹ năng mềm. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bảng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CDR của CTĐT. Tất cả CTĐT của Học viện, các học phần đều được bố trí theo thời gian một cách hợp lý và logic. Các hình thức đánh giá học phần luôn bám sát nội dung và yêu cầu của mỗi học phần thông qua nhiều hình thức đánh giá như: bài tập lớn, tiểu luận, thi kết thúc học phần và khóa luận [H2.12.05.07]. Về công tác NCKH, Học viện đã ban hành Quy định về quản lý hoạt động SHTT được bổ sung trong Quy định quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động khoa học và công nghệ của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H2.12.05.08]. Trong lĩnh vực PVCD, sau khi so chuẩn đối sánh, Học viện đã xây dựng Kế hoạch cải tiến các hoạt động PVCD nhằm nâng cao hiệu quả của các hoạt động trong lĩnh vực này [H2.12.05.09].

Trong lĩnh vực tuyển sinh, nhờ có so chuẩn, đối sánh, Học viện đã thay đổi các phương thức tuyển sinh, truyền thông tuyển sinh, xét hồ sơ tuyển sinh trực tuyến [H2.12.05.10].

Việc cải tiến và thực hiện quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn đối sánh đã giúp Học viện nhận ra các điểm mạnh, điểm yếu để thường xuyên cải tiến các hoạt động của Học viện nhằm đạt kết quả tốt nhất trong đào tạo, NCKH và PVCD.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 12:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Học viện có hệ thống các chiến lược và kế hoạch nâng cao chất lượng đảm bảo tính liên tục gồm các chính sách, hệ thống, quy trình, thủ tục và nguồn lực để thực hiện có hiệu quả hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

- Công tác so chuẩn và đối sánh đã được thực hiện nhằm tăng cường các hoạt động ĐBCL và khuyến khích đổi mới, sáng tạo; Bước đầu đã mang lại hiệu quả cao trong công tác đảm bảo chất lượng và khuyến khích đổi mới, sáng tạo trong nhà Học viện.

- Công tác rà soát quy trình lựa chọn, sử dụng các thông tin so chuẩn và đối sánh được thực hiện để cải tiến và nâng cao các hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại:

- Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam chưa thực hiện đối sánh với các đối tác nước ngoài để làm phong phú các hoạt động hợp tác về ĐT, NCKH, PVCĐ.

- Việc chia sẻ kinh nghiệm về quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng đối với các lĩnh vực hoạt động.

3. Kế hoạch cải tiến:

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường các hoạt động hợp tác với các đối tác trong, ngoài nước	BGD, Phòng TC-HC	2023 - 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Tổ chức thực hiện họp rút kinh nghiệm, hội nghị, hội thảo chia sẻ kinh nghiệm về quy trình so chuẩn, đối sánh chất lượng	Phòng TT&ĐBCLGD	2023 - 2024

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 12</i>	<i>4,4</i>
Tiêu chí 12.1	5
Tiêu chí 12.2	5
Tiêu chí 12.3	4
Tiêu chí 12.4	4
Tiêu chí 12.5	4

Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học

Tiêu chí 13.1. Xây dựng kế hoạch, chính sách và truyền thông để tuyển sinh cho các chương trình đào tạo khác nhau của cơ sở giáo dục

Để đảm bảo công tác tuyển sinh đạt được hiệu quả cao, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã xây dựng các đề án và kế hoạch tuyển sinh hàng năm riêng cho từng chương trình đào tạo đại học và sau đại học. Đối với hệ đào tạo đại học, Học viện có đề án tuyển sinh cụ thể, thể hiện rõ phương thức xét tuyển cho mỗi ngành học, phương thức xét tuyển bao gồm: Xét tuyển thẳng các thí sinh đủ điều kiện do Bộ Giáo dục và Đào tạo qui định; Xét tuyển sử dụng kết quả kỳ thi THPT quốc gia; Xét tuyển dựa vào kết quả học tập ở cấp THPT [H3.13.01.01]

Về kế hoạch tuyển sinh: Để chuẩn bị tốt cho công tác tuyển sinh hàng năm, Học viện đã ban hành quyết định thành lập Hội đồng tuyển sinh, trong đó Giám đốc là chủ tịch hội đồng tuyển sinh, có đại diện các khoa các phòng ban chức năng tham gia làm ủy viên [H3.13.01.02]. Bên cạnh đó, Học viện cũng ban hành Quyết định thành lập bộ máy giúp việc cho hội đồng tuyển sinh để phân công công việc cụ thể cho các ban giúp việc [H3.13.01.03], có kế hoạch phân công nhiệm vụ và trách nhiệm cụ thể cho các thành viên trong ban tuyển sinh và các đơn vị liên quan [H3.13.01.04]. Tùy vào chỉ tiêu tuyển sinh hàng năm cũng như tình hình tuyển sinh thực tế, mỗi năm Học viện có tổ chức một hoặc nhiều đợt xét tuyển, thi tuyển sinh đối với hệ sau đại học theo Qui định và Hướng dẫn của Bộ giáo dục và Đào tạo.

Dựa trên quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT, kết quả tuyển sinh trong các năm trước, Học viện xây dựng kế hoạch tuyển sinh hàng năm [H3.13.01.05].

Về chính sách: Trước khi ban hành các thông tin tuyển sinh, Hội đồng tuyển sinh Học viện đều tiến hành họp để thống nhất các nội dung cần triển khai và điều chỉnh kịp thời cho phù hợp với thực tiễn của Học viện [H3.13.01.06]. Học viện xây dựng và công bố công khai các chính sách tuyển sinh thông qua Đề án/phương án/kế hoạch tuyển sinh, cụ thể bao gồm các nội dung: đối tượng tuyển sinh, phạm vi tuyển sinh, phương thức và tiêu chí tuyển

sinh, chỉ tiêu tuyển sinh, ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, tổ chức tuyển sinh, nguyên tắc xét tuyển, chính sách ưu tiên, lệ phí xét tuyển, học phí dự kiến và các thông tin khác. Các chính sách này tuân thủ quy định của Bộ GDĐT, các quy định của pháp luật có liên quan, các chủ trương của Học viện và được điều chỉnh cho phù hợp hàng năm. Đề án, thông báo tuyển sinh được thông qua tại Hội đồng tuyển sinh [H3.13.01.07] [H3.13.01.08]. Trong quá trình tuyển sinh, ngoài việc thực hiện các chính sách ưu tiên tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo Học viện cũng có những chính sách học bổng khuyến khích tuyển sinh cho một số mã ngành. Các chính sách học bổng được điều chỉnh cho phù hợp từng năm và được thông tin đến các thí sinh thông qua các thông báo tuyển sinh thông qua trang thông tin điện tử Học viện. Tuy nhiên, chính sách học bổng của Học viện cũng chưa thu hút được những thí sinh có điểm thi đầu vào cao trong kỳ thi THPT quốc gia hay những thí sinh có kết quả cao trong các kỳ thi cấp tỉnh, cấp quốc gia [H3.13.01.09].

Về truyền thông: Kế hoạch tư vấn và truyền thông tuyển sinh được xây dựng nhằm truyền tải các thông tin về GTCL, triết lý giáo dục, ngành nghề đào tạo, CTĐT, chính sách tuyển sinh, kế hoạch tuyển sinh và các thông tin khác có liên quan. Truyền thông tuyển sinh được xác định là nhiệm vụ thường xuyên được cải tiến và được thực hiện trên nhiều kênh truyền thông và được thể hiện trên nhiều ấn phẩm truyền thông. Hàng năm, Học viện đều ban hành các kế hoạch truyền thông tuyển sinh hệ Đại học chính quy [H3.13.01.10].

Để thông tin tuyển sinh được đến gần hơn với các thí sinh trong cả nước, Học viện chú trọng đến công tác truyền thông quảng bá tuyển sinh cho các chương trình đào tạo, Học viện xây dựng kế hoạch truyền thông quảng bá tuyển sinh hàng năm với đơn vị điều phối chính là Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, các đơn vị phối hợp gồm: Khoa, viện, trung tâm, tạp chí. Bên cạnh đó, Học viện cũng phối hợp với các đơn vị khác ngoài trường để tăng cường quảng bá tuyển sinh như: Facebook, VOV giao thông, báo điện tử dân trí, VN Express, Zalo, Tiktok, Google. Học viện tổ chức hoạt động quảng bá tuyển sinh trên các kênh khác nhau, theo hình thức trực tiếp hoặc gián tiếp nhằm hướng đến các

đối tượng đích gồm: học sinh và phụ huynh học sinh trung học phổ thông các tỉnh khu vực Miền Bắc và Bắc Trung Bộ; Các tỉnh thành Đoàn; ... Để đảm bảo thực hiện kế hoạch quảng bá tuyển sinh hiệu quả, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên rà soát sản phẩm đầu ra hàng tháng theo kế hoạch [H3.13.01.11] [H3.13.01.12] [H3.13.01.13] [H3.13.01.14].

Hiện tại các thông tin liên quan đến tuyển sinh được đăng tải trên website của Học viện tại: <https://tuyensinh.vya.edu.vn/> và điện thoại hỗ trợ tư vấn tuyển sinh do phòng Đào tạo và Công tác sinh viên đầu mối (hệ đào tạo đại học: 0989770066, hệ đào tạo sau đại học: 024.8343837) [H3.13.01.15].

Để có thể tiếp cận tối đa và hiệu quả nhất đến các em học sinh trường trung học phổ thông, Học viện đã tổ chức các buổi tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại một số trường trung học phổ thông tiềm năng, có lượng học sinh nhập học cao, hoặc tổ chức các ngày hội tư vấn tuyển sinh tại tỉnh thành Đoàn. Ngoài ra, hoạt động tổ chức livestream giới thiệu các mã ngành đào tạo trên fanpage của Học viện cũng được các khoa, phòng phụ trách rất quan tâm, chú trọng, đầu tư kỹ lưỡng cho hình ảnh cũng như nội dung livestream. Đối với các chương trình đào tạo sau đại học, Học viện có các tờ rơi quảng bá gửi đến các đơn vị tỉnh thành Đoàn, cựu học viên, sinh viên [H3.13.01.16] [H3.13.01.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.2. Xây dựng các tiêu chí để lựa chọn người học có chất lượng cho mỗi chương trình đào tạo.

Hàng năm căn cứ theo qui định của Bộ GDĐT về các tiêu chí đảm bảo chất lượng đầu vào của đối tượng tuyển sinh cũng như dựa trên nhu cầu thực tế, kết quả tuyển sinh những năm trước, Học viện xây dựng các tiêu chí xét tuyển, thi tuyển, phân bổ chỉ tiêu cho từng hệ đào tạo, theo từng mã ngành và được thể hiện rõ trong các đề án tuyển sinh đào tạo đại học và các thông báo tuyển sinh đào tạo sau đại học. Tất cả các chỉ tiêu tuyển sinh cho các ngành đào tạo được đưa ra thống nhất trong cuộc họp tổng kết tuyển sinh hàng năm với sự tham gia của Ban Giám đốc và đại diện các khoa, viện, trung tâm cũng như đại diện toàn bộ các phòng chức năng liên quan [H3.13.02.01].

Đồng thời Học viện cũng xây dựng tiêu chí rõ ràng cho các đối tượng tuyển sinh. Đối với hệ đào tạo đại học chính qui có 7 chương trình đào tạo, tuyển sinh theo hình thức xét tuyển dựa vào kết quả thi THPT quốc gia hoặc dựa vào kết quả học tập tại trường THPT cụ thể như sau:

Bảng chỉ tiêu xét tuyển đại học chính qui 2018 - 2022

STT	Tên ngành đào tạo	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu tuyển sinh từ năm 2018 - 2022				
			2018	2019	2020	2021	2022
1	Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước	A00, C00, C04, D01, C19, D66, D84, A09, C20	200	200	150	150	150
2	Công tác Thanh thiếu niên	A00, C00, C04, D01, C19, D66, C20, A09	300	300	250	250	300
3	Công tác Xã hội	C00, C14, D01, D15, D66, C20, A09	200	200	150	150	150
4	Quản lý Nhà nước	A00, A01, D01, C00, D66, D84, A09	150	100	150	150	150
5	Quan hệ Công chúng	D01, A01, D15, D14, C00, D10, D84, D66, C20	150	100	200	200	350
6	Luật	A00, A01, D01, C00, D66, D84, A09, C20	200	200	200	200	350
7	Tâm lý học	C00, D66, D15, D01, A09, C20	0	0	0	50	100

Căn cứ vào Đề án tuyển sinh và số lượng xét tuyển, Hội đồng tuyển sinh đưa ra thông báo xét tuyển phù hợp cho các ngành đào tạo [H3.13.02.02].

Căn cứ vào tình hình thực tế, Học viện có chế độ học bổng tuyển sinh bằng hình thức miễn giảm học phí cho sinh viên mục đích thu nhằm hút các thí sinh có điểm cao để nâng cao chất lượng đầu vào [H3.13.02.03].

Quy trình tuyển sinh hàng năm đều phải dựa trên các qui định của Luật giáo dục [H3.13.02.04], Luật giáo dục Đại học [H3.13.02.05], các qui chế tuyển sinh hàng năm do Bộ GD&ĐT ban hành [H3.13.02.06] [H3.13.02.07]

[H3.13.02.08] [H3.13.02.09] [H3.13.02.10] [H3.13.02.11].

Đối với hệ đào tạo sau đại học, Học viện ban hành các thông báo về học chuyên đối với thí sinh thi tuyển đối với ngành đúng, ngành gần, ngành phù hợp để ĐBCL về kiến thức cho sinh viên khi theo học tại Học viện **[H3.13.02.12].**

Căn cứ vào các thông tư hướng dẫn qui chế tuyển sinh và tình hình thực tế, Hội đồng tuyển sinh sẽ tiến hành họp xây dựng Đề án tuyển sinh để xác định phương thức xét tuyển phù hợp cho các ngành đào tạo **[H3.13.02.13].** Mỗi chương trình, mỗi hệ đào tạo đều có tiêu chí lựa chọn riêng thể hiện trong đề án tuyển sinh, các thông báo tuyển sinh để lựa chọn được người học có năng lực phù hợp với ngành đăng ký **[H3.13.02.14] [H3.13.02.15].**

Đối với hệ sau đại học với mỗi ngành đào tạo có những tiêu chí liên quan đến văn bằng, thâm niên công tác và văn bằng, chứng chỉ ngoại ngữ được nêu rõ trong các thông báo tuyển sinh và đăng tải trên các kênh thông tin của Học viện Ngoài các tiêu chí riêng cho từng ngành, các thí sinh đáp ứng các tiêu chí chung theo qui định như đủ sức khỏe học tập, là công dân Việt Nam, nếu là người nước ngoài có nhu cầu học tập cần đáp ứng chuẩn năng lực tiếng Việt theo khung năng lực cho người Việt **[H3.13.02.16]**

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.3. Có quy trình giám sát công tác tuyển sinh và nhập học

Nhằm đảm bảo khách quan, minh bạch các khâu trong công tác tuyển sinh cũng như kiểm soát tiến độ, chất lượng công tác tuyển sinh và nhập học, Học viện đã xây dựng các quy trình xét tuyển, nhập học với sự giám sát chặt chẽ của Hội đồng tuyển sinh và Ban thanh tra tuyển sinh **[H3.13.03.01].**

Trước mỗi kỳ tuyển sinh Học viện đều thành lập Ban thanh tra tuyển sinh hoạt động độc lập với Hội đồng tuyển sinh **[H3.13.03.02] [H3.13.03.03].** Ban thanh tra tuyển sinh có nhiệm vụ: 1) Thanh tra, kiểm tra và giám sát các đợt xét tuyển, thi tuyển trình độ ĐH, SDH do Học viện tổ chức; 2) Thanh tra toàn bộ quy trình tổ chức thi, xét tuyển ĐH, SDH (quy trình trước, trong và sau khi tổ chức thi, xét tuyển); 3) Kiểm tra hồ sơ dự thi đối với thí sinh dự thi tuyển sinh

ĐH, SDH; 4) Kiểm tra hồ sơ xét tuyển đối với người học trúng tuyển theo phương thức xét tuyển (xét tuyển thẳng, xét tuyển theo kết quả THPT); 5) Kiểm tra đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên trong tuyển sinh ĐH, SDH; 6) Kiểm tra hồ sơ nhập học của người học trúng tuyển trong các kỳ TS ĐH, SDH. Bên cạnh đó, Học viện thành lập phòng TT&ĐBCLGD để thực hiện các nhiệm vụ về thanh tra và đảm bảo chất lượng trong đó có nhiệm vụ giúp Giám đốc chủ trì tổ chức các hoạt động thanh tra theo sự chỉ đạo của Giám đốc trong phạm vi trách nhiệm quản lý của Giám đốc: thanh tra việc thực hiện mục tiêu, kế hoạch, nội dung, phương pháp giáo dục, quy chế đào tạo, quy chế thi cử, cấp văn bằng, chứng chỉ; việc thực hiện các quy định về giáo trình, bài giảng; việc quản lý tài chính, tài sản, khoa học và công nghệ, công tác tổ chức công chức, viên chức và điều kiện cần thiết khác đảm bảo chất lượng giáo dục **[H3.13.03.04]**.

Quy trình giám sát tuyển sinh: Từ năm 2015 đến nay Bộ GDĐT đã triển khai quy định mới nên thí sinh hoàn toàn đăng ký dự thi, xét tuyển trực tuyến một cách thuận lợi và minh bạch dựa trên Hệ thống quản lý thi và tuyển sinh chung của cả nước. Do đó, việc giám sát xét tuyển ĐH ngay từ việc lọc dữ liệu trên hệ thống, xác định các phương án ngưỡng điểm nhận hồ sơ, ngưỡng điểm trúng tuyển... được giám sát chặt chẽ theo từng khâu. Đối với xét tuyển theo kết quả thi THPTQG, khi Ban Thư ký xử lý dữ liệu tuyển sinh khai thác số liệu, lọc ảo, xác định ngưỡng điểm, chuyển dữ liệu chạy lọc ảo về máy chủ của Bộ GDĐT, xuất dữ liệu về điểm và số lượng thí sinh dự kiến trúng tuyển sau mỗi lần lọc ảo, xác nhận nhập học, in giấy báo trúng tuyển... đều có sự giám sát của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ban Thanh tra tuyển sinh **[H3.13.03.05]** **[H3.13.03.06]** **[H3.13.03.07]**.

Đối với việc xét tuyển theo kết quả học tập lớp 12, để thuận lợi cho việc xét tuyển, Học viện phân công nhiệm vụ, các thành viên xử lý dữ liệu sẽ nhập/khai báo các thông tin của thí sinh xét tuyển (mã hồ sơ, họ và tên xét tuyển, ngày sinh, nơi sinh, hộ khẩu, đối tượng, khu vực, tổ hợp xét tuyển, điểm xét tuyển...) vào các trường dữ liệu trên phần mềm để lọc dữ liệu, xác định ngưỡng điểm trúng tuyển, xuất danh sách thí sinh trúng tuyển, xác nhận nhập

học, in giấy báo trúng tuyển... đều có sự tham gia giám sát chặt chẽ của Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng, Ban Thanh tra tuyển sinh cho từng quy trình thực hiện **[H3.13.03.08] [H3.13.03.09] [H3.13.03.10]**.

Quy trình giám sát TS SDH: từ năm 2019, Học viện bắt đầu tổ chức tuyển sinh SDH với hình thức thi tuyển. Do đó, quá trình tuyển sinh được thực hiện và giám sát như sau: Đối với công tác chuẩn bị trước khi kỳ thi tuyển sinh, việc xét duyệt danh sách thí sinh đăng ký dự thi, lập danh sách/công bố danh sách thí sinh đủ điều kiện dự thi, sắp xếp phòng thi đều được Hội đồng thi và Tổ thanh tra giám sát chặt chẽ. Việc ra đề thi, bốc thăm và in sao đề thi, bàn giao đề thi; tập huấn thi, tổ chức coi thi, lên phương án đánh phách bài thi, đọc phách, bàn giao bài thi, tổ chức chấm thi, được Học viện lên kế hoạch chi tiết, phân công cụ thể cho từng cá nhân và thực hiện nghiêm ngặt từng khâu theo đúng quy trình và đảm bảo tính bảo mật với sự giám sát của Ban Thanh tra tuyển sinh và Công an PA03 được thể hiện trong biên bản bàn giao đề thi **[H3.13.03.11] [H3.13.03.12]**.

Quy trình giám sát nhập học: Với phương châm thực hiện nhập học được nhanh nhất, tạo thuận lợi nhất cho người học khi đến nhập học, hằng năm, sau khi có kết quả trúng tuyển ĐH, SDH, Học viện đều xây dựng kế hoạch nhập học cụ thể cho sinh viên/học viên cao học. Trong kế hoạch, Học viện có cụ thể hóa các nội dung như: Thời gian nhập học, phân công nhiệm vụ các đơn vị trong ngày nhập học, thủ tục nhập học và quy trình nhập học **[H3.13.03.13] [H3.13.03.14] [H3.13.03.15]**.

Đồng thời, để việc tổ chức nhập học được thuận lợi, Học viện thông báo trên website: <http://tuyensinhvya.edu.vn> các danh mục hồ sơ mà người học cần chuẩn bị và quy trình nhập học trước khi người học đến trường nhập học. Để công tác nhập học được nhanh chóng, Học viện đã tích hợp đồng bộ về số lượng thí sinh trúng tuyển với thông tin thí sinh trúng tuyển trên hệ phần mềm xét tuyển, qua đó giúp cho việc khai thác dữ liệu khi nhập học cho thí sinh trúng tuyển hay cấp lại giấy báo trúng tuyển cũng được thuận lợi hơn **[H3.13.03.16]**.

Việc tổ chức nhập học cho người học được Học viện thực hiện theo quy

trình sau: 1) Người học có mặt tại địa điểm nhập học theo thời gian được trong giấy báo trúng tuyển; 2) Người học chuẩn bị đầy đủ hồ sơ và sắp xếp hồ sơ theo đúng trình tự hướng dẫn; 3) Cán bộ tiếp nhận, kiểm tra và thu hồ sơ nhập học của người học; 4) Người học nộp học phí và các khoản nhập học; 5) Người học đăng ký ở ký túc xá (nếu có - áp dụng đối với người học thuộc diện ưu tiên được ở ký túc xá); 6) Hoàn thành nhập học, người học được cấp biên lai thu tiền, biên nhận hồ sơ nhập học, lịch học tập, phiếu đăng ký học và được cấp thẻ sinh viên/thẻ học viên tạm thời. Với mỗi khâu trong quy trình nhập học đều có sự giám sát Ban Chỉ đạo, Ban tổ chức đón tiếp nhập học và Tổ thanh tra giáo dục của Học viện [H3.13.03.17] [H3.13.03.18]. Phòng ĐT&CTSV được giao nhiệm vụ thực hiện qui trình nhập học cho SV theo Quy định chức năng, nhiệm vụ phòng ĐT&CTSV [H3.13.03.19], phòng TT&ĐBCLGD sẽ giữ vai trò giám sát, kiểm tra qui trình nhập học [H3.13.03.20].

Hồ sơ thi tuyển, xét tuyển, danh sách trúng tuyển và hồ sơ nhập học, danh sách nhập học được thanh kiểm tra định kỳ, thường xuyên, liên tục hàng năm để kịp thời khắc phục những sai sót, hạn chế trong quá trình thực hiện.

Nội dung kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh được thực hiện từ khâu nhận hồ sơ đăng ký xét tuyển của thí sinh, đến khâu tổ chức thi, khâu xét tuyển đến khâu nhập học. Hằng năm phòng TT&ĐBCLGD đều có Báo cáo kết quả công tác phòng thanh tra (trong đó có báo cáo kết quả thanh tra giám sát công tác tuyển sinh, nhập học hàng năm) [H3.13.03.21], có Biên bản kiểm tra hồ sơ thí sinh nhập học hằng năm [H3.13.03.22], Biên bản thanh tra hồ sơ thí sinh trúng tuyển hằng năm báo cáo kết quả thanh tra cụ thể [H3.13.03.23].

Hồ sơ thanh kiểm tra, giám sát được lưu trữ cẩn thận để làm công tác báo cáo lên Ban Giám đốc, Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh.

Để tiếp tục phát huy những điểm mạnh và khắc phục những điểm yếu trong tuyển sinh ĐH, SDH, hằng năm, Học viện đều có báo cáo đánh giá kết quả tuyển sinh, như số lượng thí sinh đăng ký dự thi, số lượng thí sinh trúng tuyển..., đồng thời trong báo cáo cũng phân tích số liệu về nguyện vọng đăng

ký, xu hướng ngành đào tạo xã hội đang cần cung cấp, số lượng thí sinh trúng tuyển theo ngành, theo địa phương và chỉ rõ những điểm yếu chưa làm được/hoặc làm không đạt kết quả như mong muốn để công tác tuyển sinh ĐH, SDH trong các năm tiếp theo đạt hiệu quả cao hơn [H3.13.03.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 13.4. Có các biện pháp giám sát việc tuyển sinh và nhập học

Học viện thực hiện nhiều biện pháp giám sát khác nhau nhằm đảm bảo việc thực hiện tuyển sinh theo đúng qui định, tiêu chí đã được ban hành trong Đề án tuyển sinh [H3.13.04.01]. Trong mỗi đợt tuyển sinh HĐTS đều tiến hành các cuộc họp để đưa ra các tiêu chí xét tuyển, trúng tuyển từ đó ra các thông báo phù hợp [H3.13.04.02].

Hàng năm, Học viện đều triển khai kế hoạch, thông báo thanh tra, kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh [H3.13.04.03]. Mỗi đợt kiểm tra, giám sát công tác tuyển sinh đều có biên bản làm việc giữa các bên có liên quan [H3.13.04.04]. Phòng TT&ĐBCLGD lập báo cáo cụ thể về những nội dung kiểm tra, giám sát [H3.13.04.05]. Việc ban hành các kết luận thanh tra, giám sát công tác tuyển sinh hàng năm tại Học viện góp phần kịp thời nắm bắt thông tin chính xác về việc tổ chức tuyển sinh và việc thực hiện chức trách, nhiệm vụ của tổ chức, cá nhân có liên quan [H3.13.04.06].

Sau mỗi kỳ tuyển sinh, kết quả tuyển sinh và nhập học được Học viện sử dụng đánh giá và phân tích một số chỉ số như: điểm trúng tuyển, xu hướng chọn ngành, địa phương thí sinh trúng tuyển, số trúng tuyển so với số đăng ký dự tuyển. Những chỉ số này làm cơ sở để phân tích điểm mạnh, điểm tồn tại còn hạn chế để Học viện tìm cách khắc phục cho kỳ tuyển sinh tiếp theo và được thể hiện trong biên bản họp và báo tổng kết công tác tuyển sinh hàng năm [H3.13.04.07] [H3.13.04.08] [H3.13.04.09] [H3.13.04.10]. Dựa trên kết quả phân tích, một số ngành được nhiều thí sinh lựa chọn như cử nhân Luật, cử nhân Quan hệ Công chúng nên tỷ lệ cạnh tranh đầu vào còn cao hơn so với các ngành khác như cử nhân Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước hay cử nhân Công tác Thanh thiếu niên. Bên cạnh đó, ban tuyển sinh còn lập báo cáo

đôi sánh tuyển sinh để phân tích, đánh giá số liệu công tác tuyển sinh hàng năm [H3.13.04.11]. Cuối năm học, ban tuyển sinh lập Báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh và dự thảo phương hướng hoạt động công tác tuyển sinh năm tiếp theo nhằm phát huy những thế mạnh và khắc phục nhược điểm của tuyển sinh trong năm học [H3.13.04.12].

Học viện có các kế hoạch thanh tra công tác nhập học cụ thể hóa bằng kế hoạch, các thông báo thanh tra, kiểm tra, mỗi đợt thanh tra, kiểm tra đều có biên bản làm việc, có báo cáo kết quả công tác thanh tra hàng năm (trong đó có báo cáo kết quả thanh tra giám sát công tác tuyển sinh, nhập học hàng năm) [H3.13.04.13] [H3.13.04.14] [H3.13.04.15]. Theo Quy định chức năng, nhiệm vụ, phòng ĐT&CTSV có trách nhiệm lập báo cáo nhận xét đánh giá tình hình nhập học hàng năm, báo cáo này được thể hiện rõ trong Báo cáo tổng kết công tác đào tạo và công tác sinh viên của phòng ĐT&CTSV và trong báo cáo tổng kết năm học của Học viện [H3.13.04.16] [H3.13.04.17].

Tự đánh giá tiêu chuẩn đạt mức: 4/7

Tiêu chuẩn 13.5. Công tác tuyển sinh và nhập học được cải tiến để đảm bảo tính phù hợp và hiệu quả

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đặc biệt chú trọng công tác cải tiến hoạt động tuyển sinh nhập học, điều chỉnh chính sách học bổng tuyển sinh và thực hiện liên tục hàng năm, thường xuyên đưa ra các giải pháp cải tiến cần thiết, phù hợp nhằm nâng cao chất lượng đó, điều chỉnh kịp thời để phù hợp với quy chế tuyển sinh của Bộ GDĐT [H3.13.05.01].

Hàng năm, căn cứ vào báo cáo kết quả tuyển sinh, nhập học và thu thập ý kiến các bên liên quan, Học viện phân tích và đánh giá kết quả để rút ra bài học kinh nghiệm và xây dựng kế hoạch tuyển sinh mới phù hợp hơn cho năm tiếp theo bằng việc cải tiến chiến lược tuyển sinh, cách thức tuyển sinh [H3.13.05.02] [H3.13.05.03] [H3.13.05.04].

Đối với hệ đào tạo cử nhân chính qui, dựa trên kết quả tỷ lệ nhập học theo phương thức xét tuyển, tổ hợp xét tuyển, Học viện rà soát và điều chỉnh tổ hợp xét tuyển ở một số mã ngành như Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà

nước; Công tác Thanh thiếu niên.

Ngoài hình thức xét tuyển trực tiếp thì Học viện cũng áp dụng hình thức xét tuyển online để thuận tiện cho các thí sinh và ngày càng áp dụng kỹ thuật công nghệ vào tuyển sinh. Bên cạnh đó, Học viện tăng cường các hoạt động truyền thông quảng bá tuyển sinh trên nhiều kênh thông tin khác nhau **[H3.13.05.05]**.

Trước năm 2018, Học viện chủ yếu truyền thông tư vấn tuyển sinh trực tiếp thông qua các buổi tư vấn tại các trường THPT, tư vấn trực tiếp ngày hội tuyển sinh tại Trường Đại học Bách Khoa. Những năm gần đây, ngoài việc tăng cường tư vấn tuyển sinh trực tiếp tại các trường THPT, kết hợp với các Tỉnh thành Đoàn, Học viện đẩy mạnh công tác truyền thông trên Tivi và Internet như các kênh Zalo, Facebook, livestream, làm video đăng lên kênh Youtube, Tiktok...đây là những kênh thông tin thu hút nhiều lượng tương tác từ các học sinh, sinh viên **[H3.13.05.06] [H3.13.05.07] [H3.13.05.08] [H3.13.05.09]**.

Học viện cũng có cải tiến cập nhật liên quan đến qui trình tuyển sinh và nhập học. Trước đây, công tác nhập học được tiến hành thủ công, lưu trữ hồ sơ giấy và bây giờ công tác nhập học được tiến hành và lưu trữ trên phần mềm và để đồng bộ dữ liệu với các đơn vị **[H3.13.05.10]**. Dựa vào tình hình thực tế, hai năm gần đây do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid 19, Học viện cũng có thay đổi phương thức tuyển sinh và nhập học từ trực tiếp sang nhập học online và vẫn đảm bảo theo qui định của Bộ GDĐT **[H3.13.05.11]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 13:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện luôn quan tâm, cải thiện công tác tuyển sinh và nhập học phù hợp với tình hình, bối cảnh thực tiễn. Công tác này được quy định và thực hiện chi tiết, rõ ràng, có phân công nhiệm vụ cho từng bộ phận và thông tin về tuyển sinh được công khai rõ ràng theo đúng quy chế tuyển sinh và đào tạo.

- Học viện đã thành lập được Hội đồng tuyển sinh, bộ máy giúp việc cho Hội đồng, có sự phân công cụ thể cho các thành viên Hội đồng, ban giúp việc

và ban thư ký, công tác truyền thông được chú trọng và thực hiện công tác tư vấn và truyền thông cho tất cả các bậc, các hệ đào tạo của Học viện.

- Sử dụng nhiều biện pháp, phương tiện, phương pháp để quảng bá tuyển sinh. Các tiêu chí tuyển sinh được công bố công khai, rõ ràng. Kịp thời có chính sách tuyển sinh nhằm thu hút thí sinh có chất lượng nộp hồ sơ xét tuyển vào Học viện.

- Học viện có hệ thống phần mềm giám sát công tác nhập học giúp lưu trữ thông tin, giám sát quá trình học tập từ khi vào trường đến khi tốt nghiệp của sinh viên. Học viện luôn sử dụng kết quả phân tích tuyển sinh làm căn cứ điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh và nhập học.

- Việc đối sánh, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học được thực hiện định kỳ hàng năm, qua đó kịp thời điều chỉnh công tác tuyển sinh và nhập học cho phù hợp với thực tế và đúng quy chế.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các chính sách thu hút thí sinh có kết quả cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia chưa được đưa vào đề án tuyển sinh.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại	Bổ sung các chính sách thu hút thí sinh có kết quả cao trong các kỳ thi học sinh giỏi cấp tỉnh, cấp quốc gia vào Đề án tuyển sinh.	Hội đồng tuyển sinh	Hàng năm
2	Phát huy điểm mạnh 1	Đa dạng hoá các biện pháp, phương tiện, phương pháp để quảng bá tuyển sinh.	Hội đồng tuyển sinh; Các khoa	Thường xuyên
3	Phát huy điểm mạnh 2	Sử dụng kết quả phân tích tuyển sinh làm căn cứ điều chỉnh chiến lược, chính sách tuyển sinh và nhập học.	Hội đồng tuyển sinh;	Hàng năm

4	Phát huy điểm mạnh 3	Tăng cường việc đối sánh, phân tích số liệu tuyển sinh và nhập học hàng năm, qua đó kịp thời điều chỉnh công tác tuyển sinh và nhập học cho phù hợp với thực tế và đúng quy chế.	Hội đồng tuyển sinh; Phòng ĐT&TCSV	Hàng năm
---	----------------------	--	---------------------------------------	----------

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 13</i>	4,6
Tiêu chí 13.1	5
Tiêu chí 13.2	5
Tiêu chí 13.3	5
Tiêu chí 13.4	4
Tiêu chí 13.5	4

Tiêu chuẩn 14: Thiết kế và rà soát CTDH

Tiêu chí 14.1. Xây dựng hệ thống để thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các chương trình đào tạo và các môn học/học phần có sự đóng góp và phản hồi của các bên liên quan

Học viện hiện đang tổ chức đào tạo 07 ngành trình độ ĐH và 02 ngành trình độ sau đại học. Việc thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTDH cho tất cả các CTĐT và các học phần được thực hiện một cách có hệ thống. Trước khi xây dựng chương trình, Ban xây dựng chương trình đã nghiên cứu, tham khảo các văn bản hướng dẫn liên quan như: Luật giáo dục, Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của luật giáo dục đại học, Quyết định phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam, Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học [H3.14.01.01] [H3.14.01.02].

Học viện đã lập kế hoạch rà soát, chỉnh sửa, hoàn thiện chương trình đào tạo, chuẩn đầu ra và đề cương chi tiết hệ ĐH, ban hành quy định về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chương trình đào tạo/đề cương chi tiết các học phần của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H3.14.01.03] [H3.14.01.04]. Quyết định thành lập Ban chỉ đạo và Tổ rà soát, cập nhật, chỉnh sửa, bổ sung CTĐT trình độ đại học [H3.14.01.05] trong Quyết định thành lập có phân công trách nhiệm rõ ràng đối với các thành viên.

Hiện nay, Học viện có chương trình dạy học hệ ĐH chính quy [H3.14.01.06], các chương trình dạy học của Học viện được rà soát, chỉnh sửa, cập nhật năm 2023 bao gồm: mục tiêu chung, mục tiêu cụ thể, chuẩn đầu ra đối với mỗi ngành/chuyên ngành và mỗi học phần/môn học, nội dung đào tạo, phương pháp đánh giá và thời lượng đối với ngành/chuyên ngành học và mỗi

học phần. Đối với đào tạo Sau ĐH: có 02 CTĐT thạc sĩ [H3.14.01.07]. CTĐT, kế hoạch giảng dạy và học tập của Học viện xây dựng và lưu hành có sự giám sát bởi đội ngũ giảng viên và người học. Việc rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành đề cương học phần/môn học được thực hiện theo thông báo hướng dẫn rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đề cương học phần của Học viện [H3.14.01.08].

Hàng năm, Học viện tổ chức rà soát, chỉnh sửa, cập nhật đề cương học phần đáp ứng yêu cầu đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao cho xã hội. Theo đó, Học viện giao cho Phòng ĐT & CTSV đầu mối thông báo, chuẩn bị mẫu biểu đề cương học phần và giao cho các Khoa, Bộ môn tổ chức thực hiện đồng bộ cùng CTĐT [H3.14.01.09].

Trên cơ sở mẫu đề cương học phần do Phòng ĐT & CTSV lưu hành, Khoa, Bộ môn chịu trách nhiệm xây dựng, rà soát, hoàn thiện, chỉnh sửa, bổ sung đề cương học phần/môn học do Khoa/Bộ môn quản lý. Việc triển khai rà soát, hoàn thiện nội dung đề cương học phần/môn học thuộc Bộ môn tiến hành theo quy định và có đầy đủ biên bản họp rà soát các khâu thực hiện. Trưởng Bộ môn tổ chức phân công nhiệm vụ cho giảng viên trong bộ môn thực hiện nhiệm vụ xây dựng, rà soát, hoàn thiện đề cương học phần theo quy định [H3.14.01.10].

Đề cương học phần do giảng viên hoặc nhóm giảng viên cùng dạy một học phần biên soạn theo mẫu quy định, dưới sự chỉ đạo của trưởng Bộ môn. Việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật; thẩm định đề cương học phần được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Trưởng Bộ môn tiến hành thành lập nhóm giảng viên có kinh nghiệm để hoàn thiện nội dung đề cương học phần/môn học.

Bước 2: Tổ chức triển khai hoàn thiện nội dung đề cương học phần/môn học theo hướng dẫn và đáp ứng yêu cầu đề ra.

Bước 3: Tổ chức hội thảo và trao đổi lấy ý kiến góp ý liên quan đến nội dung đề cương học phần/môn học (giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, sinh viên, đơn vị sử dụng lao động, cựu sinh viên,...).

Bước 4: Sau hội thảo, tổ chức chỉnh sửa và hoàn thiện nội dung đề cương học phần/môn học để thẩm định, nghiệm thu và ban hành theo quy định.

Việc rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTDH và đề cương học phần thực hiện theo kế hoạch của Học viện thông báo và được giao cho các Khoa, Bộ môn chuyên ngành tổ chức lấy ý kiến góp ý của các bên liên quan (giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động) [H3.14.01.11]. Việc lấy ý kiến phản hồi về CTDH và đề cương học phần được thực hiện theo mẫu biểu hướng dẫn của Học viện, các Khoa chuyên môn và Bộ môn tổ chức triển khai thực hiện lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan theo nhiều hình thức khác nhau (lấy ý kiến bằng phiếu hỏi; mời chuyên gia họp trực tiếp/online để lấy ý kiến góp ý và tổng hợp ý kiến), xử lý các ý kiến góp ý để hoàn thiện nội dung CTDH, đề cương học [H3.14.01.12] [H3.14.01.13]. Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng liên quan ngoài Học viện về CTDH, đề cương học phần chưa đa dạng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.2. Có hệ thống xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo và các môn học/học phần để phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan

CTĐT là xương sống của toàn bộ quá trình đào tạo tại CSGD đại học và là yếu tố có ý nghĩa quyết định chất lượng đào tạo của một CSGD. Học viện thực hiện xây dựng, rà soát, điều chỉnh, phê duyệt và ban hành CDR của CTĐT theo các văn bản hướng dẫn của Bộ GDĐT và các văn bản liên quan như: Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015, Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021; Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010, Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016, Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 04/4/2017 [H3.14.02.01], và quy trình rà soát, cập nhật, đánh giá CTĐT và CDR của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam để xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần [H3.14.02.02].

Phòng ĐT&CTSV là đơn vị chức năng quản lý các hoạt động đào tạo của Học viện, các cán bộ của Phòng ĐT&CTSV được phân công nhiệm vụ cụ thể theo quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện [H3.14.02.03]. Khi triển khai xây dựng hoặc định kỳ rà soát, cập nhật, cải tiến CDR của CTĐT và CDR của

môn học/học phần. Học viện đã thành lập Tổ xây dựng, rà soát, cập nhật CDR CTĐT, giao cho Phòng ĐT&CTSV đầu mối soạn thảo và ban hành các văn bản hướng dẫn, quy trình, biểu mẫu đến các đơn vị liên quan để triển khai thực hiện [H3.14.02.04] [H3.14.02.05]. Tổ xây dựng, rà soát, cập nhật CDR CTĐT bao gồm các nhà khoa học, các chuyên gia về giáo dục, trưởng khoa, trưởng bộ môn chuyên ngành,... được phân công nhiệm vụ cụ thể và được giao phụ trách trực tiếp xây dựng, rà soát, cập nhật CDR một số CTĐT khác nhau thuộc phạm vi quản lý. Phòng ĐT&CTSV phối hợp các khoa tiến hành lấy ý kiến của các thành viên thẩm định chuẩn đầu ra CTĐT và các học phần [H3.14.02.06]. Căn cứ ý kiến của Hội đồng thẩm định, Hội đồng khoa học hợp thống nhất các nội dung xây dựng, rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra CTĐT và học phần [H3.14.02.07].

Quá trình tổ chức thực hiện, Học viện ban hành thông báo để hướng dẫn chi tiết việc xây dựng, rà soát, cập nhật CDR CTĐT. Nội dung thông báo nêu rõ mục đích, yêu cầu; nguyên tắc thực hiện; nội dung thực hiện và kế hoạch thực hiện việc xây dựng, rà soát, cập nhật CDR của CTĐT. Nhiệm vụ cụ thể của các đơn vị/cá nhân liên quan được xác định rõ trong nội dung kế hoạch tổ chức thực hiện việc xây dựng, cập nhật CDR của CTĐT [H3.14.02.08].

Việc xây dựng, rà soát, cập nhật CDR của CTĐT/học phần/môn học được thực hiện cùng quy trình, phương pháp với kế hoạch xây dựng, rà soát, cập nhật theo quy định và đều được lấy ý kiến tham khảo của các bên liên quan (giảng viên, nhà khoa học, nhà quản lý, sinh viên, cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động/DN) [H3.14.02.09] [H3.14.02.10].

Năm 2023, Học viện tổ chức rà soát, chỉnh sửa 07 chương trình đào tạo hệ ĐH chính quy theo đó, Học viện đã hoàn thành xây dựng, rà soát, cập nhật mới 07 CDR của chương trình đào tạo; trong đó, hoàn thành ban hành 07 chương trình chuẩn [H3.14.02.11]. Đối với đào tạo Sau ĐH, Học viện hiện có 02 CTĐT thạc sĩ đang tiến hành rà soát, chỉnh sửa.

Việc lấy ý kiến phản hồi về CDR của CTĐT thực hiện theo thông báo và theo các văn bản hướng dẫn của Học viện ban hành kèm theo các biểu mẫu quy

định/mẫu điều chỉnh phù hợp với đặc thù từng CTĐT và do đơn vị liên quan (TT&ĐBCLGD) phối hợp với các Khoa, Bộ môn chuyên ngành tổ chức triển khai thực hiện. Kết quả lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan được tổng hợp, phân tích, báo cáo và được sử dụng để làm căn cứ điều chỉnh, cải tiến CĐR của CTĐT và các đề cương môn học/học phần phù hợp với nhu cầu của các bên liên quan [H3.14.02.12]. Tuy nhiên, việc tổ chức lấy ý kiến của các đối tượng liên quan ngoài Học viện về CĐR của CTĐT và học phần/môn học chưa đa dạng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.3. Các đề cương môn học/học phần, kế hoạch giảng dạy của CTĐT và các môn học/học phần được văn bản hóa, phổ biến và thực hiện dựa trên CĐR

Học viện luôn xác định ĐCCTHP là một trong những yếu tố then chốt mà qua đó người học có thể đánh giá được nội dung, chất lượng và tầm quan trọng của học phần. Do đó, Đảng uỷ, BGD đã chỉ đạo rà soát ĐCCTHP cùng chu kỳ với chu kỳ rà soát CTĐT [H3.14.03.01]. Dựa trên CĐR của CTĐT đã ban hành [H3.14.03.02], Sau khi tổ chức nghiệm thu, các đề cương chi tiết học phần được sửa chữa theo ý kiến của Hội đồng nghiệm thu, Học viện ban hành quyết định công nhận kết quả nghiệm thu đề cương chi tiết học phần [H3.14.03.03]. Trong đề cương được ban hành ghi đầy đủ các nội dung: *Thông tin về giảng viên tham gia giảng dạy; Thông tin chung về học phần (Tên học phần, mã học phần, số tín chỉ; học phần tiên quyết, học phần học trước, yêu cầu của học phần (bắt buộc/tự chọn), phân bố giờ tín chỉ, khoa/bộ môn phụ trách học phần); Mục tiêu, CĐR học phần; Tóm tắt nội dung học phần; Nội dung chi tiết học phần; Học liệu; Lịch trình giảng dạy chung và lịch trình cụ thể; Chính sách đối với học phần và các yêu cầu khác của giảng viên; Kiểm tra, đánh giá kết quả học tập học phần* [H3.14.03.04]. Các đề cương học phần đều được phổ biến tới người học và được giảng viên giới thiệu cho người học tại buổi học đầu tiên của học phần.

Khi soạn thảo đề cương học phần, các giảng viên xuất phát từ CĐR của

CTĐT để xây dựng CDR học phần; từ đó xác định nội dung, phương pháp giảng dạy, phương pháp đánh giá phù hợp. Hình thức dạy học gồm lý thuyết/thực hành/thảo luận trong đề cương chi tiết học phần hướng đến đạt CDR học phần, hình thành cho người học kiến thức, kỹ năng và thái độ **[H3.14.03.05]**.

Đầu mỗi khoá học, phòng ĐT&CTSV xây dựng Kế hoạch giảng dạy và biểu đồ năm học, in ấn, chuyển về cho các khoa để các khoa chủ động trong việc xây dựng kế hoạch hoạt động của khoa **[H3.14.03.06]**.

Dựa trên biểu đồ năm học và kế hoạch giảng dạy, phòng ĐT&CTSV xây dựng thời khóa biểu các khóa và giới thiệu, phổ biến bằng nhiều hình thức khác nhau đến người học như website Học viện, bảng tin của Học viện, đồng thời kế hoạch giảng dạy được gửi về từng khoa để triển khai thực hiện, trong thời khóa biểu từng học kì trong năm học có ghi rõ thông tin về học phần, tiết/ca học, địa điểm học (lớp học), giảng viên, tên lớp học phần. Trước khi bắt đầu học kì từ 1 đến 2 tháng, Học viện thông báo cho sinh viên thời khóa biểu lớp học phần giảng dạy trong từng học kì trên website và bảng tin để sinh viên theo dõi **[H3.14.03.07]** **[H3.14.03.08]**. Theo đó, ĐCCTHP sau khi ban hành được giới thiệu, phổ biến đến người học. Việc phổ biến được GV giảng dạy học phần đó thực hiện ngay từ buổi đầu khi nhập môn theo quy định của Học viện **[H2.14.03.09]** **[H3.14.03.10]**. Bên cạnh đó các khoa cũng chủ động việc chia sẻ ĐCCTHP lên trang thông tin điện tử do khoa phụ trách nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho người học có thể truy cập mọi lúc, mọi nơi **[H3.14.03.11]**.

Căn cứ vào kế hoạch giảng dạy, kế hoạch hoạt động năm đã được duyệt, các hoạt động dạy học trong đề cương môn học được triển khai đúng tiến độ, đôi khi có sự điều chỉnh phù hợp với tình hình thực tế nhưng vẫn đảm bảo thực hiện được theo CDR của CTĐT. Việc thực hiện kế hoạch giảng dạy theo tiến độ luôn được phòng TT&ĐBCLGD giám sát, theo dõi và đánh giá một cách công khai và khách quan **[H3.14.03.12]** **[H3.14.03.13]**. Nhằm hướng tới đảm bảo CDR ở mức cao nhất, việc thực hiện các hoạt động dạy học trong đề cương môn học còn được trao đổi chia sẻ và rút kinh nghiệm **[H3.14.03.14]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.4. Việc rà soát quy trình thiết kế, đánh giá và rà soát CTDH được thực hiện

Căn cứ vào các quy định của Bộ GDĐT như: Thông tư ban hành quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành CTĐT trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ [H3.14.04.01], Thông tư ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo và đình chỉ tuyển sinh, thu hồi quyết định mở ngành đào tạo trình độ đại học [H3.14.04.02] và sự chỉ đạo của Đảng ủy, trong đó có nội dung về việc rà soát, điều chỉnh các quy trình thiết kế, đánh giá CTDH [H3.14.04.03], về việc rà soát các quy trình thiết kế, đánh giá CTDH [H3.14.04.04], các quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CDR, quy trình rà soát, cập nhật và tổ chức đánh giá CTĐT và CDR [H3.14.04.05] và Quyết định ban hành quy định của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam về thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các CTĐT [H3.14.04.06]. Đối với chương trình dạy học, Học viện đã định kỳ rà soát ít nhất 02 năm một lần. Khi rà soát chương trình dạy học, Học viện có tham khảo chương trình dạy học của một số trường đại học trong nước có uy tín, kinh nghiệm trong đào tạo các chương trình tương ứng [H3.14.04.07]. Bên cạnh đó, khi rà soát chương trình dạy học, Học viện thu thập ý kiến phản hồi của các bên liên quan như giảng viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành [H3.14.04.08]. Phòng ĐT&CTSV đã xây dựng quy trình dự thảo gửi các đơn vị góp ý, sau khi tổng hợp ý kiến góp ý của các đơn vị, phòng ĐT&CTSV trình Giám đốc ký ban hành Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá CTĐT và Quy trình thiết kế, phát triển và đánh giá ĐCCTHP của Học viện [H3.14.04.09]. Căn cứ chủ trương của Đảng ủy Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện đã giao nhiệm vụ cho phòng ĐT&CTSV phối hợp với các đơn vị rà soát, xây dựng, điều chỉnh CTĐT [H3.14.04.10] [H3.14.04.11]. Hội đồng hợp thống nhất kế hoạch tổng thể, nội

dung điều chỉnh CTĐT, từ đó lập Kế hoạch chỉnh sửa, bổ sung CTĐT trình Giám đốc phê duyệt [H3.14.04.12] [H3.14.04.13]. Hội đồng xây dựng chương trình có sự so sánh CTDH trình độ đào tạo đại học năm 2019 so với năm 2023 và một số CTDH tương đương trong nước và kết quả so sánh chuẩn đầu ra năm 2023 với năm 2019 [H3.14.04.14]. Trước và sau khi điều chỉnh CTDH Học viện đều thực hiện khảo sát ý kiến của các bên liên quan như giảng viên, cựu sinh viên, chuyên gia, nhà khoa học, đơn vị sử dụng lao động thuộc ngành/chuyên ngành [H3.14.04.15]. Bên cạnh đó, Học viện thực hiện khảo sát lấy ý kiến tại các buổi tổ chức hội nghị, tọa đàm, họp khoa/bộ môn về chương trình dạy học [H3.14.04.16]. Những ý kiến phản hồi của các bên liên quan đã được tích hợp vào nội dung điều chỉnh chương trình dạy học, trong đó tập trung chủ yếu là hiện đại hóa chương trình dạy học, tăng cường kỹ năng cho người học như bổ sung các học phần trong chương trình các học phần về ứng dụng công nghệ thông tin trong lĩnh vực liên quan đến chương trình dạy học và tạo sự thống nhất về thời lượng và nội dung kiến thức theo khối ngành ở những ngành cùng khối ngành; sự thống nhất về thời lượng và nội dung kiến thức theo lĩnh vực ở những ngành cùng lĩnh vực; sự thống nhất về thời lượng và nội dung kiến thức theo nhóm ngành ở những ngành cùng nhóm ngành. Căn cứ đề xuất xây dựng, điều chỉnh CTDH, ý kiến các bên liên quan, hội đồng tổng hợp và báo cáo Giám đốc Học viện ký Quyết định ban hành chương trình đào tạo và triển khai thực hiện [H3.14.04.17].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 14.5. Quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan

Học viện ban hành Quy định xây dựng, cập nhật và phát triển chương trình đào tạo trình độ đại học của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, trong đó có quy trình thiết kế, phát triển, đánh giá CTDH [H3.14.05.01]. Đến năm 2023, Học viện có kế hoạch rà soát quy trình thiết kế, phát triển, giám sát, rà soát, thẩm định, phê duyệt và ban hành các chuẩn đầu ra, CTDH, đề cương chi tiết của các học phần cho tất cả các CTĐT. Theo nội dung quy trình đưa ra, các bước để xây dựng được một đề cương chi tiết phải được tiến hành theo từng bước đó là: đề xuất hoạt động theo kế hoạch; Ban giám đốc duyệt kế hoạch hoạt động; Khoa thông báo kế hoạch chỉnh sửa; Hợp bộ môn tổ chức chỉnh sửa và thống nhất hình thức đề cương chi tiết; Giảng viên được phân công chỉnh sửa (bản thảo đề cương chi tiết); Lập biên bản Hội thảo góp ý ĐCCTHP; Giảng viên được phân công sửa chữa ĐCCTHP theo kết luận của hội thảo; Thành lập hội đồng viết nhận xét, đánh giá ĐCCTHP, lập biên bản họp Hội đồng; Trưởng khoa/Phó trưởng khoa/Trưởng bộ môn kiểm tra việc xây dựng, hoàn thiện ĐCCTHP theo kết luận của Hội đồng; Ban Giám đốc phê duyệt ĐCCTHP; Đưa lên trang thông tin điện tử của Học viện và lưu thư viện [H3.14.05.02]. Kết quả của việc rà soát quy trình, năm 2023, Học viện ban hành quy định xây dựng, cập nhật và phát triển CTĐT sửa đổi, bổ sung quy trình ban hành năm 2019 để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan [H3.14.05.03].

CTDH của Học viện thường xuyên được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Năm 2023, Học viện ban hành CTĐT với 07 ngành đào tạo và bộ ĐCCTHP [H2.14.05.04] [H3.14.05.05].

Để xây dựng, rà soát, điều chỉnh CDR, CTĐT, ĐCCTHP các ngành, Học viện luôn căn cứ theo Quy định xây dựng, thẩm định, rà soát, điều chỉnh và cập nhật CTĐT, trong đó có Quy trình Rà soát, chỉnh sửa, cập nhật CTĐT

[H3.14.05.06]. Đối với CTDH, trong quá trình triển khai, Học viện luôn điều chỉnh, cải tiến phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan. Các chương trình dạy học sau khi cập nhật đã được ban hành và công bố: Chương trình dạy học cử nhân ngành Công tác xã hội; Luật; Công tác Thanh thiếu niên; Xây dựng Đảng và Chính quyền Nhà nước; Quản lý Nhà nước; Quan hệ Công chúng; Tâm lý học được ban hành bằng văn bản, trên trang thông tin điện tử của Học viện **[H3.14.05.07]**. Bên cạnh đó, theo chức năng và nhiệm vụ được phân công, hàng năm, phòng TT&ĐBCLGD thực hiện Lập kế hoạch và tiến hành Khảo sát các đối tượng như SV, GV, người sử dụng lao động, CSV... và báo cáo công khai kết quả khảo sát này **[H3.14.05.08]** **[H3.14.05.09]**.

Căn cứ vào kết quả khảo sát ý kiến của các bên liên quan, đơn vị đầu mối là bộ phận Đào tạo kết hợp các Khoa chuyên môn đã rà soát, trao đổi và điều chỉnh cải tiến CDR, CTĐT. Tất cả các CDR và CTĐT đều dựa trên sự góp ý của các bên liên quan và được sự thống nhất của Hội đồng KHĐT, Học viện tiến hành các bước rà soát, chỉnh sửa, phát triển và cập nhật CTĐT các ngành **[H3.14.05.10]** **[H3.14.05.11]**. CTĐT sau khi được rà soát và điều chỉnh, Học viện ra quyết định ban hành CTĐT được cải tiến phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan **[H3.14.05.12]**. Để dễ dàng trong việc theo dõi sự thay đổi của CTDH, phòng ĐT&CTSV và các khoa chuyên môn lập Sổ theo dõi tình trạng sửa đổi CDR, CTĐT và ĐCCT môn học **[H3.14.05.13]**. Sổ theo dõi gồm đầy đủ các thông tin: Nội dung sửa đổi tóm tắt của các hạng mục, lần sửa đổi, ngày sửa đổi, tình trạng sửa đổi. Từ năm 2018-2023, Học viện đã có 03 lần rà soát và thay đổi CDR và CTĐT. Toàn bộ các học phần thuộc các chương trình đào tạo của Học viện được xây dựng dựa trên thực tế nhu cầu xã hội, thuộc chiến lược phát triển của Học viện, theo đó đảm bảo triết lý giáo dục phù hợp với phương thức đào tạo tín chỉ. Đồng thời chương trình dạy học có học phần được cấu trúc đảm bảo sự gắn kết và liền mạch, có tỷ lệ cân đối giữa kiến thức chung, trình tự bố trí các học phần hợp lý, khoa học: từ các môn học đại cương đến kiến thức chuyên ngành kỹ năng mềm

[H3.14.05.14]. Ngoài ra, hàng năm có nhiều ĐCCTHP được cập nhật thường xuyên sau khi nhận được sự góp ý từ GV, SV trong quá trình triển khai thực hiện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 14:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- CTĐT, ĐCCTHP được xây dựng và rà soát theo một phương pháp khoa học, chặt chẽ, hệ thống. Quá trình này được hướng dẫn cụ thể, rõ ràng từ Học viện. Quy trình được áp dụng thống nhất, nghiêm túc trên quy mô toàn Học viện;

- Việc phổ biến các ĐCCTHP và CTĐT tạo luôn kịp thời;

- Các quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH thường xuyên được cải tiến để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Sự tham gia phản biện CTĐT, ĐCCTHP của các nhà sử dụng lao động nhất là các DN và các bên liên quan còn hạn chế;

- Sự tham gia của cơ quan sử dụng lao động và các bên liên quan còn hạn chế vào việc xây dựng và rà soát CDR CTĐT còn hạn chế;

- Việc cải tiến đôi khi vẫn còn mang tính chủ quan, sự góp ý của các bên liên quan chưa nhiều, chưa có cơ sở khoa học để xác định được độ tin cậy của các ý kiến góp ý.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Tăng cường hợp tác và mời các DN tham gia vào quá trình rà soát CTĐT, ĐCCTHP	Các khoa, bộ môn	Thường xuyên
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiếp tục cải tiến các quy trình thiết kế, đánh giá và CTDH để đảm bảo sự phù hợp và cập nhật nhằm đáp ứng nhu cầu luôn thay đổi của các bên liên quan	Phòng ĐT&CTSV; Các khoa	Hằng năm
3	Phát huy điểm mạnh 1	Rà soát CTĐT theo hướng hiện đại, hướng đến việc xác định các CDR với các bên liên quan	Các khoa	2024
4	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện phổ biến những ĐCCTHP và CTĐT đến người học kịp thời bằng nhiều hình thức, phương thức khác nhau.	Phòng ĐT&CTSV; Các khoa	Hằng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 14</i>	4,2
Tiêu chí 14.1	4
Tiêu chí 14.2	4
Tiêu chí 14.3	4
Tiêu chí 14.4	4
Tiêu chí 14.5	5

Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập

Tiêu chí 15.1. Thiết lập được hệ thống lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được chuẩn đầu ra

Triết lý giáo dục được hiểu là tinh thần chủ đạo của giáo dục, là định hướng vận hành của hoạt động giáo dục. Căn cứ Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Trung ương Đoàn [H3.15.01.01], Nghị quyết Đại hội Đảng bộ Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nhiệm kỳ 2015-2020, 2020-2025 [H3.15.01.02] [H3.15.01.03] Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2045. Theo đó “*Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đào tạo và bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, cung cấp nguồn cán bộ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh và hệ thống chính trị; đào tạo đại học, sau đại học cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng nhu cầu của xã hội; nghiên cứu, cung cấp các luận cứ về khoa học và thực tiễn cho Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi*” [H3.15.01.04]; Học viện đã có tuyên bố chính thức về Triết lý giáo dục: “*Tâm trong - Trí sáng - Hoài bão lớn*” [H3.15.01.05]. Học viện đã có công văn yêu cầu các đơn vị phổ biến, thông báo triết lý giáo dục đến CB, GV, NV, SV và các bên liên quan [H3.15.01.06], đồng thời đăng tải nội dung lên Website của Học viện [H3.15.01.07]. Nội dung triết lý phù hợp với mục tiêu, SM của Học viện và xu thế phát triển chung.

Học viện đã ban hành “Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam”, trong đó có quy định việc xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR [H3.15.01.08]. Các mục tiêu đào tạo đã được hiện thực hóa qua hệ thống các chuẩn đầu ra của các chương trình đào tạo và được cụ thể hoá trong đề cương chi tiết các học phần [H3.15.01.09] [H3.15.01.10]. Căn cứ CDR đã được công bố, Học viện đã chỉ đạo các khoa, tổ bộ môn xác định, lựa chọn các hoạt động dạy và học phù hợp với triết lý giáo dục và để đạt được CDR [H3.15.01.11]. Để tạo thuận lợi cho các bộ môn và giảng viên lựa chọn và thực hiện được các phương pháp giảng dạy phù hợp với các chuẩn đầu ra, Học viện đã tổ chức các

đợt tập huấn về nghiệp vụ sư phạm, các khóa bồi dưỡng về phương pháp giảng dạy tích cực [H3.15.01.12] [H3.15.01.13]. Các hoạt động dạy và học được cụ thể hóa trong đề cương chi tiết học phần [H3.15.01.14]. Khoa, bộ môn đã thực hiện nghiêm túc việc tổ chức đánh giá định kỳ đối với CTĐT trong các đợt sinh hoạt bộ môn, họp Hội đồng KH&ĐT, khảo sát ý kiến chuyên gia và nhà tuyển dụng, thu thập phản hồi của SV đã tốt nghiệp về CTĐT theo quy định của Học viện. Một số khoa đã chủ động thu thập ý kiến đánh giá của các bên liên quan. Thông qua các hình thức đánh giá này, các khoa/bộ môn đã tổ chức hội thảo, tọa đàm về phát triển CTĐT. Từ đó làm cơ sở để CTĐT được điều chỉnh thời lượng, tiến độ thực hiện, trình tự môn học, cơ cấu kiến thức, tỷ lệ lý thuyết - thực hành. Kết quả thực hiện hằng năm được thể hiện trong Báo cáo tổng kết năm học của các khoa trực thuộc Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam giai đoạn 2018 - 2023 [H3.15.01.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.2. Triển khai được hệ thống thu hút, tuyển chọn đội ngũ giảng viên, phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã có những chủ trương, chính sách rõ ràng thông qua tuyên bố về Chiến lược phát triển nguồn nhân lực và các quy định về tuyển dụng nhằm thu hút nguồn nhân lực có chất lượng, đặc biệt là nguồn giảng viên có trình độ chuyên môn cao về giảng dạy, công tác tại Học viện [H3.15.02.01] [H3.15.02.02] [H3.15.02.03]. Bên cạnh việc thu hút nguồn nhân lực trực tiếp, Học viện còn có sự cộng tác thường xuyên của đội ngũ giảng viên thỉnh giảng nhằm đa dạng hóa, tận dụng được nguồn lực tri thức sẵn có của xã hội cũng như tăng cường trao đổi, học hỏi kinh nghiệm và phương pháp giảng dạy từ các cơ sở đào tạo khác nhằm phát triển đội ngũ và nguồn nhân lực hiện có [H3.15.02.04].

Chiến lược này đã được cụ thể hóa thành Kế hoạch chiến lược phát triển nhân sự Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2045 trong đó có kế hoạch đào tạo, phát triển đội ngũ [H3.15.02.05]. Dựa trên chiến

lược về nguồn nhân lực và nhu cầu thực tế, Học viện đã tổ chức tuyển dụng nhân lực đáp ứng với từng thời kỳ, các đợt tuyển dụng được tổ chức tuân theo các quy định hiện hành và các quy định của Học viện. Từ năm 2018 đến nay, hoạt động tuyển dụng được diễn ra thường niên **[H3.15.02.06]** **[H3.15.02.07]**. Thông báo và kết quả tuyển dụng được thông tin rộng rãi trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm đảm bảo tính minh bạch, khách quan và đúng quy định **[H3.15.02.08]**.

Bên cạnh việc thu hút, tuyển dụng, Học viện cũng quan tâm đến việc bổ nhiệm và phát triển đội ngũ CB, GV, Học viện đã có các quyết định bổ nhiệm cán bộ Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam trong giai đoạn 2018 - 2023 **[H3.15.02.09]**.

Học viện luôn tạo điều kiện, khuyến khích đội ngũ GV học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, Học viện đã có văn bản quy định về chế độ làm việc của GV; quy chế chi tiêu nội bộ; quy chế đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức cùng với những ưu đãi cụ thể về khen thưởng, miễn giảm giờ giảng, nghiên cứu khoa học cho nghiên cứu sinh cũng như tiền lương, thu nhập phân hoá theo trình độ đã giúp thúc đẩy số lượng giảng viên có trình độ tiến sĩ không ngừng tăng qua các năm **[H3.15.02.10]** **[H3.15.02.11]**. Học viện cũng tích cực tổ chức hoặc phối hợp tổ chức hoạt động NCKH, các lớp bồi dưỡng nhằm nâng cao kiến thức chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp, kỹ năng mềm cho giảng viên **[H3.15.02.12]**.

Hàng năm, các khoa xây dựng kế hoạch hoạt động, trong đó có phân công nhiệm vụ cho từng GV về các hoạt động cụ thể như giảng dạy, NCKH, hoạt động chuyên môn **[H3.15.02.13]**. Đánh giá về tuyển dụng, bổ nhiệm và phát triển đội ngũ GV; phân công nhiệm vụ cho GV được thể hiện trong Báo cáo hội nghị công nhân viên chức Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam giai đoạn 2018-2023 **[H3.15.02.14]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.3. Các hoạt động dạy và học thúc đẩy việc học tập suốt đời được tổ chức phù hợp để đạt được chuẩn đầu ra

Tất cả các CTĐT của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đều hướng đến khả năng học tập suốt đời cho SV. Đa số các ngành, khối lượng kiến thức giáo dục chuyên ngành chiếm trên 65% đủ để trang bị cho người học một cơ sở kiến thức vững vàng để có thể chuyển đổi hoặc tự mở rộng nghiên cứu thêm những ngành nghề mới khi xã hội có nhu cầu [H3.15.03.01] [H3.15.03.02] [H3.15.03.03]. Ngay những ngày đầu bước vào ngưỡng cửa đại học, các SV đầu khóa đã được tham gia các khóa tập huấn về các kỹ năng phục vụ học tập suốt đời do Học viện tổ chức [H3.15.03.04]. Hàng năm, trên cơ sở danh mục các hình thức, ngành nghề đào tạo, bồi dưỡng Học viện và các khoa đã triển khai các chương trình đào tạo đa dạng như chương trình trao đổi, thực tập ngắn hạn, phục vụ cộng đồng,..., các hình thức học tập đa dạng: dự án đào tạo, đào tạo thực hành, bài tập lớn, thực tập doanh nghiệp,... [H3.15.03.05] [H3.15.03.06].

Môi trường học tập tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam không chỉ thể hiện việc giảng dạy trên lớp mà còn thể hiện qua hoạt động tự học, hoạt động thực hành trên lớp, khảo sát thực tế tại địa phương. Sinh viên có cơ hội thực hành tại nhiều môi trường làm việc đa dạng như các trung tâm công tác xã hội, trường học THPT, cộng đồng tại nhiều địa phương trên cả nước [H3.15.03.07]. Môi trường thực tập của sinh viên khá đa dạng, nhiều lĩnh vực, nhiều loại hình tổ chức cơ quan [H3.15.03.08]. Môi trường học tập đa dạng đã thúc đẩy người học hoàn thiện các kỹ năng chuyên môn theo yêu cầu của chuẩn đầu ra. Chương trình đào tạo của tất cả các ngành đều có sự kết hợp giữa thời lượng đào tạo trên lớp, thực hành và thực tập [H3.15.03.09]. Quá trình thực tập được đánh giá chặt chẽ thông qua 3 sản phẩm: nhật ký thực tập kèm các minh chứng (ảnh, tài liệu), báo cáo thực tập và đánh giá từ cơ sở thực tập. Nhiều học phần thiết kế bài tập đa dạng như học phần Tổ chức sự kiện yêu cầu bài tập lớn tổ chức một sự kiện truyền thông kèm các sản phẩm như chương trình, kế hoạch, video, báo cáo công việc. Thông qua môn học, sinh viên được rèn luyện về kỹ năng

phân tích, đánh giá hoạt động tổ chức các sự kiện, mô tả sơ lược về thị trường tổ chức sự kiện ở Việt Nam [H3.15.03.10].

Việc tạo dựng môi trường học tập tích cực ở Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã được Học viện quan tâm, nội dung này được triển khai đa dạng, phong phú. Định kỳ Học viện tổ chức Hội nghị sinh viên nghiên cứu khoa học vào tháng 6 hàng năm. Hàng năm Phòng ĐT&CTSV thông báo cho sinh viên đăng ký đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên [H3.15.03.11]. Kết quả đến năm 2023, về nghiên cứu khoa học sinh viên, Học viện đã có nhiều giải nghiên cứu khoa học sinh viên cấp Bộ. Ngoài ra học viện tổ chức các CLB dành cho các khoa chuyên môn nhằm giúp sinh viên thực hành và học tập qua thực tế, thúc đẩy tính chủ động của sinh viên [H3.15.03.12]. Ngoài ra, Học viện còn chỉ đạo Đoàn thanh niên tổ chức các hoạt động PVCD [H3.15.03.13].

Học viện luôn chú trọng đến chất lượng giảng dạy nên việc đổi mới phương pháp giảng dạy, ứng dụng công nghệ giảng dạy hiện đại luôn được đặt lên hàng đầu. Từ 2018 đến nay, Học viện đã tổ chức các buổi hội nghị, hội thảo tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ giảng dạy hiện đại cho GV [H3.15.03.14]; ngoài ra, Học viện còn cử GV tham dự hội nghị, hội thảo tập huấn về đổi mới phương pháp dạy học, dạy học tích cực, ứng dụng công nghệ giảng dạy hiện đại (trong và ngoài nước) [H3.15.03.15]. Hàng năm, các khoa, phòng chuyên trách đã tổng hợp danh mục các phương pháp giảng dạy, công nghệ, thiết bị giảng dạy mà GV áp dụng trong quá trình giảng dạy [H3.15.03.16] [H3.15.03.17].

Kết quả của việc tạo dựng được môi trường học tập đa dạng, tích cực; các hoạt động học tập đa dạng; áp dụng công nghệ hiện đại trong giảng dạy cũng như hoạt động PVCD được đánh giá thông qua báo cáo tổng kết năm học của Học viện, Đoàn Thanh niên và được đăng tải trên website của Học viện [H3.15.03.18] [H3.15.03.19] [H3.15.03.20].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 15.4. Các hoạt động dạy và học được giám sát và đánh giá để đảm bảo và cải tiến chất lượng

Học viện dựa trên quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; các văn bản chỉ đạo của Đảng uỷ [H3.15.04.01], Ban Giám đốc Học viện xây dựng hệ thống giám sát và đánh giá, đảm bảo chất lượng, việc giám sát các hoạt động dạy và học của Học viện được cụ thể hóa bằng Kế hoạch giám sát hoạt động giảng dạy và học [H3.15.04.02]. Học viện có bộ phận phụ trách hoạt động giám sát hoạt động giảng dạy và học tập và việc thực hiện giám sát được triển khai rất nghiêm túc đến từng môn học, từng giảng viên, từng lớp học. Cụ thể, trong hoạt động giảng dạy ở Học viện, Bộ phận Đảm bảo chất lượng thực hiện giám sát đến từng giờ giảng của từng giảng viên (giám sát việc thực hiện giờ giấc lên lớp, quản lý sinh viên trong lớp...). Các Khoa chuyên môn và Bộ môn giám sát việc dạy học của từng giảng viên bao gồm cả giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng. Giảng viên trước khi lên lớp phải duyệt giảng rất chặt chẽ thông qua Quy trình duyệt giảng [H3.15.04.03], trong quá trình lên lớp Bộ môn/Khoa chuyên môn sẽ thực hiện dự giờ không báo trước đối với tất cả các giảng viên để nắm bắt tình hình giảng dạy của giảng viên để có căn cứ điều chỉnh nếu cần. Cố vấn học tập cũng đóng góp một phần trong hoạt động giám sát giảng dạy của giảng viên thông qua việc nắm thông tin, tâm tư, phản ánh của sinh viên về giảng viên giảng dạy để kịp thời phản ánh về Bộ môn/Khoa có phương án điều chỉnh nếu cần thiết [H3.15.04.04].

Đầu mỗi kỳ học, Phòng ĐT&CTSV xây dựng kế hoạch giảng dạy đến các bộ môn; Lịch giảng dạy và các hoạt động của cán bộ giảng viên toàn Học viện được đưa lên website và hệ thống phần mềm, từng cá nhân giảng viên và sinh viên có thể truy cập, triển khai thực hiện và theo dõi [H3.15.04.05]. Các khoa báo cáo tổng kết năm học về tình hình giảng dạy của giảng viên [H3.15.04.06]. Quá trình giảng dạy, giảng viên theo dõi và báo cáo tình hình học tập của sinh viên về cho cố vấn học tập [H3.15.04.07]. Việc giám sát hoạt động dạy và học được Phòng TT&ĐBCLGD thực hiện và báo cáo vào cuối mỗi học kỳ, trước thời điểm tổ chức thi học kỳ [H3.15.04.08]. Việc cho ý kiến được sinh viên thực hiện qua phiếu khảo sát trực tuyến hoặc phát phiếu [H3.15.04.09] [H3.15.04.10].

Nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy, Học viện tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan. Các kết quả khảo sát cũng được phân tích đánh giá để làm cơ sở nâng cao chất lượng đào tạo. Học viện tiến hành đánh giá chất lượng từ người học trong quá trình học tập của các ngành đào tạo định kì mỗi học kì 1 lần. Đối với người học sau khi ra trường, Học viện tiến hành khảo sát lấy ý kiến đánh giá. Tuy nhiên hoạt động này chưa tiến hành được hết đến với toàn bộ sinh viên sau khi ra trường. Việc đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo trong quá trình học tập được thực hiện khách quan, mang tính khoa học cao. Học viện tiến hành xây dựng Phiếu khảo sát người học sau khi ra trường và triển khai đánh giá thông qua phiếu điện tử online **[H3.15.04.11]**. Hiện nay, tất cả các học phần giảng dạy trong chương trình đào tạo bậc đại học của Học viện đều có đề cương chi tiết môn học theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định cụ thể của Học viện, trong đó có quy định rõ ràng về cách thức kiểm tra, đánh giá người học. Mỗi kì học, Học viện đều tiến hành khảo sát môn học về các vấn đề liên quan đến phương pháp giảng dạy, kiểm tra đánh giá người học. Dựa trên những kết quả phản hồi của các bên liên quan, các giảng viên và Khoa phụ trách sẽ điều chỉnh, cải tiến phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học để chất lượng dạy và học ngày một tốt hơn **[H3.15.04.12]**.

Hàng năm, Học viện thực hiện đánh giá chất lượng từ người học của các ngành đào tạo trong và sau khi ra trường thông qua kết quả học tập và rèn luyện **[H3.15.04.13]** và kết quả khảo sát từ người học trên các mặt: đánh giá của sinh viên đang học về chất lượng đào tạo của nhà trường, khảo sát tình hình việc làm và đánh giá chất lượng chương trình đào tạo đối với sinh viên sau khi tốt nghiệp. Kết quả cho thấy sinh viên đánh giá cao về chương trình, nội dung, phương pháp giảng dạy và các điều kiện đảm bảo chất lượng **[H3.15.04.14]**.

Trên cơ sở kết quả khảo sát, Học viện triển khai cải tiến chất lượng, phương pháp giảng dạy, kiểm tra, đánh giá người học. Việc cải tiến được thể hiện qua các hoạt động: tổ chức Hội thảo về phương pháp dạy học **[H3.15.04.15]**, đổi mới hình thức thi cho các học phần **[H3.15.04.16]**, tăng

cường cập nhật và bổ sung tài liệu phục vụ công tác giảng dạy và học tập [H3.15.04.17]. Các hoạt động đào tạo và nghiên cứu khoa học hàng năm được đánh giá tổng thể tại Hội nghị đào tạo, khoa học [H3.15.04.18], Hội nghị công nhân viên chức [H3.15.04.19], trong đó có báo cáo tổng kết rút kinh nghiệm về triển khai các phương pháp dạy học hiện đại, về ứng dụng công nghệ trong dạy học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 15.5. Triết lý giáo dục cũng như hoạt động dạy và học được cải tiến để đạt được chuẩn đầu ra, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời

Căn cứ sứ mệnh, tầm nhìn phát triển của Học viện và Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn 2045, ngày 18/08/2023, Học viện ban hành Quyết định 538a/QĐ-HVTTNVN tuyên bố triết lý giáo dục của Học viện: “*Chất lượng – tiên phong – sáng tạo*”. Nội dung triết lý giáo dục của Học viện được ban hành phù hợp với sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện, phù hợp với chuẩn đầu ra, tiếp cận với xu hướng mới. Triết lý giáo dục được xem là định hướng cho mọi hoạt động của Học viện và là căn cứ khẳng định mình trong hệ thống giáo dục quốc dân [H3.15.05.01].

Năm 2023, Học viện lên kế hoạch rà soát, cải tiến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục [H3.15.05.02], ban hành quyết định thành lập “Ban rà soát, xây dựng sứ mạng, tầm nhìn, giá trị cốt lõi của Học viện TTNVN giai đoạn 2023-2030 tầm nhìn năm 2045” [H3.15.05.03], ban hành “Quy trình rà soát, cải tiến sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa của Học viện TTNVN” [H3.15.05.04]. Trên cơ sở báo cáo kết quả rà soát, biên bản các cuộc họp rà soát [H3.15.05.05] Học viện đã ban hành dự thảo lần 1 về sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục trong chiến lược phát triển trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045 [H3.15.05.06], tiến hành khảo sát lấy ý kiến các bên về dự thảo [H3.15.05.07], sau đó ban hành dự thảo lần 2 “Sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục trong chiến lược phát triển trường đến năm 2030, tầm nhìn 2045” [H3.15.05.08]. Ngày 18/05/2023, HĐ Học viện ban

hành nghị quyết phê duyệt sứ mạng, tầm nhìn, giá trị văn hóa, triết lý giáo dục trong chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030, tầm nhìn 2045, trong đó triết lý giáo dục được ban hành năm 2018 vẫn phù hợp với xu hướng mới: “Chất lượng – Tiên phong – Sáng tạo” nên triết lý giáo dục của Học viện không có sự thay đổi [H3.15.05.09].

Hoạt động dạy và học được rà soát, cải tiến để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng, học tập suốt đời. Các CTĐT được cập nhật, điều chỉnh theo triết lý giáo dục của Học viện, theo đó mỗi chuyên ngành đào tạo đều chú trọng đến việc xây dựng mục tiêu đào tạo và CDR cho từng ngành [H3.15.05.10] [H3.15.05.11] [H3.15.05.12]. Định kỳ 02 năm 01 lần, Học viện tiến hành rà soát, đánh giá và cập nhật chương trình đào tạo trình độ ĐH [H3.15.05.13], rà soát, hoàn thiện CDR CTĐT và ĐCCTHP [H3.15.05.14], để có những điều chỉnh phù hợp với triết lý giáo dục của Học viện nhằm đạt chuẩn đầu ra. Việc rà soát, đánh giá, cập nhật CTĐT được thực hiện theo đúng quy trình [H3.15.05.15]. Kết quả của việc điều chỉnh được thể hiện cụ thể như: rà soát tổng thể CTĐT, bản mô tả CTĐT, các ĐCCTHP của 07 CTĐT. Ngoài ra, trong quá trình triển khai thực hiện, khi có những bất cập, Học viện điều chỉnh để phù hợp với CDR, tiếp cận với xu hướng mới.

Hàng năm Học viện tổ chức khảo sát, lấy ý kiến phản hồi của người học và các bên liên quan mức độ hài lòng về triết lý giáo dục và các hoạt động dạy học, chất lượng đào tạo tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam. Việc khảo sát được tiến hành theo đúng trình tự, Học viện ban hành kế hoạch khảo sát cụ thể, trong đó nêu rõ mục đích, yêu cầu, đối tượng, thời gian khảo sát, thành lập ban chỉ đạo và nhóm tiến hành khảo sát, xử lý số liệu và lập báo cáo khảo sát [H3.15.05.16] [H3.15.05.17], tổ chức khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan dựa trên bộ mẫu phiếu khảo sát [H3.15.05.18]. Sau mỗi đợt khảo sát, báo cáo kết quả khảo sát sẽ được gửi về cho các phòng, ban, khoa chuyên môn, tất cả các giảng viên đều nhận được các ý kiến phản hồi để cải tiến bản thân, đồng thời lãnh đạo Học viện có kế hoạch tuyển chọn, đánh giá và phân công giảng dạy cho phù hợp. Các báo cáo kết quả khảo sát ý kiến của người học trước khi tốt

nghiệp về chất lượng chương trình đào tạo của Học viện [H3.15.05.19], báo cáo kết quả khảo sát ý kiến đánh giá hoạt động giảng dạy của GV [H3.15.05.20], Báo cáo kết quả khảo sát người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên sau khi tốt nghiệp [H3.15.05.21]. Trong các báo cáo kết quả khảo sát đó, Học viện đã tổng hợp các thông tin chung về hoạt động khảo sát, nêu và phân tích cụ thể các kết quả khảo sát, các ưu điểm, hạn chế, trên cơ sở đó đưa ra các kiến nghị đối với Ban Giám đốc, các phòng, ban, khoa chuyên môn để có sự điều chỉnh, cải tiến kịp thời khắc phục các hạn chế, phát huy các ưu điểm trong từng lĩnh vực cụ thể. Kết quả khảo sát là một kênh thông tin quan trọng giúp cá nhân giảng viên, tổ bộ môn, nhà trường điều chỉnh hoạt động dạy, góp phần nâng cao chất lượng giảng dạy của giảng viên, thái độ phục vụ của các cán bộ phòng ban trong Học viện. Vì vậy Ban Giám đốc yêu cầu Trưởng Khoa, trưởng phòng, các cá nhân và bộ môn tiếp nhận thông tin đánh giá, phản hồi và có kế hoạch cải tiến về hoạt động dạy và học để đạt được CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 15:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã xây dựng được triết lý giáo dục và CDR phù hợp với CLPT của Học viện đến 2030 tầm nhìn đến năm 2045. Triết lý giáo dục được rà soát, đánh giá để phù hợp với CDR, đảm bảo dạy và học có chất lượng.

- Học viện có quy chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng giảng viên, có kế hoạch phát triển nhân lực của trường.

- Đội ngũ giảng viên được tuyển dụng đúng quy định, thường xuyên được đào tạo, bồi dưỡng để nâng cao chuyên môn nghiệp vụ và được phân công nhiệm vụ dựa trên trình độ chuyên môn, năng lực, thành tích chuyên môn và kinh nghiệm

- Học viện đã tạo dựng và triển khai được môi trường dạy - học đa dạng để sinh viên tham gia vào quá trình học tập một cách chủ động

- Hoạt động dạy học được Học viện giám sát thường xuyên, đảm bảo theo

đúng kế hoạch, đúng tiến độ.

- Công tác đánh giá chất lượng giảng viên được thực hiện được thực hiện thường xuyên, đúng quy định.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Triết lý giáo dục chưa được công bố rộng rãi

- Công tác thu hút GV trình độ cao, đào tạo từ nước ngoài chưa mang lại hiệu quả như mong muốn

- Kết quả cải tiến phương pháp dạy học hiện đại, ứng dụng công nghệ trong dạy học chưa cao.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Công bố rộng rãi triết lý giáo dục thông qua các kênh như đài truyền hình, báo giấy, báo mạng...	Trung tâm Thông tin Thư viện	Tháng 6/2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Đầu tư trang thiết bị phục vụ dạy học.	Phòng Quản trị	2024-2025
3	Khắc phục tồn tại 3	Tăng cường tập huấn cho đội ngũ GV về phương pháp dạy học hiện đại và ứng dụng công nghệ trong dạy học.	Phòng TT&ĐBCLGD	2024-2025

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 15</i>	<i>4,4</i>
Tiêu chí 15.1	5
Tiêu chí 15.2	4
Tiêu chí 15.3	5
Tiêu chí 15.4	4
Tiêu chí 15.5	4

Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học

Tiêu chí 16.1. Thiết lập được hệ thống lập kế hoạch và lựa chọn các loại hình đánh giá người học phù hợp trong quá trình học tập

Để đạt được mục tiêu đào tạo chung của Học viện cũng như mục tiêu và ý nghĩa của việc đánh giá người học khi tham gia học tập tại Học viện, trên cơ sở những quy định chung của Bộ GDĐT về kiểm tra đánh giá đã được ban hành [H3.16.01.01], Học viện đã ban hành được Quy định về đào tạo đại học chính quy theo tín chỉ của Học viện [H3.16.01.02]. Cùng với đó, Học viện cũng đã xây dựng được hệ thống các quy định, quy trình đánh giá người học đối với các CTĐT [H3.16.01.03]. Từ đó, Học viện xây dựng hệ thống các Kế hoạch đánh giá và lựa chọn các loại hình đánh giá người học trong suốt quá trình đào tạo [H3.16.01.04] [H3.16.01.05]. Việc thiết lập hệ thống các quy định, quy trình, lập kế hoạch, hướng dẫn đánh giá người học đã được Học viện phân công trách nhiệm rõ ràng và cụ thể đối với từng đơn vị, cá nhân có liên quan trong quá trình đánh giá người học như phòng TT&ĐBCLGD [H3.16.01.06], phòng ĐT&CTSV [H3.16.01.07], đồng thời, phổ biến đến các phòng, khoa, bộ môn để thực hiện [H3.16.01.08]. Để quá trình đánh giá người học được đảm bảo đúng quy định và chính xác, khách quan, Học viện đã có tổ chức các đợt tập huấn về công tác kiểm tra, đánh giá người học nhằm đảm bảo chất lượng đào tạo [H3.16.01.09]. Theo đó các bộ phận, đơn vị đã chủ động triển khai xây dựng và lựa chọn các hình thức đánh giá, kiểm tra cho phù hợp với các môn học và chuyên ngành đào tạo.

Việc đánh giá người học tại Học viện được thực hiện trong suốt quá trình đào tạo người học. Theo đó, quá trình đánh giá được thực hiện từ khâu tuyển sinh đầu vào, qua quá trình học tập cho đến đánh giá đầu ra của khóa học [H3.16.01.10] (do Hội đồng tuyển sinh chịu trách nhiệm), đánh giá trong quá trình học tập qua các môn học từ quá trình rèn luyện (do phòng ĐT&CTSV chịu trách nhiệm) cho đến đánh giá đầu ra (đến khi tốt nghiệp) của một khóa học (do phòng ĐT&CTSV, phòng TT&ĐBCLGD và các khoa chuyên môn chịu trách nhiệm). Từ đó thiết lập được hệ thống lập kế hoạch đánh giá NH phù

hợp trong quá trình học tập thông qua Quy định thi, kiểm tra [H3.16.01.11]. Hàng năm, trong kế hoạch năm học của Học viện đều có quy định, hướng dẫn, kế hoạch cụ thể về đánh giá NH, có phân công trách nhiệm về công tác khảo thí và đảm bảo chất lượng [H3.16.01.12]. Ngoài ra Học viện còn xây dựng một số Quy trình thủ tục về nghiệp vụ như: (i) Tổ chức thi cuối học kỳ; (ii) Ra đề thi (iii) Phúc khảo với các biểu mẫu, hướng dẫn rõ ràng, giúp Học viện quản lý chặt chẽ; hạn chế các rủi ro, sai sót; đảm bảo tính công bằng, khách quan trong thi, kiểm tra, đánh giá NH [H3.16.01.13].

Quy trình đánh giá được thực hiện theo đúng quy định. Cụ thể:

- Trong suốt quá trình học tập tại Học viện, kiến thức của người học được đánh giá thông qua hệ thống các bài kiểm tra giữa kỳ, cuối kỳ, các bài tập lớn, tiểu luận môn học, thực hiện theo nhiều hình thức khác nhau như thi viết (tự luận, thi trắc nghiệm), vấn đáp, v.v. Hình thức đánh giá mỗi học phần được thể hiện rõ trong đề cương môn học và được phổ biến tới người học ngay khi bắt đầu môn học. Kết quả tổng hợp của mỗi môn học bao gồm điểm đánh giá kiến thức (bài kiểm tra giữa kì, các bài tập lớn, tiểu luận, v.v) và điểm đánh giá quá trình (thi kết thúc học phần) [H3.16.01.14]. Bên cạnh đó còn có điểm đánh giá rèn luyện hàng kỳ, hàng năm do lớp, cố vấn học tập, khoa trực thuộc và phòng ĐT&CTSV cùng đánh giá và quản lý [H3.16.01.15].

Học viện luôn tuân thủ và chấp hành nghiêm chỉnh các Quy chế đào tạo đại học của Bộ GDĐT ban hành. Căn cứ vào các quy chế đó, Học viện xây dựng các Quy định, Quy chế học vụ áp dụng trong Học viện và công bố công khai cho các bên liên quan thông qua website của Học viện [H3.16.01.16]. Trong đó, quy chế có nêu rõ về Quy định các tiêu chí đánh giá điểm kết quả học tập của sinh viên sau từng học kỳ; Quy định điều kiện để sinh viên được dự thi kết thúc học phần; Quy định cách tính điểm đánh giá học phần, ... một cách rõ ràng chi tiết. Ngoài ra, Học viện còn xây dựng một số quy định trong các quy định này như: Quy định tổ chức thi học kỳ, Quy định Hướng dẫn và chấm đồ án, khóa luận tốt nghiệp, Quy định xét điều kiện tốt nghiệp, ... với các biểu mẫu hướng dẫn rõ ràng, giúp Học viện quản lý chặt chẽ, hạn chế các rủi

ro và đảm bảo tính khách quan công bằng trong thi cử.

Về đánh giá môn học: Để có thể đánh giá chính xác nhất quá trình học tập của SV, cần phải có nhiều phương pháp đánh giá khác nhau. Đánh giá SV thông qua môn học là nhiệm vụ của GV từng môn học và họ là người chịu trách nhiệm về kết quả học tập của SV trước bộ môn, khoa và Học viện. Đối với các học phần chỉ có lý thuyết hoặc có cả lý thuyết và thực hành: Tùy theo tính chất của học phần, điểm tổng hợp đánh giá học phần (sau đây gọi tắt là điểm học phần) được tính căn cứ vào một phần hoặc tất cả các điểm đánh giá bộ phận và điểm thi kết thúc học phần. Điểm đánh giá bộ phận (còn gọi là điểm đánh giá quá trình) gồm các loại điểm: kiểm tra thường xuyên; thảo luận; thực hành; chuyên cần; kiểm tra giữa kỳ; bài tập lớn (nếu có). Trước đây, Học viện quy định trọng số điểm đánh giá từng học phần bao gồm điểm quá trình là 40%, điểm cuối kỳ là 60%.

Việc lựa chọn các hình thức đánh giá quá trình về môn học do GV và Bộ môn đề xuất, thông qua Trưởng khoa phê duyệt, Hội đồng nghiệm thu đề cương, Giám đốc Học viện phê duyệt và được quy định trong đề cương chi tiết học phần và thông báo cho NH, GV phổ biến cho NH [H3.16.01.17]. GV có thể sử dụng nhiều hình thức đánh giá quá trình khác nhau như: tự luận, trắc nghiệm, vấn đáp, làm và báo cáo thực hành, thí nghiệm, thực tập, bài tập lớn, đồ án,... hoặc kết hợp các hình thức nói trên tùy theo tính đặc thù của từng HP, nhằm đảm bảo đánh giá được kiến thức, kỹ năng và năng lực của người học. Như vậy trong suốt quá trình học tập, SV có cơ hội tham gia nhiều cách thức kiểm tra đánh giá khác nhau, qua đó giúp SV trải nghiệm, tích lũy kinh nghiệm và những kỹ năng cần thiết.

Việc tổ chức thi kết thúc môn học và đánh giá thi được Học viện giao cho phòng ĐT&CTSV và phòng TT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm, từ việc lập các kế hoạch thi, tổ chức thi đến đánh giá thi [H3.16.01.18] [H3.16.01.19]. Nhằm đảm bảo việc tổ chức thi học kỳ trong Học viện diễn ra nghiêm túc, chặt chẽ, tạo tính khách quan công bằng cho SV, tránh các tiêu cực có thể xảy ra. Tất cả các đề thi đều phải có đáp án và xây dựng theo biểu mẫu thống nhất của Quy

định xây dựng Ngân hàng đề thi học phần.

- Đánh giá đầu ra khóa học: Theo quy định, việc đánh giá đầu ra khóa học thực hiện thông qua quá trình thực tập thực tế tại cơ sở sau đó làm Khóa luận tốt nghiệp ở kỳ cuối cùng của khóa học.

Thực tập tốt nghiệp cuối khóa được tiến hành theo hình thức SV đến thực tế tại doanh nghiệp, cơ sở sản xuất khảo sát thực tế, quan sát và ghi nhận thực tiễn của các kiến thức đã học tại giảng đường, tiếp cận các điều kiện kỹ thuật mà lý thuyết chưa đề cập đến do hạn chế thời gian. Theo Kế hoạch được phòng ĐT&CTSV lập, sự phê duyệt của khoa và BGD duyệt về điều kiện được thực tập tốt nghiệp đối với SV, sự phân công của khoa, các SV sẽ được GV của khoa hướng dẫn tìm hiểu, phân tích và đánh giá các vấn đề thực tế. Tại cơ sở, SV cũng được hướng dẫn bởi cán bộ tại cơ sở. Cuối kỳ thực tập, SV có nhiệm vụ viết báo cáo thực tập tốt nghiệp (làm Khóa luận) có sự xác nhận, đánh giá của cơ sở thực tập và GV trực tiếp hướng dẫn [H3.16.01.20]. Khóa luận tốt nghiệp được thực hiện sau khi SV tham gia vào thực tế và theo qui định của Học viện. SV có thể tự đăng ký chọn đề tài tốt nghiệp, chọn GV hướng dẫn hoặc bộ môn sẽ phân công GV hướng dẫn. Thông thường, SV sẽ có một thời gian liên hệ cơ sở thực tế để lấy số liệu hoặc khảo sát. Thời gian còn lại, SV làm việc theo sự hướng dẫn của cán bộ hướng dẫn để hoàn thiện đề tài tốt nghiệp. Điểm đánh giá Khóa luận tốt nghiệp của SV là điểm trung bình chung của từng thành viên Hội đồng, GV hướng dẫn và GV phản biện, được làm tròn đến 01 chữ số thập phân, sau đó được chuyển sang thang điểm 4 theo qui định tại Quy chế học chế tín chỉ hệ Đại học.

- Đánh giá toàn khóa học: Để được công nhận tốt nghiệp do Hội đồng xét công nhận tốt nghiệp của Học viện họp xét [H3.16.01.22], bên cạnh việc hoàn thành đủ số tín chỉ theo quy định các điều kiện về đạo đức thì người học phải có các chứng chỉ như Tin học, Ngoại ngữ, chứng chỉ Giáo dục quốc phòng và Giáo dục thể chất, điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,00 trở lên.

Học viện đã có quy định về các loại hình, tiêu chí, nội dung đánh giá phù

hợp trong quá trình học tập đối với từng môn học/học phần trong chương trình dạy học.

Việc đa dạng hóa các phương pháp và quy trình kiểm tra đánh giá luôn được Học viện quan tâm và chỉ đạo các bộ phận (các Khoa, bộ môn, phòng chuyên trách) thực hiện đúng các Quy chế, quy định của Bộ GDĐT và của Học viện. Theo đó, căn cứ vào Quy chế và quy định về tổ chức đào tạo, Học viện đã ban hành các quy định hướng dẫn thực hiện quy chế và quy trình kiểm tra, đánh giá đảm bảo nghiêm túc, khách quan, chính xác, công bằng và phù hợp với hình thức đào tạo. Quy trình tổ chức thi, chấm thi, lưu giữ bài thi học kỳ và thi tốt nghiệp được tổ chức nghiêm túc bằng các hình thức viết, trắc nghiệm, vấn đáp, làm báo cáo, đồ án, tiểu luận, theo đúng qui chế của Bộ GDĐT.

Sau khi ban hành phương pháp và hình thức đánh giá môn học, toàn bộ quá trình thực hiện tự đánh giá sẽ do bộ môn phụ trách. Toàn bộ công tác khảo thí sẽ do phòng ĐT&CTSV đảm nhiệm, phòng TT&ĐBCLGD có nhiệm vụ thanh tra, giám sát trong suốt quá trình thực hiện và công bố kết quả. Toàn bộ các quy định, quy trình, các hình thức xử lý, trách nhiệm của tất cả các bên liên quan đều được quy định chặt chẽ trong quy định của Học viện về đánh giá và lựa chọn hình thức đánh giá về người học.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.2. Các hoạt động đánh giá người học được thiết kế phù hợp với việc đạt được chuẩn đầu ra

Căn cứ vào Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ GDĐT ban hành quy định về khối lượng tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà NH đạt được sau tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học. Các hoạt động đánh giá NH ở Học viện được thiết kế phù hợp với việc đạt được CDR. Học viện thực hiện quy trình rõ ràng về việc đánh giá kết quả NH để đạt được CDR và công bố công khai rộng rãi đến các bên liên quan. Trong Quy định thi, kiểm tra của Học viện, việc xây dựng ngân hàng đề thi, chấm thi cũng thể hiện rõ. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Học viện như phải bám

sát ĐCCT môn học, kiến thức cơ bản (mức độ d - 1, trung bình - 2) và nâng cao (mức độ khó - 3, rất khó - 4), các CĐR được nêu trong ĐCCT nhằm đáp ứng được CĐR của từng môn học, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của SV đối với chuyên ngành. Điểm đạt tối thiểu để đáp ứng CĐR của môn học là điểm D **[H3.16.02.01]** **[H3.16.02.02]** **[H3.16.02.03]** **[H3.16.02.04]**. Học viện ban hành Quy trình xây dựng, thẩm định và ban hành CTĐT và CĐR. Tất cả các CTĐT của Học viện được xây dựng đều phải theo quy trình này. Mỗi CTĐT đều được xây dựng bằng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của chương trình **[H3.16.02.05]**. Tất cả các CTĐT, ĐCCTHP đều được xây dựng, rà soát và điều chỉnh một cách rõ ràng và dựa trên các quy định đã ban hành, được phổ biến tới người học ngay từ khi bắt đầu nhập học. Việc xây dựng CĐR của CTĐT và học phần đều dựa vào triết lý giáo dục của Học viện **[H3.16.02.06]**, trong đó, các nội dung trong CTĐT như mục tiêu, CĐR của CTĐT và CĐR của học phần, nội dung học phần, phương pháp dạy học và kiểm tra - đánh giá đều đảm bảo tương thích và có gắn kết với nhau. Khi xây dựng CTĐT, Học viện luôn thực hiện bằng ma trận thể hiện sự đóng góp của các học phần vào việc đạt CĐR của CTĐT. Căn cứ CĐR của CTĐT, mỗi HP sẽ được xây dựng CĐR riêng, dựa vào đó các khoa chuyên ngành và bộ môn phụ trách sẽ lựa chọn tài liệu học tập phù hợp để thiết kế nội dung và phương pháp dạy học, kiểm tra - đánh giá đáp ứng được CĐR của HP đó.

Căn cứ vào CĐR của các ngành, toàn bộ các hoạt động đánh giá người học bao gồm đánh giá quá trình học (đánh giá học phần) và đánh giá cuối học phần (đánh giá tốt nghiệp khoá học) được thiết kế để giúp người học đạt được CĐR và được công bố công khai trong ĐCCTHP được giới thiệu ngay trong buổi học đầu tiên của môn học, hoặc được phổ biến trong các buổi sinh hoạt công dân của sinh viên hay buổi Hội nghị đối thoại giữa lãnh đạo Học viện với sinh viên **[H3.16.02.07]** **[H3.16.02.08]** **[H3.16.02.09]**.

Đối với đánh giá các học phần: Trên cơ sở CTĐT đã được phê duyệt, các khoa/bộ môn đã xây dựng ĐCCTHP có nội dung kiểm tra đánh giá cả quá trình

học phần và kết thúc học phần; thể hiện rõ hình thức đánh giá và phương pháp/cách thức đánh giá đối với mỗi HP. Việc xây dựng các phương án và phương pháp đánh giá do các bộ phận phụ trách đều căn cứ vào các quy định, quy chế đã ban hành và được phổ biến đến tất cả các đơn vị và cá nhân và có báo cáo đánh giá theo từng năm học [H3.16.02.10]. Bên cạnh đó, nhằm đảm bảo chất lượng đánh giá người học chính xác, công bằng, khách quan và đặc biệt là khuyến khích được người học, Học viện đã xây dựng và thực hiện kế hoạch tập huấn GV các đơn vị về biên soạn đề cương môn học, xây dựng ngân hàng đề thi theo CDR của học phần [H3.16.02.11]. Quá trình đánh giá người học ở cả 3 khía cạnh: kiến thức; kỹ năng; mức tự chủ và trách nhiệm. Cụ thể:

- Về kiến thức: Học viện quy định đánh giá kết quả học tập của NH bao gồm đánh giá chuyên cần, đánh giá định kỳ và thi kết thúc học phần. Trong đó, điểm chuyên cần; điểm thường xuyên và định kỳ chiếm tỷ trọng 40%; điểm thi cuối kỳ chiếm tỷ trọng 60%. Các yêu cầu về kiến thức trong các đề thi kiểm tra đánh giá và trong Ngân hàng đề thi phải tuân thủ nghiêm ngặt các quy định của Học viện như phải bám sát Đề cương chi tiết và Đề cương ôn tập môn học, tuân thủ kiến thức cốt lõi và nâng cao trong Quy định về xây dựng Ngân hàng đề thi hoặc trong bản mô tả cấu trúc đề thi trắc nghiệm và tự luận [H3.16.02.12] nhằm đáp ứng được CDR của từng môn học, từng ngành, đảm bảo việc học tập các môn tiếp theo và tích hợp kiến thức của sinh viên đối với chuyên ngành. Việc đánh giá kết thúc học phần cũng được đa dạng theo nhiều hình thức như thi tự luận; vấn đáp, trắc nghiệm giấy hoặc trên máy vi tính theo đề xuất của các Bộ môn [H3.16.02.13] [H3.16.02.14]. Nhằm triển khai thống nhất, đúng tiến độ thực hiện học phần, đồng thời đảm bảo các biện pháp phòng chống dịch COVID 19, năm học 2020-2021, Học viện có ban hành kịp thời các hướng dẫn, quy định về việc tổ chức dạy, học và đánh giá kết thúc học phần hình thức trực tuyến đối với các học phần trong CTĐT học kỳ II năm học 2020-2021 và năm học 2021-2022 [H3.16.02.15].

- Về kỹ năng: Với các phương pháp kiểm tra đánh giá đa dạng mà giảng viên xây dựng, áp dụng (bài kiểm tra trên lớp, thi tự luận, thi trắc nghiệm, thi

vấn đáp, bài tiểu luận, bài tập nhóm, bài báo cáo thực tế) giúp sinh viên phát triển năng lực tự học, tự nghiên cứu và rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho một cử nhân như: kỹ năng giao tiếp hiệu quả, suy nghĩ tích cực; kỹ năng phân tích tình huống xuất hiện trong công việc; kỹ năng tổng hợp, đối chiếu, so sánh phân tích công nghệ, đề xuất phương án và phát triển sáng tạo; kỹ năng làm việc nhóm, giải quyết vấn đề phát sinh trong các tình huống công việc. Trên thực tế, ngay từ những giờ bài tập của năm đầu, SV được khuyến khích tham gia tích cực vào việc thảo luận theo nhóm.

- Về mức tự chủ và trách nhiệm: Việc điểm danh thường xuyên của GV kết hợp với sự theo dõi, giám sát của các đơn vị liên quan (phòng TT&ĐBCLGD, Phòng ĐT&CTSV) sẽ đánh giá thái độ lên lớp của SV và kết quả điểm danh cũng là tiêu chuẩn để SV được xem xét tham dự kỳ thi cuối kỳ. Ngoài ra, những SV không trung thực trong các kỳ thi đều bị xử lý nghiêm theo quy định của Bộ GDĐT và của Học viện [H3.16.02.16].

Đối với đánh giá kết thúc khoá học: Mỗi CTĐT đều thể hiện rõ học phần tốt nghiệp/đánh giá kết thúc khóa học theo một trong hai hình thức: Thực tập tốt nghiệp và Khóa luận tốt nghiệp hoặc học phần thay thế Khóa luận tốt nghiệp.

Để đánh giá SV tốt nghiệp có đạt được CDR, các Khoa chuyên ngành dựa trên nhóm 3 tiêu chí: (i) tiêu chí về kiến thức chuyên môn và các kỹ năng bổ trợ (năng lực tìm tòi, tiếp cận giải quyết vấn đề, giao tiếp, thuyết trình), (ii) trình độ tiếng Anh đạt chuẩn, và (iii) trình độ Tin học theo quy định hiện hành của Bộ GDĐT. SV năm cuối được yêu cầu thu thập dữ liệu, sử dụng các kỹ năng và kiến thức đã học để phân tích số liệu thực tế từ các mô hình xử lý, tính toán thiết kế hệ thống xử lý, từ các công ty, doanh nghiệp hay địa bàn cụ thể để viết Khóa luận tốt nghiệp. Khoa phụ trách ngành sẽ tham mưu danh sách Hội đồng để đánh giá sinh viên. Tiêu chí để cho điểm SV dựa trên các yếu tố: kiến thức chuyên môn, kỹ năng trình bày, phân tích, đánh giá, tổng hợp, đưa ra các ý kiến cải tiến từ cá nhân trong bài viết. Thang điểm đánh giá khóa luận được các GV trong bộ môn, khoa xây dựng, duyệt và áp dụng trong quá trình chấm khóa luận [H3.16.02.17]. Kết quả SV tốt nghiệp khóa học cho biết người học đã hoàn

thành xong CTĐT của Học viện và có thể tự tin xin việc làm theo đúng chuyên ngành được đào tạo [H3.16.02.18].

Trên cơ sở đó, Học viện đã có quy định về việc sử dụng nhiều phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá người học tương thích nhằm để đạt được chuẩn đầu ra đã quy định. Các phương pháp, hình thức kiểm tra, đánh giá người học này đã đo lường được mức độ đạt chuẩn đầu ra. Điều này đã được chứng minh thông qua việc Học viện đã tiến hành thu thập các thông tin từ các bên liên quan trong quá trình đánh giá người học. Đó là việc Học viện đã xây dựng và ban hành Quy định về công tác lấy ý kiến khảo sát phản hồi từ các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện [H3.16.02.19]. Theo đó, hàng năm Học viện đã tổ chức lấy ý kiến phản hồi từ các bên liên quan như và tổng hợp các ý kiến phản hồi từ các báo cáo: Lấy ý kiến người học [H3.16.02.20]; lấy ý kiến của các sinh viên chuẩn bị tốt nghiệp [H3.16.02.21]; lấy ý kiến của CB, GV; lấy ý kiến của SV đã tốt nghiệp [H3.16.02.22]; lấy ý kiến của các doanh nghiệp, cơ quan có nhu cầu sử dụng lao động theo ngành [H3.16.02.23]. Dựa vào đó, Học viện đã phân tích kết quả và cải tiến những phương pháp, hình thức đánh giá tốt hơn, cải tiến chất lượng đào tạo phù hợp với chuẩn đầu ra cho người học đã được xây dựng ban đầu.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.3. Các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được rà soát để đảm bảo độ chính xác, tin cậy, công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Xác định rõ tầm quan trọng của hoạt động đánh giá người học đối với chất lượng đào tạo của cơ sở giáo dục, Học viện đã tiến hành thực hiện việc rà soát và đánh giá về quy trình tổ chức, phương pháp kiểm tra, đánh giá kết quả người học ở tất cả các CTĐT theo hướng dẫn của Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 và Thông tư số 08/2021/TT-BGDĐT ngày 18/3/2021 của Bộ trưởng Bộ GDĐT [H3.16.03.01]. Học viện đã thực hiện việc tổng hợp, phân tích kết quả kiểm tra đánh giá NH các ngành trong vòng 3 năm học 2018 - 2019, 2019 - 2020, 2020 - 2021, tính giá trị min, max, average theo xếp loại của tất

cả các khóa học, tính giá trị average theo xếp loại của tất cả các môn học, khóa học theo Khoa **[H3.16.03.02]**. Học viện cũng đã thực hiện nghiên cứu, phân tích sự tác động của các hình thức kiểm tra, đánh giá đối với chất lượng và hình thức tuyển chọn NH nhằm đánh giá và phân loại NH trong 1 ngành có SV thi hoặc SV làm khoá luận, đánh giá học bổng và phân tích để có những cải tiến hình thức kiểm tra, đánh giá tốt hơn trong tương lai **[H3.16.03.03]**. Bám sát quy chế Đào tạo của Học viện, phòng TT&ĐBCLGD lập kế hoạch thực hiện việc rà soát theo định kỳ mỗi năm 1 lần ngay từ đầu năm học **[H3.16.03.04]**. Nội dung thanh tra được thực hiện trên cơ sở thanh tra, kiểm tra hồ sơ giảng viên hàng kỳ với mục đích rà soát việc thực hiện đầy đủ, công khai và đúng thời gian quy định các quy trình, quy chế liên quan đến quá trình đánh giá người học của giảng viên như: công khai đề cương ôn tập, công khai các loại điểm, công khai cách tính điểm, cách cho điểm, cách xác định điều kiện dự thi, phương pháp đánh giá, trọng số đánh giá điểm quá trình và điểm thi cuối kỳ nhằm đảm bảo sự công bằng và đảm bảo tính linh hoạt, tự chủ trong đào tạo theo học chế tín chỉ **[H3.16.03.05]**. Bên cạnh đó, việc rà soát về Quy trình tổ chức thi kết thúc học phần và phương pháp đánh giá người học còn được Học viện giao trực tiếp về các khoa theo định kỳ **[H3.16.03.06]**.

Kết quả các kỳ thi kết thúc HP và kết quả khảo sát được phòng TT&ĐBCLGD tổng hợp, phân tích, làm cơ sở cho việc điều chỉnh, thay đổi các phương pháp kiểm tra đánh giá người học cho kỳ kiểm tra, đánh giá tiếp theo. Do đó, vào đầu học kỳ I hằng năm, các tổ bộ môn đề xuất hình thức thi, xây dựng kế hoạch ra đề, chỉnh sửa ngân hàng đề, kế hoạch rà soát phương pháp kiểm tra đánh giá, kế hoạch xây dựng đề cương ôn tập **[H16.16.03.07]** **[H16.16.03.08]**.

Việc công bố kết quả đánh giá người học tại Học viện quy định rõ trong Quy định thi, kiểm tra **[H3.16.03.09]**. Theo đó, GV trực tiếp giảng dạy học phần phải công bố công khai điểm kiểm tra, điểm chuyên cần, điều kiện dự thi ở buổi học cuối cùng; Đối với các bài thi kết thúc học phần điểm thi được phòng ĐT&CTSV công bố công khai trên cổng thông tin của Học viện sau 14 ngày

thi; Sau khi nhận kết quả thi 3 ngày, người học có quyền làm đơn xin phúc khảo nếu thấy kết quả chưa phù hợp. Việc tổ chức chấm phúc khảo bài thi được thực hiện theo đúng theo quy định khảo thí. Các bài thi có sự thay đổi được gửi về khoa chuyên môn, và thông báo trên cổng thông tin Học viện [H3.16.03.10] [H3.16.03.11]. Kết quả các HP cũng như kết quả toàn khóa của SV được Học viện chú trọng rà soát, đánh giá, xem xét và tổng hợp nhằm đảm bảo tính chính xác, độ tin cậy, sự công bằng và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra. Đồng thời, Học viện cũng chú trọng việc công bố công khai các kết quả đánh giá của người học trên nhiều kênh để từ đó người học có thể giám sát quá trình đánh giá của GV trực giảng, đảm bảo tính khách quan và độ chính xác cao [H3.16.03.12].

Để đánh giá sự phù hợp và tính chính xác đối với mỗi loại hình kiểm tra đánh giá, Học viện đã giao cho bộ phận đảm bảo chất lượng sau được tách thành phòng TT&ĐBCLGD thực hiện khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy của GV, trong đó có nội dung về phương pháp đánh giá người học [H3.16.03.13]. Kết quả khảo sát người học cho thấy tỷ lệ SV hài lòng với phương pháp kiểm tra đánh giá của năm học 2018 - 2019 tăng lên rõ rệt so với năm học 2019-2020 (95,8% SV đồng ý với nhận định “Phương pháp kiểm tra, đánh giá đa dạng”; 94% SV đồng ý với nhận định “ Các loại hình, phương pháp kiểm tra – đánh giá của học phần phù hợp với CĐR của học phần”; 96,5% SV đồng ý với nhận định “Kết quả kiểm tra, đánh giá khách quan và công bằng”; 91,5% SV đồng ý với nhận định “Kết quả kiểm tra đánh giá được công bố kịp thời cho SV”) [H3.16.03.14]. Từ kết quả trên cho thấy các phương pháp đánh giá và kết quả đánh giá người học được Học viện rà soát, thực hiện đúng như công khai ban đầu, đảm bảo độ chính xác, độ tin cậy và công bằng hướng tới đạt CĐR.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 16.4. Các loại hình và các phương pháp đánh giá người học được cải tiến để đảm bảo độ chính xác, tin cậy và hướng tới đạt được chuẩn đầu ra

Sau khi thực hiện công tác rà soát thì Học viện đã có những cải tiến các

nội dung liên quan đến đánh giá NH như cải tiến quy chế, quy định, cải tiến ngân hàng đề thi, phương pháp thi, kiểm tra, đánh giá.... Hàng năm, Học viện tổ chức họp rà soát phương pháp kiểm tra, đánh giá NH trên cơ sở góp ý của NH qua kết quả đánh giá HP sẽ tiến hành xem xét các phương pháp thích hợp cho từng HP và thực hiện thay đổi/cải tiến các loại hình/phương pháp đánh giá NH [H3.16.04.01]. Ngân hàng câu hỏi thi cũng được cập nhật định kỳ 10% số lượng ngân hàng gốc mỗi năm theo quy định [H3.16.04.02] [H3.16.04.03]. Việc đổi mới phương pháp đánh giá rất được Học viện khuyến khích. Phương pháp đánh giá, hình thức đánh giá còn được chuyển từ thi viết trực tiếp tại phòng thi sang hình thức làm bài tập lớn; hay việc Học viện chuyển từ đánh giá trực tiếp sang đánh giá trực tuyến trên các nền tảng số online; hình thức thực tập, thực hành cũng được Học viện chú trọng, quan tâm... nhằm thực hiện việc đánh giá kết quả học tập theo định hướng tiếp cận năng lực, chú trọng vào khả năng vận dụng sáng tạo tri thức trong những tình huống ứng dụng khác nhau [H3.16.04.04] [H3.16.04.05].

Theo định kỳ mỗi năm một lần, Phòng ĐT&CTSV chịu trách nhiệm phân tích 5% HP có điểm thi thấp nhất để đánh giá độ khó và độ phân biệt của các câu hỏi trong đề thi. Kết quả phân tích được phiên giải để tìm ra các câu có vấn đề như quá khó, quá dễ, độ phân biệt kém gửi các bộ môn xem xét, rà soát và điều chỉnh [H3.16.04.06]. Từ năm học 2022-2023 là 50% HP, từ năm học 2023-2024 trở đi là 100% HP đều được phân tích đề thi để đảm bảo độ tin cậy và độ chính xác trong quá trình tổ chức thi [H3.16.04.07]. Việc phân tích đề thi được thực hiện khoa học, nghiêm túc theo đúng quy trình trong Quy định thi, kiểm tra [H3.16.04.08].

Học viện giao phòng TT&ĐBCLGD thực hiện việc khảo sát SV, CSVC để lấy ý kiến các bên liên quan về sự phù hợp, độ tin cậy, cũng như tính khách quan của hoạt động đánh giá người học. Kết quả khảo sát cho thấy luôn có sự công bằng, minh bạch trong các hình thức và quá trình kiểm tra, đánh giá ở Học viện [H3.16.04.09]. Dựa trên kết quả phân tích, tổng hợp ý kiến của người học về quy trình và phương pháp đánh giá người học, BGD đã chỉ đạo các tổ bộ

môn, khoa chuyên môn, tiến hành cải tiến, làm mới các hình thức thi kết thúc học phần trên cơ sở tuân thủ nghiêm các quy trình, quy định liên quan đến hoạt động đánh giá người học hướng tới chuẩn đầu ra nhằm đảm bảo mục tiêu đào tạo của Học viện [H3.16.04.10]. Kết quả cải tiến về hoạt động đánh giá người học được cập nhật và phổ biến công khai, kịp thời đến người học thông qua tuần sinh hoạt công dân đầu khoá, website Học viện...[H3.16.04.11].

Thực hiện chỉ đạo của Đảng uỷ, BGD, các khoa, tổ bộ môn đã tích cực tham gia các khóa đào tạo, tập huấn về phương pháp đánh giá người học trong giáo dục đại học để từ đó nắm vững các quy trình, quy định, hướng cải tiến nhằm thực hiện việc chuyển đổi các hình thức đánh giá người học một cách có hiệu quả [H3.16.04.12]. Tất cả các phương pháp đánh giá người học được Học viện thực hiện công khai, minh bạch đúng theo kế hoạch đã đề ra. Tất cả hoạt động đánh giá người học được giám sát bởi chính người học thông qua các ý kiến đóng góp phản hồi trực tiếp, qua email của lãnh đạo Học viện, qua Diễn đàn sinh viên, qua các buổi đối thoại trực tiếp giữa lãnh đạo Học viện với SV; bộ phận thanh tra, khảo thí giám sát xuyên suốt từ khâu chọn đề thi, in sao đề thi, coi thi, chấm thi, chấm kiểm tra và công bố kết quả. Do đó trong suốt 5 năm qua, Học viện không có tình trạng khiếu nại, phàn nàn của người học về sự thiếu công bằng, minh bạch trong sử dụng các phương pháp đánh giá kết quả học tập, không có khiếu nại của SV về kết quả phúc khảo điểm thi [H3.16.04.13].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 16:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Các quy định về đánh giá người học đã được Học viện thiết lập, xây dựng đầy đủ và theo đúng quy định, quy trình, kế hoạch đề ra;

- Phương pháp và quy trình kiểm tra, đánh giá kết quả học tập, rèn luyện của SV được thực hiện nghiêm túc; toàn diện, chính xác và tạo được sự tin cậy cho người học. Quy trình phúc khảo rõ ràng, công khai và chặt chẽ. Trách nhiệm của các bên liên quan trong toàn bộ quá trình đánh giá được phân định

rõ ràng;

- Các quy chế, quy định, hình thức đánh giá được công khai, phổ biến rộng rãi trên nhiều phương tiện, nhiều hình thức. Các hình thức, nội dung và tiêu chí đánh giá; kết quả đánh giá cũng như kết quả phúc tra, khiếu nại của người học được công bố công khai, kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau;

- Mức độ hài lòng, tính minh bạch, sự khách quan của các phương pháp đánh giá đã được các bên liên quan đánh giá với kết quả tương đối cao.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Một số học phần chưa thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung và hình thức đánh giá một cách thường xuyên;

- Chưa thiết lập được ngân hàng đề thi cho tất cả các môn học. Lượng câu hỏi trong một số ngân hàng đề thi còn hạn chế, dẫn đến việc trùng lặp đề thi ở một số khóa. Chưa có ngân hàng đề thi trực tuyến;

- Chưa ứng dụng các phần mềm thi trực tuyến một cách rộng rãi.

- Bộ phận Thanh tra, Khảo thí còn kiêm nhiệm nên việc thực hiện nhiệm vụ chuyên môn đôi khi còn chông chéo.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung nội dung và hình thức đánh giá một cách thường xuyên đối với một số môn học.	Các bộ môn	2024-2025
	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng ngân hàng đề thi cho các HP chưa có. Bổ sung số lượng câu hỏi cho các bộ ngân hàng đề thi đã có để đảm bảo tính đa dạng, ít trùng lặp.	Các bộ môn	2024-2025
	Khắc phục tồn tại 3	Cần tiến hành áp dụng quy trình thi trực tuyến, hoặc sử dụng các phần mềm thi trắc nghiệm trực tuyến và xây dựng ngân hàng đề thi trực tuyến	Phòng TT&ĐBCLGD Các bộ môn	Hàng năm
	Khắc phục tồn tại 4	Tách bộ phận Thanh tra và bộ phận Khảo thí thành các bộ phận chuyên trách để đảm bảo công việc đánh giá hiệu quả hơn.	BGD	Năm 2024
	Phát huy điểm mạnh	Duy trì việc công bố công khai, kịp thời bằng nhiều hình thức khác nhau các hình thức, nội dung và tiêu chí đánh giá; kết quả đánh giá cũng như kết quả phúc tra, khiếu nại của người học.	Phòng TT&ĐBCLGD Các bộ môn	Thường xuyên

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 16</i>	5
Tiêu chí 16.1	5
Tiêu chí 16.2	5
Tiêu chí 16.3	5
Tiêu chí 16.4	5

Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học

Tiêu chí 17.1. Có kế hoạch triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học

Với tiêu chí lấy người học là trung tâm của quá trình đào tạo và công tác sinh viên là một trong những nhiệm vụ trọng tâm của Học viện. Học viện luôn chú trọng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học ở mức tốt nhất. Trong quy chế tổ chức và hoạt động Học viện quy định rõ chức năng nhiệm vụ của các đơn vị liên quan như phòng ĐT&CTSV, phòng KH-TV, phòng TT&ĐBCLGD, Thư viện, ĐTN... [H3.17.01.01]. Trên cơ sở đó, Học viện đã ban hành các quy chế quy định liên quan đến các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học bao gồm: quy chế đào tạo, quy định công tác sinh viên, quy định về chính sách hỗ trợ sinh viên [H3.17.01.02] [H3.17.01.03]. Các quy chế, quy định, văn bản về việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học đảm bảo thực hiện chiến lược phát triển đã được phê duyệt và phù hợp với bối cảnh cụ thể từng giai đoạn của Học viện.

Trên cơ sở các quy chế quy định đã được ban hành, Học viện lập kế hoạch công tác năm học và triển khai đến từng đơn vị trong Học viện thông qua các cuộc họp giao ban hàng tháng [H3.17.01.04]. Trên cơ sở đó các đơn vị xây dựng kế hoạch công tác năm học, phân công công việc cụ thể theo chức năng nhiệm vụ của các phòng, khoa và các đơn vị chức năng [H3.17.01.05]. Dựa vào kế hoạch chung của mỗi năm học các đơn vị sẽ thiết lập các kế hoạch, thông báo cụ thể cho các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học đồng thời phân công nhiệm vụ cho từng cá nhân thực hiện [H3.17.01.06]. Các kế hoạch do Học viện triển khai đều hướng đến sự phối hợp giáo dục chính trị tư tưởng đạo đức giữa các đơn vị quản lý đến từng cá nhân, nhằm huy động, sử dụng nguồn lực một cách linh hoạt, hiệu quả để phục vụ cho mục tiêu phát triển của Học viện và đều được phê duyệt trước khi thực hiện.

Quá trình học tập của sinh viên được giám sát liên tục thông qua nhiều hình thức: Hệ thống văn bản và quy chế, hệ thống CVHT và các phần mềm quản lý. Học viện áp dụng các phần mềm trong công tác phục vụ và hỗ trợ

người học như phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý thư viện, phần mềm kế toán, ...[H3.17.01.07].

Với trách nhiệm và quyền hạn của mình, Ban Cán sự lớp hỗ trợ Học viện tổ chức thực hiện các hoạt động học tập, rèn luyện và các hoạt động sinh hoạt khác theo kế hoạch của Học viện, Khoa. Theo dõi, nắm bắt tình hình sinh viên, thường xuyên liên lạc với GVCN/CVHT nhằm đảm bảo các vấn đề phát sinh trong quá trình học tập và rèn luyện tại Học viện được giải quyết kịp thời [H3.17.01.08]. Học viện thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện hàng năm, báo cáo kết quả học tập của sinh viên [H3.17.01.09]. Công tác kiểm tra về hoạt động đào tạo và NCKH được diễn ra định kỳ theo kế hoạch thông qua Báo cáo thanh tra về hoạt động đào tạo và NCKH hàng năm [H3.17.01.10].

Các quy định về cảnh báo học tập, dừng học/thôi học, xét tốt nghiệp quy định tại Quy chế đào tạo, quy định tổ chức kiểm tra, đánh giá kết quả học phần, quy định khoá luận tốt nghiệp, nghiên cứu khoa học, thực tập, tốt nghiệp,...được phổ biến rộng rãi đến sinh viên [H3.17.01.11]. Nhằm khuyến khích và động viên kịp thời, Học viện thực hiện khen thưởng những sinh viên ưu tú và có thành tích xuất sắc, kỷ luật những sinh viên vi phạm quy chế [H3.17.01.12]. Hệ thống giám sát phục vụ người học và phần mềm quản lý là cơ sở góp phần hỗ trợ Học viện và sinh viên kiểm soát được hành động cá nhân và đưa ra cảnh báo kịp thời khi kết quả không như mong muốn [H3.17.01.13]. Đoàn thanh niên hàng năm cũng đánh giá và khen thưởng kịp thời cho những đoàn viên có thành tích hoạt động tốt [H3.17.01.14]. Ngoài ra, hệ thống tiếp nhận thông tin được triển khai qua các đơn vị chức năng như phòng ĐT&CTSV, phòng KH-TV, Đoàn thanh niên... bằng hình thức online và trực tuyến qua các kênh thông tin như mạng xã hội, website [H3.17.01.15].

Hệ thống giám sát đã đánh giá đo lường toàn bộ quá trình hoạt động theo mục tiêu của Học viện đề ra, từ đó có các kế hoạch cải tiến và nâng cấp cho phù hợp với hoàn cảnh và bối cảnh hiện nay.

Bên cạnh hệ thống giám sát người học, Học viện cũng chú trọng đến việc xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; đo

lượng và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ thông qua khảo sát của phòng TT&ĐBCLGD, khảo sát của phòng ĐT&CTSV để kịp thời thực hiện cải tiến và nâng cao chất lượng mang lại hiệu quả cao nhất cho người học, phù hợp với mục tiêu và bối cảnh của Học viện hiện nay [H3.17.01.16]. Phòng TT&ĐBCLGD chịu trách nhiệm triển khai, thực hiện nhiệm vụ xây dựng bộ tiêu chí đánh giá năng lực của đội ngũ cán bộ hỗ trợ; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ. Bộ tiêu chí được xây dựng và triển khai thực hiện thông qua hệ thống phiếu khảo sát; đo lường và đánh giá mức độ hài lòng về các dịch vụ hỗ trợ thông qua việc lấy ý kiến phản hồi của người học qua phiếu khảo sát. Như vậy, trên cơ sở kế hoạch các đơn vị xây dựng vào đầu mỗi năm, các đơn vị sẽ phối hợp với các đơn vị trong và ngoài Học viện thực hiện các hoạt động hỗ trợ phù hợp với nhu cầu của sinh viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.2. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được triển khai để đáp ứng nhu cầu của các bên liên quan

Học viện ban hành Quyết định thành lập các đơn vị trực thuộc Học viện, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị có liên quan trong hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học bao gồm: Phòng ĐT&CTSV, Phòng Quản trị (Cơ sở vật chất, khu nội trú, y tế), Trung tâm thông tin - thư viện [H3.17.02.01] [H3.17.02.02] [H3.17.02.03] [H3.17.02.04]. Các đơn vị chức năng trong Học viện đều có một hệ thống nhân sự chất lượng, có chuyên môn cao đảm bảo công tác hỗ trợ và phục vụ người học được thực hiện nhanh chóng và chuyên nghiệp dựa trên các quy chế quy định đã ban hành [H3.17.02.05]. Trên cơ sở quy định chung, lãnh đạo một số đơn vị đã có sự phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên trong đơn vị [H3.17.02.06].

Học viện thực hiện các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học dựa trên các quy định và kế hoạch được lập từ đầu năm học, nhằm cung cấp các hoạt động và dịch vụ hỗ trợ cho sinh viên trong thời gian học tập tại Học viện [H3.17.02.07].

Việc triển khai các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện và giám sát chặt chẽ:

Về tư vấn, hỗ trợ học tập: Đầu các khóa học và năm học, SV được Học viện cung cấp đầy đủ các thông tin cần thiết và được phổ biến chi tiết, đầy đủ mục tiêu đào tạo, chương trình và các văn bản liên quan đến chế độ, chính sách, liên quan đến hoạt động học tập của SV. Phân công, giao nhiệm vụ GVCN/CVHT để kịp thời tư vấn, hỗ trợ SV trong quá trình học tập tại Học viện **[H3.17.02.08]**. Định kỳ, Phòng ĐT&CTSV đã tổ chức họp giao ban GVCN/CVHT để nắm bắt tình hình thực hiện nhiệm vụ, tháo gỡ khó khăn, vướng mắc và triển khai các nhiệm vụ tiếp theo **[H3.17.02.09]**. Ngoài ra, Phòng ĐT&CTSV định kỳ tổ chức họp giao ban với Ban cán sự các lớp mỗi học kỳ hoặc khi phải triển khai các nhiệm vụ/hoạt động để nắm tình hình và triển khai các nhiệm vụ có liên quan đến SV. GVCN/CVHT cũng thường xuyên tổ chức họp lớp theo định kỳ hoặc đột xuất, kết nối thường xuyên với Ban cán sự các lớp để nắm bắt tình hình lớp và tư vấn, hỗ trợ học tập kịp thời; đối với những SV có học lực bị cảnh báo kết quả học tập, để SV tiến bộ **[H3.17.02.10]**.

Về việc đăng ký ở khu nội trú: Đầu mỗi học kỳ, Phòng Quản trị đều rà soát và ra thông báo đối với SV có nhu cầu ở ký túc xá để nộp hồ sơ đăng ký xét duyệt **[H3.17.02.11]**.

Về các dịch vụ hỗ trợ: SV được Học viện kết nối với ngân hàng Vietinbank để cấp thẻ SV tích hợp thẻ ngân hàng và thẻ thư viện. Với thẻ tích hợp này, SV có thể sử dụng cho tất cả các hoạt động như: sử dụng thư viện, nộp học phí và các khoản lệ phí qua tài khoản, thi cử, ... Học viện có căng tin phục vụ nhu cầu ăn uống, đồ dùng học tập, ... Thư viện có các đầu sách đáp ứng nhu cầu tự học của SV. Sân tập thể thao mặc dù còn hạn chế về diện tích tuy nhiên vẫn đáp ứng được phần lớn nhu cầu hoạt động thể thao của SV **[H3.17.02.12]**... Đối với hoạt động y tế, Học viện có phòng Y tế dành cho SV được trang bị các trang thiết bị tối thiểu, phục vụ việc chăm sóc sức khỏe cho SV, Học viện thực hiện khám sức khỏe đầu vào cho sinh viên mới nhập học, mua BHYT, BHTT cho sinh viên và tuyên truyền rộng rãi về sự cần thiết khi tham gia BHYT để đảm

bảo quyền lợi của sinh viên trong mọi tình huống xảy ra [H3.17.02.13].

Về công tác nghiên cứu khoa học SV: Phòng ĐT&CTSV, Viện nghiên cứu thanh niên là đơn vị đầu mối tham mưu cho BGD thực hiện công tác nghiên cứu khoa học trong SV; triển khai các thông báo, tổ chức thu duyệt hồ sơ đăng ký nghiên cứu (tập thể và cá nhân), tham mưu trình BGD tổ chức các Hội đồng xét duyệt đề cương nghiên cứu, phân công giảng viên hướng dẫn, nghiệm thu đề tài [H3.17.02.14] [H3.17.02.15].

Về hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể dục thể thao: Học viện thường xuyên tổ chức các hoạt động ngoại khóa, tạo cơ hội cho SV được thể hiện, phát huy tài năng, cũng như các hoạt động giáo dục chính trị, tư tưởng cho SV [H3.17.02.16]. Đoàn Thanh niên xây dựng và duy trì hoạt động của các câu lạc bộ, tổ, đội, nhóm thu hút được nhiều SV tham gia với nhiều hoạt động sôi nổi [H3.17.02.17].

Về khen thưởng, hỗ trợ tài chính: Học viện thực hiện tốt công tác xét, cấp học bổng khuyến khích học tập SV, khen thưởng các SV có thành tích trong công tác học tập, rèn luyện và các hoạt động đoàn thể [H3.17.02.18].

GVCN/CVHT thường xuyên kết nối, liên hệ với SV để tư vấn, hỗ trợ và giám sát SV trong quá trình học tập. Các trường hợp SV bảo lưu, thôi học được Phòng ĐT&CTSV chuyển đến các CVHT [H3.17.02.19]. Kết thúc mỗi học kỳ, Phòng ĐT&CTSV tiến hành rà soát kết quả học tập đưa ra danh sách cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học. Căn cứ vào danh sách cảnh báo, CVHT tiến hành liên hệ để hỗ trợ SV trong việc đăng ký môn học để cải thiện kết quả học tập. Những trường hợp cần thiết, CVHT liên hệ với gia đình để có iện pháp giúp đỡ SV học tập và rèn luyện [H3.17.02.20]. Khen thưởng và kỷ luật kịp thời đối với sinh viên nhằm thúc đẩy những mặt tích cực và hạn chế những hành vi tiêu cực giúp các em phát triển toàn diện hơn [H3.17.02.21]. Các hoạt động ngoại khoá cũng được phản ánh qua đánh giá của Đoàn thanh niên hàng năm [H3.17.02.22].

Học viện thường xuyên nắm bắt các ý kiến của SV về các vấn đề liên quan đến học tập, rèn luyện thông qua các kênh thông tin trên mạng xã hội, từ đó có

những biện pháp để giải quyết những ý kiến một cách thoả đáng. SV có những phản hồi tích cực về các hoạt động của các đơn vị trong Học viện [H3.17.02.23]. Kết thúc mỗi học kỳ đều tiến hành khảo sát lấy ý kiến của SV về các hoạt động giảng dạy, đào tạo và các hoạt động liên quan [H3.17.02.24]. Bên cạnh đó, Hàng năm, Học viện tổ chức Hội nghị đối thoại giữa BGD và SV vào cuối mỗi năm nhằm nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của SV về các vấn đề có liên quan, từ đó có kế hoạch hành động cải tiến, từng bước nâng cao chất lượng phục vụ và hỗ trợ người học ngày một tốt hơn [H3.17.02.25].

Học viện đã triển khai hệ thống giám sát liên tục để đo lường tiến trình học tập và hiệu quả học tập của người học thông qua nhiều hình thức: Hệ thống cố vấn học tập, chuyên viên các phòng chức năng, áp dụng phần mềm quản lý đào tạo, phần mềm quản lý sinh viên, phần mềm thư viện... Công tác giám sát hoạt động học tập, rèn luyện và nghiên cứu khoa học của sinh viên cũng được diễn ra thường xuyên [H3.17.02.26].

Định kỳ hàng năm, Học viện đã tiến hành khảo sát lấy ý kiến của SV về các hoạt động giảng dạy, đào tạo và các hoạt động liên quan [H3.17.02.27]. Từ những kết quả thu được đội ngũ tư vấn, hỗ trợ và giám sát sẽ phối hợp, có hướng giải quyết và tham mưu đề xuất với Học viện cũng như chủ động thực hiện công tác theo sự phân công.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.3. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được rà soát

Việc thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ chất lượng các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được thực hiện bằng nhiều hình thức khác nhau và các đơn vị thực hiện đều dựa trên những chức năng nhiệm vụ của đơn vị mình trong Quy chế tổ chức và hoạt động Học viện đã quy định [H3.17.03.01]. Thông qua Hội nghị đối thoại dân chủ giữa lãnh đạo Học viện với SV được tổ chức hàng năm, Học viện tiếp thu ý kiến góp ý của người học, cung cấp, giải thích các thông tin và chia sẻ với người học các vấn đề được quan tâm [H3.17.03.02]. Trên cơ sở đó, Học viện có kế hoạch cải tiến và nâng cao chất lượng phục vụ

và hỗ trợ người học. Học viện có kênh phản hồi ý kiến từ hệ thống ban cán sự các lớp, website Học viện tạo hộp thư hỏi đáp để tiếp nhận thông tin phản hồi về chất lượng các dịch vụ hỗ trợ từ người học và phụ huynh, là cơ sở để rà soát các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học. Hàng tháng, các đơn vị báo cáo hoạt động của đơn vị với các nội dung kế hoạch đã được triển khai và kết quả đạt được thực tế, dự kiến các nội dung và đề xuất điều chỉnh trong tháng tiếp theo để các bên liên quan được biết đóng góp ý kiến, phối hợp triển khai tại các cuộc họp giao ban công tác tháng và báo cáo định kỳ [H3.17.03.03]. Để đánh giá hiệu quả chất lượng quá trình hoạt động, hàng năm Học viện đã triển khai kế hoạch khảo sát sự hài lòng của NH về hoạt động, dịch vụ hỗ trợ, từ đó Học viện sẽ xây dựng kế hoạch cải tiến hàng năm [H3.17.03.04]. Trên cơ sở đóng góp ý kiến của người học, Học viện thông báo tới các đơn vị phục vụ và hỗ trợ người học để có kế hoạch rà soát, cải tiến chất lượng các hoạt động để đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của người học.

Hàng năm, Học viện và các đơn vị liên quan, các cá nhân đều tiến hành rà soát lại các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học và lên kế hoạch cải tiến thông qua các báo cáo tổng kết năm học, kế hoạch hoạt động và dự toán ngân sách năm tiếp theo [H3.17.03.05].

Học viện thực hiện rà soát và đánh giá định kỳ hiệu quả của hệ thống giám sát thông qua các số liệu báo cáo hàng kỳ, hàng năm về tình hình học tập và rèn luyện của sinh viên: Tình trạng cảnh báo học tập và buộc thôi học của sinh viên [H3.17.03.06], kết quả rèn luyện của sinh viên [H3.17.03.07], tình hình thực hiện BHYT của sinh viên [H3.17.03.08], sinh viên tốt nghiệp đúng thời hạn [H3.17.03.09], tỷ lệ SV có việc làm sau một năm [H3.17.03.10].

Dựa trên kết quả các báo cáo và phân tích nguyên nhân thực trạng, các đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch hỗ trợ người học để cải tiến chất lượng sau rà soát phù hợp với quy chế hiện hành và tầm nhìn sứ mạng của Học viện trong giai đoạn hiện nay cụ thể như sau:

- Phòng ĐT&CTSV: Xem xét chương trình đào tạo để rút ngắn thời gian hoàn thành của sinh viên, nghiên cứu sửa đổi quy chế đào tạo cho phù hợp, dựa

trên ý kiến phản hồi của người học, các bên liên quan, đã tiến hành rà soát, chỉnh sửa và ban hành quy định đào tạo trình độ đại học [H3.17.03.11]. Có kế hoạch hướng dẫn CVHT nhằm hướng dẫn, cập nhật thông tin khi có những thay đổi hoặc điểm mới để hỗ trợ tốt hơn trong quá trình học tập của NH, ban hành Quy tắc ứng xử đối với người học, nghiên cứu sửa đổi các quy định liên quan đến công tác SV cho phù hợp với tình hình thực tế [H3.17.03.12], có kế hoạch trong việc nâng cao kỹ năng và tìm kiếm các cơ hội việc làm cho sinh viên, có kế hoạch phối hợp với các bên liên quan như phòng KH-TV, cố vấn học tập, giáo vụ các khoa tăng cường công tác tuyên truyền về vai trò và sự cần thiết bắt buộc của BHYT.

- Cố vấn học tập: có kế hoạch tăng cường công tác quản lý, theo dõi SV đặc biệt với những SV thuộc diện cảnh cáo học tập nhằm giúp SV cải thiện tình hình học tập, rèn luyện và xây dựng lộ trình học tập phù hợp [H3.17.03.13].

- Phòng ĐT&CTSV, các khoa chuyên môn và các đơn vị liên quan: Có kế hoạch thiết lập và mở rộng thêm mạng lưới các đối tác, doanh nghiệp nhằm hỗ trợ cho sinh viên đi thực tế, thực tập [H3.17.03.14].

- Y tế: có kế hoạch phối hợp với các bên liên quan như xây dựng kế hoạch chăm sóc sức khỏe cho NH: cải tiến quy trình tổ chức khám sức khỏe, đăng ký bảo hiểm y tế tại các cơ sở y tế có uy tín, gần chỗ ở của sinh viên, tư vấn sức khỏe sinh sản và cách chăm sóc sức khỏe cho nữ sinh... [H3.17.03.15].

Trên cơ sở báo cáo về các công việc trên trong 5 năm học gần đây cho thấy, số SV thuộc diện cảnh cáo học tập và buộc thôi học của SV có xu hướng giảm [H3.17.03.16]; kết quả rèn luyện của SV ngày càng tốt hơn, tỉ lệ sinh viên TB, Yếu, Kém giảm đi; số lượng sinh viên, tập thể lớp được khen thưởng ngày càng tăng [H3.17.03.17]; đồng thời sinh viên Học viện tham gia BHYT với tỉ lệ đạt khoảng 99% và là 1 trong những đơn vị được khen thưởng về triển khai phong trào BHYT [H3.17.03.18]; tỷ lệ SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm luôn đạt ở mức trên 95% [H3.17.03.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 17.4. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học cũng như hệ thống giám sát người học được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan

Hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học được Lãnh đạo Học viện hết sức quan tâm, trong những năm qua đã có nhiều cải tiến về nội dung và chất lượng để đáp ứng tốt hơn nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan cụ thể như sau:

Công tác hỗ trợ học tập:

Sửa đổi, bổ sung, rà soát các quy chế, quy định của Học viện được cập nhật, điều chỉnh sao cho phù hợp với mục tiêu của Học viện. Các đề án tuyển sinh hàng năm của Học viện luôn được cải tiến theo yêu cầu của Bộ GDĐT phù hợp với tình hình tuyển sinh giữa các năm **[H3.17.04.01] [H3.17.04.02]**.

Tạo thuận lợi cho việc cung cấp các dịch vụ hỗ trợ SV. giải quyết các thủ tục hành chính nhanh chóng. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện đáp ứng các yêu cầu cấp giấy chứng nhận của SV bằng hình thức đăng ký online. Công tác nhập học cho SV khóa mới cũng được cải tiến đảm bảo nhanh gọn hiệu quả như khâu nộp học phí được thực hiện bằng hình thức chuyển khoản thay vì nộp tiền mặt. Để thuận lợi cho các giao dịch của SV, Học viện ký kết hợp tác với các bên liên quan phát hành thẻ SV tích hợp thẻ ngân hàng, bảo đảm sự tiện lợi cho SV trong quá trình giao dịch tại Học viện **[H3.17.04.03]**.

Đối với học bổng khuyến khích học tập, Học viện đảm bảo trích đủ tối thiểu 8% quỹ học phí để tạo lập quỹ học bổng cho SV. Học viện còn chủ động xây dựng các phương án chi học bổng khuyến khích học tập phù hợp hơn như: học bổng khuyến khích học tập được xét theo. Đối với chế độ miễn giảm học phí được Học viện thay đổi cải tiến theo Nghị định số 81 cho phù hợp với mục tiêu đào tạo, đảm bảo 100% SV thuộc đối tượng miễn, giảm học phí đều được hưởng hỗ trợ của nhà nước **[H3.17.04.04]**. Trong thời gian dịch bệnh Covid-19, Học viện đã hỗ trợ cho SV về tài chính, hỗ trợ giảm tiền KTX, hỗ trợ bằng tiền mặt cho SV có hoàn cảnh khó khăn, tìm các nguồn lương thực, thực phẩm hỗ trợ cho SV bị kẹt lại Hà Nội **[H3.17.04.05]**.

Bảng: Thống kê số lượng và tỷ lệ sinh viên thôi học

TT	Khóa học (năm tuyển sinh – tốt nghệ)	Số lượng SV nhập học	Toàn khóa		Năm thứ 1		Năm thứ 2		Năm thứ 3		Năm thứ 4	
			SL SV thôi học	%	SL SV thôi học	%	SL SV thôi học	%	SL SV thôi học	%	SL SV thôi học	%
1	Khóa 7 2018 - 2022											
2	Khóa 8 2019 - 2023											
3	Khóa 9 2020 - 2024											
4	Khóa 10 2021 - 2025											
5	Khóa 11 2022 - 2026											

Công tác hỗ trợ kỹ năng:

Những năm gần đây nhiều chương trình đào tạo kỹ năng của phòng ĐT&CTSV, các khoa đào tạo được mở để đáp ứng nhu cầu đa dạng của sinh viên [H3.17.04.07]. Hệ thống các CLB được kiện toàn để giúp sinh viên phát huy năng lực của mỗi cá nhân [H3.17.04.08].

Công tác hỗ trợ tài chính:

Công tác này cũng có nhiều cải thiện thông qua việc tìm kiếm học bổng dành cho sinh viên khó khăn vươn lên trong học tập. Trong thời gian dịch bệnh Học viện hỗ trợ học phí và kinh phí ở KTX cho sinh viên mới nhập học, hỗ trợ miễn giảm ký túc xá cho sinh viên xa nhà khó khăn, chi các khoản hỗ trợ tiền các dịp lễ tết, quốc khánh cho lưu học sinh lào học tập tại Học viện, tặng tiền

vé xe về quê ăn tết nguyên đán cho sinh viên xa nhà [H3.17.04.09].

Công tác hỗ trợ việc làm:

Ngày hội việc làm được tổ chức định kỳ hàng năm nhằm cung cấp thông tin về việc làm cho sinh viên. Các chuyên đề hướng nghiệp cuối khoá có sự tham gia của các doanh nghiệp [H3.17.04.10].

Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ khác:

+ Công tác hỗ trợ đời sống cũng được Học viện cải thiện đáng kể đặc biệt là đợt dịch bệnh covid 19 vừa qua [H3.17.04.11].

+ Thư viện được nâng cấp, số lượng đầu sách và tài liệu tham khảo ngày càng phong phú hơn, đa dạng hơn đáp ứng yêu cầu của người học [H3.17.04.12].

+ Trang thiết bị giảng dạy và học tập được cải thiện [H3.17.04.13].

+ Dịch vụ căng tin, nhà xe, khu vệ sinh, ký túc xá, nhà đa chức năng của Học viện được nâng cấp cải thiện để đáp ứng nhu cầu của người học [H3.17.04.14].

+ Hệ thống wifi và đường truyền internet không ngừng được nâng cấp để đáp ứng nhu cầu của người học [H3.17.04.15].

Phần mềm quản lý tổng thể của Học viện được nâng cấp và cải tiến để tạo điều kiện thuận lợi nhất cho người học [H3.17.04.16]. Đồng thời Học viện đã tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin trong các hoạt động để nâng cao hiệu quả công tác phục vụ và hỗ trợ người học.

Hệ thống giám sát người học được cải tiến và kết quả của người học được cải thiện, cụ thể:

+ Tỷ lệ sinh viên ra Học viện sớm và đúng thời hạn tăng lên, thời gian tốt nghiệp trung bình của sinh viên Học viện có xu hướng giảm [H3.17.04.17] chứng tỏ việc cải thiện hệ thống giám sát đã mang lại kết quả tích cực.

+ Đội ngũ CVHT được tập huấn định kỳ hàng năm để có thể tư vấn giúp đỡ người học [H3.17.04.18].

+ Tình hình sinh viên bị cảnh báo kết quả học tập và buộc thôi học được cải thiện [H3.17.04.19].

+ Tình trạng tham gia BHYT, BHTT qua các năm cũng được tăng lên nhờ việc tuyên truyền lợi ích của việc tham gia BHYT, BHTT đến sự nhắc nhở thường xuyên của bộ phận y tế, Cố vấn học tập [H3.17.04.20].

+ Nhờ có công tác hướng nghiệp thông qua các nội dung của Tuần sinh hoạt công dân, ngày hội việc làm được phòng ĐT&CTSV, các khoa đào tạo liên kết với các doanh nghiệp tổ chức mà số lượng sinh viên tốt nghiệp có tỷ lệ việc làm luôn đạt tỷ lệ trên 80% [H3.17.04.21].

Để có được đánh giá chung về các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học Học viện luôn chú trọng công tác khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan. Phòng TT&ĐBCLGD được giao nhiệm vụ chủ trì lập kế hoạch khảo sát cựu SV, số lượng SV tốt nghiệp có việc làm sau 12 tháng luôn đạt tỷ lệ cao được duy trì và cải thiện.

Bảng: Tình hình SV tốt nghiệp có việc làm sau 1 năm

Năm/Khóa	2018(2019)	2019(2020)	2020(2021)	2021(2022)
Tỷ lệ sinh viên có việc làm (%)				

Kết quả khảo sát cho thấy hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH của Học viện được NH ghi nhận và thể hiện sự tích cực của Học viện trong việc cải tiến hoạt động phục vụ và hỗ trợ NH cũng như hệ thống giám sát NH để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng NH. Tuy nhiên, việc đánh giá về hiệu quả các hoạt động phục vụ, hỗ trợ và giám sát chưa thực hiện được toàn diện, cần rà soát, điều chỉnh, xây dựng một bộ chỉ số đo lường hiệu quả của công tác này. [H3.17.04.22].

Kết quả các đợt khảo sát làm cơ sở để Học viện có sự điều chỉnh phù hợp cho các hoạt động trong năm học tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 17:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có cơ cấu quản lý rõ ràng, có văn bản quy định cụ thể vai trò,

trách nhiệm, chức năng, nhiệm vụ và mối liên hệ giữa các thành phần trong cơ cấu quản lý để phục vụ, hỗ trợ người học.

- Học viện có hệ thống giám sát chặt chẽ, theo sát người học để cải tiến và cải thiện kịp thời các hoạt động hỗ trợ và phục vụ người học.

- Học viện rất quan tâm đến các hoạt động tư vấn, hỗ trợ sinh viên, các đơn vị chức năng phối kết hợp và triển khai hiệu quả các hoạt động đó nhằm phục vụ sinh viên tốt nhất theo đúng quy định ban hành.

- Học viện luôn xem trọng và tiến hành công tác đánh giá, kiểm tra chất lượng các hoạt động hỗ trợ, phục vụ người học theo định kỳ hàng năm. Hệ thống giám sát người học được rà soát nhằm phát huy vai trò của các bộ phận tham gia giám sát người học nhằm cải thiện các kết quả của người học.

- Học viện luôn có tinh thần cầu thị và tiếp thu từ các ý kiến phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan để từ đó kịp thời đề ra những biện pháp khắc phục tốt hơn nữa cho hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

- Trong giai đoạn 2018-2023 đã có nhiều cải tiến nhằm nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ người học và hệ thống giám sát người học.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Các quy định về hoạt động và phục vụ hỗ trợ người học hiện nay đang được thể hiện trên nhiều văn bản, chưa có sự tích hợp tổng thể.

- Học viện chưa thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên nên các hoạt động phục vụ và hỗ trợ sinh viên còn ít và không tập trung.

- Việc nâng cấp phần mềm quản lý đang được triển khai mạnh mẽ tuy nhiên cần tăng cường khai thác ứng dụng phần mềm trên mọi mặt của hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Rà soát tích hợp các văn bản nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho việc triển khai công tác hỗ trợ và phục vụ người học	Phòng TT&ĐBCLGD; Phòng Phòng ĐT&CTSV	2024 - 2025
2	Khắc phục tồn tại 2	Tiến tới thành lập trung tâm hỗ trợ sinh viên	HDHV, BGD	2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Đẩy mạnh hơn nữa công tác tin học hóa trong việc quản lý cơ sở dữ liệu sinh viên, đặc biệt là các hoạt động ngoại khóa, nhu cầu dịch vụ của sinh viên	Các phòng	2024

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 17</i>	5
Tiêu chí 17.1	5
Tiêu chí 17.2	5
Tiêu chí 17.3	5
Tiêu chí 17.4	5

Tiêu chuẩn 18. Quản lý nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 18.1. Thiết lập được hệ thống chỉ đạo, điều hành, thực hiện, giám sát và rà soát các hoạt động nghiên cứu, chất lượng cán bộ nghiên cứu, các nguồn lực và các hoạt động liên quan đến nghiên cứu

Đối với hoạt động quản lý NCKH, Học viện có cơ cấu tổ chức quản lý việc thực hiện giám sát, rà soát các hoạt động nghiên cứu. Đứng đầu là Giám đốc chịu trách nhiệm chung, sau đó Phó Giám đốc được phân công phụ trách lĩnh vực NCKH là người trực tiếp chỉ đạo, bao quát và chịu trách nhiệm trước Giám đốc, trước Học viện về hoạt động quản lý NCKH [H3.18.01.01]. Tiếp theo là các đơn vị trực tiếp giúp Giám đốc quản lý hoạt động KH&CN như hội đồng KH&ĐT, các khoa, bộ môn, trung tâm thuộc Học viện. Phòng ĐT&CTSV là đơn vị chức năng, giúp Giám đốc, xây dựng kế hoạch, tổ chức, quản lý, triển khai thực hiện, đánh giá và giám sát các hoạt động KH&CN đối với cán bộ, giảng viên của Học viện [H3.18.01.02] [H3.18.01.03], Viện Nghiên cứu Thanh niên là đầu mối quản lý hoạt động nghiên cứu chung của Trung ương Đoàn [H3.18.01.04]. Trong Đề án tổ chức bộ máy, danh mục vị trí việc làm của Học viện đã chỉ rõ các vị trí chuyên viên, nghiên cứu viên phụ trách quản lý các mảng hoạt động khác nhau về NCKH [H3.18.01.05]. Tất cả các hoạt động được thực hiện dưới sự chỉ đạo và giám sát của Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện và Hội đồng Khoa học và Đào tạo.

Để hoạt động KH&CN được triển khai và thực hiện đạt hiệu quả Học viện đã xây dựng và ban hành các qui định, chính sách đối với giảng viên tham gia hoạt động NCKH được thể hiện trong phương hướng phát triển các hoạt động KH&CN của Hội đồng Học viện, Quy định chế độ làm việc của giảng viên [H3.01.01.06] các kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN hàng năm [H3.18.01.07], Quy chế chi tiêu nội bộ [H3.01.01.08], Quy định quản lý hoạt động KH&CN của GV, SV [H3.18.01.09] và các văn bản khác của Học viện.

Để triển khai các hoạt động quản lý NCKH hiệu quả, Học viện có ban hành các quy định/hướng dẫn cụ thể về công tác quản lý, quy trình xây dựng và đề xuất các hoạt động nghiên cứu, quy định về khối lượng NCKH đối với

cán bộ, GV. Trong quy định quản lý KHCN của GV mà Học viện đã ban hành trong giai đoạn vừa qua nêu rõ các nhiệm vụ NCKH của GV như loại hình và số lượng các hoạt động NCKH (đề tài, bài báo, tham gia hội nghị, hội thảo, tập huấn, ...), quyền lợi và nghĩa vụ của GV trong hoạt động NCKH. Trong quy trình quản lý đề tài mô tả cụ thể các bước triển khai kèm các biểu mẫu [H3.18.01.10]. Trong quy định chế độ làm việc của GV và quy định về tính giờ và quy đổi giờ NCKH của GV có quy định định mức NCKH mà mỗi GV với các trình độ khác nhau phải hoàn thành trong năm học [H3.18.01.11]. Cùng với các quy định chung xuyên suốt, Phòng ĐT&CTSV cũng xây dựng các hướng dẫn và thông báo chi tiết kèm theo kế hoạch các hoạt động cụ thể như: thông báo tuyển chọn đề tài NCKH cấp cơ sở; hướng dẫn kê khai sản phẩm và tính giờ NCKH [H3.18.01.12] [H3.18.01.13].

Việc xây dựng kế hoạch, dự toán phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH hàng năm cũng được Học viện thực hiện theo quy định và nằm trong dự toán kinh phí thực hiện công tác năm học của các đơn vị [H3.18.01.14]. Ngoài kinh phí NCKH từ các đề tài dự án trong nước thì Học viện dành kinh phí chi cho các hoạt động NCKH được phân bổ cho các hạng mục như đề tài cấp cơ sở của GV, SV, tổ chức các hội nghị, hội thảo, tập huấn; hội đồng xét duyệt, nghiệm thu đề tài NCKH cấp cơ sở... [H3.18.01.15] [H3.18.01.16].

Trong báo cáo công tác NCKH hàng năm nêu rõ số lượng NCKH của các khoa, phòng, trung tâm, viện. Từ đó đưa ra các nhận xét đánh giá về số lượng NCKH năm sau so với năm trước và các chỉ tiêu đặt ra cho năm tiếp theo. Học viện có các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH và yêu cầu đối với đề tài NCKH [H3.18.01.17]. Trong đó quy định rõ yêu cầu đối với đề tài NCKH cấp Học viện, cấp Khoa: Có tính khả thi và giá trị khoa học. Có giá trị thực tiễn và đáp ứng giải quyết các nhu cầu trước mắt cũng như lâu dài, phục vụ nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng yêu cầu phát triển Học viện. Đảm bảo đề tài không trùng lặp với các đề tài NCKH các cấp, các luận văn thạc sĩ đã và đang triển khai. Thời gian thực hiện đề tài từ 06 tháng đến 12 tháng. Đưa ra các tiêu chuẩn đối với chủ nhiệm đề tài và thành viên tham gia đề tài NCKH cấp Học viện,

cấp khoa: Quy định số người tham gia thực hiện đề tài: Mỗi đề tài NCKH do một cá nhân làm chủ nhiệm đề tài, ngoài chủ nhiệm và thư ký đề tài, số thành viên tham gia tối đa đối với đề tài cấp Học viện, cấp Khoa [H3.18.01.18].

Học viện giao cho phòng ĐT&CTSV và bộ phận phụ trách NCKH của các đơn vị, khoa, tham mưu xây dựng thành lập các Hội đồng xét duyệt thuyết minh, nghiệm thu đề tài sinh viên và đề tài cấp Học viện, đồng thời tổng hợp số lượng các đề tài NCKH các cấp theo năm hành chính; theo dõi và đôn đốc tiến độ các đề tài; Tổng hợp giờ nghiên cứu khoa học của các đơn vị trong Học viện. Phòng Kế toán - Tài vụ của Học viện tổng hợp việc rà soát công nợ, rà soát tiến độ giải ngân, việc tạm ứng và hoàn ứng, thanh quyết toán các hoạt động của các đơn vị, trong đó có các đề tài NCKH, cảnh báo kịp thời các hoạt động có nguy cơ chậm tiến độ giải ngân hoặc chậm thanh quyết toán theo thời hạn trong kế hoạch [H3.18.01.19] [H3.18.01.20]. Kết quả này là cơ sở để đánh giá viên chức, đánh giá thi đua, khen thưởng hàng năm [H3.18.01.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 18.2. Chiến lược tìm kiếm nguồn kinh phí phục vụ nghiên cứu, thúc đẩy nghiên cứu, phát kiến khoa học, hợp tác và nghiên cứu đỉnh cao được triển khai để đạt được tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Để phát triển NCKH ngang tầm với vị thế của Học viện, ngoài cơ sở vật chất trang thiết bị phục vụ cho công tác nghiên cứu khoa học, chất lượng của đội ngũ giảng viên, Học viện đã xác định rõ nguồn kinh phí phục vụ cho hoạt động nghiên cứu khoa học cũng là một trong những yếu tố quyết định đến chất lượng của nghiên cứu khoa học trong Học viện, nhiều năm qua Học viện đã triển khai chiến lược phát triển nguồn kinh phí cho hoạt động NCKH và chuyên giao công nghệ thể hiện trong: Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045, Quy chế chi tiêu nội bộ, bảng dự toán kinh phí phục vụ cho NCKH hàng năm, Bảng kê tài chính chi cho lĩnh vực KH&CN hàng năm [H3.18.02.01] [H3.18.02.02] [H3.18.02.03] [H3.18.02.04].

Căn cứ vào Quy chế tổ chức và hoạt động, Học viện đã triển khai chiến lược, tổ chức các bộ phận chuyên trách, các Phòng chức năng, các Khoa để tìm

kiếm kinh phí phục vụ, thúc đẩy NCKH. Học viện đã chủ động và tạo điều kiện cho cán bộ giảng viên của Học viện khai thác nguồn thu cho hoạt động KH&CN thông qua việc đấu thầu và trúng thầu để thực hiện các nhiệm vụ KH&CN cấp quốc gia. Đây là các nhiệm vụ được đặt hàng bởi nhiều cơ quan, ban, ngành, tổ chức trong nước. Kết quả của các nhiệm vụ đã được ứng dụng vào thực tế tại các cơ quan quản lý Nhà nước, địa phương, các tổ chức, doanh nghiệp trong hoạt động quản lý, quản trị, qua đó nâng cao vị thế, năng lực nghiên cứu của cán bộ giảng viên Học viện. Học viện chủ động phối kết hợp chặt chẽ với các bộ, ngành và địa phương để nắm bắt yêu cầu của thực tiễn, đề xuất đề tài KH&CN cấp Bộ, Tỉnh, địa phương đem lại nguồn kinh phí thu cho hoạt động NCKH&CN [H3.18.02.05].

Học viện cũng đã tăng cường kết nối với các cơ quan Nhà nước, các doanh nghiệp để phục vụ hoạt động đào tạo và NCKH. Học viện đã thúc đẩy phát triển nghiên cứu KH&CN chú trọng vào việc tăng số lượng bài đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (ISI và Scopus, các tạp chí khác...). Học viện đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu đề tài có công bố bài báo trên tạp chí quốc tế uy tín ISI/Scopus. Học viện luôn có chế độ khuyến khích, hỗ trợ các công bố quốc tế giúp cán bộ, giảng viên tích cực nghiên cứu, hội nhập quốc tế [H3.18.02.06].

Bảng: Số lượng Bài đăng tạp chí và hội thảo quốc tế của Học viện từ năm 2018 - 2023

TT	Công trình	2018	2019	2020	2021	2022	2023
1	Bài đăng tạp chí và hội thảo trong nước	26	60	35	138	61	60
2	Bài đăng tạp chí và hội thảo quốc tế	11	42	5	29	12	34

Các công trình NCKH đều được nghiệm thu, đánh giá chất lượng theo đúng quy định của Học viện. Quá trình thực hiện nghiên cứu đều được giám sát, theo dõi chặt chẽ của các đơn vị chức năng liên quan. Nguồn thu đến từ các hoạt động NCKH của Học viện ngoài việc đấu thầu đề tài cấp Nhà nước, cấp

Bộ và cấp Tỉnh, thu từ bán giáo trình tài liệu học tập, các hoạt động tài trợ khác công tác NCKH phục vụ chủ yếu cho đào tạo và nâng cao trình độ, kiến thức cho giảng viên trong Học viện **[H3.18.02.07]**.

Hằng năm, Học viện ban hành kế hoạch triển khai hoạt động KH&CN, trong đó có giao nhiệm vụ cụ thể cho các đơn vị thực hiện, chịu trách nhiệm giám sát, kế hoạch, công tác NCKH của Học viện **[H3.18.02.08]**. Trên cơ sở kế hoạch đã ban hành các định mức kinh phí cho hoạt động KH&CN, đề tài, giáo trình, tài liệu học tập, tổ chức hội thảo, các hỗ trợ công bố quốc tế, tổ chức và tham dự hội nghị, hội thảo khoa học được thực hiện theo đúng các quy định hiện hành của Nhà nước **[H3.18.02.09] [H3.18.02.10]**.

Ngoài thực hiện các đề tài, dự án nghiên cứu, Học viện cũng đẩy mạnh hợp tác với các đối tác bên ngoài để huy động các nguồn lực, đặc biệt là về tài chính để triển khai các hoạt động nghiên cứu, chuyên giao công nghệ. Hiện nay Học viện đang phối hợp với nhiều đối tác trong mạng lưới đối tác của Học viện để thực hiện các hoạt động hợp tác trong phát triển KH&CN bao gồm: Hỗ trợ trong khả năng về việc tổ chức các chương trình truyền thông, quảng bá thương hiệu và giới thiệu các sản phẩm, tư vấn tuyển dụng sinh viên sau khi ra Học viện đến làm việc tại đơn vị, khảo sát, điều tra thị trường, các vấn đề liên quan tới bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ, cầu kết nối giữa các cơ quan, đơn vị. Các hoạt động tư vấn đã góp phần nâng cao năng lực cho đội ngũ các nhà nghiên cứu khoa học, đội ngũ giảng viên, góp phần quan trọng vào việc nâng cao chất lượng đào tạo, phát triển học liệu, tài liệu phục vụ cho hoạt động NCKH **[H3.18.02.11]**.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho giảng viên, sinh viên thực hiện nhiệm vụ NCKH với đối tác trong và ngoài nước, Học viện đã xây dựng qui định chính sách hỗ trợ cho giảng viên, sinh viên thực hiện các hoạt động NCKH, tham gia tập huấn, hội thảo hội nghị trong và ngoài nước **[H3.18.02.12]**.

Hoạt động NCKH của Học viện luôn bám sát với kế hoạch và được triển khai theo kế hoạch đề ra, một số kết quả NCKH của GV và SV trong Học viện đã được thương mại hóa và được đánh giá tổng hợp trong báo cáo tổng kết cuối

năm, đồng thời có chế độ khen thưởng cho giảng viên, CBCNV và sinh viên trong hoạt động NCKH [H3.18.02.13] [H3.18.02.14] [H3.18.02.15].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.3. Các chỉ số thực hiện chính được sử dụng để đánh giá số lượng và chất lượng nghiên cứu

Để hoạt động NCKH đạt hiệu quả, Học viện đã tiến hành xây dựng kế hoạch hoạt động năm học, để đánh giá hoạt động nghiên cứu khoa học tại các khoa, phòng ban cũng như trong toàn Học viện chính xác, công khai, minh bạch và có tính khích lệ phong trào nghiên cứu khoa học. Căn cứ vào Kế hoạch đã ban hành, hàng năm Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên tổng kết đánh giá kết quả NCKH của toàn Học viện [H3.18.03.01]. Hàng năm, Học viện xây dựng và triển khai các hoạt động KH&CN, lập dự toán kinh phí cho các nhiệm vụ KH&CN để triển khai thực hiện [H3.18.03.02].

Đối với nhiệm vụ KH&CN có sử dụng vốn ngân sách nhà nước như: Nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp bộ, cấp tỉnh do cơ quan quản lý các đề tài này cấp kinh phí theo tiến độ nghiên cứu. Nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở được cấp từ ngân sách của Học viện theo Quy chế chi tiêu nội bộ, các định mức kinh phí cho một đề tài cũng như các phân bổ dự toán đều được hướng dẫn rõ ràng [H3.18.03.03].

Học viện thực hiện đánh giá hoạt động KH&CN hằng năm, trên cơ sở đó định hướng các chỉ tiêu phấn đấu về KH&CN cho các đơn vị, nhiệm vụ của cán bộ, giảng viên về NCKH. Việc đánh giá các chỉ tiêu về số lượng và chất lượng nghiên cứu khoa học của Học viện được đánh giá thông qua: Báo cáo tổng kết về hoạt động KH&CN của Phòng ĐT&CTSV, tại các Hội nghị giao ban đào tạo, Hội nghị tổng kết năm học. Chất lượng của từng công trình còn được đánh giá thông qua kết quả xếp loại ghi trên biên bản nghiệm thu công trình NCKH [H3.18.03.04].

Hằng năm, Phòng ĐT&CTSV ra thông báo cán bộ giảng viên kê khai việc thực hiện định mức NCKH&CN. Căn cứ vào quyết định giao nhiệm vụ KH&CN cho các cá nhân, đơn vị, cuối năm Phòng ĐT&CTSV đối chiếu, tổng

hợp giữa việc thực hiện và nhiệm vụ được giao để đánh giá mức độ hoàn thành của các cá nhân đơn vị trong việc thực hiện các nhiệm vụ. Trên cơ sở ý kiến phản hồi của cán bộ, giảng viên và các đơn vị, đối tác trong và ngoài Học viện, các chỉ tiêu về KH&CN được rà soát, điều chỉnh để triển khai cho năm tiếp theo phù hợp với yêu cầu thực tiễn **[H3.18.03.05]**.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, số lượng bài nghiên cứu, công trình khoa học được công bố của CB, GV của ĐH... được thể hiện trong bảng dưới đây.

Bảng: Số liệu về NCKH giai đoạn 2018 – 10/2023

TT	Loại công trình NCKH	Số lượng
1	Đề tài cấp Bộ/Tỉnh	
2	Đề tài cấp Trường (hoàn thành)	81
3	Giáo trình, đề cương bài giảng, tài liệu học tập (hoàn thành)	
4	Đề tài NCKH sinh viên (hoàn thành)	88
5	Bài đăng tạp chí và hội thảo trong nước	385
6	Bài đăng tạp chí và hội thảo nước ngoài	133
7	Hội thảo quốc gia và quốc tế	77

Hằng năm, Hội đồng khoa học và đào tạo tổ chức họp rà soát đánh giá, điều chỉnh các quy định, chính sách, các chỉ số về số lượng, chất lượng nghiên cứu, qua đó có các sửa đổi, bổ sung; khắc phục và nâng cao chất lượng cũng như số lượng các đề tài của Học viện, đồng thời góp ý xây dựng kế hoạch hoạt động KH&CN cho năm tiếp theo **[H3.18.03.06]**. Các hoạt động này được thực hiện thông qua các hoạt động tổ chức Hội thảo, thực hiện các đề tài nghiên cứu, tư vấn chính sách, các tọa đàm liên, trao đổi... Thông qua các hoạt động này có những đóng góp và sức lan tỏa lớn cho các bộ ngành và địa phương. Học viện cũng đã xác định việc hợp tác trong KH&CN với các Bộ, ngành, địa phương là nhiệm vụ trọng tâm của Học viện trong giai đoạn tới **[H3.18.03.07]**.

Học viện ban hành chính sách khuyến khích các giảng viên công bố kết quả NCKH trên các tạp chí trong và ngoài nước. Học viện có chế độ hỗ trợ kinh phí cho bài báo khoa học đăng trên tạp chí nước ngoài thuộc loại ISI, SCOPUS... Học viện áp dụng định mức tính giờ NCKH/bài báo trong nước và quốc tế thể hiện trong Chế độ công tác Giảng viên, Quy chế chi tiêu nội bộ đã thực sự có tác dụng khuyến khích các hoạt động viết và đăng báo trên các tạp chí [H3.18.03.08] [H3.18.03.09]. Tất cả các đề tài, SKKN được đánh giá bằng các chỉ số về số lượng, chất lượng và mức độ ứng dụng đáp ứng thực tế cho xã hội, trong quá trình đánh giá một số đề tài, SKKN có hàm lượng khoa học cao, có nhiều tính mới được lựa chọn là các đề tài sở hữu trí tuệ và được thương mại hóa. Hoạt động NCKH đã góp phần quan trọng vào việc nâng cao trình độ khoa học của giảng viên, nâng cao chất lượng đào tạo, đồng thời khẳng định vị thế và uy tín của Học viện với xã hội [H3.18.03.10].

Hằng năm, Học viện và các đơn vị trực thuộc triển khai thực hiện các hoạt động NCKH theo đúng kế hoạch đã được BGD phê duyệt. Các nhiệm vụ được phê duyệt đều triển khai đúng tiến độ, được cấp kinh phí kịp thời, đúng hạn. Kinh phí Học viện đã chi cho hoạt động NCKH được thể hiện qua các báo cáo tài chính và các báo cáo khác của Học viện. Trong giai đoạn 2018 - 2023, GV Học viện đã thực hiện đề tài cấp Bộ/tỉnh và đề tài cấp Học viện đã được nghiệm thu [H3.18.03.11]. Đồng thời qua hội nghị tổng kết Học viện cũng đã biểu dương khen thưởng các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ, có nhiều đóng góp trong hoạt động NCKH [H3.18.03.12].

Những năm qua công tác quản lý, nghiên cứu khoa học của Học viện được thực hiện một cách nghiêm túc (số lượng các dự án nghiên cứu, kinh phí nghiên cứu và tài trợ, các giải thưởng, các ấn phẩm, các dự án hợp tác nghiên cứu, sáng chế và bản quyền tác giả...) nên đã đánh giá tác động của NCKH của Học viện và mức độ đóng góp cho xã hội tương đối tốt, một số đề tài NCKH đã được ứng dụng vào thực tiễn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 18.4. Công tác quản lý nghiên cứu được cải tiến để nâng cao chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học

Để nâng cao hiệu quả của công tác quản lý NCKH trong Học viện, phù hợp với xu thế đáp ứng được yêu cầu trong chiến lược phát triển, Học viện đã chỉ đạo phòng ĐT&CTSV, Viện NCTN cần phải có chiến lược cải tiến, phát triển hơn về công tác quản lý trong hoạt động khoa học nhằm nâng cao chất lượng về nghiên cứu và phát triển khoa học [H3.18.04.01] [H3.18.04.02].

Hiện nay Học viện mới tổ chức lấy ý kiến khảo sát của cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên và sinh viên về hoạt động nghiên cứu khoa học [H3.18.04.03]. Bên cạnh đó, Học viện cũng thường xuyên thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan bằng các kênh chính thức và không chính thức qua email, điện thoại, qua gặp gỡ trao đổi trực tiếp, để không ngừng cải tiến quy trình, cách thực làm việc hiệu quả hơn, đáp ứng yêu cầu thực tiễn. [H3.18.04.04]. Thông qua hội nghị tổng kết công tác đào tạo; Hội nghị viên chức và người lao động, GV, CBCNV tham gia đóng góp ý kiến về các chính sách và công tác quản lý hoạt động cũng như chất lượng nghiên cứu và phát triển khoa học. Tại Hội nghị, GV, CB, NV góp ý cho các văn bản quan trọng của hội nghị bao gồm quy định chế độ làm việc của GV, quy chế chi tiêu nội bộ, quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động Khoa học và Công nghệ ... đây là những văn bản quan trọng ảnh hưởng tới công tác quản lý NCKH trong Học viện [H3.18.04.05].

Trên cơ sở phân tích những vấn đề nhận dạng được trong quá trình rà soát, hệ thống quản lý nghiên cứu KH &CN đã được cải tiến đáp ứng tốt với tầm nhìn và sứ mạng của Học viện về KH&CN như sau:

Cải tiến nghiên cứu khoa học của giảng viên thông qua việc chuẩn hóa các quy trình, biểu mẫu [H3.18.04.06]; Thành lập các nhóm nghiên cứu, nhóm nghiên cứu mạnh; Ban hành chế độ chính sách chính sách đối với CB, GV, SV tham gia nhóm NCKH [H3.18.04.07]; tăng định mức kinh phí cho hoạt động nghiên cứu khoa học; cải tiến công tác hành chính; hướng dẫn lập dự toán và quyết toán đề tài NCKH cấp Học viện; đưa ra tiêu chuẩn xét chọn đề tài cấp

Học viện rõ ràng; liên hệ thương xuyên với các chủ nhiệm đề tài để phối hợp trao đổi giải quyết những vướng mắc khó khăn và đôn đốc tiến độ thực hiện đề tài [H3.18.04.08]. Đồng thời tổ chức hội đồng nghiệm thu các cấp nghiêm túc, đưa ra phản biện, góp ý đề tài để đề tài được chỉnh sửa hoàn thiện; liên tục cập nhật phổ biến thông tin, triển khai đăng kí đề tài, dự án các cấp Bộ, nhà nước cho giảng viên viên chức trong Học viện [H3.18.04.09]. Tăng cường chính sách hỗ trợ động viên, khích lệ GV, SV tích cực trong hoạt động NCKH, khen thưởng, xử phạt rõ ràng Học viện đã điều chỉnh bổ sung ban hành mới Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động Khoa học và Công nghệ [H3.18.04.10].

Cải tiến nghiên cứu khoa học của sinh viên: hệ thống hóa các quy định và hướng dẫn, đôn đốc, theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện triển khai đề tài. Cải tiến công tác tổ chức nhân sự, phòng ĐT&CTSV đã phân công một chuyên viên phụ trách mảng nghiên cứu khoa học của sinh viên, thực hiện tổ chức giám sát, hỗ trợ hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên [H3.18.04.11].

Trên cơ sở đó công tác nghiên cứu khoa học được đánh giá khá tốt về chất lượng: các đề tài nghiệm thu về cơ bản đều đạt yêu cầu ở các mức độ khá, xuất sắc [H3.18.04.12]; có những đề tài nghiên cứu khoa học sinh viên chất lượng còn đạt giải thưởng các cấp, các sáng kiến khả dụng và chất lượng được đánh giá tốt và đưa vào áp dụng hàng năm. Vì thế, chất lượng và công tác quản lý được nhà trường và các đơn vị liên quan đánh giá tốt trong các cuộc họp tổng kết.

Quản lý nghiên cứu được thực hiện bằng cách lấy phiếu khảo sát của các bên liên quan được đánh giá công tác quản lý hoạt động NCKH trong Học viện tương đối tốt thông qua Báo cáo công tác Đào tạo – Khoa học và phương hướng hoạt động hàng năm, Báo cáo thực hiện năm học hàng năm, báo cáo tổng kết thi đua khen thưởng và kết quả đánh giá xếp hạng về NCKH của GV, CB, NV và SV việc này được thể hiện thông qua mức độ hài lòng của lãnh đạo, của các GV và SV đối với việc quản lý hoạt động NCKH của Học viện [H3.18.04.14].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 18:

1. Tóm tắt điểm mạnh

- Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ các quy định pháp luật có liên quan về KH&CN, đã có hệ thống chỉ đạo để ban hành nhiều chính sách, quy định mới về hoạt động KH&CN. Hằng năm, Phòng ĐT&CTSV đều xây dựng kế hoạch hoạt động NCKH trong đó có nêu rõ kế hoạch về các tiêu chí đánh giá chất lượng NCKH và phân bổ kinh phí cho hoạt động NCKH.

- Xây dựng các chỉ số đánh giá về hoạt động NCKH. Tất cả các đề tài, SKKN được đánh giá bằng các chỉ số về số lượng, chất lượng và mức độ ứng dụng đáp ứng thực tế cho xã hội.

- Cải tiến công tác quản lý NCKH bằng những văn bản lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động NCKH tại Học viện trong những năm vừa qua đồng thời bổ sung chỉnh sửa các qui chế, qui định liên quan đến hoạt động NCKH.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Cơ chế chính sách hiện tại chưa đủ mạnh để tạo động lực cho cán bộ, giảng viên phấn đấu học tập, nâng cao trình độ, NCKH, chưa thu hút các dự án nghiên cứu, nguồn kinh phí phục vụ cho NCKH chưa ngang tầm.

- Chưa thực hiện lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan thông qua cơ sở dữ liệu về đánh giá, phản hồi của các bên liên quan đối với công tác nghiên cứu khoa học

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng chính sách mới để khuyến khích GV, SV tích cực tham gia NCKH. Kinh phí phục vụ cho hoạt động NCKH phải ngang tầm với vị thế của Học viện.	Phòng ĐT&CTSV; KH-TV	2024

2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng kế hoạch và thực hiện việc lấy ý kiến khảo sát các bên liên quan về đánh giá, đối với công tác NCKH.	Phòng ĐT&CTSV; TT&ĐBCLGD; Khoa	2024
3	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục hoàn thiện hệ thống điều hành, chỉ đạo, quản lý thực hiện hoạt động NCKH hiệu quả.	Phòng ĐT&CTSV; KH-TV	2024- 2025
4	Phát huy điểm mạnh 2	Triển khai các hướng nghiên cứu theo chương trình nghiên cứu trọng điểm phù hợp với tình hình hiện nay.	Phòng ĐT&CTSV; Khoa	2024- 2025
5	Phát huy điểm mạnh 3	Tiếp tục cải tiến công tác quản lý hoạt động NCKH.	Phòng ĐT&CTSV; Khoa	2024 - 2025

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/ tiêu chí	Tự đánh giá
Tiêu chuẩn 18	4,25
Tiêu chí 18.1	5
Tiêu chí 18.2	4
Tiêu chí 18.3	4
Tiêu chí 18.4	4

Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ

Tiêu chí 19.1 Thiết lập được hệ thống quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu

Quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được thiết lập nhằm mục tiêu bảo vệ các thành quả sáng tạo trí tuệ, bảo đảm rằng tài sản trí tuệ của cán bộ, giảng viên, công nhân viên của Học viện không bị xâm phạm, không bị sử dụng, khai thác trái phép cũng như bảo đảm rằng họ không xâm phạm đến quyền SHTT của các chủ thể khác.

Với phương châm "Chất lượng, hiệu quả đào tạo là mục tiêu hàng đầu, nguyên tắc và là định hướng cho các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học của Học viện" và các giá trị cốt lõi "Tâm trong – Trí sáng – Hoài bão lớn", Học viện luôn tạo ra sự khác biệt, tiên phong trong xây dựng và ứng dụng những chương trình và mô hình mới, trong hội nhập và quốc tế hóa giáo dục, trong xây dựng môi trường giáo dục mở, linh hoạt hướng tới phục vụ người học, phục vụ cộng đồng ngày một tốt hơn. Mục tiêu phát triển của Học viện đến 2045 là trở thành cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về thanh niên có uy tín hàng đầu ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu khoa học phục vụ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng khẳng định uy tín ở khu vực và thế giới. Trên hành trình theo đuổi mục tiêu đó, Học viện luôn nhận thức rõ về vai trò của đổi mới sáng tạo, KH&CN và SHTT. Học viện đã có những định hướng và chủ trương rõ ràng để thúc đẩy các hoạt động này trong chiến lược phát triển Học viện đến 2030, tầm nhìn 2045 [H3.19.01.01].

Theo quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện và các văn bản quy phạm pháp luật hiện hành như Luật sở hữu trí tuệ, Luật KHCN, các quy định của Bộ KHCN, Trung ương Đoàn, Bộ GD&ĐT; cụ thể Học viện giao cho Phòng ĐT&CTSV và Trung tâm Thông tin thư viện quản lý hoạt động này, theo quy

định chức năng, nhiệm vụ của 2 đơn vị. Trên cơ sở đó, các đơn vị Phòng ĐT&CTSV và TTTTV đã phân công nhiệm vụ chuyên viên của đơn vị theo dõi và hỗ trợ theo công văn phân công nhiệm vụ nhân sự theo vị trí việc làm. Học viện đã xây dựng và ban hành Quy chế Tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu KH&CN nhằm quản lý tổng thể hoạt động nghiên cứu KH&CN trong toàn Học viện, trong đó quy định rõ về quy trình nghiên cứu, công bố, theo dõi và lưu trữ kết quả NCKH, sở hữu trí tuệ [H3.19.01.02] [H3.19.01.03] [H3.19.01.04] [H3.19.01.05]. Bên cạnh đó, phòng ĐT&CTSV đã có sự phân công, quy định cụ thể trách nhiệm của cán bộ, nhân viên trong phòng phụ trách hoạt động sở hữu trí tuệ như bảng phân công nhiệm vụ của phòng ĐT&CTSV về công tác SHTT [H3.19.01.06]. Tuy nhiên, đội ngũ chuyên viên, cán bộ phụ trách các công tác quản lý tài sản trí tuệ chưa được bồi dưỡng đào tạo chuyên sâu về quản lý tài sản trí tuệ. Quy định về trách nhiệm, nhiệm vụ cụ thể của các hoạt động về sở hữu trí tuệ chưa được quy định chi tiết cho các đơn vị trong quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện.

Trong quá trình thực hiện các hoạt động KH&CN, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ là vấn đề luôn được chú trọng và đảm bảo thực hiện. Học viện cũng đã có các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị viết các giáo trình, bài giảng, sách chuyên khảo, sách tham khảo, đề tài nghiên cứu.... cũng như giai đoạn thương mại hóa các sản phẩm này. Cụ thể Học viện đã hỗ trợ kinh phí Hội đồng nghiệm thu các nhiệm vụ KH&CN, bên cạnh đó đối với sách tham khảo, sách chuyên khảo Học viện đã hỗ trợ xin giấy phép xuất bản, hỗ trợ trong việc thương mại hóa các sản phẩm này. Cùng với đó Học viện cũng đã hỗ trợ các công bố quốc tế nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm KH&CN cũng như khả năng thương mại hóa [H3.19.01.07]. Nội dung của quy định này làm rõ các nhiệm vụ quản lý tài sản trí tuệ, quyền sở hữu, khai thác tài sản trí tuệ của Học viện, các đơn vị thuộc, trực thuộc, viên chức, người lao động, người học, phân chia lợi ích từ việc sử dụng và khai thác tài sản trí tuệ, quy tắc bảo mật, hành vi xâm phạm và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của pháp luật. Việc ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt

động KH&CN với các vấn đề sở hữu trí tuệ là một nội dung trọng tâm đã thể hiện những nỗ lực và kết quả mà Học viện đạt được trong quản lý và bảo hộ các kết quả nghiên cứu, chính thức đưa quản lý và bảo hộ sở hữu trí tuệ thành một nhiệm vụ quan trọng của Học viện, các đơn vị thuộc, trực thuộc, viên chức, người lao động, người học.

Việc bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, về các sáng chế, bản quyền và các kết quả nghiên cứu cũng như việc định giá các đối tượng sở hữu trí tuệ được quy định cụ thể tại quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN nhằm đảm bảo mức độ phù hợp với yêu cầu của quốc gia và quốc tế [H3.19.01.08]. Bên cạnh đó, để phát hiện các hành vi vi phạm quyền sở hữu trí tuệ, Học viện đã thực hiện tra soát các công trình NCKH của cán bộ giảng viên và người học, luận văn và các tài liệu học tập khác. Kết quả tra soát được tổng hợp, báo cáo Học viện hàng năm [H3.19.01.09].

Các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn chuẩn bị và hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu được quy định cụ thể tại quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN [H3.19.01.10]. Theo đó, quy trình đăng ký SHTT được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các tác giả và phòng ĐT&CTSV. Việc triển khai ứng dụng hoặc thương mại hóa các sản phẩm trí tuệ đã được quy định chi tiết nhằm đảm bảo quyền lợi của tác giả, khuyến khích các nhà khoa học có công trình chuyên gia. Bên cạnh đó, việc khai thác tài sản trí tuệ cũng được tuân thủ theo quy định tại Luật sở hữu trí tuệ và các Nghị định và Thông tư hướng dẫn của Nhà nước và Trung ương Đoàn [H3.19.01.11] [H3.19.01.12].

Các quy định về việc khai thác tài sản trí tuệ được quy định cụ thể tại quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN. Theo đó, quy trình đăng ký SHTT được quy định rõ ràng về chức năng, nhiệm vụ của các tác giả và phòng ĐT&CTSV. Việc khai thác các tài sản trí tuệ, việc phân chia lợi nhuận đã được quy định chi tiết nhằm đảm bảo quyền lợi của tác giả, khuyến khích các nhà khoa học có công trình chuyên gia. Bên cạnh đó, việc trích dẫn và chống đạo văn tại Học viện đối với các loại tài sản trí tuệ phải đảm bảo thực

hiện đúng quy định tại quy định về trích dẫn và chống đạo văn [H3.19.01.13].

Quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN, Học viện đã ban hành những quy định cụ thể: Quy định hoạt động cung cấp giáo trình, tài liệu học tập, Quy định về hoạt động của Tạp chí Thanh niên [H3.19.01.14] [H3.19.01.15]. Quy trình công bố, lưu trữ và quản lý kết quả NCKH quy định cụ thể ở các cấp: cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp tỉnh và cấp cơ sở. Các quy định này bảo vệ các thành quả sáng tạo trí tuệ, bảo đảm rằng tài sản trí tuệ của CB, GV, SV trong Học viện không bị xâm phạm, không bị sử dụng, khai thác trái phép. Học viện cũng đã có các chính sách hỗ trợ khai thác thương mại hóa các đề tài nghiên cứu thông qua các hoạt động hỗ trợ kết nối các địa phương để thực hiện các đề tài, tổ chức các lớp tập huấn trong khuôn khổ các đề tài nghiên cứu mà Học viện thực hiện ở cấp tỉnh, cấp bộ... Theo đó, Học viện có quyền công bố đối với tài sản trí tuệ là kết quả của hoạt động KH&CN mà Học viện là chủ sở hữu hoặc đồng sở hữu, không phụ thuộc vào tỷ lệ đóng góp nguồn lực tạo ra tài sản trí tuệ, trừ Học viện hợp các bên tham gia có thỏa thuận khác. Học viện cũng đã ban hành quy định tổ chức và hoạt động của thư viện Học viện, chiến lược phát triển thư viện điện tử giai đoạn 2023-2025 nhằm quy định nhiệm vụ tiếp nhận và lưu trữ bản gốc các khóa luận tốt nghiệp đã hoàn thành tại Học viện, các kết quả nghiên cứu khoa học, các ấn phẩm của Học viện, các ấn phẩm và bài thi của các cuộc thi về chuyên môn của sinh viên [H3.19.01.16] [H3.19.01.17]. Các sản phẩm là sách, giáo trình đã được xuất bản được lưu trữ và khai thác cho mục đích tham khảo của GV và SV.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.2 Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ được triển khai

Học viện đã xây dựng các quy định về đăng ký bảo hộ đối với tài sản trí tuệ theo đúng quy định của Luật sở hữu trí tuệ, các Nghị định và các thông tư của Nhà nước [H3.19.02.01]. Bằng việc ban hành quy định về quản lý và tổ chức thực hiện các hoạt động KH&CN [H3.19.02.02], Học viện đã ban hành các quy định, quy trình đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ qua đó khuyến khích hoạt

động sáng tạo, thúc đẩy quá trình khai thác, chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ và bảo vệ tài sản trí tuệ của cá nhân, tập thể, tổ chức và của chính Học viện.

Học viện thường xuyên phổ biến, hướng dẫn, hỗ trợ và tạo điều kiện cho viên chức, người lao động, người học tham gia các chương trình tập huấn về quyền sở hữu trí tuệ. Học viện đã ban hành văn bản hướng dẫn quy trình đăng ký quyền sở hữu trí tuệ nhằm quy định cụ thể về quy trình đăng ký tài sản sở hữu trí tuệ nhằm hướng dẫn cho các cá nhân, đơn vị trong Học viện đăng ký quyền sở hữu trí tuệ [H3.19.02.03]. Bên cạnh đó, hàng năm Học viện đã xây dựng kế hoạch tập huấn về hoạt động sở hữu trí tuệ đối với cán bộ, giảng viên, sinh viên cung cấp cho cán bộ, giảng viên, nhân viên và sinh viên kiến thức cơ bản về luật sở hữu trí tuệ, quy trình đăng ký SHTT tại Việt Nam qua đó thảo luận các giải pháp nâng cao nhận thức về vai trò của sở hữu trí tuệ, thúc đẩy đăng ký sở hữu trí tuệ và phục vụ cho hoạt động tự đánh giá của Học viện [H3.19.02.04]. Phòng ĐT&CTSV là đơn vị đầu mối được giao nhiệm vụ phụ trách các hoạt động liên quan đến sở hữu trí tuệ, tài sản trí tuệ của Học viện; đầu mối giám sát, kiểm tra tiến độ giữa kỳ, đôn đốc các nhiệm vụ đã ký kết; lưu trữ hồ sơ, báo cáo kết quả thực hiện các nhiệm vụ NCKH theo quy định và thực hiện quyền sở hữu trí tuệ theo định kỳ [H3.19.02.05]. Học viện cũng đã ban hành thông báo về việc sử dụng trang tài liệu số của thư viện kèm theo tài liệu hướng dẫn khai thác thư viện số nhằm hỗ trợ cho cán bộ, giảng viên và sinh viên có thể khai thác tài liệu phục vụ quá trình học tập, nghiên cứu và đảm bảo quy định về sở hữu trí tuệ [H3.19.02.06]. Hàng năm, Học viện đã ban hành thông báo về việc triển khai đăng ký sở hữu trí tuệ nhằm triển khai việc đăng ký sở hữu trí tuệ trong toàn Học viện [H3.19.02.07].

Học viện đã xây dựng được cơ sở dữ liệu và quy trình ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ. Hàng năm, Học viện đã ban hành các quyết định về việc công nhận đề tài khoa học cấp Học viện [H3.19.02.08] quyết định về việc nghiệm thu và phát hành giáo trình giảng dạy trong Học viện [H3.19.02.09] và thống kê danh mục các bài báo trong nước và quốc tế [H3.19.02.10]. Học viện cũng đã Quy định hướng dẫn việc ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ

[H3.19.02.11]. Tại Hội nghị báo cáo Đào tạo và Khoa học hàng năm, phòng ĐT&CTSV đã tiến hành đánh giá về kết quả triển khai các hoạt động KH&CN và xây dựng phương hướng hoạt động KH&CN trong năm học tiếp theo [H3.19.02.12]. Nội dung báo cáo hàng năm bao gồm kết quả NCKH, kết quả chuyển giao tri thức, công nghệ, kết quả thực hiện các hoạt động SHTT cùng với các hoạt động KH&CN khác. Học viện cũng đã công bố danh mục các đề tài có khả năng thương mại hóa và danh mục đề tài được thương mại hóa trong giai đoạn 2018-2023 [H3.19.02.13] [H3.19.02.14].

Để phục vụ cho các hoạt động lưu trữ, tra soát, tham khảo trong nghiên cứu và thực thi quyền sở hữu trí tuệ, Thư viện của Học viện có nhiệm vụ tiếp nhận và lưu trữ các công trình nghiên cứu khoa học, các luận văn, khóa luận đã bảo vệ tại Học viện, các ấn phẩm của Học viện, các ấn phẩm và bài thi của các cuộc thi về chuyên môn của người học theo quy định. Hiện tại, thư viện đã được đầu tư với hàng chục nghìn đầu sách gồm: giáo trình, sách tham khảo, chuyên khảo, từ điển, đề tài NCKH, luận văn, khóa luận tốt nghiệp bằng tiếng Việt [H3.19.02.15]. Đối với các tài sản sở hữu trí tuệ là sách, giáo trình, bài giảng, trước khi ra quyết định nghiệm thu tác giả phải chỉnh sửa theo yêu cầu của phản biện, sau đó cho in ấn ban hành sử dụng và lưu trữ. Hiện nay, tất cả các chương trình giảng dạy tại Học viện đều sử dụng tài liệu do Học viện tổ chức biên soạn và phát hành cho GV và SV phục vụ cho đào tạo, có quy định cụ thể về việc cung cấp giáo trình tài liệu [H3.19.02.16].

Toàn bộ nguồn học liệu trong thư viện đều được quản lý bằng phần mềm chuyên dụng và được đưa lên mạng để bạn đọc tra cứu. Bên cạnh việc lưu giữ bản cứng tại Thư viện, các công trình khoa học cũng được đưa lên mạng nội bộ để sử dụng phục vụ giảng dạy, học tập và nghiên cứu [H3.19.02.17]. Thư viện được đầu tư phần mềm và các trang thiết bị hiện đại như: máy chủ, máy trạm cấu hình lớn, máy scan, ...góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động của thư viện điện tử, phục vụ dạy, học và NCKH trong toàn Học viện [H3.19.02.18].

Hàng năm, Học viện đã thông báo cho các đơn vị đào tạo triển khai đánh giá, rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ nhằm phát hiện các hành vi vi phạm

tài sản trí tuệ [H3.19.02.19]. Trên cơ sở đó, các đơn vị đào tạo tiến hành đánh giá, rà soát công tác quản lý TSTT của đơn vị và phòng ĐT&CTSV có trách nhiệm tổng hợp để báo cáo Giám đốc [H3.19.02.20]. Phòng ĐT&CTSV tổ chức rà soát vi phạm về sở hữu trí tuệ của đề tài KHCN được nghiệm thu hàng năm nhằm đảm bảo không vi phạm quy định sở hữu trí tuệ trong các đề tài nghiên cứu khoa học [H3.19.02.21]. Đồng thời, tổ chức rà soát về công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện để đảm bảo thực hiện hiệu quả công tác ghi nhận, lưu trữ và khai thác tài sản trí tuệ, từ đó đúc rút các yếu điểm để đưa ra các giải pháp khắc phục kịp thời [H3.19.02.22].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.3. Hệ thống rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được triển khai thực hiện.

Công tác rà soát quản lý TSTT được quy định trong văn bản quy định quy trình xây dựng, giám sát, rà soát chính sách về ĐT, NCKH và PVCD [H3.19.03.01]; Kế hoạch xây dựng chính sách về ĐT, NCKH và PVCD [H3.19.03.02]; Kế hoạch NCKH và hợp tác quốc tế hàng năm [H3.19.03.03]. Hàng năm phòng ĐT&CTSV đã tổ chức triển khai rà soát công tác quản lý TSTT của Học viện, bên cạnh đó phòng TT&ĐBCLGD đã tổ chức thanh tra, kiểm tra công tác quản lý TSTT tại Học viện. Những lần triển khai rà soát này thể hiện trong hồ sơ rà soát công tác SHTT thường niên [H3.19.03.04], báo cáo thanh tra về đào tạo NCKH [H3.19.03.05], báo cáo công tác quản lý tài sản trí tuệ thường niên của thư viện [H3.19.03.06]. Định kỳ hàng năm, Học viện yêu cầu hội đồng khoa học Học viện báo cáo tình hình rà soát vi phạm SHTT đối với các sản phẩm [H3.19.03.07]. Nhờ đó, công tác quản lý TSTT được thực hiện một cách hiệu quả.

Hàng năm, Học viện đều thực hiện công tác tổng kết, đánh giá công tác sở hữu trí tuệ tại cơ sở thông qua Báo cáo tổng kết rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ [H3.19.03.08] và Báo cáo nhiệm vụ năm học [H3.19.03.09]. Qua các hoạt động này, giúp Ban giám đốc đánh giá được tình hình thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của các khoa phòng, từ đó có những biện pháp để cải tiến

hoạt động này được hiệu quả hơn.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 19.4. Công tác quản lý tài sản trí tuệ được cải tiến để bảo hộ CSGD, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng

Hàng năm, Học viện thực hiện tổng kết công tác rà soát, cải tiến các hoạt động quản lý TSTT [H3.19.04.01] và nhìn nhận rằng: Trong giai đoạn 2018-2021, Học viện đã có các hoạt động quản lý TSTT nhưng chưa đầy đủ; Hầu hết tài sản trí tuệ của Học viện nằm ở giá trị vô hình, phục vụ chủ yếu cho công tác đào tạo. Một số công trình NCKH của GV sau khi công bố kết quả nghiên cứu cần có những hoạt động đăng ký SHTT, đánh giá khả năng thương mại,...

Học viện đã lập kế hoạch cải tiến chất lượng công tác quản lý TSTT sau rà soát, đánh giá thông qua kế hoạch phát triển Học viện theo từng giai đoạn [H3.19.04.02], chiến lược phát triển KH&CN [H3.19.04.03], kế hoạch NCKH và hợp tác quốc tế hàng năm [H3.19.04.04] nhằm thực hiện cải tiến công tác quản lý TSTT để bảo hộ của Học viện, cán bộ nghiên cứu và các lợi ích cộng đồng có hiệu quả. Để báo cáo kết quả thực hiện các kế hoạch hoạt động đó, Học viện nói chung và Phòng ĐT&CTSV nói riêng đã tiến hành báo cáo sơ kết tình hình thực hiện kế hoạch chiến lược [H3.19.04.05] và báo cáo công tác KH&CN hàng năm [H3.19.04.06], báo cáo nhiệm vụ năm học [H3.19.04.07]. Sự cải tiến rõ nét trong công tác quản lý TSTT thể hiện ở việc Học viện đã tiến hành bổ sung các quy định về công tác quản lý SHTT. Quy định quản lý khoa học sửa đổi năm 2023 đã có những quy định cụ thể về SHTT trong hoạt động KH&CN tại Học viện [H3.19.04.08]. Đây là những hướng dẫn minh bạch, là cơ sở để tiến hành đánh giá rà soát, cải thiện chất lượng công tác quản lý TSTT, đồng thời là cơ sở để bảo vệ quyền lợi của cán bộ nghiên cứu, người học, Học viện và cộng đồng, cùng với các chủ trương khác để khuyến khích hoạt động KH&CN và đổi mới sáng tạo. Ngoài ra, Học viện cũng đã tiến hành các thủ tục để ban hành quy định chống đạo văn để bảo vệ quyền SHTT đối với các TSTT [H3.19.04.09]. Bên cạnh đó, Học viện đang tiến hành đề án nâng cấp thư viện điện tử để tăng khả năng khai thác TSTT tại Học viện [H3.19.04.10].

Hàng năm, Học viện thực hiện lấy phiếu khảo sát lấy ý kiến về sự hài lòng đối với công tác quản lý KH&CN và SHTT của các bên liên quan bao gồm cán bộ, giảng viên và sinh viên [H3.19.04.11] [H3.19.04.12]. Qua các đợt khảo sát cho thấy có trên 95% CBGV và trên 90% SV trả lời hài lòng với công tác quản lý KH&CN và SHTT của Học viện [H3.19.04.13]. Điều này cho thấy công tác KH&CN và SHTT tại Học viện đang được tiến hành tốt và được đánh giá năm sau cải tiến hơn so với năm trước.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 19:

1. Tóm tắt các điểm mạnh:

- Học viện đã xây dựng được hệ thống quản lý và bảo hộ quyền SHTT chặt chẽ, có đơn vị đầu mối, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng.

- Học viện có cơ chế hướng dẫn và hỗ trợ đăng ký bảo hộ quyền SHTT, có quy định bảo vệ quyền SHTT và có cơ chế xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT.

- Văn bản quy định về quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu được quy định cụ thể.

- Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT thành lập đúng qui định và đã được triển khai tại Học viện.

- Hệ thống tổ chức triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện kịp thời, có hiệu quả.

- Công tác công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện đang được tiến hành ổn định và được đánh giá năm sau cải tiến hơn so với năm trước.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện chưa đầu tư phần mềm chống đạo văn có chất lượng hơn để kiểm tra chất lượng cũng như độ tin cậy của các đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp được thực hiện.

- Việc triển khai nâng cấp phần mềm quản lý thư viện chưa kịp thời.

- Việc rà soát thông qua lấy ý kiến của các bộ phận về công tác quản lý tài sản trí tuệ mới tiến hành trên quy mô nhỏ nên chưa thực sự bao quát hết.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần đầu tư phần mềm chống đạo văn có chất lượng hơn để kiểm tra chất lượng, độ tin cậy của các đề tài nghiên cứu, khóa luận tốt nghiệp	BGD	Năm 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Nâng cấp phần mềm quản lý thư viện nhằm đảm bảo công tác quản lý của thư viện, nâng cao hiệu quả quản lý tài sản trí tuệ	BGD	Năm 2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Việc rà soát thông qua lấy ý kiến của các bộ phận về công tác quản lý tài sản trí tuệ tiến hành trên quy mô lớn hơn.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 1	Xây dựng hệ thống quản lý và bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ chặt chẽ, có đơn vị đầu mối, có sự phân công trách nhiệm rõ ràng	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 2	Hệ thống văn bản quy định về quản lý và bảo hộ các phát minh, sáng chế, bản quyền và kết quả nghiên cứu cụ thể	BGD	Hàng năm
7	Phát huy điểm mạnh 3	Các tài sản trí tuệ được đăng ký bảo hộ theo đúng quy định. Hệ thống ghi nhận, lưu trữ và khai thác TSTT được triển khai cụ thể.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
8	Phát huy điểm mạnh 4	Hệ thống tổ chức triển khai rà soát công tác quản lý tài sản trí tuệ được thực hiện kịp thời	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm và đột xuất
9	Phát huy điểm mạnh 5	Công tác quản lý tài sản trí tuệ tại Học viện được đánh giá năm sau cải tiến hơn so với năm trước.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 19</i>	<i>4,0</i>
Tiêu chí 19.1	4
Tiêu chí 19.2	4
Tiêu chí 19.3	4
Tiêu chí 19.4	4

Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 20.1. Xây dựng hệ thống để thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu

Học viện xác định việc thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu nhằm đáp ứng các mục tiêu nghiên cứu là một trong những nhiệm vụ trọng tâm trong việc thực hiện sứ mạng của Học viện.

Học viện có quy định về việc thiết lập mối quan hệ hợp tác trong nghiên cứu khoa học tại Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện [H3.20.01.01]. Cụ thể, Chương VI của Quy chế quy định rõ về hoạt động nghiên cứu khoa học, trong đó có nội dung: Phối hợp với các tổ chức khoa học, các đơn vị sự nghiệp, các cơ sở kinh doanh dịch vụ tổ chức các hoạt động khoa học; Hợp tác khoa học công nghệ với nước ngoài và các tổ chức quốc tế theo quy định của Trung ương Đoàn và quy định của pháp luật.

Trong quá trình triển khai thực hiện, bám sát vào những thay đổi tình hình kinh tế - xã hội của thành phố Hà Nội, của đất nước, Học viện ban hành các kế hoạch thực hiện chi tiết cho mỗi giai đoạn và hàng năm, trong các cuộc họp chiến lược đều có phương hướng hoạt động nhằm củng cố, phát huy, tăng cường hiệu quả hoạt động hợp tác nghiên cứu và mở rộng mạng lưới đối tác, đồng thời có hệ thống văn bản quy định, hướng dẫn, phổ biến thực hiện và phân công trách nhiệm cụ thể cho đơn vị, bộ phận phụ trách cụ thể nhiệm vụ này [H3.20.01.02] [H3.20.01.03] [H3.20.01.04] [H3.20.01.05].

Học viện đã ban hành các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị; quy chế tổ chức hoạt động của các đơn vị trực thuộc. Tháng 6/2018, Giám đốc Học viện đã ban hành quyết định về điều chỉnh chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị trực thuộc Học viện, theo đó chuyển chức năng, nhiệm vụ “*làm đầu mối tổ chức, quản lý công tác nghiên cứu khoa học của cán bộ, công chức, viên chức, sinh viên Học viện; hợp tác nghiên cứu khoa học trong nước và quốc tế*” từ Phòng Tổ chức – Hành chính về Trung tâm Thông tin – Thư viện [H3.20.01.06]. Viện Nghiên cứu Thanh niên là cơ quan nghiên cứu khoa học và công nghệ của Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh; là đơn vị trực thuộc

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, hoạt động theo quy định của Luật khoa học và công nghệ; các quy định của Đảng, pháp luật của nhà nước, quy định của Trung ương Đoàn và Học viện **[H3.20.01.07]**.

Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 xác định: chủ động hợp tác nghiên cứu với các đối tác trong nước và quốc tế; chủ động và tích cực tìm kiếm, tổ chức ký kết thỏa thuận hợp tác với các đối tác nước ngoài trong lĩnh vực đào tạo và nghiên cứu khoa học; xây dựng kế hoạch lựa chọn, cử cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên đi học tập, nghiên cứu tại nước ngoài **[H3.20.01.08]**. Trong quá trình thỏa thuận, hợp tác với một số đối tác trong và ngoài nước, Học viện xác định quan hệ với các đối tác phải dựa trên nguyên tắc: Có thể mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn, quan tâm đến cùng vấn đề nghiên cứu, có năng lực và nguồn lực phù hợp và ưu tiên những đối tác đã ký kết thỏa thuận hợp tác **[H3.20.01.09]**.

Phòng ĐT&CTSV làm rõ trách nhiệm liên quan trong việc quản lý, phát triển, hợp tác trong nghiên cứu, chịu trách nhiệm tìm kiếm và phát triển các mối quan hệ tốt với các đối tác quốc tế đồng thời chịu trách nhiệm quản lý các đề tài nghiên cứu chung với các đối tác trong nước **[H3.20.01.10]**.

Học viện có hệ thống định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi, giám sát và đánh giá nhằm đạt được các mục tiêu chiến lược về hoạt động hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học, bao gồm: Đảng ủy, Hội đồng, Ban Giám đốc Học viện và Hội đồng khoa học và đào tạo xác định các định hướng và giám sát việc thực hiện; Quản lý, điều hành việc hợp tác trong nghiên cứu được thực hiện bởi Giám đốc Học viện, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Trung tâm Thông tin – Thư viện; Viện Nghiên cứu Thanh niên, các đơn vị, cá nhân thực hiện nhiệm vụ nghiên cứu khoa học **[H3.20.01.11]**.

Nhằm thu hút các đối tác tiềm năng trong nghiên cứu, phát huy năng lực nghiên cứu của cán bộ, giảng viên. Học viện có chính sách khuyến khích các cá nhân và đơn vị có thành tích đưa được nhiều hợp đồng, hợp tác nghiên cứu về Học viện và hoàn thành tốt các công trình nghiên cứu đó **[H3.20.01.12]**.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.2. Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu

Học viện đã xây dựng được hệ thống, chính sách và quy trình thiết lập các mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu. Các quy chế, chính sách liên quan đến việc thúc đẩy hợp tác nghiên cứu đã được thể chế hóa bằng các văn bản, chiến lược quan trọng và được triển khai, phổ biến đến các cá nhân, phòng, khoa, trung tâm thông qua các buổi họp giao ban, hệ thống email, CloudOffice, trong các báo cáo tổng kết công tác hàng năm ... để CB, GV, NV nắm được các cơ chế và chính sách để thực hiện [H3.20.02.01] [H3.20.02.02] [H3.20.02.03].

Các mối quan hệ đối tác và hợp tác trong NCKH được xác định phù hợp với quy chế tổ chức hoạt động, tầm nhìn và sứ mệnh của Học viện, đồng thời được nêu ra cụ thể trong báo cáo công tác tổng kết công tác hàng năm để tiếp tục phát triển và rút ra bài học kinh nghiệm cho những năm tiếp theo.

Trong giai đoạn 2018 - 2023, Học viện đã triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác nghiên cứu thông qua chương trình công tác năm đã được phê duyệt. Cụ thể, trong 5 năm qua, Học viện đã triển khai được nhiều hoạt động hợp tác NCKH quan trọng như: thoả thuận hợp tác với một số tỉnh, thành đoàn trong công tác bồi dưỡng, nghiên cứu khoa học và hợp tác khác: Tỉnh đoàn Quảng Bình, Tỉnh Đoàn Lào Cai, Tỉnh Đoàn Bắc Kạn, Tỉnh Đoàn Thái Bình, Tỉnh Đoàn Sơn La [H3.20.02.04]; thoả thuận hợp tác với Đại học Herzen, Nga [H3.20.02.05]; thoả thuận hợp tác với Bệnh viện Nhi Trung ương [H3.20.02.06]; hợp tác trong nghiên cứu khoa học với các tỉnh, thành Đoàn: Quảng Ninh, Quảng Nam, Cần Thơ, Lào Cai, Thanh Hoá, Bắc Giang, Đà Nẵng, Nghệ An [H3.20.02.07]; thoả thuận hợp tác với các cơ sở thực hành, đơn vị hỗ trợ: Cơ sở cai nghiện số 5, Hội người khuyết tật huyện Hoài Đức, TP. Hà Nội, Trung tâm bảo trợ xã hội 4, Trung tâm giáo dục kỹ năng cho trẻ có nhu cầu đặc biệt Akari, Trung tâm nghiên cứu và phát triển chương trình hỗ trợ trẻ em Năng Mai, Trung tâm đào tạo và phát triển giáo dục đặc biệt Sao Biển, Trung tâm Dạy nghề từ thiện Quỳnh Hoa, Trung tâm Phục hồi chức năng người khuyết tật Thụy An, Trung tâm bảo trợ xã hội III, Trung tâm nuôi dưỡng

trẻ mồ côi Hà Cầu, Tổ chức Rừng Xanh, Trung tâm hỗ trợ sống độc lập của người khuyết tật Hà Nội, Trung tâm Phụ nữ và phát triển [H3.20.02.08].

Các mối quan hệ hợp tác nghiên cứu được xây dựng và phát triển với nhiều hình thức phương pháp đa dạng, cách thức phù hợp như: đối ngoại giữa các cấp lãnh đạo nhằm thỏa thuận hợp tác nghiên cứu cấp Học viện, đơn vị. Bên cạnh đó, Học viện cử các giảng viên và cán bộ nghiên cứu đi dự hội nghị, hội thảo trao đổi chuyên môn để giao lưu học hỏi và mở rộng mạng lưới quan hệ, liên kết với các doanh nghiệp, cơ quan nghiên cứu để tham gia xây dựng hoặc đầu thầu các đề tài, dự án, nhằm áp dụng kết quả NCKH vào thực tế [H3.20.02.09].

Học viện cũng đã tổ chức nhiều buổi tập huấn, trao đổi học thuật, hội nghị, hội thảo với sự tham gia của các đối tác quốc tế cũng như trong nước. Tiêu biểu là tổ chức Hội thảo quốc tế về công tác xã hội trong khuôn khổ chương trình kỷ niệm ngày Công tác xã hội Việt Nam. Học viện cũng đã cử nhiều đoàn công tác với nhiều mục đích khác nhau như tham gia các hội nghị, hội thảo về khoa học, quản lý; tìm kiếm và thiết lập các cơ hội hợp tác mới; học tập nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ tại các nước như: Nga, Hàn Quốc, Nhật Bản... [H3.20.02.10] [H3.20.02.11]. Thông qua các chương trình hợp tác đào tạo, CB, GV của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có cơ hội tham gia nghiên cứu các đề tài khoa học tham dự các hội thảo quốc tế, công bố công trình NCKH chuyên ngành lên các tạp chí uy tín đạt chuẩn quốc tế [H3.20.02.12].

Nhằm thúc đẩy mở rộng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác, Học viện luôn khuyến khích và tạo mọi điều kiện tốt nhất để CB, GV của Học viện được học tập nâng cao trình độ chuyên môn [H3.20.02.13]. Hàng năm, dành một tỉ lệ kinh phí cho NCKH trong tổng chi của Học viện, đồng thời huy động các nguồn lực từ hoạt động xã hội hóa công tác NCKH của Học viện [H3.20.02.14]. Trên cơ sở dự toán nguồn ngân sách cấp trong năm về các hoạt động đào tạo và NCKH, Ban Giám đốc Học viện chỉ đạo phòng KH-TV, phòng ĐT&CTSV, lên kế hoạch tài chính về hoạt động NCKH trong năm, để có chiến lược đầu tư thích hợp cho việc xây dựng, phát triển các mối quan hệ hợp tác và đối tác [H3.20.02.15].

Trong những năm qua, các hoạt động hợp tác nghiên cứu đem lại một số hiệu quả nhất định về NCKH, thể hiện ở các dự án KHCN với cấp tỉnh, bộ, các đề tài được áp dụng kết quả NCKH vào thực tế, công bố các công trình khoa học chung, các hội nghị, hội thảo tổ chức nhằm trao đổi chuyên môn, học thuật và tương trợ, đồng hành nhau trong hợp tác, phát triển [H3.20.02.16] [H3.20.02.17]. Đồng thời, tiếp tục mong muốn mở rộng sang lĩnh vực đào tạo tiên sĩ cho đội ngũ CB, GV được học tập, nghiên cứu ở các Học viện trong nước và quốc tế có uy tín.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.3. Hệ thống rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được triển khai thực hiện

Việc rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được Học viện xem là một nội dung quan trọng của hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu khoa học của Học viện. Phụ trách chung đối với các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu trong nước và quốc tế là Giám đốc Học viện [H3.20.03.01].

Hệ thống quy trình rà soát tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu được Học viện định hướng, điều hành, thực thi, theo dõi và giám sát được tổ chức theo quy trình: Trung ương Đoàn, Đảng ủy, Hội đồng, Ban Giám đốc và Hội đồng khoa học và đào tạo, Hội đồng tư vấn xác định các định hướng và giám sát việc thực hiện. Quy trình này được quy định trong Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện [H3.20.03.02]; các quy định về chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện: quy định về phân công công tác của Giám đốc, các Phó Giám đốc [H3.20.03.03]; Hội đồng khoa học và đào tạo Học viện [H3.20.03.04]; Hội đồng tư vấn Học viện [H3.20.03.05]; quy định chức năng, nhiệm vụ và vị trí việc làm của Phòng ĐT&CTSV [H3.20.03.06] [H3.20.03.07]; Quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Thanh niên [H3.20.03.08]. Trong đó:

Phòng ĐT&CTSV có trách nhiệm làm đầu mối tổ chức và quản lý nghiên cứu khoa học của người học, giảng viên Học viện và hoạt động hợp tác quốc tế.

Viện Nghiên cứu Thanh niên có chức năng nghiên cứu những vấn đề lý luận và thực tiễn cơ bản về thanh thiếu nhi, Đoàn thanh niên nhằm cung cấp những luận cứ khoa học cho việc hoạch định đường lối, chiến lược và chính sách phát triển thanh niên, công tác thanh niên và tổ chức Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tham gia đào tạo và tư vấn những vấn đề liên quan đến thanh thiếu nhi, tham gia phát triển tiềm lực khoa học về thanh niên của cả nước; Thông tin khoa học, tổ chức và quản lý công tác nghiên cứu khoa học về thanh niên và Đoàn, Hội, Đội; Hợp tác trong nước và quốc tế về công tác nghiên cứu khoa học về thanh thiếu nhi và Đoàn, Hội, Đội.

Hàng năm, Học viện có tổ chức rà soát, đánh giá tính hiệu quả của các quan hệ hợp tác. Đối với các hoạt động hợp tác triển khai đề tài/dự án NCKH, hàng năm có yêu cầu báo cáo tiến độ định kỳ 6 tháng/lần hoặc theo yêu cầu cụ thể của đối tác [H3.20.03.09]. Kết thúc năm học, tất cả các hoạt động hợp tác đều được báo cáo cụ thể trong báo cáo tổng kết năm [H3.20.03.10].

Trên cơ sở đó để đánh giá từng quy trình hợp tác, rà soát tính hiệu quả của các hợp tác nghiên cứu về tài chính, cơ sở vật chất, nguồn lực con người, về quá trình đào tạo, hiệu quả của việc tổ chức hội thảo, hội nghị NCKH, số báo cáo được đăng tải trên các tạp chí quốc tế, số hội thảo tổ chức, để có những cải tiến, điều chỉnh, dự toán ngân sách và đưa ra những giải pháp phù hợp cho các bên liên quan. Tuy nhiên, việc rà soát, đánh giá hiệu quả của các quan hệ hợp tác đang được thực hiện từ phía Học viện, chưa thực hiện lấy ý kiến đánh giá của các bên liên quan.

Việc rà soát, đánh giá hiệu quả và nguồn lực hoạt động hợp tác mang lại thông qua kết quả thực hiện nhiệm vụ được Giám đốc Học viện báo cáo với Hội đồng Học viện theo chương trình từng phiên họp của Hội đồng [H3.20.03.11]. Bên cạnh đó, các thoả thuận hợp tác với các tỉnh, thành Đoàn, các cơ sở thực hành, cơ sở giáo dục cũng được rà soát định kỳ hàng năm nhằm đưa ra những giải pháp thúc đẩy các hoạt động từ các ký kết hợp tác này cho các năm tiếp theo.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 20.4. Các hoạt động hợp tác và đối tác nghiên cứu được cải thiện để đạt được các mục tiêu nghiên cứu

Để nâng cao hiệu quả của hoạt động nghiên cứu nhằm đạt được các mục tiêu nghiên cứu, Học viện đã thực hiện các hoạt động để cải thiện quan hệ hợp tác. Trước hết đó là việc đánh giá, so sánh với chỉ tiêu hợp tác định kỳ theo quý, giữa năm và cuối năm học để kịp thời điều chỉnh và có biện pháp cải thiện để đạt được mục tiêu đề ra thông qua báo cáo triển khai và thực hiện nhiệm vụ của các đơn vị: Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên; Viện Nghiên cứu Thanh niên, Trung tâm Bồi dưỡng, Khoa Công tác xã hội ...

Để đạt được mục tiêu nghiên cứu, bên cạnh việc triển khai kế hoạch đề ra, Học viện đã dựa vào các chỉ số đánh giá tính hiệu quả của các mối quan hệ hợp tác, các đối tác, hợp tác để không ngừng rà soát và cải tiến liên tục các kế hoạch về tài chính, vấn đề về hợp tác quốc tế... Quy trình tìm kiếm và lựa chọn đối tác, rà soát, củng cố loại bỏ đối tác [H3.20.04.01]. Việc cải tiến các chính sách, cập nhật thường xuyên các quy trình ký kết hợp đồng hợp tác đã thu hút nhiều đối tác tham gia hợp tác và NCKH cùng Học viện đảm bảo quyền và lợi ích của Học viện và các bên tham gia ký kết.

Việc cải thiện quan hệ hợp tác còn được đề xuất trong báo cáo tình hình hợp tác phát triển hàng năm và kế hoạch hợp tác theo năm học giai đoạn 2018-2023 với các giải pháp cụ thể [H3.20.04.02]. Bên cạnh đó, Học viện đã tổ chức các cuộc họp rà soát kết quả hợp tác với các đối tác và đề xuất các hoạt động phối hợp triển khai tiếp theo để tăng cường kết nối, phối hợp giữa các bên. Các giải pháp cải thiện, tăng cường hợp tác được ghi trong biên bản tổng kết, đánh giá quá trình hợp tác với các đơn vị [H3.20.04.03].

Cùng với đó, thông qua hợp tác trong triển khai các nghiên cứu, đội ngũ cán bộ, giảng viên, nghiên cứu viên đã được tham gia các hội nghị hội thảo trong và ngoài nước để chia sẻ kết quả nghiên cứu từ các dự án, nghiên cứu hợp tác với các đơn vị. Đã có một số đoàn khách quốc tế, chuyên gia nước ngoài đến thăm và làm việc tại Học viện, tham gia hội thảo quốc tế được tổ chức tại Học viện. Đây là kết quả của quá trình hợp tác của Học viện với các đối tác

trong và ngoài nước, đã đem hiệu quả về NCKH rất rõ ràng với Học viện, giúp tăng nguồn thu; nâng cao năng lực cho giảng viên, học viên, sinh viên [H3.20.04.04].

Trong giai đoạn triển khai hay sau mỗi công trình, dự án, Học viện tổ chức thẩm định, đánh giá kết quả đạt được và đề nghị đối tác nào tiếp tục tham gia vào mạng lưới và phát triển các dự án phù hợp với hướng nghiên cứu và đào tạo của Học viện. Các hoạt động hợp tác quốc tế và các đối tác khác về NCKH mà Học viện thực hiện ngày càng có hiệu quả, thể hiện qua việc thực hiện dự án, đề án hợp tác NCKH, phát triển công nghệ, hội thảo, các công trình khoa học công bố chung. Trong 5 năm qua, số lượng bài báo của các CB, GV Học viện được đăng trong tạp chí khoa học quốc tế ngày càng tăng [H3.20.04.05].

Nhìn chung, thông qua các hoạt động hợp tác, đội ngũ cán bộ, giảng viên của Học viện không những có cơ hội được đi học tập nâng cao trình độ chuyên môn ở các nước tiên tiến mà còn được thực hiện, thực hành để nâng cao kỹ năng cũng như kiến thức thực tiễn qua triển khai các đề tài, dự án; được gặp gỡ, trao đổi với các chuyên gia đầu ngành, nhiều kinh nghiệm trong giảng dạy và nghiên cứu. Ngoài ra, hoạt động hợp tác trong NCKH cũng góp phần tăng nguồn thu cho hoạt động NCKH nói riêng và nguồn thu ngoài ngân sách của Học viện nói chung.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 20:

1. Tóm tắt điểm mạnh

- Học viện xây dựng các chỉ số cụ thể cho các chiến lược, kế hoạch tăng cường hợp tác với các đối tác trong NCKH;

- Học viện đã thiết lập và xây dựng được một số mối quan hệ hợp tác và đối tác trong nghiên cứu khoa học dựa trên nguyên tắc có thể mạnh về cùng lĩnh vực chuyên môn, cùng vấn đề nghiên cứu, có nhân lực và nguồn lực phù hợp;

- Học viện có chiến lược dài hạn, trung hạn và ngắn hạn trong phát triển hợp tác trong NCKH;

- Có chính sách khuyến khích cá nhân, đơn vị xây dựng và mở rộng hợp tác NCKH;

- Triển khai được các chính sách và quy trình thúc đẩy hợp tác và đối tác phù hợp với Học viện;

- Hiệu quả hoạt động của các hợp tác nghiên cứu được rà soát, cụ thể theo từng hạng mục hợp tác, có đánh giá kết quả và tiến độ hợp tác;

- Một số cá nhân, đơn vị trong Học viện luôn chủ động tìm kiếm đối tác doanh nghiệp để hợp tác trong nghiên cứu.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Học viện có triển khai các chính sách để khuyến khích cá nhân, đơn vị xây dựng và mở rộng hợp tác NCKH nhưng cơ chế chưa rõ ràng và cụ thể, chưa trở thành động lực cho cá nhân và đơn vị thực hiện tối ưu hoạt động này;

- Công tác rà soát hiệu quả hợp tác và các đối tác còn sơ sài, các biện pháp cải thiện thực hiện hiệu quả chưa cao. Hoạt động NCKH của Học viện vẫn còn nhiều hạn chế;

- Chưa thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Điều chỉnh các Chính sách khuyến khích cá nhân, đơn vị hợp tác xây dựng và mở rộng hợp tác NCKH cần rõ ràng, cụ thể.	BGD; Phòng ĐT&CTSV	Năm 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung cơ chế chính sách nhằm mở rộng hợp tác trong NCKH, phân công cụ thể, rõ ràng cá nhân/đơn vị và quy trình, rà soát tính hiệu quả trong hợp tác NCKH	BGD; ĐT&CTSV	Năm 2024
3	Khắc phục tồn tại 3	Thực hiện việc khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về tính hiệu quả của hợp tác và đối tác nghiên cứu	BGD; Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm

4	Phát huy điểm mạnh 1	Duy trì và phát triển một số mối quan hệ hợp tác và đối tác trong NCKH đã được thiết lập.	BGD; Phòng ĐT&CTS V; Các khoa/phòng	Hàng năm
5	Phát huy điểm mạnh 2	Thường xuyên giám sát việc thực hiện chiến lược phát triển hợp tác NCKH.	BGD; Phòng ĐT&CTS V	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh 3	Thường xuyên rà soát theo từng hạng mục hợp tác, có đánh giá kết quả và tiến độ hợp tác.	BGD; Phòng ĐT&CTS V	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 20</i>	4
Tiêu chí 20.1	4
Tiêu chí 20.2	4
Tiêu chí 20.3	4
Tiêu chí 20.4	4

Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 21.1. Xây dựng được kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng để thể hiện tầm nhìn và sứ mạng của CSGD

Dưới sự lãnh đạo và định hướng của Đảng ủy, Hội đồng Học viện, Ban Giám đốc Học viện đã ban hành các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ cộng đồng. Chính sách đó được thể hiện trong: Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045; Quy chế Tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam; Chương trình công tác năm của Đảng bộ Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H4.21.01.01] [H4.21.01.02] [H4.21.01.03] [H4.21.01.04].

Hoạt động kết nối và PVCĐ được Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam khẳng định trong sứ mạng, tầm nhìn và giá trị cốt lõi, theo đó Học viện là cơ sở đào tạo đại học và nghiên cứu đa ngành, đa lĩnh vực về thanh niên có uy tín hàng đầu ở Việt Nam; đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ Đoàn, lãnh đạo trẻ có chất lượng cho Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, hệ thống chính trị và đáp ứng nguồn nhân lực của xã hội; nghiên cứu khoa học phục vụ cho Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, Ban Bí thư Trung ương Đoàn quyết định các chủ trương về công tác đoàn và phong trào thanh thiếu nhi; chuyên giao công nghệ và phục vụ cộng đồng khẳng định uy tín ở khu vực và thế giới [H4.21.01.05].

Để thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ phục vụ cộng đồng có hiệu quả, Học viện đã ban hành Quy định về tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.21.01.06]. Theo đó, Học viện quy định cụ thể trách nhiệm của các đơn vị, tổ chức, đoàn thể trực thuộc, cán bộ, viên chức, người lao động, người học của Học viện và các bên liên quan đến hoạt động kết nối và PVCĐ của Học viện. Hàng năm, Học viện đã xây dựng Kế hoạch tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và PVCĐ trong đó có phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị, tổ chức đoàn thể xây dựng kế hoạch thực hiện hoạt động kết nối và PVCĐ năm học trên từng lĩnh vực [H4.21.01.07]. Các đơn vị căn cứ vào “Quy định về tổ chức các hoạt động kết nối và PVCĐ”, kế hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng

hàng năm tiến hành xây dựng kế hoạch riêng cho từng đơn vị để thực hiện hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ, cụ thể: Trung tâm Bồi dưỡng chủ trì phối hợp với các khoa xây dựng kế hoạch bồi dưỡng cán bộ chủ chốt Đoàn TNCSHCM, bồi dưỡng chức danh Bí thư Đoàn các cấp, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác Đội, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác tổ chức – kiểm tra, bồi dưỡng nghiệp vụ công tác văn phòng [H4.21.01.08] [H4.21.01.09] [H4.21.01.10] [H4.21.01.11] [H4.21.01.12]. Phòng ĐT&CTSV phối hợp với Trung tâm Bồi dưỡng, các Khoa xây dựng chương trình phối hợp thực hiện các đề tài nghiên cứu, chuyên giao khoa học công nghệ cho địa phương [H4.21.01.13]. Công đoàn xây dựng kế hoạch hoạt động theo từng năm để thực hiện các hoạt động ủng hộ người nghèo, đền ơn đáp nghĩa và các hoạt động nhân đạo, từ thiện [H4.21.01.14]. Đoàn Thanh niên Học viện đã chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức các hoạt động vì cộng đồng như Chương trình Mùa đông ấm, chiến dịch Mùa hè xanh, Xuân tình nguyện, Hiến máu nhân đạo... [H4.21.01.15].

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 21.2. Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thực hiện.

Các chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCĐ để thực hiện tầm nhìn và sứ mạng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam được triển khai, mang lại nhiều kết quả cụ thể như:

Nhằm hỗ trợ người học một cách tốt nhất, mang tới động lực để sinh viên cố gắng trong học tập, hàng năm, Học viện tổ chức trao học bổng cho sinh viên có thành tích xuất sắc trong học tập và rèn luyện, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn [H4.21.02.01].

Hàng năm, Học viện giao các khoa chuyên môn chủ động liên hệ và tiến hành ký kết hợp tác với các trung tâm, cơ sở thực hành, hoạt động này vừa hỗ trợ sinh viên được tiếp cận với thực tế nghề nghiệp vừa hỗ trợ các trung tâm, cơ sở thực hành tìm kiếm nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng trong quá trình hoạt động của đơn vị [H4.21.02.02], đồng thời để góp phần nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, các kỹ năng bổ trợ cho đội ngũ cán bộ của các cơ

quan, đơn vị, Học viện đã tổ chức nhiều khoá bồi dưỡng, cấp chứng chỉ như: tin học, bồi dưỡng nghiệp vụ Đoàn, Hội, Đội, bồi dưỡng nghiệp vụ văn phòng, bồi dưỡng nghiệp vụ cán bộ Đoàn chủ chốt, bồi dưỡng nghiệp vụ tổ chức – kiểm tra ... [H4.21.02.03]. Hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao khoa học công nghệ đã được triển khai, thực hiện [H4.21.02.04].

Hàng năm, Công đoàn Học viện, Đoàn Thanh niên Học viện đã tổ chức nhiều hoạt động gắn kết với cộng đồng như: Hiến máu nhân đạo; thăm và tặng quà cho gia đình chính sách; tổ chức quyên góp gây quỹ ủng hộ đồng bào lũ lụt Miền Trung; gây quỹ cho hoạt động tình nguyện Đông âm yêu thương; thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, gia đình có công với cách mạng; phối hợp với Phòng Công tác xã hội bệnh viện nhi thăm và tặng quà cho các em thiếu nhi có hoàn cảnh khó khăn đang điều trị tại bệnh viện; giúp đỡ gia đình thương binh liệt sĩ, gia đình chính sách; tổ chức chương trình thanh niên tình nguyện vì cộng đồng tại các địa phương; tham gia các hoạt động chống dịch Covid – 19... được Công đoàn, Đoàn thanh niên thực hiện thường xuyên mang lại hiệu quả tích cực góp phần thúc đẩy sự phát triển xã hội [H4.21.02.05] [H4.21.02.06].

Hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam luôn được quan tâm một cách đúng mức. Các hoạt động được triển khai trên kế hoạch đã xây dựng và tuân thủ theo đúng các quy định mà Học viện đã đề ra.

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 21.3. Triển khai được hệ thống đo lường, giám sát việc kết nối và phục vụ cộng đồng.

Hệ thống đo lường, giám sát hoạt động kết nối và PVCD được Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam xây dựng, triển khai cụ thể, rõ ràng, giúp hoạt động này từng bước đi vào chiều sâu và ngày càng mang tính chuyên nghiệp, đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả Học viện và cộng đồng.

Học viện đã chú trọng chỉ đạo việc ban hành, thực thi các chính sách, hướng dẫn thực hiện, khen thưởng cho CC, VC, NLD, SV tham gia tích cực

hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, Học viện đã triển khai được hệ thống đo lường, giám sát hoạt động này, giúp công tác kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD được thực sự đi vào chiều sâu, hoạt động có hệ thống đồng thời đánh giá được hiệu quả mang lại cho cả Học viện và cộng đồng. Hoạt động kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD, được các đơn vị thuộc, trực thuộc Học viện triển khai thực hiện các nội dung chi tiết **[H4.21.03.01]**.

Theo đó, công tác Đoàn và phong trào thanh niên được thể hiện qua các hoạt động lớn như: “Mùa hè xanh”, “Tiếp sức mùa thi”, “Hiên máu nhân đạo”, “Giọt máu hồng”, “Giọt hồng trao em”, “Đông ấm cho em”... Học viện ban hành một số tiêu chí, tiêu chuẩn làm cơ sở đo lường, đánh giá và giám sát các hoạt động PVCD của SV (SV5T, SV NCKH cấp Bộ, Mùa hè xanh, Xuân Tình Nguyễn, Hiên máu nhân đạo,...). Trong nội dung đánh giá các mặt rèn luyện của SV có khung thang điểm, trách nhiệm của công dân và kết nối PVCD. Trong tiêu chuẩn Tình nguyện tốt, quần chúng ưu tú để xem xét kết nạp vào Đảng CSVN có nội dung: SV tham gia một trong các chiến dịch, chương trình như: mùa hè xanh, xuân tình nguyện. Ngoài các tiêu chuẩn trên, ưu tiên xét chọn những SV tham gia tích cực vào CLB, các đội, nhóm tuyên truyền, vận động hiến máu tình nguyện (có xác nhận của CLB, đội, nhóm tham gia); Là thanh niên tiêu biểu được biểu dương, khen thưởng trên các lĩnh vực tại địa phương, đơn vị hoặc được nêu gương trên các phương tiện truyền thông đại chúng. Các chỉ số hoạt động này là công cụ đo lường mức độ hoàn thành/hiệu quả hoạt động kết nối và PVCD để xét SV đạt các danh hiệu thi đua **[H4.21.03.02] [H4.21.03.03]**.

Để đo lường, giám sát và đánh giá việc kết nối và cung cấp các dịch vụ PVCD của công chức, viên chức, người lao động, Học viện thực hiện theo quy định của Trung ương Đoàn để đánh giá mức độ hoàn thành công việc cá nhân: hoàn thành xuất sắc, hoàn thành tốt, hoàn thành và không hoàn thành nhiệm vụ. Trong Quy chế chi tiêu nội bộ, chi trả lương tăng thêm có mục đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác. Trên cơ sở, bản tự đánh giá, nhận xét cuối năm của viên chức, người lao động, Phòng Tổ chức - Hành chính Học viện tổng

hợp tất cả các mặt hoạt động gồm: Công tác chuyên môn, NCKH, hoạt động công đoàn, công tác đoàn. Sau đó Hội đồng tư vấn Học viện họp đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ công tác năm. Kết quả đánh giá là cơ sở để xem xét nâng lương và các khoản phụ cấp của viên chức, người lao động **[H4.21.03.04]**.

Học viện có đầy đủ cơ sở dữ liệu về hoạt động kết nối và PVCĐ, triển khai tới các đơn vị xây dựng kế hoạch hoạt động cho từng năm học, kết thúc từng hoạt động, các đơn vị và các tổ chức đoàn thể viết bài đăng trên trang thông tin điện tử của Học viện; có báo cáo công tác tháng, quý, năm học; tổng kết, đánh giá; thống kê các số liệu về nội dung kết nối và PVCĐ **[H4.21.03.05]** **[H4.21.03.06]** **[H4.21.03.07]** **[H4.21.03.08]**.

Nhằm mục đích nắm bắt và giải quyết các vấn đề phát sinh, Học viện giao phòng Đào tạo và Công tác sinh viên chủ trì đối thoại với sinh viên hàng tháng với sự tham gia của lãnh đạo Phòng Quản trị, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên, Đoàn Thanh niên Học viện, các đơn vị có liên quan và Ban cán sự các lớp đại học tại Học viện **[H4.21.03.09]**.

Để thực hiện công tác giám sát hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCĐ của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể, hàng năm Học viện đã xây dựng kế hoạch giám sát, yêu cầu đơn vị phụ trách báo cáo từ đó đề xuất các giải pháp góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động kết nối và PVCĐ **[H4.21.03.10]**.

Việc thực hiện các hoạt động phục vụ cộng đồng được ban hành đầy đủ từ: kế hoạch, tổ chức thực hiện, các nguồn lực thu nhận được từ các hoạt động; hoạt động sinh viên tình nguyện, hoạt động khai, bế giảng các lớp bồi dưỡng, hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, giảng viên,...được cập nhật và thông tin kịp thời trên website của Học viện; hồ sơ sinh viên; dữ liệu, thông tin về văn bằng, chứng chỉ được cập nhật và lưu giữ; hồ sơ về đào tạo, về công tác Đoàn, Công đoàn, Đoàn Thanh niên, chuyên môn, nghiệp vụ,... được lưu trữ ở các đơn vị chức năng.

Các hoạt động thiện nguyện của Công đoàn, Đoàn thanh niên chưa tổ chức triển khai thu thập thông tin bằng phiếu khảo sát. Hàng năm các đơn vị rà soát, tổng hợp và đánh giá kết quả các hoạt động, phân tích điểm mạnh và hạn chế

để xây dựng kế hoạch tốt hơn cho năm tiếp theo thông qua các báo cáo: báo cáo tổng kết công tác Đoàn, báo cáo tổng kết hoạt động của Công đoàn, báo cáo tổng kết năm học. Các báo cáo này được gửi công khai tới các đơn vị, cá nhân có liên quan để kịp thời duy trì, cải tiến các hoạt động cho những năm tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng, số lượng và hiệu quả các hoạt động kết nối và PVCĐ [H4.21.03.11] [H4.21.03.12] [H4.21.03.13].

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Tiêu chí 21.4. Việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng được cải tiến để đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan.

Hàng năm, Học viện đã xây dựng kế hoạch công tác năm, xây dựng kế hoạch và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, trong đó phân công nhiệm vụ cho từng đơn vị [H4.21.04.01] [H4.21.04.02]. Căn cứ nội dung kế hoạch tổng thể của Học viện, các phòng, khoa, trung tâm, các tổ chức đoàn thể đã xây dựng kế hoạch của từng đơn vị nhằm cụ thể hóa việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng [H4.21.04.03] [H4.21.04.04] [H4.21.04.05] [H4.21.04.06].

Với mục tiêu không ngừng để cải tiến đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan, hàng năm Phòng ĐT&CTSV xây dựng kế hoạch, tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên Học viện [H4.21.04.07]. Đoàn Thanh niên hoàn thiện báo cáo tổng kết công tác Đoàn các năm, đồng thời rà soát, cải tiến và đề xuất các kế hoạch triển khai cho năm tiếp theo nhằm nâng cao chất lượng và số lượng các hoạt động cũng như sự lan tỏa tới cộng đồng [H4.21.04.08].

Số lượng các hoạt động thiện nguyện, phong trào vì cộng đồng của Công đoàn và Đoàn thanh niên qua các năm đều được cải tiến và tăng cường thu hút được sự quan tâm tham gia của toàn thể cán bộ, giảng viên và sinh viên Học viện thông qua báo cáo tổng kết năm học, báo cáo tổng kết công tác Đoàn, báo cáo tổng kết Công đoàn [H4.21.04.09] [H4.21.04.10] [H4.21.04.11]. Trong thời gian gần đây, Học viện thực hiện khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về việc cung cấp các dịch vụ phục vụ và kết nối cộng đồng, đây là cơ sở để Học viện cải tiến các hoạt động này cho các năm tiếp theo, kết quả khảo sát đã chỉ

rõ các kết quả đạt được và những điểm cần lưu ý để tiến hành cải tiến [H4.21.04.12]. Trên cơ sở đó, Học viện tiến hành xem xét, đánh giá và có giải pháp cải tiến hàng năm thông qua các chỉ số về đào tạo, NCKH, cung cấp dịch vụ và gắn kết phát triển trong đó có các hoạt động về kết nối và PVCD được xác định trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ, mục tiêu chung nhằm ngày càng đáp ứng nhu cầu và sự hài lòng của các bên liên quan [H4.21.04.13].

Tự đánh giá mức tiêu chí: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 21:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã xây dựng được hệ thống văn bản về chính sách, kế hoạch kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD để thực hiện TN, SM của Học viện. Văn bản quy định rõ về nhiệm vụ và nhân sự chịu trách nhiệm xây dựng kế hoạch, chính sách kết nối và cung cấp dịch vụ cộng đồng.

- Các chính sách và hướng dẫn cho hoạt động kết nối và PVCD được triển khai thường xuyên, liên tục và đạt hiệu quả cao. Học viện đã chú trọng, có chính sách khuyến khích cho hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng.

- Học viện đã xây dựng hệ thống đo lường việc kết nối và phục vụ cộng đồng và triển khai giám sát một cách bài bản.

- Các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được rà soát, đề xuất cải tiến, đặc biệt được thích ứng linh hoạt trong từng giai đoạn phát triển của Học viện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa áp dụng công nghệ thông tin thường xuyên vào các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng.

- Hệ thống cơ sở vật chất chưa thực sự đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ phục vụ cộng đồng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Cần áp dụng và đẩy mạnh sử dụng công nghệ thông tin vào các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD.	BGD	Từ năm 2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Đầu tư vào hệ thống cơ sở vật chất để đáp ứng được yêu cầu của các hoạt động kết nối và cung cấp dịch vụ PVCD.	BGD; Phòng KH-TV; Quản trị; ĐT&CTSV	Hằng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 21</i>	5
Tiêu chí 21.1	5
Tiêu chí 21.2	5
Tiêu chí 21.3	5
Tiêu chí 21.4	5

Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo

Tiêu chí 22.1. Tỷ lệ sinh viên đạt yêu cầu và tỷ lệ thôi học của tất cả các chương trình đào tạo, các môn học/học phần được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Học viện tổ chức đào tạo theo khóa học, năm học và học kỳ. Khóa học là thời gian thiết kế để SV hoàn thành một CTĐT cụ thể. Thời gian của một khóa học được quy định trong CTĐT. Thời gian thực hiện các CTĐT của Học viện được quy định và thông báo cho SV vào đầu mỗi khóa học nhằm giúp NH có cái nhìn tổng quan các yêu cầu để thực hiện CTĐT theo đúng tinh thần của đào tạo theo học chế tín chỉ từ đó căn cứ vào năng lực cá nhân để có kế hoạch xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo một cách hiệu quả [H4.22.01.01] [H4.22.01.02]. Vào đầu mỗi năm học, trong các buổi họp chuyên môn của Khoa (HĐKH mở rộng, Họp mặt đầu năm, Sinh hoạt học thuật,...) các số liệu liên quan đến tỷ lệ tốt nghiệp đúng tiến độ, tỷ lệ thôi học và các lý do có nguy cơ ảnh hưởng đến kế hoạch đào tạo của người học sẽ được tổng hợp từ Bảng số liệu theo dõi của Phòng ĐT&CTSV để đưa vào phân tích và xây dựng Kế hoạch hành động năm học của Khoa nhằm cải tiến, nâng cao chất lượng đào tạo và đáp ứng các mục tiêu [H4.22.01.03] [H4.22.01.04] [H4.22.01.05].

Học viện có phần mềm quản lý đào tạo do đó các chỉ số liên quan đến NH như: các kết quả học tập, rèn luyện, kết quả tốt nghiệp, việc làm, ... luôn được lưu trữ, theo dõi, và đối sánh cải tiến [H4.22.01.06] [H4.22.01.07]. Việc quản lý đào tạo trên phần mềm giúp Học viện nắm bắt các chỉ số liên quan đến việc sinh viên tốt nghiệp đúng tiến độ hoặc sớm tiến độ theo từng ngành, từng khoá đào tạo giúp các Khoa phân tích tìm ra nguyên nhân, đưa ra các giải pháp cải tiến, xây dựng chương trình hành động đánh giá hiệu quả và đạt được mục tiêu năm học [H4.22.01.08]. Hàng năm, Phòng ĐT&CTSV đều tổng hợp các số liệu liên quan đến biến động và theo dõi tình hình SV không học, tỷ lệ SV thôi học [H4.22.01.09]. Phòng ĐT&CTSV sẽ phối hợp với các Khoa tổng hợp danh sách số lượng SV nghỉ học theo từng nguyên nhân, từng học kỳ, nhằm xác định đối tượng người học cần được hỗ trợ để từ đó thực hiện các giải pháp nâng cao

chất lượng đào tạo [H4.22.01.10]. Học viện cũng chủ động đưa ra các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả học tập cho NH, định kỳ kết thúc từng học kỳ, các Khoa cùng phòng ĐT&CTSV tổng hợp các nhóm học phần có tỷ lệ đạt thấp, học lại/thi lại cao và có nguy cơ ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp để phân tích nguyên nhân, giải pháp và đưa vào nội dung cần cải tiến phương pháp dạy-học, phương pháp kiểm tra đánh giá và CTĐT, kịp thời mở bổ sung các học phần ảnh hưởng tiến độ vào kế hoạch tổ chức đào tạo [H4.22.01.11]. Hệ thống chủ nhiệm lớp và cố vấn học tập cũng đặc biệt được Học viện chú trọng nhằm đưa ra các định hướng, đồng hành và đưa ra các biện pháp hỗ trợ kịp thời cho NH khai thác hiệu quả học chế tín chỉ [H4.22.01.12]. Bên cạnh đó, Học viện cũng có biện pháp cải tiến chất lượng phù hợp để tăng tỷ lệ tốt nghiệp và giảm tỷ lệ thôi học cho tất cả các chương trình đào tạo; giảm tỷ lệ học lại, thi lại môn học/học phần. Căn cứ vào quy định về đào tạo của Bộ GDĐT và các báo cáo thống kê, theo dõi, báo cáo tổng kết, đánh giá tỷ lệ tốt nghiệp, thôi học của tất cả các CTĐT hàng năm, Học viện tiến hành một số điều chỉnh nhằm tăng tỷ lệ tốt nghiệp, giảm tỷ lệ thôi học cho các chương trình đào tạo. Cụ thể là thay đổi quy định về đào tạo cho phù hợp [H4.22.01.13].

Định kỳ theo các kế hoạch rà soát, điều chỉnh và xây dựng mới CTĐT mới, bên cạnh công tác đối sánh CTĐT, Chuẩn đầu ra với các CSGD trong và ngoài nước, các chỉ số về tỷ lệ tốt nghiệp, bỏ học, thôi học giữa các khóa và với CTĐT của ngành khác của Học viện cũng được các Khoa tham khảo và đối sánh [H4.22.01.14] [H4.22.01.15]. Tỷ lệ tốt nghiệp đúng tiến độ ở các ngành đào tạo của Học viện đối chiếu với mục tiêu năm học hàng năm luôn đáp ứng được yêu cầu và định hướng phát triển của Học viện và có xu hướng tăng ở các ngành khi hiệu quả của đào tạo theo học chế tín chỉ và các điều chỉnh trong công tác triển khai đào tạo phù hợp được phát huy [H4.22.01.16]. Tuy nhiên, tỷ lệ thôi học, bỏ học cả khóa ở một số ngành hiện vẫn đang ở mức cao khi so sánh với các CSGD trong nước, và với các CSGD nước ngoài. Nhìn chung, công tác này vẫn còn tồn tại mặt hạn chế từ các yếu tố khách quan như: việc lấy số liệu đối sánh từ các CSGD khác cả trong và ngoài nước về các tỷ lệ tốt

nghiệp đúng tiến độ và thôi học, bỏ học là không thể hoặc không có nguồn cơ sở dữ liệu chính thống.

Nhiều hoạt động cải tiến chất lượng đào tạo được chuyển hoá thành công tác định kỳ, bắt buộc nhằm không ngừng cải tiến nâng cao chất lượng đào tạo người học của Học viện. Học viện liên tục đẩy mạnh các hoạt động hỗ trợ nhằm giúp người học có điều kiện tốt nghiệp đúng tiến độ như: có giải pháp với các học phần có ảnh hưởng đến tiến độ tốt nghiệp, tạo điều kiện cho SV có năng lực học tập tốt học vượt tiến độ [H4.22.01.17] [H4.22.01.18], tiếp tục đẩy mạnh vai trò của giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập phát huy thế mạnh định hướng, tư vấn và đồng hành cùng người học thực hiện kế hoạch học tập một cách hiệu quả [H4.22.01.19] [H4.22.01.20]. Liên tục rà soát đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá phù hợp với xu thế và yêu cầu đặc thù của ngành đào tạo, đặc biệt tăng cường lực trợ giảng [H4.22.01.21]. Lãnh đạo Học viện yêu cầu cụ thể đến tất cả các đơn vị chức năng thực hiện tốt vai trò của mình, luôn chủ động tìm hiểu ghi nhận các khó khăn của người học để có giải pháp hành động cụ thể thông qua các hoạt động hỗ trợ, vay vốn, khen thưởng,... [H4.22.01.22]. Bên cạnh đó, Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm, cố vấn học tập trong việc quản lý, tư vấn, hướng dẫn SV trong quá trình học tập, liên hệ kịp thời với gia đình để hạn chế tình trạng SV nghỉ học dài ngày, lựa chọn môn học phù hợp từng học kỳ, học cải thiện..., đồng thời hàng năm gửi kết quả học tập và rèn luyện về cho gia đình SV để cùng phối hợp quản lý và giáo dục SV [H4.22.01.23].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 22.2. Thời gian tốt nghiệp trung bình cho tất cả các CTĐT được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến.

Thời gian đào tạo thiết kế chuẩn cho chương trình đào tạo trình độ đại học phần lớn là 4 năm, CTĐT thạc sĩ là 18 tháng. Thời gian đào tạo tối đa được quy định rõ trong quy chế đào tạo các trình độ [H4.22.02.01] [H4.22.02.02]. Trong kế hoạch đào tạo dự kiến của mỗi ngành, kế hoạch đào tạo hằng năm đều được xác định thời gian tốt nghiệp dự kiến cho khóa học [H4.22.02.03]

[H4.22.02.04].

Việc theo dõi kết quả học tập của NH từ lúc vào đến khi tốt nghiệp được thực hiện bằng hệ thống phần mềm quản lý đào tạo. Hàng năm, Học viện tổng hợp và thống kê số lượng tốt nghiệp theo khóa học, ngành học, thời gian tốt nghiệp để theo dõi tiến độ tốt nghiệp của NH để từ đó có những cải tiến, điều chỉnh phù hợp **[H4.22.02.05]**.

Hệ thống theo dõi, giám sát, đánh giá người học được quy định cụ thể tại Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam **[H4.22.02.06]**. Phòng ĐT&CTSV là đơn vị đầu mối giám sát thời gian tốt nghiệp của người học toàn Học viện; phối hợp với phòng TT&ĐBCLGD giám sát, thống kê và quản lý người học tốt nghiệp. Bộ phận CTSV thuộc phòng ĐT&CTSV trực tiếp theo dõi, hỗ trợ người học **[H4.22.02.07]**. Bên cạnh đó, công cụ hỗ trợ cho việc thực hiện theo dõi, đánh giá là hệ thống phần mềm quản lý đào tạo của Học viện **[H4.22.02.08]**. Sau khi SV tích lũy đủ học phần, số tín chỉ và hoàn thành các nội dung bắt buộc khác Học viện tổ chức xét tốt nghiệp cho SV theo đúng quy định và xuất dữ liệu những SV chưa đủ điều kiện tốt nghiệp để theo dõi và có giải pháp hỗ trợ SV chưa tốt nghiệp **[H4.22.02.09]**. Báo cáo tổng kết đào tạo năm học hàng năm của các đơn vị cũng thể hiện nội dung này **[H4.22.02.10]**.

Để kiểm soát SV đăng ký môn học từng học kỳ nhằm xem xét tiến độ học tập của SV, hàng kỳ Phòng ĐT&CTSV tổng hợp dữ liệu thống kê số lượng SV đăng ký từng học phần **[H4.22.02.11]**. Hàng năm, căn cứ số lượng SV được công nhận tốt nghiệp, Học viện thực hiện việc đối sánh tỷ lệ tốt nghiệp của khóa trước so với khóa xét trong năm của cùng CTĐT và giữa các CTĐT **[H4.22.02.12]**. Thời gian tốt nghiệp trung bình của SV học các CTĐT cũng được thể hiện trong CTĐT và báo cáo của Phòng ĐT&CTSV về đánh giá, dự đoán xu thế về thời gian tốt nghiệp trung bình **[H4.22.02.13]**.

Để cải thiện và hỗ trợ cho SV tốt nghiệp đúng kỳ hạn và tăng tỷ lệ tốt nghiệp, vào các buổi họp xét công nhận tốt nghiệp, Hội đồng đều thảo luận để tìm giải pháp cải tiến **[H4.22.02.14]**. Ngoài ra, Học viện thực hiện việc tìm

hiểu, phân tích nguyên nhân tốt nghiệp muộn thông qua các buổi giao ban sinh viên hàng tháng, đối thoại giữa Ban Giám đốc Học viện với sinh viên các khoá để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng của SV để giải đáp và đề ra các biện pháp, giúp SV có điều kiện học tập tốt nhất để đạt tốt nghiệp [H4.22.02.15]. Cuối mỗi năm học, căn cứ vào danh sách sinh viên được công nhận tốt nghiệp [H4.22.02.16], Phòng ĐT&CTSV sẽ tổng hợp và tính toán thời gian tốt nghiệp trung bình theo từng niên khóa của chương trình đào tạo mình quản lý và thực hiện đối sánh thời gian tốt nghiệp trung bình các chương trình đào tạo theo từng năm học, theo từng hệ đào tạo [H4.22.02.17] [H4.22.02.18].

Bên cạnh đó, Học viện giao nhiệm vụ cụ thể cho đội ngũ giáo viên chủ nhiệm và cố vấn học tập trong việc quản lý, tư vấn, hướng dẫn SV trong quá trình học tập, hàng kỳ thông báo và rà soát tiến độ đăng ký học, lựa chọn môn học phù hợp từng học kỳ, học cải thiện...để nâng cao tỷ lệ tốt nghiệp cho SV, đồng thời theo năng lực SV có thể tốt nghiệp sớm [H4.22.02.19]. Và để nâng cao năng lực cho đội ngũ cố vấn học tập, Học viện tổ chức các buổi tập huấn nghiệp vụ để đội ngũ này thực hiện nhiệm vụ tốt hơn, hỗ trợ cho SV tốt hơn [H4.22.02.20]. Hàng năm để tạo điều kiện cho SV được trả nợ môn, học cải thiện để đáp ứng điều kiện tốt nghiệp, Học viện đều mở các lớp học phần bổ sung cho SV đăng ký và xét tốt nghiệp bổ sung cho SV [H4.22.02.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.3. Khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các chương trình đào tạo được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện ban hành CDR của các CTĐT để làm cơ sở đào tạo, đánh giá sau đào tạo, sự phù hợp giữa việc làm của người tốt nghiệp với ngành nghề được đào tạo, từ đó khả năng có việc làm của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được xác lập. Các CTĐT mô tả/đề cập đến vị trí việc làm mà người tốt nghiệp chương trình có thể đảm nhiệm [H4.22.03.01]. Để đáp ứng CTĐT phòng ĐT&CTSV đã lập Biểu đồ kế hoạch giảng dạy và học tập năm học [H4.22.03.02], xây dựng kế hoạch đào tạo [H4.22.03.03], từ đó đưa ra được chương trình đào tạo chi tiết [H4.22.03.04]. Nhờ đó, tỷ lệ có việc làm của người

học sau khi tốt nghiệp được xác định và được dự báo bám sát với tình hình thị trường lao động.

Khả năng có việc làm của NH tốt nghiệp của tất cả các CTĐT được giám sát. Nhằm thu nhận thông tin khách quan của các nhà tuyển dụng về “sản phẩm” đào tạo, giúp Học viện có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Kết nối với CSV, tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ SV và góp phần phát triển Học viện. Phòng ĐT&CTSV là đơn vị đầu mối triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, phòng TT&ĐBCLGD tổng hợp và phân tích dữ liệu để đưa ra các chỉ số thông qua các báo cáo và thông báo [H4.22.03.05]. Hình thức điều tra, khảo sát phong phú, đa dạng; thu nhận kết quả chính xác, phản ánh trung thực, khách quan tình trạng việc làm của SV sau tốt nghiệp. Dựa trên kế hoạch khảo sát lấy ý kiến người sử dụng lao động và khảo sát việc làm sau tốt nghiệp để làm căn cứ đề xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Học viện nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo [H4.22.03.06]. Học viện đã xây dựng hệ thống giám sát để theo dõi tỷ lệ SV có việc làm sau khi tốt nghiệp, dựa trên dữ liệu SV có việc làm của các ngành đào tạo và ý kiến đánh giá người sử dụng lao động về chất lượng sinh viên sau tốt nghiệp Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H4.22.03.07] [H4.22.03.08]. Đây cũng là các căn cứ quan trọng để Học viện điều chỉnh và cải tiến CTĐT cho phù hợp nhu cầu xã hội cũng như tình hình kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực trong giai đoạn tới.

Căn cứ vào báo cáo kết quả khảo sát tình hình việc làm của người học sau 01 năm tốt nghiệp cho thấy, tỷ lệ người học tốt nghiệp sau 01 năm có việc làm là ổn định, đây là cơ sở để Học viện xem xét điều chỉnh và cải tiến chương trình đáp ứng việc đào tạo nhân lực có chất lượng cao và phù hợp nhu cầu của cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên địa bàn và trong khu vực.

Học viện giao cho phòng ĐT&CTSV là đơn vị chủ trì, đầu mối triển khai các hoạt động hướng nghiệp và hỗ trợ tìm việc làm cho sinh viên tại các cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trên cơ sở chuyên môn được đào tạo. Hoạt động hỗ

trợ nâng cao khả năng có việc làm cho SV được Học viện chú trọng ngay từ khi SV còn đang học tập tại Học viện, Học viện luôn có các chương trình hướng nghiệp, thực tập sinh và hợp tác với doanh nghiệp để hỗ trợ tìm việc làm cho SV. Học viện đã ký kết nhiều biên bản hợp tác về tuyển dụng với các nhà tuyển dụng [H4.22.03.09], Phòng ĐT&CTSV lập kế hoạch tổ chức ngày hội việc làm cho SV hàng năm [H4.22.03.10], thông báo về việc tổ chức chương trình ngày hội việc làm [H4.22.03.11], báo cáo kết quả tổ chức ngày hội việc làm hàng năm [H4.22.03.12], lên danh sách các doanh nghiệp, đối tác hàng năm [H4.22.03.13], thông báo tuyển dụng của các DN đăng trên website Học viện [H4.22.03.14]. Bên cạnh đó, Học viện thường xuyên tổ chức các buổi nói chuyện, gặp gỡ với các cấp bộ Đoàn, phối hợp với Trung tâm việc làm Thanh niên Trung ương Đoàn gặp gỡ, trao đổi với sinh viên các thông tin về thị trường việc làm [H4.22.03.15].

Như vậy, có thể khẳng định Học viện đã luôn chủ động, tích cực và có rất nhiều chủ trương, chính sách và các hoạt động nhằm hỗ trợ NH có việc làm hoặc cơ hội thăng tiến nghề nghiệp sau khi tốt nghiệp. Tỷ lệ NH có việc làm và việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp ở mức cao.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 22.4. Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Chất lượng đào tạo bậc đại học là một vấn đề quan trọng thu hút sự quan tâm đặc biệt của Học viện và xã hội. Để đảm bảo chất lượng đào tạo, ngoài việc phải chú ý các điều kiện đảm bảo chất lượng bên trong như cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, chương trình... cần phải đáp ứng nhu cầu của cơ quan và doanh nghiệp sử dụng lao động. Trên cơ sở hướng đến mục tiêu đào tạo nhân lực chất lượng cao cho địa phương và khu vực Bắc Bộ, ngoài việc tuân thủ các điều kiện cần cho chất lượng đào tạo, Học viện cũng đang có kế hoạch khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học, bao gồm khảo sát: Đánh giá cán bộ, GV và nhân viên về chất lượng đào tạo và môi trường làm việc của Học viện, đánh giá của NH trước khi tốt nghiệp về chất lượng CTĐT,

phản hồi của các đơn vị sử dụng lao động về chất lượng SV sau tốt nghiệp, tình hình việc làm và lấy ý kiến đánh giá về CTĐT của SV sau tốt nghiệp, tình hình việc làm và lấy ý kiến đánh giá về CTĐT của SV sau tốt nghiệp [H4.22.04.01], từ đó đưa ra thông báo về việc khảo sát SV ĐH chính quy. Phòng ĐT&CTSV là đơn vị đầu mối triển khai lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan (thực hiện từ tháng 7/2023 về trước), phòng TT&ĐBCLGD (thực hiện từ sau tháng 7/2023); phòng TT&ĐBCLGD tổng hợp và phân tích dữ liệu đã đưa ra các chỉ số thông qua các báo cáo [H4.22.04.02], giúp Học viện có căn cứ để xem xét rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động liên quan nhằm nâng cao chất lượng đào tạo.

Hàng năm, Học viện xây dựng kế hoạch và tiến hành thực hiện khảo sát mức độ hài lòng của các bên liên quan: khảo sát người học về hoạt động giảng dạy theo từng kỳ học và cuối khóa học; khảo sát cán bộ, giảng viên về các hoạt động khác. Học viện thực hiện việc khảo sát qua phần mềm hoặc Khảo sát trực tuyến qua Google Form đối với các bên liên quan. Mẫu phiếu đánh giá về mức độ hài lòng của các bên liên quan đều được xây dựng dựa trên góp ý chi tiết của các bên tham gia đánh giá và các bên được đánh giá và được chỉnh sửa cập nhật định kỳ. Mức độ hài lòng của các bên liên quan được xác lập theo 5 mức: rất hài lòng/rất đồng ý (điểm 5), hài lòng/đồng ý (điểm 4), bình thường (điểm 3), không hài lòng/không đồng ý (điểm 2), không hài lòng/không đồng ý (điểm 1) [H4.22.04.03] [H4.22.04.04]. Hoạt động này đóng vai trò quan trọng và là một động lực để Học viện tiếp tục tiến hành các hoạt động cải tiến nâng cao khả năng đáp ứng nhu cầu xã hội của SV thông qua việc điều chỉnh và thay đổi hoạt động đào tạo ngày càng phù hợp hơn, đạt chất lượng cao theo mục tiêu cung cấp nguồn nhân lực cao cho địa phương và khu vực.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được giám sát. Nhằm thu nhận thông tin khách quan của các nhà tuyển dụng về “sản phẩm” đào tạo, giúp Học viện có căn cứ để điều chỉnh trong công tác quản lý, tuyển sinh, đào tạo phù hợp với nhu cầu xã hội. Kết nối với cựu sinh viên, tranh thủ tối đa sự ủng hộ về trí tuệ, tinh thần, vật chất giúp đỡ sinh viên và góp

phần phát triển Học viện. Hình thức điều tra, khảo sát phong phú, đa dạng; thu nhận kết quả chính xác, phản ánh trung thực, khách quan tình trạng việc làm của sinh viên sau tốt nghiệp. Dựa trên kế hoạch khảo sát lấy ý kiến người sử dụng lao động [H4.22.04.05], khảo sát tình hình việc làm và đánh giá chất lượng CTĐT [H4.22.04.06], khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về hoạt động giảng dạy của GV [H4.22.04.07], khảo sát lấy ý kiến phản hồi từ người học về chất lượng chương trình đào tạo [H4.22.04.08], khảo sát GV về môi trường làm việc và chất lượng chương trình đào tạo [H4.22.04.09], từ đó đưa ra mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp khóa trước so với khóa sau để làm căn cứ để xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động của Học viện nhằm nâng cao hiệu quả, chất lượng đào tạo.

Trên cơ sở các thông tin thu nhận được từ hoạt động khảo sát lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT, Học viện đã có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của người học tốt nghiệp của tất cả các CTĐT thông qua chính sách đảm bảo chất lượng [H4.22.04.10] [H4.22.04.11]. Tất cả các hoạt động của Học viện thường xuyên được rà soát và cải tiến chất lượng [H4.22.04.12], từ đó đưa ra quyết định thành lập mạng lưới đảm bảo chất lượng và Quy định về công tác đảm bảo chất lượng tại Học viện [H4.22.04.13] [H4.22.04.14]. Trưởng các phòng, khoa chịu trách nhiệm chính trong việc giám sát các hoạt động tại đơn vị mình quản lý, đại diện lãnh đạo chất lượng có trách nhiệm giám sát các biện pháp khắc phục được thực hiện thông qua Sổ tay đảm bảo chất lượng Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H4.22.04.15] áp dụng cho công tác quản lý và hoạt động đào tạo của Học viện.

Mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của NH tốt nghiệp được đối sánh để cải tiến. Để có số liệu đáng tin cậy báo cáo Bộ GDĐT, đồng thời làm căn cứ để xem xét, rút kinh nghiệm và điều chỉnh toàn bộ hoạt động, nâng cao chất lượng đào tạo, Học viện đã thực hiện đối sánh về mức độ hài lòng của các bên liên quan về chất lượng của SV tốt nghiệp khóa trước so với khóa sau trong báo cáo khảo sát tình hình việc làm và đánh giá chất lượng

chương trình đào tạo dành cho sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.22.04.16].

Học viện có cơ chế giám sát và sử dụng thông tin phản hồi về mức độ hài lòng của các bên liên quan. Sau khi kết thúc thời gian khảo sát, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục tiến hành tổng hợp xử lý thông tin dữ liệu khảo sát, công bố kết quả khảo sát và gửi về các đơn vị có liên quan. Dựa trên kết quả khảo sát, Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục phối hợp với Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và các khoa tham gia giảng dạy rà soát, chỉnh sửa chương trình đào tạo trình Ban Giám đốc Học viện xem xét, quyết định [H4.22.04.17].

Căn cứ theo quy định hướng dẫn về lấy ý kiến phản hồi các bên liên quan, nội dung báo cáo kết quả khảo sát không dừng lại ở phân tích kết quả đạt được trong năm học mà còn được đối sánh, phân tích với kết quả của cùng nhóm tiêu chí ở năm học trước. Đối với khảo sát lấy ý kiến của sinh viên về hoạt động giảng dạy: Kết thúc môn học người học sẽ tham gia đánh giá nội dung môn học, chất lượng giảng dạy của giảng viên, lịch giảng, lịch thi, ... thông qua mẫu phiếu đánh giá môn học. Đối với khảo sát lấy ý kiến của nhà tuyển dụng: Học viện tiến hành lấy ý kiến của nhà tuyển dụng về chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo, chất lượng người học sau khi tốt nghiệp phù hợp với công việc tại đơn vị, kiến thức, kỹ năng, hiệu quả công việc (mới thực hiện từ cuối năm 2023) [H4.22.04.18]. Dựa trên những báo cáo sau khi khảo sát, Học viện có biện pháp cải tiến chất lượng hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học, cụ thể như: Ban hành quy định về công tác cố vấn học tập [H4.22.04.19]; Ban hành mới 07 khung chương trình đào tạo các chuyên ngành tại Học viện [H4.22.04.20]; cải tiến các quy định về học bổng, khen thưởng, đánh giá kết quả rèn luyện của người học [H4.22.04.21].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 22

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện có hệ thống giám sát chặt chẽ tình hình học tập của SV trong suốt quá trình học tập, có các quy định cụ thể về đào tạo, đánh giá từ đầu vào,

quá trình học đến khi tốt nghiệp đảm bảo tính công bằng, tin cậy và được công bố công khai cho SV vào đầu khóa học, năm học.

- Các chương trình đào tạo và kế hoạch đào tạo hàng năm bám sát tình hình phát triển Kinh tế - Xã hội cũng như nhu cầu nhân lực của địa phương và khu vực Bắc Bộ.

- Mức độ phù hợp của công việc với các chuyên ngành đào tạo của Học viện tăng cao theo các năm;

- Có đơn vị chuyên trách hỗ trợ sinh viên, có chương trình hướng nghiệp và hỗ trợ sinh viên trong việc tìm kiếm việc làm, thực tập nghề nghiệp.

- Có hệ thống theo dõi, giám sát hoạt động khảo sát, đối sánh, đánh giá mức độ hài lòng của các bên liên quan đối với chất lượng của người học trước và sau tốt nghiệp của tất cả các CTĐT.

- Quy chế giám sát đầy đủ, phù hợp được thể hiện qua các văn bản hàng năm.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa thực hiện việc đối sánh và dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa các CTĐT của CSGD, với các CTĐT tương ứng trong nước và quốc tế.

- Một số ngành có tỷ lệ SV tốt nghiệp đúng hạn chưa cao.

- Việc hỗ trợ cho sinh viên tìm kiếm việc làm phù hợp với chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp còn hạn chế.

- Mặc dù Học viện đã có khảo sát các bên liên quan về chất lượng đào tạo, đã có đối sánh để tìm ra giải pháp cải tiến chất lượng giảng dạy. Tuy nhiên các giải pháp chưa được triệt để như việc đổi mới phương pháp giảng dạy của các giảng viên, cơ sở vật chất phục vụ giảng dạy và học tập của người học.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Giám sát việc nghỉ học và bảo lưu kết quả của SV; Đối sánh và dự đoán tỉ lệ tốt nghiệp, tỉ lệ thôi học giữa các CTĐT của CSGD, với các CTĐT tương ứng trong nước và quốc tế.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Xây dựng đội ngũ tư vấn viên thực hiện công tác tư vấn, hỗ trợ SV có học lực yếu trong quá trình học tập ngay từ năm thứ nhất.	Trung tâm Bồi dưỡng; Phòng ĐT&CTSV; Trợ lý các khoa	Hàng năm
3	Khắc phục tồn tại 3	Hỗ trợ SV tìm kiếm việc làm trong và ngoài nước phù hợp chuyên ngành đào tạo sau khi tốt nghiệp.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
4	Khắc phục tồn tại 4	Đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao trình độ của giảng viên;	Giảng viên	Hàng năm
5	Khắc phục tồn tại 5	Mua sắm trang thiết bị, cơ sở vật chất phục vụ hoạt động giảng dạy và học tập.	Phòng Quản trị	Hàng năm
6	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục rà soát, cập nhật CTĐT nhằm đáp ứng nhu cầu nhân lực cho doanh nghiệp.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
7	Phát huy điểm mạnh	Đẩy mạnh hợp tác với doanh nghiệp nhằm tìm kiếm và đảm bảo đầu ra cho SV	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
8	Phát huy điểm mạnh	Tiếp tục duy trì hoạt động khảo sát lấy ý kiến các bên liên quan về chất lượng đào tạo của Học viện để có những thay đổi, bổ sung kịp thời đáp ứng nhu cầu của xã hội.	Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 22</i>	4,25
Tiêu chí 22.1	5
Tiêu chí 22.2	4
Tiêu chí 22.3	4
Tiêu chí 22.4	4

Tiêu chuẩn 23. Kết quả nghiên cứu khoa học

Tiêu chí 23.1. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên và cán bộ nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động KH&CN là một trong 2 nhiệm vụ chủ yếu của các CSGD nói chung và Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam nói riêng. Vì vậy, loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được Học viện xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến. Cụ thể như sau:

* Loại hình và khối lượng nghiên cứu của đội ngũ GV được xác lập:

- Thực hiện SM, TN, Học viện đã ban hành Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam và các mục tiêu, chiến lược về phát triển hoạt động KH&CN. Kế hoạch thực hiện CLPT Học viện cũng như kế hoạch phát triển hoạt động KH&CN từng năm, từng giai đoạn đã được xây dựng. Thông qua các kế hoạch, các chỉ tiêu đối với từng loại hình KH&CN được xác định **[H4.23.01.01] [H4.23.01.02]**.

- Để cụ thể hóa chiến lược phát triển KH&CN, trong kế hoạch thực hiện giai đoạn 2018-2023, công tác NCKH của CB, GV được cụ thể hoá trong Quy định hoạt động KH&CN **[H4.23.01.03]**.

- Hàng năm hay trong từng giai đoạn Học viện điều chỉnh, bổ sung quy chế làm việc để quy định chế độ làm việc của viên chức và người lao động, trong đó quy định cụ thể chế độ làm việc và định mức chuẩn khối lượng công việc của giảng viên. Quy định đã nêu rõ yêu cầu về 02 hoạt động chính là giảng dạy và NCKH của giảng viên **[H4.23.01.04]**. Cụ thể, định mức giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên được xác lập theo chức danh giảng dạy (Điều 4 của Quy định) như sau:

Nhiệm vụ	Giảng viên cao cấp (Hạng I)	Giảng viên chính (Hạng II)	Giảng viên (hạng III)
Nghiên cứu khoa học	705	645	586

Hàng năm, Học viện triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, sinh viên được đăng kí tham gia nghiên cứu nếu đề tài được duyệt; còn

các giảng viên, viên chức học viện được đăng kí, tham gia nhiệm vụ khoa học các cấp (Khoa, Học viện, Bộ, Nhà nước) nếu đủ điều kiện.

* Công tác theo dõi, giám sát hoạt động NCKH của giảng viên đã được Học viện thực hiện ở các đơn vị:

Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên (bộ phận nghiên cứu khoa học) là đơn vị đầu mối theo dõi, giám sát các hoạt động nghiên cứu khoa học của viên chức, giảng viên Học viện **[H4.23.01.05]**.

- Viện Nghiên cứu Thanh niên là đơn vị tổng hợp các đề tài nghiên cứu khoa học của giảng viên báo cáo Trung ương Đoàn phê duyệt, kiểm tra, giám sát thực hiện **[H4.23.01.06]**.

- Các loại hình NCKH đều được thông báo rộng rãi, công khai tới các giảng viên **[H4.23.01.07]**. Việc đăng ký NCKH của giảng viên được xét chọn công khai với tiêu chí rõ ràng được quy định cụ thể trong quy định quản lý hoạt động KH&CN của Học viện.

- Các sản phẩm NCKH sau khi được hoàn thành đều được đánh giá theo đúng quy định và kết quả nghiên cứu được công bố công khai đến cán bộ, giảng viên trong Học viện **[H4.23.01.08]**.

- Để xây dựng và thường xuyên cập nhật số liệu cho cơ sở dữ liệu về loại hình nghiên cứu và khối lượng nghiên cứu đạt được của giảng viên, viên chức nghiên cứu, hàng năm phòng ĐT&CTSV thông báo và thực hiện thống kê giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên **[H4.23.01.09]**. Theo thông báo, các đơn vị triển khai việc kê khai giờ nghiên cứu khoa học, sau đó phòng ĐT&CTSV kiểm tra việc kê khai này để đảm bảo việc kê khai và đánh giá mức độ hoàn thành các chỉ tiêu về loại hình và khối lượng nghiên cứu của giảng viên, nghiên cứu viên rõ ràng, cụ thể, đảm bảo độ tin cậy, chính xác **[H4.23.01.10]**.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng hoạt động nghiên cứu của đội ngũ giảng viên được xây dựng thông qua các hoạt động kê khai giờ nghiên cứu khoa học của giảng viên **[H4.23.01.11]**, các bài báo được đăng trên các tạp chí khoa học, bài viết đăng trong các kỉ yếu hội

thảo, hội nghị các cấp... và các giải thưởng được trao tặng cho các công trình nghiên cứu khoa học của sinh viên **[H4.23.01.12]**.

- Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan được xác lập thông qua hội nghị công tác đào tạo, hội nghị viên chức người lao động của Học viện hàng năm. Học viện tổng hợp ý kiến phản hồi của các bên liên quan đến chất lượng hoạt động NCKH của GV thông qua các biên bản họp các ban chỉnh sửa quy chế chi tiêu nội bộ, quy chế làm việc. Hệ thống thu thập thông tin phản hồi còn được thực hiện thông qua các báo cáo hoạt động KH&CN hàng năm của Học viện trong báo cáo hội nghị công tác đào tạo, báo cáo hội nghị Cán bộ công nhân viên chức **[H4.23.01.13]**.

Hàng năm, giảng viên của Học viện thực hiện thống kê và báo cáo kết quả hoạt động NCKH của mình và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong quy chế làm việc. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong các quy chế làm việc của giảng viên **[H4.23.01.14]**. Còn kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên được đánh giá chất lượng thông qua kết quả nghiệm thu các cấp, và việc xét giải thưởng các cấp. Những năm gần đây, đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên Học viện không chỉ được trao giải thưởng trong trường mà còn được giải thưởng cấp quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo đứng ra tổ chức **[H4.23.01.15]**. Hoạt động đối sánh, đánh giá về chất lượng, khối lượng nghiên cứu của giảng viên Học viện cũng được thể hiện rõ trong báo cáo hoạt động khoa học hàng năm **[H4.23.01.16]**. Qua các báo cáo đó cho thấy số lượng chất lượng các đề tài NCKH tăng lên đáng kể. Cụ thể, số lượng các đề tài nghiệm thu được đánh giá loại khá và xuất sắc tăng so với những năm trước.

Bảng: Số lượng các đề tài NCKH thực hiện trong các năm 2018 - 2023

Các hoạt động	Năm						Tổng số
	2018	2019	2020	2021	2022	2023	
Đề tài cấp nhà nước							
Đề tài cấp bộ							
Đề tài cấp cơ sở	14	10	22	16	12	7	81
Tổng số							

Đề hoạt động nghiên cứu khoa học đạt chất lượng và hiệu quả cao hơn, hàng năm, Học viện chỉ đạo các bộ phận chuyên môn lập phương án cải tiến quy định, phương thức, loại hình, quy trình quản lý nghiên cứu khoa học. Những cải tiến này thường được đề xuất và được phê duyệt trong kế hoạch hoạt động khoa học hàng năm [H4.23.01.17]. Cụ thể:

- Cải tiến nghiên cứu khoa học của sinh viên: Triển khai hướng dẫn, đơn đốc, theo sát sinh viên trong quá trình thực hiện đề tài. Mỗi một khoa có sinh viên giao một nhóm các giảng viên phụ trách về nghiên cứu khoa học của sinh viên. Bên cạnh đó, đoàn trường và phòng Đào tạo và Công tác sinh viên cũng tích cực phối hợp các hoạt động phong trào thúc đẩy nghiên cứu khoa học sinh viên phát triển, khen thưởng tuyên dương những sinh viên có thành tích trong hoạt động nghiên cứu khoa học các cấp [H4.23.01.18].

- Hoàn thiện phương thức đánh giá chế độ làm việc của giảng viên và nghiên cứu viên về NCKH theo các chỉ số đánh giá chính [H4.23.01.19].

- Từng bước tin học hóa hệ thống quản lý KHCN, bằng việc xây dựng và ứng dụng phần mềm quản lý khoa học vào công tác quản lý khoa học của Học viện.

- Tăng cường vai trò của các đơn vị chuyên môn trong quản lý KHCN. Các Khoa là đầu mối để tập hợp, đánh giá các đề xuất và chủ quản các đề tài nghiên cứu, đề tài NCKH sinh viên [H4.23.01.20].

- Tạp chí Khoa học Thanh niên của Học viện đã có những cải tiến về quy

trình phản biện để từng bước nâng cao chất lượng tạp chí. Tạp chí đã được tính điểm công trình theo quy định của Hội đồng chức danh Giáo sư [H4.23.01.21].

Hàng năm, CB, GV của Học viện thực hiện thống kê và báo cáo kết quả hoạt động NCKH của mình và đây là một trong những căn cứ chính để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ và xét các danh hiệu thi đua, khen thưởng. Mức quy đổi từ các hoạt động NCKH được quy định cụ thể trong các quy chế làm việc của giảng viên [H4.23.01.22]. Đây là căn cứ để đối sánh, đánh giá hiệu quả, chất lượng hoạt động NCKH.

Học viện đã tiến hành cải tiến, áp dụng những chính sách nhằm khuyến khích cũng như nâng cao chất lượng hoạt động KH&CN, ví dụ như: Điều chỉnh các định mức chi cho KH&CN, mức thưởng cho các GV, CB có công bố quốc tế, ban hành quy định thành lập các nhóm nghiên cứu, thành lập các nhóm nghiên cứu và nhóm nghiên cứu mạnh [H4.23.01.23].

Do đó, chất lượng, số lượng đề tài/nhiệm vụ KH&CN có tăng lên đáng kể. Đặc biệt số lượng đề tài cấp cơ sở, cấp tỉnh, cấp Bộ đều tăng trong giai đoạn 2018-2023. Các đề tài tập trung nghiên cứu những vấn đề liên quan tới phát triển công tác xã hội và hoạt động đào tạo nên có tính ứng dụng cao.

Số lượng công bố khoa học đăng trên các tạp chí quốc tế uy tín (ISI/Scopus) cũng tăng đều trong giai đoạn 2018-2023. Nhiều sản phẩm NCKH thông qua các nhiệm vụ được công bố và ứng dụng trong thực tiễn sản xuất cũng như trong giảng dạy [H4.23.01.24].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.2. Loại hình và khối lượng nghiên cứu của NH được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

* Loại hình và khối lượng nghiên cứu của người học được xác lập

- Thông qua chiến lược phát triển Học viện, chiến lược phát triển hoạt động KH&CN và các kế hoạch thực hiện, Học viện đã xác định rõ hoạt động NCKH của người học. GV của Học viện đã tham gia nghiên cứu cùng các nhóm SV ngay từ khi lựa chọn đề tài đến khâu triển khai các hoạt động nghiên cứu đạt hiệu quả [H4.23.02.01] [H4.23.02.02] [H4.23.02.03] [H4.23.02.04]

[H4.23.02.05] [H4.23.02.06]. Kết quả NCKH của sinh viên được coi là một trong những tiêu chí xét điểm rèn luyện và cộng điểm học tập khi đạt các giải thưởng nghiên cứu **[H4.23.02.07]**. Các hình thức NCKH của SV được thể hiện qua việc viết bài đăng trên các ấn phẩm NCKH.

- Việc xác định loại hình nghiên cứu của người học được nêu rõ trong quy định quản lý hoạt động NCKH. Quy trình thực hiện, các loại hình nghiên cứu mà người học có thể tham gia cũng như trách nhiệm và nghĩa vụ của SV, GV hướng dẫn được nêu rõ **[H4.23.02.08]**.

- Để hoạt động NCKH của người học đạt kết quả cao, Học viện có những giải pháp, cơ chế tạo điều kiện cho những sinh viên tốt cả các khoá có thể tham gia vào NCKH. Trong quy định quản lý hoạt động KH&CN đã quy định cụ thể các loại hình hoạt động nghiên cứu. Các hình thức NCKH của SV được thể hiện qua việc viết bài đăng trên kỷ yếu khoa học, thông tin khoa học, các tạp chí, tham gia các giải thưởng, cuộc thi NCKH... **[H4.23.02.09]**. Các báo cáo khoa học SV được đánh giá bởi hội đồng khoa học theo các tiêu chí đánh giá như đối với một công trình khoa học thực thụ **[H4.23.02.10]**. Các SV NCKH đều được hỗ trợ tiếp cận và sử dụng các thiết bị phòng thí nghiệm của Học viện thông qua GV hướng dẫn, các báo cáo được hỗ trợ kinh phí thực hiện NCKH.

- BGD phân công Phó Giám đốc phụ trách về hoạt động KH&CN trong đó có hoạt động NCKH của SV. Phòng ĐT&CTSV có nhiệm vụ phối hợp chặt chẽ với các đơn vị để theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động của người học **[H4.23.02.11]**. Phòng ĐT&CTSV có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với các khoa để thực hiện hoạt động theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu, các hoạt động nghiên cứu khoa học của người học. Bên cạnh đó, Phòng ĐT&CTSV còn phối hợp với ĐTN đẩy mạnh các hoạt động tuyên truyền, vận động khích lệ các hoạt động NCKH của người học.

Quy trình thực hiện hoạt động theo dõi, giám sát này cũng được hướng dẫn trong kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên hàng năm của Học viện. Cụ thể: các quy định về đăng kí, xét chọn, hướng dẫn đề tài

nghiên cứu khoa học cho sinh viên đến quy trình đánh giá mức độ hoàn thành, khối lượng, chất lượng, loại hình nghiên cứu của người học đều được hướng dẫn cụ thể [H4.23.02.122]. Cụ thể, tháng 8 hàng năm, Học viện ban hành kế hoạch triển khai hoạt động nghiên cứu khoa học sinh viên. Căn cứ kế hoạch, các khoa hướng dẫn sinh viên đăng ký và xây dựng thuyết minh đề tài nghiên cứu khoa học; tổ chức Hội đồng khoa học cấp Khoa xét duyệt đề tài và đề cương chi tiết; tổng hợp danh sách tên đề tài, giảng viên hướng dẫn, bộ phận quản lý khoa học, Phòng ĐT&CTSV dự thảo Quyết định giao đề tài trình Ban Giám đốc Học viện phê duyệt; tổ chức nghiệm thu đề tài nghiên cứu khoa học của sinh viên; tổng hợp hồ sơ nghiệm thu đề tài, dự thảo Quyết định công nhận kết quả nghiên cứu khoa học của sinh viên [H4.23.02.13]. Đối với các đề tài nghiên cứu có chất lượng, Học viện gửi Bộ GDĐT xét giải thưởng nghiên cứu khoa học cấp bộ hàng năm [H4.23.02.14].

Bảng: Kết quả NCKH của sinh viên giai đoạn 2018 – 2022

Năm học	Số đề tài thực hiện	Số SV tham gia	Số đạt giải cấp Học viện	Số đạt giải cấp Bộ GD và ĐT
2018 - 2019	12	31	8 giải: 1 Nhất, 2 Nhì, 3 Ba, 2 KK	2 giải Ba
2019 - 2020	17	40	9 giải: 3 Nhất, 3 Nhì, 3 Ba	1 giải Ba
2020 - 2021	26	75	11 giải: 1 Nhất, 1 Nhì, 2 Ba, 7 KK	2 giải Ba
2021 - 2022	34	72	10 giải: 1 Nhất, 2 Nhì, 3 Ba, 4 KK	1 giải Nhì; 1 giải Ba; 1 giải KK

Bên cạnh đó, Học viện còn quy định kinh phí đầu tư nghiên cứu khoa học cho sinh viên trong Quy chế chi tiêu nội bộ [H4.23.02.15].

Để cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên về loại hình và chất lượng nghiên cứu, Phòng ĐT&CTSV đã phân công công việc cho 01 chuyên viên phụ trách nghiên cứu khoa học của sinh viên thực hiện nội dung này [H4.23.02.16].

Trên cơ sở hồ sơ triển khai đề tài sinh viên, danh sách đề tài NCKH của sinh viên hàng năm, chuyên viên này sẽ cập nhật hoạt động nghiên cứu khoa học của người học.

Nhằm đẩy mạnh và nâng cao chất lượng hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, Học viện quan tâm tới các hoạt động đối sánh về khối lượng và chất lượng nghiên cứu của người học. Bên cạnh đó, thông qua việc gửi các đề tài xuất sắc đi dự thi, đánh giá ở cấp Bộ GDĐT cũng là cơ hội tốt để Học viện so sánh, đánh giá chất lượng sinh viên NCKH trong trường với các trường đại học khác trên cả nước [H4.23.02.17]. Hoạt động đối sánh này cũng được phản ánh trong Báo cáo hoạt động NCKH sinh viên hàng năm tại Hội nghị tổng kết công tác NCKH của sinh viên hàng năm [H4.23.02.18].

Bên cạnh đó, Học viện cũng thường xuyên quan tâm, cải tiến các biểu mẫu nghiên cứu, hướng dẫn nghiên cứu, các tiêu chí đánh giá thi đua khen thưởng liên quan đến chất lượng nghiên cứu khoa học cho phù hợp với tình hình phát triển của Học viện và xã hội. Trong giai đoạn từ 2018-2023, hoạt động NCKH sinh viên của Học viện đã đạt được những giải thưởng đáng khích lệ [H4.23.02.19].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.3. Loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Trong quy định quản lý hoạt động KH&CN của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam, Học viện đã xác lập các loại hình công bố khoa học bao gồm: Bài báo đăng tải trên các tạp chí khoa học trong nước, bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế thuộc danh mục ISI/SCOPUS và bài báo đăng tải trên các tạp chí quốc tế khác, báo cáo khoa học đăng trong các kỷ yếu hội nghị, hội thảo trong nước và quốc tế, giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, sách hướng dẫn, các chương sách [H4.23.03.01].

Các quy định cụ thể về các loại hình và số lượng các công bố khoa học cho từng năm được thể hiện trong kế hoạch hoạt động KH&CN hàng năm [H4.23.03.02].

Trong kế hoạch hàng năm, Học viện đề ra các chỉ tiêu cụ thể về các loại hình công bố khoa học như bài báo đăng trên tạp chí quốc tế uy tín, bài báo đăng trên các tạp chí quốc gia, hội thảo khoa học, Thông tin khoa học của Học viện, sách giáo trình, sách chuyên khảo, tham khảo, hội thảo khoa học các cấp, đề tài các cấp. Điều này cho thấy Học viện quan tâm đến việc gia tăng số lượng các công bố trong và ngoài nước **[H4.23.03.03] [H4.23.03.04]**.

Học viện luôn quan tâm tới công tác thống kê, tổng hợp và công bố dữ liệu về KH&CN. Số liệu thống kê được lấy từ việc kê khai các sản phẩm khoa học đã công bố của giảng viên. Hàng năm, Học viện rà soát, đánh giá kết quả hoạt động, nhận dạng những điểm mạnh và những điểm yếu cần khắc phục. Học viện đã tiến hành đối sánh số lượng và chất lượng các công bố khoa học của Học viện theo thời gian và giữa các đơn vị **[H4.23.03.05]**.

Thông qua các báo cáo tổng kết đánh giá những hoạt động KH&CN hàng năm, Học viện luôn quan tâm đến thống kê, tổng hợp và công bố dữ liệu về KH&CN. Số liệu thống kê được lấy từ việc kê khai các sản phẩm khoa học đã công bố của GV. Hàng năm, phòng ĐT&CTSV thực hiện theo dõi, giám sát. Cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học được thực hiện thông qua việc tổng hợp danh sách các bài viết đăng trên các tạp chí khoa học trong nước và quốc tế cũng như trong các hội thảo khoa học trong và ngoài nước. Nhiều tạp chí được các GV Học viện chọn đăng là các tạp chí thuộc danh mục ISI/Scopus **[H4.23.03.06]**.

Cơ sở dữ liệu được cập nhật về các loại hình và số lượng các công bố khoa học bao gồm cả các trích dẫn, chỉ số IF được thực hiện thông qua việc tổng hợp danh sách các bài viết đăng trên hội thảo, hội nghị của Học viện và trong nước, danh sách các bài viết đăng trên hội thảo, hội nghị quốc tế **[H4.23.03.07]**.

Mặc dù đã có hệ thống theo dõi và đối sánh số lượng công bố khoa học nhưng trong hoàn cảnh Việt Nam chưa có hệ thống quản lý trích dẫn khoa học nên vấn đề theo dõi, đối sánh trích dẫn khoa học của học viện hiện nay chưa được thực hiện toàn diện, Học viện mới chỉ sử dụng các chức năng của hệ thống Website của Google Scholar để lấy số liệu về trích dẫn của các công bố ISI.

Hiện tại, Học viện đang triển khai các hoạt động hỗ trợ các công bố quốc tế, ưu tiên xét chọn các đề tài có công bố ISI/SCOPUS... động viên, khuyến khích sự phấn đấu của các giảng viên, nghiên cứu viên trong hoạt động nghiên cứu nhằm gia tăng về số lượng cũng như chất lượng các công bố khoa học của học viện trong thời gian tới [H4.23.03.08]. Để nâng cao chất lượng cũng như gia tăng khả năng công bố quốc tế của các giảng viên, Học viện đã có chính sách hỗ trợ khen thưởng, hỗ trợ kinh phí cho các nhà khoa học khi công bố quốc tế, khi đi tham dự các hội thảo quốc tế. Chính sách này cũng được điều chỉnh hàng năm để phù hợp với tình hình thực tế. Ngoài ra, Học viện cũng ưu tiên xét chọn các chương trình nghiên cứu, đề tài KH&CN cấp cơ sở có cam kết công bố quốc tế trên các tạp chí quốc tế có uy tín thuộc các danh mục ISI/Scopus... Các chính sách này cũng được thay đổi, điều chỉnh thường xuyên cho phù hợp với tình hình thực tế.

Ngoài ra, Học viện chú trọng việc chủ trì tổ chức các hội nghị quốc tế liên quan đến thế mạnh của Học viện và phù hợp với định hướng, chiến lược phát triển của Học viện. Để tạo điều kiện cho các nhà khoa học, đội ngũ giảng viên, nghiên cứu viên công bố các nghiên cứu của mình, Học viện đã định kỳ xuất bản các số của Tạp chí Khoa học Thanh niên [H4.23.03.09].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 23.4. Loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Tài sản trí tuệ của Học viện là các giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài giảng, bài báo khoa học, các công trình nghiên cứu khoa học và các sáng kiến, cải tiến... Học viện luôn quan tâm và mong muốn đầu tư phát triển tiêu chí này. Loại hình và số lượng các TSTT được Học viện quy định cụ thể trong Quy định quản lý hoạt động KH&CN. Trong đó, các tài sản trí tuệ trong hoạt động KH&CN của Học viện đã được quy định cụ thể [H4.23.04.01]. Hàng năm, Học viện đều tiến hành rà soát công tác SHTT [H4.23.04.02].

Hiện tại, Học viện đang tiến hành rà soát các loại hình sản phẩm khoa học công nghệ để đăng ký sở hữu trí tuệ. Việc nâng cao hiểu biết về quyền sở hữu

trí tuệ cho viên chức, giảng viên và gia tăng số lượng sản phẩm KH-CN đăng ký quyền sở hữu trí tuệ đang là một trong những hoạt động được ưu tiên. Học viện đã thực hiện việc tuyên truyền phổ biến về những vấn đề liên quan đến sở hữu trí tuệ, các quy định của Nhà nước về sở hữu trí tuệ thông qua các buổi hướng dẫn viết thuyết minh đề cương chi tiết các đề tài NCKH, viết các bài báo khoa học. Trên cơ sở đó, Học viện khuyến khích các đơn vị thực hiện và cá nhân chủ trì nhiệm vụ KH-CN đăng ký bản quyền sở hữu trí tuệ cho các sản phẩm KH-CN và có quy định cụ thể về bản quyền sở hữu trí tuệ sản phẩm KH-CN. Tuy nhiên, do Học viện tham gia quá trình đào tạo đại học chưa lâu nên lĩnh vực sở hữu trí tuệ về các sản phẩm khoa học của Học viện còn khiêm tốn và hạn chế.

Công tác quản lý các tài sản trí tuệ, cũng như việc giám sát đảm bảo tuân thủ các quy định về sở hữu trí tuệ. Đối với các sáng kiến, cải tiến, Học viện giao Phòng Tổ chức – Hành chính quản lý [H4.23.04.03]. Đối với các bài báo khoa học, các công trình nghiên cứu khoa học, Học viện giao Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên phối hợp với Viện Nghiên cứu Thanh niên quản lý [H4.23.04.04]. Đối với giáo trình, sách chuyên khảo, sách tham khảo, bài giảng, Học viện giao Trung tâm Thông tin – Thư viện quản lý [H4.23.04.05]. Học viện xác định việc nâng cao hiểu biết về quyền SHTT cho viên chức và người học để không xảy ra vi phạm quyền SHTT là một trong những hoạt động được ưu tiên. Học viện đã ban hành hướng dẫn cụ thể về vấn đề trích dẫn, kiểm tra đạo văn là một tiêu chí trong việc đánh giá, nghiệm thu đề tài KH&CN. Đối với các bài viết đăng trên tạp chí của Học viện, trong các hội thảo, Học viện cũng có quy định cụ thể về trích dẫn nguồn tài liệu, kiểm tra đạo văn [H4.23.04.06].

Cơ sở dữ liệu được cập nhập về tài sản trí tuệ thông qua: Danh sách các bài báo khoa học được tính điểm hàng năm [H4.23.04.07]; Danh sách các sáng kiến, cải tiến [H4.23.04.08]; Danh sách giáo trình, tập bài giảng biên soạn hàng năm [H4.23.04.09]; Danh sách đề tài sinh viên, đề tài viên chức, giảng viên hàng năm [H4.23.04.10].

Học viện đã thực hiện việc đối sánh loại hình và số lượng các loại hình số lượng các tài sản trí tuệ; thực hiện việc rà soát, điều chỉnh các chỉ số về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ hàng năm đồng thời có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các tài sản trí tuệ của trường. Tuy nhiên, những hoạt động này còn rất hạn chế. Học viện cũng có kế hoạch cải tiến chất lượng các TSTT căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về loại hình và số lượng các TSTT của Học viện. Các hoạt động này thể hiện qua báo cáo KH&CN hàng năm [H4.23.04.11].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.5. Ngân quỹ cho từng loại hoạt động nghiên cứu được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là đơn vị đào tạo và nghiên cứu khoa học trực thuộc Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh. Do đó, hàng năm, Học viện được Trung ương Đoàn hướng dẫn lập dự toán kinh phí nghiên cứu khoa học. Kinh phí từ hoạt động nghiên cứu khoa học là một phần trong nguồn thu tổng thể của Học viện góp phần nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ hoạt động đào tạo và nghiên cứu, đồng thời cải thiện thu nhập của viên chức, giảng viên và người lao động. Học viện có văn bản quy định cụ thể việc phân bổ ngân quỹ cho từng loại hoạt động NCKH, khen thưởng NCKH cũng như tổng chi cho hoạt động nghiên cứu khoa học và chuyển giao công nghệ đáp ứng các quy định hiện hành trong các văn bản như: Quy chế chi tiêu nội bộ, Dự toán thu chi tài chính hàng năm của Học viện, Dự toán thu chi ngân sách nhà nước từ năm 2018 đến 2023. [H4.23.05.01] [H4.23.05.02] [H4.23.05.03].

Chi cho hoạt động KH&CN được thực hiện theo đúng quy định. Đối với các đề tài/nhiệm vụ cấp tỉnh, Bộ trở lên (nguồn kinh phí được cấp từ ngân sách Nhà nước), việc thực hiện chi căn cứ theo quy định của Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở cũng như các hoạt động KH&CN khác từ ngân sách của Học viện được chi theo các định mức trong quy chế chi tiêu nội bộ [H4.23.05.04].

Học viện có hệ thống thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan thông qua biên bản hội nghị sinh viên NCKH, hội nghị cán bộ công nhân viên chức, các báo cáo của các đơn vị chuyên môn liên quan đến hoạt động KH&CN, báo cáo tổng kết của Học viện, báo cáo tổng kết hoạt động KH&CN của phòng ĐT&CTSV. Bên cạnh đó, thông qua quy chế chi tiêu nội bộ Học viện thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan về hoạt động KH&CN **[H4.23.05.05]** **[H4.23.05.06]** **[H4.23.05.07]**.

Học viện có hệ thống giám sát việc chi cho hoạt động KH&CN theo quy định của Nhà nước (đối với các nhiệm vụ/ đề tài sử dụng ngân sách nhà nước) và theo quy chế chi tiêu nội bộ (đối với những nhiệm vụ/đề tài/hoạt động sử dụng kinh phí của Học viện). Các kết quả thanh tra, kiểm toán hàng năm cũng cho thấy việc chi cho NCKH đảm bảo theo đúng dự toán, theo đúng quy định của Nhà nước và của Học viện **[H4.23.05.08]**.

Trong giai đoạn 2018 - 2013, nguồn thu từ hoạt động NCKH của Học viện chủ yếu đến từ kết quả hoạt động nghiên cứu và dịch vụ khoa học của Viện nghiên cứu Thanh niên cũng như các đề tài nghiên cứu khoa học của Học viện. Trong các năm qua nguồn thu từ hoạt động này khá ổn định và tăng đều qua các năm. Công tác thu chi tài chính cho hoạt động khoa học công nghệ của Học viện được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo công khai minh bạch. Kinh phí chi cho hoạt động nghiên cứu bao gồm: Kinh phí ngân sách cấp cho các đề tài, dự án; Kinh phí đầu tư cho các đề tài cơ sở; Kinh phí đầu tư cho đề tài NCKH sinh viên; Kinh phí tổ chức các hội thảo, hội nghị hàng năm; Kinh phí biên soạn, xuất bản giáo trình, tập bài giảng; Kinh phí hỗ trợ đoàn đi tham dự hội thảo, hội nghị nước ngoài... **[H4.23.05.09]**.

Học viện luôn đảm bảo, chú trọng đầu tư chi cho các hoạt động KH&CN từ nguồn thu của Học viện. Ngoài ra, Học viện còn cụ thể hóa việc đánh giá hoạt động khoa học công nghệ của Viện nghiên cứu Thanh niên, các đơn vị thông qua việc thống kê về nghiên cứu khoa học trong các báo cáo tổng kết hàng năm. Trên cơ sở đó, Học viện đưa ra các biện pháp, các bài học kinh nghiệm cũng như lấy ý kiến rộng rãi của viên chức, giảng viên, người lao động về các biện

pháp đẩy mạnh hoạt động KH&CN và tăng nguồn thu từ hoạt động KH&CN [H4.23.05.10].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 23.6. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện có quy định cụ thể về kết quả nghiên cứu và sáng tạo trong hoạt động NCKH tại Quy định về tổ chức và quản lý hoạt động nghiên cứu khoa học của Học viện [H4.23.06.01]. Kết quả nghiên cứu và sáng tạo bao gồm thương mại hóa và chuyên giao tri thức cho cộng đồng, doanh nghiệp. Các kết quả NCKH và sáng tạo được ghi nhận thông qua các báo cáo hoạt động KH&CN. Cụ thể là, các kết quả nghiên cứu từ các đề tài/nhiệm vụ cấp trên cơ sở (cấp quốc gia, cấp Bộ) được chuyên giao cho các cơ quan quản lý Nhà nước. Các đề tài/nhiệm vụ cấp Tỉnh/Thành phố được chuyên giao cho các địa phương. Nhiều đề tài/nhiệm vụ cấp cơ sở được chuyên giao cho các doanh nghiệp, tổ chức [H4.23.06.02] [H4.23.06.03] [H4.23.06.04] [H4.23.06.05].

Học viện đã tích cực, chủ động, sáng tạo thực hiện sứ mạng PVCD thông qua các hoạt động: Xây dựng các khóa đào tạo để phát triển cộng đồng, đổi mới các mô hình đào tạo và hợp tác với các cơ quan, đơn vị hướng tới tạo ra giá trị gia tăng cho cộng đồng, đầu tư cho các hoạt động và dự án khởi nghiệp đổi mới sáng tạo hướng tới PVCD, thực hiện các hoạt động thiện nguyện... Đánh dấu cho việc tích cực tham gia hoạt động đổi mới sáng tạo, khuyến khích mọi hoạt động đổi mới sáng tạo [H4.23.06.06] [H4.23.06.07].

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập các đơn vị khởi nghiệp) được thể hiện qua Báo cáo hoạt động khoa học công nghệ hàng năm [H4.23.06.08], Phân công nhiệm vụ cho lãnh đạo Học viện phụ trách nghiên cứu khoa học [H4.23.06.09], bộ phận nghiên cứu khoa học phòng ĐT&CTSV; quy chế tổ chức và hoạt động của Viện Nghiên cứu Thanh niên [H4.23.06.10].

Các báo cáo và kết quả thống kê hàng năm cho thấy có sự gia tăng về công bố khoa học, trong đó có nhiều công bố khoa học chất lượng cao trên các tạp chí ISI/SCOPUS. Học viện đã nhận được các giải thưởng về khoa học công nghệ cấp Bộ cho lĩnh vực nghiên cứu khoa học của sinh viên; một số cán bộ, giảng viên đã tham gia, chủ trì các đề tài cấp nhà nước, cấp bộ được cấp giấy chứng nhận [H4.23.06.11].

Đầu mỗi của đơn vị khởi nghiệp do phòng ĐT&CTSV phụ trách, các sản phẩm KH&CN còn rất hạn chế. Để nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học, Học viện đã tiến hành khảo sát về sự hài lòng của các cá nhân, đơn vị về công tác KH&CN của Học viện [H4.23.06.12]. Các ý kiến góp ý bao gồm cá nhân, bộ môn, khoa, đơn vị sự nghiệp về công tác quản lý, quy định khen thưởng, thu chi, cơ chế hoạt động đã được tổng hợp, xem xét để cải tiến trong quy định quản lý hoạt động KH&CN [H4.23.06.13].

Học viện đã bước đầu thực hiện việc đối sánh về kết quả nghiên cứu và sáng tạo (bao gồm cả việc thương mại hóa, thử nghiệm chuyên giao, thành lập bộ phận phụ trách khởi nghiệp), thực hiện rà soát và điều chỉnh hoạt động nghiên cứu và sáng tạo, có kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động căn cứ thông tin phản hồi của các bên liên quan về chất lượng kết quả nghiên cứu và sáng tạo. Hoạt động này trước hết được thể hiện trong các văn bản chiến lược về KH&CN của Học viện [H4.23.06.14]. Ngoài ra, việc này còn được thể hiện trong các văn bản của Học viện như báo cáo tổng kết hoạt động nghiên cứu khoa học hàng năm [H4.23.06.15], Chiến lược phát triển khoa học công nghệ của Học viện theo giai đoạn [H4.23.06.16].

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 23:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Học viện đã có những quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng NCKH mà đội ngũ viên chức phải thực hiện theo quy định hiện hành.

- Học viện đã có hệ thống và thực hiện việc theo dõi, giám sát các hoạt

động NCKH của đội ngũ viên chức.

- Học viện đã xây dựng được cơ sở dữ liệu và cơ sở dữ liệu được cập nhật thường xuyên về loại hình, khối lượng, chất lượng nghiên cứu.

- Học viện đã xây dựng được các quy định cụ thể về các loại hình hoạt động nghiên cứu, số lượng và chất lượng nghiên cứu mà người học thực hiện.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Chưa xây dựng cơ sở dữ liệu về khoa và công nghệ.

- Kinh phí hàng năm dành cho nghiên cứu cứu khoa học công nghệ trong Học viện đang còn thấp.

- Công tác khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo và SHTT chưa được cán bộ, giảng viên đầu tư.

- Tổng thu từ nghiên cứu khoa học và công nghệ còn hạn chế.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Phát huy điểm mạnh 3	Thúc đẩy số lượng và chất lượng nghiên cứu do SV thực hiện	Phòng ĐT&CTSV; Khoa	Thường xuyên
2	Phát huy điểm mạnh 4	Cải tiến, theo dõi, giám sát loại hình, khối lượng và chất lượng nghiên cứu	Phòng ĐT&CTSV; Khoa	Thường xuyên
3	Khắc phục tồn tại 1	Xây dựng hệ thống phần mềm quản lý về dữ liệu khoa học và công nghệ	BGD; Phòng ĐT&CTSV; Quản trị	2024-2025
4	Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung nguồn kinh phí cho công tác NCKH	BGD; Phòng KH-TV	2024-2025
5	Khắc phục tồn tại 3	Thành lập các câu lạc bộ khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức, hiểu biết về các quy định liên quan tới hoạt động SHTT cho CB, GV của Học viện	BGD; Phòng ĐT&CTSV; Các khoa	2024-2025
6	Khắc phục tồn tại 4	Hoàn thiện cơ chế chính sách để tăng cường nguồn thu cho Khoa học và công nghệ	Phòng ĐT&CTSV,	Từ năm học 2024-2025

4. Mức đánh giá

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 23</i>	<i>4,75</i>
Tiêu chí 23.1	5
Tiêu chí 23.2	5
Tiêu chí 23.3	5
Tiêu chí 23.4	4
Tiêu chí 23.5	4
Tiêu chí 23.6	4

Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng

Tiêu chí 24.1. Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Để hiện thực hóa sứ mệnh và tầm nhìn, Học viện đã có quy định cụ thể về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng (PVCD), đóng góp cho xã hội tại Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [H4.24.01.01]. Chiến lược xác định: Phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội; chuyên định hướng đào tạo của Học viện từ đào tạo theo năng lực sang đào tạo theo nhu cầu xã hội; mở các mã ngành đào tạo mới phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội; Phát triển quy mô đào tạo theo nhu cầu của các đơn vị, doanh nghiệp; Chủ động phối hợp với các tỉnh, thành đoàn tổ chức bồi dưỡng theo nhu cầu; tăng số lượng và chất lượng các sản phẩm NCKH có tính ứng dụng cao đối với nhu cầu xã hội; tăng cường gắn kết và hợp tác phát triển để tổ chức thực hiện các chương trình đào tạo phục vụ cộng đồng.

Loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối, PVCD, đóng góp cho xã hội còn được xác lập ở các mục tiêu ngắn hạn của Học viện, được xây dựng vào đầu năm học và cụ thể hoá bằng việc triển khai kế hoạch năm học, chương trình công tác hàng năm của chung Học viện và các đơn vị [H4.24.01.02] [H4.24.01.03]; tại Hội nghị viên chức, người lao động hàng năm [H4.24.01.04]. Kế hoạch hàng năm của các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện có chỉ rõ các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và PVCD như: 100% công đoàn viên tham gia các hoạt động nhằm quyên góp gây quỹ từ thiện, hiến máu nhân đạo, tổ chức các chương trình tình nguyện mùa hè xanh, các chương trình thiện nguyện...[H4.24.01.05] [H4.24.01.06]. Nội dung, số lượng và hình thức tổ chức các chương trình, hoạt động luôn được xác định rõ ràng, cụ thể, hồ sơ lưu trữ cẩn thận qua hàng năm [H4.24.01.07].

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã xây dựng hệ thống giám sát về

loại hình, khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội thông qua kế hoạch đảm bảo chất lượng năm học, kế hoạch, chương trình công tác đã được phê duyệt và giám sát thông qua báo cáo các cuộc họp của Đảng ủy, Hội đồng trường, họp giao ban tuần, tháng, nhằm kịp thời phát hiện các vấn đề khó khăn, tồn tại từ đó có các giải pháp để đạt được các mục tiêu kết nối và PVCD đã đề ra [H4.24.01.08]. Thành viên trong Ban Giám đốc Học viện cũng được phân công nhiệm vụ rất cụ thể các nội dung phụ trách lĩnh vực hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội [H4.24.01.09]. Đối với các hoạt động kết nối, PVCD thuộc mục tiêu đào tạo và NCKH còn được giám sát thông qua Hội đồng Khoa học và Đào tạo [H4.24.01.10]; đối với các hoạt động PVCD của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện được giám sát bởi Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện và các đơn vị có liên quan [H4.24.01.11] [H4.24.01.12]. Ngoài ra, công tác kiểm tra, giám sát các loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được cụ thể hóa trong quy chế làm việc của Ban thanh tra nhân dân [H4.24.01.13]. Đảng ủy, Ban Giám đốc Học viện cũng thường xuyên nhắc nhở, triển khai nghiêm túc thông qua Nghị quyết hàng tháng của Đảng ủy và thông báo, kết luận giao ban hàng tháng của Học viện [H4.24.01.14] [H4.24.01.15].

Dữ liệu về số lượng, hình thức tổ chức các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng theo từng lĩnh vực thể hiện trong báo cáo tổng kết hoạt động năm học [H4.24.01.16]. Căn cứ vào kế hoạch đã triển khai hàng năm học, Học viện đều có báo cáo tổng kết hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng [H4.24.01.17] và thực hiện so chuẩn, đối sánh hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng từng năm học và từng giai đoạn cụ thể [H4.24.01.18].

Từ những kết quả thực hiện trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng hàng năm, Học viện tiến hành khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc tại đơn vị. Nhiều tập thể, cá nhân vinh dự được nhận bằng khen, giấy khen từ cấp Tỉnh đến Trung ương đối với các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội [H4.24.01.19].

Các hoạt động kết nối, PVCD của Công đoàn và ĐTN chủ yếu là các hoạt

động thiện nguyện, Học viện chưa tổ chức thu thập lấy ý kiến phản hồi của các bên liên quan, tuy nhiên đóng góp của các hoạt động trên đối với xã hội được thể hiện thông qua thư cảm ơn của địa phương, đơn vị thụ hưởng kết quả, hoặc trên các phương tiện thông tin đại chúng đưa tin về các hoạt động này [H4.24.01.20].

Hàng năm, Học viện có kế hoạch cải tiến chất lượng hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội. Căn cứ vào sự phản hồi của các bên liên quan, các đơn vị đầu mối triển khai các hoạt động xây dựng kế hoạch cho năm học mới trên cơ sở phát huy các kết quả đã đạt được, rút kinh nghiệm, điều chỉnh, cải tiến các điểm còn tồn tại để nâng cao chất lượng và hiệu quả các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học, các hoạt động thiện nguyện vì cộng đồng nhằm đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng và yêu cầu phát triển của xã hội. [H4.24.01.21].

Học viện đã có sự đầu tư về cơ sở vật chất, trang thiết bị để góp phần thực hiện tốt hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.01.22]. Từng bước nâng cao hình ảnh, thương hiệu, uy tín của Học viện đối với xã hội.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.2 Tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện triển khai kế hoạch thực hiện hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội [H4.24.02.01]. Hoạt động này được nêu cụ thể trong các kế hoạch hoạt động năm học [H4.24.02.02], trong Chương trình công tác hàng năm của Học viện [H4.24.02.03]. Trên cơ sở đó, các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội triển khai kế hoạch cụ thể: Kế hoạch của Đoàn Thanh niên Học viện [H4.24.02.04], kế hoạch của Công đoàn Học viện [H4.24.02.05].

Trong báo cáo tổng kết năm và báo cáo kết quả hoạt động kết nối và PVCĐ của Học viện đều đánh giá tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và PVCĐ đã triển khai đầu năm học [H4.24.02.06].

Học viện đã phân công nhiệm vụ, chức năng cho phòng TT&ĐBCLGD [H4.24.02.07], từ đó phòng triển khai kế hoạch cụ thể với chức năng, nhiệm vụ

được giao [H4.24.02.08]. Vai trò kiểm tra, giám sát đánh giá tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được thể hiện trong quy chế làm việc của ban thanh tra nhân dân [H4.24.02.09]. Từ các báo cáo của Ban thanh tra nhân dân [H4.24.02.10], báo cáo thanh tra của phòng TT&ĐBCLGD giúp Học viện có những cải tiến trong cách làm nhằm đạt hiệu quả cao hơn trong phục vụ và kết nối cộng đồng [H4.24.02.11].

Công tác đối sánh về tác động xã hội, kết quả của các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thể hiện trong báo cáo hàng năm và từng giai đoạn cụ thể. Học viện còn giao cho phòng ĐT&CTSV là một trong những đơn vị đầu mối để thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong Học viện tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát tác động của xã hội, kết quả hoạt động phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội [H4.24.02.12].

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam tiến hành khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan. Trên cơ sở đó, với chức năng, nhiệm vụ của mình phòng ĐT&CTSV tham mưu cho BGD ban hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến phản hồi cựu sinh viên, đơn vị sử dụng lao động về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.02.13]. và có kết quả báo cáo cụ thể từng năm học [H4.24.02.14].

Để đáp ứng tốt hơn công tác kết nối và phục vụ cộng đồng, Học viện thường xuyên lấy ý kiến phản hồi của sinh viên đang học tập và rèn luyện tại Học viện về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng và có báo cáo cụ thể sau các đợt khảo sát [H4.24.02.15] [H4.24.02.16] để kịp thời có những điều chỉnh phù hợp để cải tiến chất lượng và nâng cao hiệu quả giáo dục và đào tạo. Bên cạnh đó, Học viện còn tiến hành khảo sát lấy ý kiến phản hồi của CB, GV về hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng hàng năm [H4.24.02.17] [H4.24.02.18].

Căn cứ vào kết quả khảo sát, đánh giá của các đơn vị, cá nhân thụ hưởng các hoạt động PVCD, Lãnh đạo Học viện có kế hoạch cải tiến các hoạt động trong kế hoạch thực hiện các mục tiêu chiến lược, kế hoạch công tác hàng năm, theo đó các hoạt động kết nối và PVCD được xây dựng bằng các chỉ số cụ thể phù hợp với thực tế và khắc phục các tồn tại của năm học trước. Việc cải tiến

các hoạt động kết nối và PVCĐ còn được các đơn vị liên quan đề xuất kế hoạch cải tiến chất lượng các hoạt động trong kế hoạch công tác của các đơn vị thuộc và trực thuộc Học viện, trong đó có các chỉ số nhằm nâng cao chất lượng phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội [H4.24.02.19], cụ thể:

- Tiếp tục mở các mã ngành đào tạo mới để phục vụ và đáp ứng tốt hơn nhu cầu của cộng đồng.
- Mở các lớp bồi dưỡng ngắn hạn theo nhu cầu của các tỉnh, thành đoàn.
- Tăng cường hợp tác với các bộ, ngành triển khai các hoạt động bồi dưỡng kỹ năng, nghiệp vụ liên quan đến thanh niên, công tác xã hội.
- Tăng cường các hoạt động gắn kết, phục vụ cộng đồng của đoàn viên, công đoàn viên.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Tiêu chí 24.3. Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với NH và đội ngũ cán bộ, GV, nhân viên được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện luôn quan tâm thúc đẩy, động viên người học cũng như đội ngũ cán bộ, giảng viên tham gia vào các hoạt động kết nối và PVCĐ. Điều này được thể hiện rõ trong kế hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, kế hoạch hoạt động năm học [H4.24.03.01] [H4.24.03.02]. Kế hoạch và thực hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học còn được thể hiện trong chương trình công tác Đoàn thanh niên [H4.24.03.03]. Đối với CB, GV tham gia vào các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng được cụ thể hóa trong kế hoạch hoạt động Công đoàn hàng năm [H4.24.03.04], nghị quyết hàng tháng của Đảng ủy [H4.24.03.05], thông báo giao ban định kỳ của Học viện [H4.24.03.06].

Kết quả hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ CB, GV, nhân viên được thể hiện cụ thể trong báo cáo thực hiện nhiệm vụ năm học [H4.24.03.07], báo cáo của Đoàn thanh niên [H4.24.03.08]. Đồng thời, hàng năm Học viện đều có báo cáo hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.03.09].

Hệ thống giám sát về tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên và nhân viên thể hiện qua kế hoạch của Phòng TT&ĐBCLGD đã được BGD Học viện phê duyệt [H4.24.03.10]. Với mỗi phiếu khảo sát đều có hướng dẫn trả lời câu hỏi ở phần mở đầu và tiến hành khảo sát tới người học. Việc giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và PVCD đối với đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên chưa xây dựng hệ thống giám sát, tuy nhiên Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện có thể nắm bắt được tác động của hoạt động thông qua sự tham gia của các tổ công đoàn, chi đoàn, công đoàn viên, đoàn viên. Bên cạnh đó, hệ thống giám sát về tác động xã hội, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng còn được thực hiện qua Quy chế làm việc của Ban Thanh tra nhân dân [H4.24.03.11], Quy chế tổ chức và hoạt động của Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam [H4.24.03.12] và thông báo phân công nhiệm vụ của Ban Giám đốc Học viện [H4.24.03.13].

Học viện giao cho Phòng ĐT&CTSV là đơn vị trực tiếp đánh giá tác động, kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng. Trực tiếp tham mưu cho BGD ban hành quy định về công tác quản lý sinh viên để tăng cường hơn công tác giám sát tác động xã hội và kết quả của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học [H4.24.03.14].

Học viện giao cho phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong Học viện tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.03.15]. Kịp thời ban hành quy định tổ chức hoạt động của thư viện, trong đó có thể hiện vai trò phục vụ và hỗ trợ hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ CB, GV và NV đối trong quá trình tổ chức thực hiện [H4.24.03.16].

Tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, GV, NV được tổng hợp qua các báo cáo tổng kết thực hiện nhiệm vụ năm học, Báo cáo kết quả thực hiện việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng đối với người học và đội ngũ cán bộ, giảng viên, nhân viên [H4.24.03.17]. Học viện còn triển khai đối sánh kết quả thực

hiện đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV từng năm học [H4.24.03.18].

Việc đánh giá tác động của hoạt động kết nối và PVCD đối với người học và đội ngũ CB, GV, NV còn được thể hiện qua báo cáo của ban thanh tra nhân dân hàng năm [H4.24.03.19], Báo cáo công tác thanh tra và đảm bảo chất lượng giáo dục [H4.24.03.20], Báo cáo của Công đoàn [H4.24.03.21], Đoàn thanh niên [H4.24.03.22].

Học viện triển khai kế hoạch hướng dẫn cụ thể về cách thức khảo sát thu thập thông tin phản hồi từ các bên liên quan hàng năm [H4.24.03.23]. Khảo sát thu thập thông tin phản hồi của sinh viên về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.03.24]. Sau khi thực hiện quá trình khảo sát, Học viện tiến hành thống kê, phân tích, xử lý dữ liệu và lập báo cáo tổng hợp để BGD xem xét giải quyết [H4.24.03.25]. Học viện cũng tiến hành khảo sát đối với CB, GV về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.03.26] và lập các báo cáo qua từng năm học [H4.24.03.27] làm cơ sở để Ban Giám đốc Học viện đưa ra phương hướng khắc phục.

Căn cứ vào kết quả khảo sát, Học viện có những điều chỉnh, cải tiến chất lượng trong Kế hoạch thực hiện các mục tiêu trong năm học tiếp theo. Việc cải tiến chất lượng các hoạt động PVCD còn được các đơn vị trong Học viện cụ thể hoá trong kế hoạch thực hiện nhiệm vụ của đơn vị hàng năm [H4.24.03.28].

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thường xuyên tổ chức Hội nghị đối thoại trực tiếp giữa sinh viên với Giám đốc, Ban Giám đốc ghi nhận và xem xét các kiến nghị của các em sinh viên [H4.24.03.29]. Cơ sở vật chất cũng sẽ được chú trọng, đầu tư cho hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội hướng tới mục tiêu nâng cao chất lượng đào tạo và đổi mới môi trường giáo dục theo hướng hiện đại và hội nhập.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 24.4. Sự hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động kết nối và PVCĐ là một phần quan trọng trong và được thể hiện trong chiến lược phát triển của Học viện và được cụ thể hóa thông báo SM, TN, GTCL và giá trị cốt lõi của Học viện [H4.24.04.01] [H4.24.04.02].

Hàng năm, Học viện ban hành ban hành kế hoạch xây dựng và tổ chức thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.04.03]. Được cụ thể hóa Báo cáo tổng kết công tác năm và phương hướng nhiệm vụ thực hiện năm tiếp theo [H4.24.04.04].

Để nâng cao chất lượng các hoạt động kết nối, dịch vụ PVCĐ, hàng năm Học viện có Kế hoạch và thực hiện khảo sát, đánh giá, giám sát sự hài lòng của các bên liên quan bao gồm:

- Khảo sát học viên các chương trình bồi dưỡng, tập huấn [H4.24.04.05].

- Đối với các hoạt động kết nối và PVCĐ của Công đoàn và Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức, sau mỗi hoạt động, đại diện Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện đều xin ý kiến phản hồi từ các đơn vị tiếp nhận, chủ yếu dưới hình thức phỏng vấn trực tiếp các cá nhân phối hợp tổ chức hoạt động. Kết quả, các đơn vị tiếp nhận đều đánh giá cao những đóng góp của Học viện nói chung và các cá nhân tham gia trực tiếp nói riêng thông qua khen ngợi trực tiếp, hoặc bằng khen, giấy khen. Việc phỏng vấn lấy ý kiến cũng được thực hiện đối với chính các cá nhân tham gia, như các em sinh viên tình nguyện, uỷ viên Ban Chấp hành Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện tham gia hoạt động. Kết quả, mọi người đều hài lòng với các hoạt động và hoàn thành các mục tiêu đề ra đảm bảo an toàn, thiết thực và hiệu quả.

Bên cạnh đó, kết quả và chỉ số hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được thể hiện trong Báo cáo tổng kết hoạt động năm của Công đoàn [H4.24.04.06], Báo cáo tổng kết công tác Đảng hàng năm của Đảng uỷ Học viện [H4.24.04.07], Báo cáo tổng kết Công tác Đoàn và phong trào thanh niên [H4.24.04.08].

Để ghi nhận những thành tích trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội, Học viện có quyết định khen thưởng cho những tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong hoạt động PVCĐ của năm học

[H4.24.04.09].

Công tác giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và PVCD, đóng góp cho xã hội được Học viện giao cho hai đơn vị đầu mối là phòng ĐT&CTSV [H4.24.04.10], phòng TT&ĐBCLGD là đơn vị trực tiếp thực hiện và hỗ trợ các đơn vị trong Học viện tổ chức thực hiện khảo sát, đánh giá và giám sát các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.04.11]. Trên cơ sở đó, phòng TT&ĐBCLGD hàng năm đều tiến hành triển khai kế hoạch thanh tra, khảo thí và đảm bảo chất lượng theo quy định [H4.24.04.12]. Giám sát mức độ hài lòng của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội cũng được thể hiện trong quy chế làm việc của Ban thanh tra nhân dân [H4.24.04.13]. Vai trò lãnh đạo, giám sát của Đảng ủy và Ban Giám đốc Học viện đối với hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội cũng được thể hiện qua nghị quyết chuyên đề [H4.24.04.14] và thông báo kết luận giao ban hàng tháng của BGD với các đơn vị [H4.24.04.15].

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam có tiến hành kế hoạch khảo sát lấy ý kiến của các bên liên quan về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng [H4.24.04.16] và có báo cáo khảo sát cụ thể [H4.24.04.17] để xây dựng các kế hoạch cải tiến chất lượng để thực hiện hiệu quả hơn. Thông qua kết quả khảo sát kịp thời có biện pháp điều chỉnh cho phù hợp để từng bước nâng cao chất lượng giáo dục, chất lượng hoạt động kết nối và PVCD của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 4/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 24:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Có hệ thống văn bản, quy định, kế hoạch triển khai hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.
- Có hệ thống giám sát về loại hình và khối lượng tham gia vào hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội.
- Sự phối hợp giữa các khoa, phòng, các tổ chức đoàn thể trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội được tiến hành đồng bộ,

nhịp nhàng và có hiệu quả.

- Đa dạng các loại hình, khối lượng trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội. Sử dụng nhiều biện pháp, phương tiện, phương pháp để nâng cao hiệu quả của hoạt động này.

- Hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội mà Học viện thực hiện đã được các cơ quan chức năng có thẩm quyền ghi nhận, biểu dương. Qua đó nâng cao hình ảnh, uy tín của Học viện đối với xã hội.

2. Tóm tắt điểm điểm tồn tại

- Học viện chưa đối sánh với đơn vị ngoài về hoạt động kết nối và PVCD.
- Chưa áp dụng rộng rãi CNTT vào hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.
- Cơ sở vật chất chưa được trang bị, bài bản ngay từ đầu để thực hiện các hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Tổ chức/cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Đối sánh với đơn vị ngoài về hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng.	Phòng ĐT&CTSV	2024
2	Khắc phục tồn tại 2	Áp dụng rộng rãi CNTT vào hoạt động kết nối, phục vụ cộng đồng.	BGD; ĐT&CTSV	Thường xuyên
3	Khắc phục tồn tại 3	Trang bị cơ sở vật chất để thực hiện các hoạt động kết nối và PVCD.	BGD; Quản trị; ĐT&CTSV	Thường xuyên
4	Phát huy điểm mạnh 1	Tiếp tục tăng cường sự chỉ đạo của Đảng ủy, BGD và phòng chức năng trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng	Đảng ủy; BGD; ĐT&CTSV	Thường xuyên

5	Phát huy điểm mạnh 2	Cập nhật hệ thống văn bản, quy định, kế hoạch triển khai hoạt động kết nối và PVCĐ, đóng góp cho xã hội.	BGD; ĐT&CTSV	Thường xuyên
6	Phát huy điểm mạnh 4	Đa dạng các loại hình, khối lượng trong hoạt động kết nối và phục vụ cộng đồng, đóng góp cho xã hội; Sử dụng nhiều biện pháp, phương tiện, để nâng cao hiệu quả của hoạt động này.	ĐT&CTSV Đoàn TN	Thường xuyên

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/ Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 24</i>	4,25
Tiêu chí 24.1	4
Tiêu chí 24.2	4
Tiêu chí 24.3	5
Tiêu chí 24.4	4

Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường

Tiêu chí 25.1. Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam thực hiện các hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng dựa trên tầm nhìn, sứ mệnh nhằm thực hiện giá trị cốt lõi của một cơ sở giáo dục đào tạo công lập [H4.25.01.01]. Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam là đơn vị sự nghiệp tự đảm bảo một phần kinh phí. Học viện chủ động xây dựng và quyết định mức thu học phí theo quy định của nhà nước, cũng như thực hiện chế độ tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và công khai tài chính theo quy định của pháp luật. Nguồn kinh phí của Học viện gồm: kinh phí nhà nước cấp, nguồn thu học phí, nguồn thu sự nghiệp và nguồn khác. Học viện luôn có giải pháp và kế hoạch tài chính theo nguyên tắc cân đối thu chi, duy trì các hoạt động và phát triển của Học viện [H4.25.01.02] [H4.25.01.03].

Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 đã xác định giải pháp tự chủ về tài chính như sau: “Tăng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và nguồn thu sự nghiệp thông qua việc thực hiện các chương trình dự án, xây dựng lộ trình thu học phí phù hợp. Phân đầu đến năm 2025, Học viện tự chủ 40%; đến năm 2030 tự chủ 70% nguồn tài chính và tiến tới tự chủ hoàn toàn” [H4.25.01.04].

Để đảm bảo sự chỉ đạo, giám sát hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, BGD Học viện đã được phân công nhiệm vụ quyền hạn cụ thể, phù hợp. Cùng với đó là quy chế phối hợp giữa Đảng ủy, HĐHV và BGD nên tránh sự chông chéo trong công tác chỉ đạo, giám sát nhưng đồng thời vẫn bao quát được tổng thể và có hiệu quả [H4.25.01.05] [H4.25.01.06]. Công tác tài chính kế toán được thực hiện nhịp nhàng trên cơ sở phân công nhiệm vụ của các thành viên trong Phòng KH-TV [H4.25.01.07]. Với sự chỉ đạo và phân công công việc hợp lý, báo cáo kết quả tài chính về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng nói riêng, cũng như toàn bộ các hoạt động

khác của Học viện luôn được lập đúng thời hạn, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, rõ ràng, minh bạch và công khai. Ngoài việc được báo cáo dưới con số kế toán tài chính cho các đơn vị Nhà nước có liên quan thì kết quả tài chính về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng còn được đánh giá và báo cáo cho toàn thể cán bộ công nhân viên của Học viện hàng năm tại Hội nghị viên chức, người lao động Học viện **[H4.25.01.08]**.

Số liệu tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng đã được Ban thanh tra nhân dân Học viện đánh giá hàng năm và các cơ quan thanh tra, kiểm toán tiến hành kiểm tra, thẩm định **[H4.25.01.09]** **[H4.25.01.10]**.

Nhằm thực hiện tầm nhìn, sứ mạng của Học viện, hàng năm Học viện đều thực hiện đối sánh kết quả về hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Các bộ phận có liên quan phải tiến hành thu thập số liệu, thông tin để lập các báo cáo đối sánh và giải trình cho BGD về kết quả thực hiện được trong các hoạt động về tài chính, đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng. Căn cứ để thực hiện đối sánh là từ kế hoạch đã đề ra và kết quả đã đạt được trên cơ sở theo chuẩn Nhà nước quy định của từng hoạt động.

Học viện có hệ thống giám sát về kết quả và các chỉ số tài chính đối với các hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được nhà trường thiết lập và vận hành/hoạt động thông qua các quy chế, quy định: Quy chế quản lý tài chính của Học viện **[H4.25.01.11]**; Quy chế chi tiêu nội bộ **[H4.25.01.12]**. và các hình thức như:

- Thứ nhất, Phòng KH-RV tự theo dõi và giám sát các chỉ số tài chính (thu chi) cho từng lĩnh vực hoạt động theo kế hoạch phân bổ trong kế hoạch tài chính đã được Trung ương Đoàn, Hội đồng trường phê duyệt. Định kỳ đối chiếu số liệu tài chính với các bộ phận liên quan thể hiện qua các minh chứng cụ thể như biên bản kiểm kê, biên bản đối chiếu công nợ, thông báo nợ học phí **[H4.25.01.13]** **[H4.25.01.14]** **[H4.25.01.15]**.

- Thứ hai, Kết quả chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng được Học viện xác lập thông qua các báo cáo tài chính hàng năm. Báo cáo tài chính hàng năm trình bày tại Hội nghị viên chức và người lao động

hàng năm [**H4.25.01.16**].

Hàng năm, trong báo cáo tổng kết năm học và kế hoạch năm học của Học viện, của từng đơn vị đều có so sánh kết quả thực hiện với các chỉ số kế hoạch và chỉ số thực hiện các năm trước, để xây dựng phương hướng và nhiệm vụ xác định chỉ số kế hoạch của năm tiếp theo [**H4.25.01.17**]. Căn cứ vào các chỉ số tài chính đạt được trong lĩnh vực đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng, Học viện đều triển khai đối sánh các kết quả thực hiện so với kế hoạch; qua đó có kế hoạch điều chỉnh chỉ số năm sau cho phù hợp với tình hình hoạt động thực tế của Học viện. Từ việc đối sánh về kết quả và chỉ số tài chính, hàng năm học viện đều rà soát điều chỉnh kết quả thực hiện, cũng như các chỉ số đánh giá, các chỉ số lượng hóa về mặt tài chính trong công tác đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng cho phù hợp với tình hình thực tế của Học viện.

Hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số tài chính của các hoạt động đào tạo, NCKH, CCDV CSSK và các chỉ số phục vụ cộng đồng tại Học viện được thiết lập và thực hiện thông lấy ý kiến tại Hội nghị viên chức và người lao động hàng năm và lấy ý kiến của của giảng viên và đối tác bên ngoài. Từ kết quả lấy ý kiến, Học viện có kế hoạch cải tiến, theo đó từ nguồn thu học phí, nhà trường đã đề xuất các giải pháp nâng cao chất lượng đào tạo như nâng cao trình độ chuyên môn của đội ngũ giảng viên bằng cách hỗ trợ giảng viên và chuyên viên đi học nâng cao trình độ; tăng các chế độ đãi ngộ đối với cán bộ, giảng viên; chi thu nhập tăng thêm; tăng trợ cấp ăn trưa... Mặt khác, để bảo đảm nguồn thu tự chủ, nhà trường đã mở thêm các mã ngành, tăng dần chỉ tiêu tuyển sinh đại học, sau đại học giai đoạn 2018 – 2023 [**H4.25.01.18**]. Đối với hoạt động phục vụ cộng đồng, Học viện tiếp tục triển khai các hoạt động thiện nguyện và giao cho Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện tổ chức.

Việc cải tiến chất lượng hoạt động dựa trên kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng đã đạt được. Từ các kết quả đạt được và những hạn chế đã chỉ ra, Học viện đưa ra phương hướng cải tiến kết quả và chỉ số tài chính cho năm hoạt động tiếp theo [**H4.25.01.19**].

Các hệ thống sổ sách, chứng từ kế toán, báo cáo kế toán được Phòng Kế hoạch – Tài vụ, Học viện lưu trữ theo quy định dưới dạng văn bản giấy và cơ sở dữ liệu điện tử để sử dụng cho mục đích quản trị nội bộ trong Học viện cũng như phục vụ công tác thanh tra, kiểm tra [H4.25.01.20].

Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam xác định được tầm quan trọng trong việc đưa ra kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng, là cơ sở để thực hiện các mục tiêu trong Chiến lược phát triển của Học viện. Vì vậy, các chỉ số tài chính hàng năm được tổng hợp, đánh giá rõ ràng và có bộ phận theo dõi, kiểm tra hàng năm. Ngoài ra, phòng DT&CTSV cũng đã tiến hành tổng kết, đánh giá hoạt động đào tạo, NCKH và có kế hoạch điều chỉnh các hoạt động cho phù hợp với sự phát triển của Học viện.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Tiêu chí 25.2. Kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được xác lập, giám sát và đối sánh để cải tiến

Hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng tại Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam luôn được coi trọng và thường xuyên được đối sánh, cải tiến để đảm bảo thực hiện được mục tiêu về tầm nhìn, sứ mạng và giá trị cốt lõi của Học viện [H4.25.02.01]. Học viện đã có những quy định cụ thể về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng tại Chiến lược phát triển Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đến năm 2030 và tầm nhìn 2045 [H4.25.02.02]. Chiến lược nêu rõ quan điểm chiến lược phát triển cụ thể là:

- Mở rộng quy mô, nâng cao chất lượng và thúc đẩy hợp tác đào tạo: Kết hợp giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu trong đào tạo: mở thêm các ngành đào tạo đại học, thạc sĩ, tiến sĩ một cách hợp lý. Đổi mới mạnh mẽ mô hình, phương thức đào tạo theo hướng tăng cường thực hành, thực tế, nâng cao chất lượng đào tạo; tăng cường ứng dụng công nghệ trong đào tạo, kiểm tra, đánh giá; đổi mới công tác tuyển sinh để từng bước nâng cao chất lượng tuyển

sinh. Chủ động tìm kiếm và ký kết hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế để phát triển và nâng cao chất lượng đào tạo.

- Chủ động phối hợp với các tỉnh, thành đoàn trong bồi dưỡng cán bộ Đoàn, Hội, Đội; đổi mới nội dung, nâng cao chất lượng các chương trình huấn luyện kỹ năng cho thanh thiếu nhi.

- Nâng cao chất lượng, tính ứng dụng các kết quả đề tài nghiên cứu. Nâng tầm nghiên cứu của Học viện và Viện Nghiên cứu Thanh niên; nâng cao chất lượng nghiên cứu khoa học của giảng viên và sinh viên phục vụ đào tạo, bồi dưỡng; chủ động tìm kiếm để đa dạng hoá các nguồn kinh phí nghiên cứu từ bên ngoài; hình thành các nhóm nghiên cứu mạnh; chủ động hợp tác với các đối tác trong nước và quốc tế.

Chiến lược phát triển Học viện đến năm 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 cũng chỉ ra các mục tiêu cụ thể:

- Về đào tạo: Phát triển các ngành nghề đào tạo phù hợp với sự phát triển kinh tế - xã hội; chuyên hướng đào tạo của Học viện từ đào tạo theo năng lực ang đào tạo theo nhu cầu của xã hội; mở các mã ngành phù hợp với nhu cầu nhân lực của xã hội. Phát triển quy mô đào tạo khoảng 10.000 sinh viên; phấn đấu đạt tỷ lệ 25 sinh viên/giảng viên; đảm bảo tỷ lệ 90% sinh viên tốt nghiệp hàng năm và 85% sinh viên tốt nghiệp có việc làm sau 01 năm. Đáp ứng tốt nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng cho các đơn vị, doanh nghiệp.

- Về khoa học công nghệ: Hàng năm, 100% giảng viên có công bố ít nhất 01 bài báo khoa học trên các tạp chí khoa học uy tín trong nước hoặc quốc tế; có ít nhất 01 báo cáo tại các hội thảo, hội nghị khoa học trong nước và nước ngoài. Mỗi năm triển khai ít nhất 20 đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở; 10 đề tài nghiên cứu khoa học cấp bộ; phấn đấu 05 đề tài khoa học sinh viên đạt giải cấp bộ; tổ chức ít nhất 01 hội nghị khoa học quốc tế; công bố từ 01 đến 02 cuốn sách chuyên khảo. Phát triển Trung tâm Thông tin – Thư viện hiện đại, có đầy đủ học liệu, chú trọng số hoá tài liệu và nguồn học liệu điện tử, liên kết với hệ thống các thư viện liên quan.

- Về kết nối và phục vụ cộng đồng: Chuyên giao khoa học công nghệ trong

lĩnh vực thanh niên từ 2 đến 3 sản phẩm cho cộng đồng; đẩy mạnh các hoạt động đền ơn đáp nghĩa, các hoạt động xã hội, nhân đạo, từ thiện và các hoạt động công cộng, ủng hộ, giúp đỡ các đối tượng đồng bào vùng sâu, vùng khó khăn; tổ chức và tham gia các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục, thể thao trong cộng đồng; tổ chức các loại hình hoạt động nhằm bảo tồn, gìn giữ, phát huy các giá trị truyền thống, giá trị văn hoá địa phương.

Các loại báo cáo chính là cơ sở dữ liệu để đánh giá các hoạt động và chỉ số thị trường. Cụ thể:

Về hoạt động đào tạo:

+ Bảng đối sánh kết quả tuyển sinh và số sinh viên nhập học của Học viện giai đoạn năm 2018 – 2023 **[H4.25.02.03]**.

+ Bảng thống kê tình hình sinh viên tốt nghiệp giai đoạn 2018 – 2023 **[H4.25.02.04]**.

Về hoạt động khoa học công nghệ:

+ Bảng thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học giai đoạn 2018 – 2023 (Khối CB, VC, NLD) **[H4.25.02.05]**.

+ Bảng thống kê số lượng đề tài nghiên cứu khoa học giai đoạn 2018 – 2023 (khối người học) **[H4.25.02.06]**.

+ Bảng thống kê số lượng bài báo được xuất bản trên các tạp chí **[H4.25.02.07]**.

Hoạt động phục vụ cộng đồng: Các chỉ số được xây dựng hàng năm thông qua các tổ chức các hoạt động thiện nguyện, đóng góp cứu trợ cho các đồng bào lũ lụt, tham gia các hoạt động phòng chống dịch Covid, sinh viên tình nguyện, mùa hè xanh và hiến máu nhân đạo... Học viện đã nhận được sự công nhận, đánh giá cao của các địa phương, đơn vị và tổ chức. Nhiều tập thể, cá nhân thuộc Học viện đã nhận được Bằng khen của Trung ương đoàn, Công đoàn các cấp, Bằng khen của các tỉnh, giấy khen của các huyện, đơn vị có đội hình Học viện tham gia **[H4.25.02.08]**.

Học viện có hệ thống thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và PVCD và giao

Phòng Thanh tra và Đảm bảo chất lượng giáo dục đầu mỗi đảm nhiệm việc khảo sát, thu thập các thông tin phản hồi liên quan đến các hoạt động của Học viện; trong đó có các chỉ số về hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Qua mỗi đợt khảo sát, căn cứ vào dữ liệu thu được, Học viện đều lập báo cáo kết quả phản hồi của các bên liên quan về kết quả các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng **[H4.25.02.09]**.

Dựa trên thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng; Học viện đã chủ động xây dựng kế hoạch cải tiến chất lượng nhiều hoạt động tại Học viện theo từng năm học; qua đó làm căn cứ, cơ sở cho việc cải tiến nâng cao hoạt động NCKH thể hiện như giao các chỉ tiêu đến từng đơn vị về xuất bản quốc tế; giao chỉ tiêu tuyển sinh... **[H4.25.02.10]**.

Học viện có hệ thống lưu trữ cơ sở dữ liệu đánh giá hàng năm về kết quả và chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo; NCKH và phục vụ cộng đồng. Cụ thể:

- Đối với cơ sở dữ liệu về kết quả và các chỉ số thị trường về đào tạo và về tuyển sinh: được kết xuất từ báo cáo tổng kết năm học; báo cáo tổng kết công tác tuyển sinh do Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên là đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ **[H4.25.02.11]**.

- Đối với cơ sở dữ liệu kết quả thị trường về NCKH: được tổng hợp, lưu trữ từ báo cáo tổng kết NCKH hàng năm do bộ phận NCKH, Phòng Đào tạo và Công tác sinh viên và Viện Nghiên cứu Thanh niên là đơn vị đầu mối chịu trách nhiệm quản lý và lưu trữ **[H4.25.02.12]**.

- Đối với cơ sở dữ liệu về kết quả và các chỉ số thị trường về PVCD: được tổng hợp, theo dõi và lưu trữ từ báo cáo tổng kết năm học của Học viện, báo cáo tổng kết năm của Công đoàn, Đoàn Thanh niên Học viện **[H4.25.02.13]**.

Để kết quả về chỉ số chất lượng đào tạo, NCKH và PVCD ngày một được cải tiến, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã lập kế hoạch khảo sát các đối tượng có liên quan như SV, CB, GV, cựu SV và người sử dụng lao động theo kế hoạch hàng năm và từng giai đoạn. Thực hiện kế hoạch đó, toàn thể CB, GV

của Học viện đã tham gia thực hiện nghiêm túc, công khai để có được kết quả chính xác nhất. Chất lượng đào tạo, NCKH luôn được quan tâm hàng đầu và ý kiến khảo sát của sinh viên trước khi ra trường là một kênh thông tin quan trọng để Học viện rà soát điều chỉnh chương trình đào tạo [H4.25.02.14]. Chất lượng đào tạo, NCKH được khẳng định qua số liệu về việc làm của sinh viên sau khi tốt nghiệp [H4.25.02.15] [H4.25.02.16]. Trong các ý kiến khảo sát thì đối tượng sử dụng lao động là đối tượng khách quan đánh giá về chất lượng đào tạo của Học viện [H4.25.02.17] [H4.25.02.18]. Học viện thực hiện báo cáo định kỳ, cũng như công khai các chỉ số về chất lượng đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng [H4.25.02.19] [H4.25.02.20].

Phòng ĐT&CTSV là đầu mối thực hiện khảo sát lấy ý kiến các bên về chất lượng PVCĐ của Học viện. Kế hoạch khảo sát được xây dựng cụ thể chi tiết, phù hợp với yêu cầu [H4.25.02.21]. Báo cáo kết quả khảo sát các đối tượng được lập đầy đủ các nội dung và làm căn cứ để cải tiến [H4.25.02.22] [H4.25.02.23] [H4.25.02.24]. Cùng với đó, Phòng KH-TV báo cáo các kết quả tài chính kế toán phục vụ hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H4.25.02.25] [H4.25.02.26].

Chất lượng đào tạo, NCKH và PVCĐ chỉ thực sự được cải thiện khi được đối sánh và điều chỉnh dựa trên kế hoạch khảo sát. Đó là hoạt động hàng năm mà Đảng ủy, HDHV và BGD phối hợp chỉ đạo, giám sát để nâng cao chất lượng của trên tất cả các lĩnh vực [H4.25.02.27] [H4.25.02.28] [H4.25.02.29]. Bên cạnh đó thì đối sánh về tài chính hết sức quan trọng vì tài chính sẽ chi phối tất cả các hoạt động và thực hiện tốt việc đối sánh tài chính còn là cơ sở để Học viện phát triển khi thực hiện theo cơ chế tự chủ tài chính [H4.25.02.30] [H4.25.02.31].

Với mục tiêu đào tạo, NCKH gắn liền với PVCĐ, Học viện Thanh thiếu niên Việt Nam đã đạt những kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCĐ [H4.25.02.32]. Những kết quả của hoạt động PVCĐ, và sự cải tiến trong công tác hoạt động là những minh chứng chứng minh cho chất lượng hoạt động của Học viện trong đào tạo, NCKH và PVCĐ. Căn cứ vào báo

cáo hàng năm về kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD được BGĐ chỉ đạo và các phòng ban liên quan thực hiện đầy đủ, kịp thời.

Tự đánh giá tiêu chí đạt mức: 5/7

Đánh giá chung về tiêu chuẩn 25:

1. Tóm tắt các điểm mạnh

- Kết quả và các chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, nghiên cứu khoa học và phục vụ cộng đồng được tổng hợp, đánh giá rõ ràng và có bộ phận theo dõi, kiểm tra hàng năm.

- Thực hiện khảo sát, báo cáo và cải tiến kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD kịp thời.

2. Tóm tắt các điểm tồn tại

- Báo cáo chỉ tiêu tài chính về hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD chưa được thực hiện riêng mà lồng ghép vào báo cáo tổng kết toàn bộ hoạt động thu - chi của Học viện.

- Chưa có đầy đủ các văn bản quy định về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.

3. Kế hoạch cải tiến

TT	Mục tiêu	Nội dung	Đơn vị/ cá nhân thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Khắc phục tồn tại 1	Báo cáo kết quả và chỉ số tài chính hoạt động đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng phải được lập độc lập	Phòng KH-TV	Hàng năm
2	Khắc phục tồn tại 2	Bổ sung đầy đủ các văn bản quy định về việc thu thập thông tin phản hồi của các bên liên quan về kết quả và các chỉ số thị trường của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD.	BGĐ; Các đơn vị liên quan	Hàng năm
4	Phát huy điểm mạnh 1	Thực hiện báo cáo chỉ số tài chính của hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD kịp thời và chính xác.	Phòng KH-TV	Hàng năm

5	Phát huy điểm mạnh 2	Thực hiện khảo sát, báo cáo và cải tiến kết quả hoạt động đào tạo, NCKH và PVCD kịp thời.	Phòng TT&ĐBCLGD; Phòng ĐT&CTSV	Hàng năm
---	----------------------	---	-----------------------------------	----------

4. Mức đánh giá:

Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá
<i>Tiêu chuẩn 25</i>	5
Tiêu chí 25.1	5
Tiêu chí 25.2	5

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ TỰ ĐÁNH GIÁ CƠ SỞ GIÁO DỤC

TT	Lĩnh vực/Tiêu chuẩn/Tiêu chí	Tự đánh giá (mức điểm)	Ghi chú
I	Lĩnh vực 1. ĐBCL về chiến lược		
I.1	Tiêu chuẩn 1. Tầm nhìn, sứ mạng và văn hóa		
1	1.1	5	
2	1.2	4	
3	1.3	5	
4	1.4	5	
5	1.5	4	
I.2	Tiêu chuẩn 2. Quản trị		
6	2.1	5	
7	2.2	5	
8	2.3	5	
9	2.4	5	
I.3	Tiêu chuẩn 3. Lãnh đạo và quản lý		
10	3.1	5	
11	3.2	5	
12	3.3	5	
13	3.4	5	
I.4	Tiêu chuẩn 4. Quản trị chiến lược		
14	4.1	5	
15	4.2	5	
16	4.3	5	
17	4.4	4	
I.5	Tiêu chuẩn 5. Các chính sách về đào tạo, NCKH và phục vụ cộng đồng		
18	5.1	5	
19	5.2	5	
20	5.3	4	
21	5.4	4	

I.6	Tiêu chuẩn 6. Quản lý nguồn nhân lực		
22	6.1	5	
23	6.2	5	
24	6.3	5	
25	6.4	5	
26	6.5	5	
27	6.6	5	
28	6.7	5	
I.7	Tiêu chuẩn 7. Quản lý tài chính và cơ sở vật chất		
29	7.1	5	
30	7.2	5	
31	7.3	5	
32	7.4	5	
33	7.5	5	
I.8	Tiêu chuẩn 8. Các mạng lưới và quan hệ đối ngoại		
34	8.1	5	
35	8.2	5	
36	8.3	5	
37	8.4	4	
II	Lĩnh vực 2. ĐBCL về hệ thống		
II.9	Tiêu chuẩn 9. Hệ thống đảm bảo chất lượng bên trong		
38	9.1	5	
39	9.2	5	
40	9.3	5	
41	9.4	5	
42	9.5	5	
43	9.6	4	
II.10	Tiêu chuẩn 10. Tự đánh giá và đánh giá ngoài		
44	10.1	4	
45	10.2	4	
46	10.3	4	
47	10.4	4	

II.11	Tiêu chuẩn 11. Hệ thống thông tin ĐBCL bên trong		
48	11.1	5	
49	11.2	5	
50	11.3	4	
51	11.4	4	
II.12	Tiêu chuẩn 12. Nâng cao chất lượng		
52	12.1	5	
53	12.2	5	
54	12.3	4	
55	12.4	4	
56	12.5	4	
III	Lĩnh vực 3. ĐBCL về thực hiện các chức năng		
III.13	Tiêu chuẩn 13. Tuyển sinh và nhập học		
57	13.1	5	
58	13.2	5	
59	13.3	5	
60	13.4	4	
61	13.5	4	
III.14	Tiêu chuẩn 14. Thiết kế và rà soát chương trình dạy học		
62	14.1	4	
63	14.2	4	
64	14.3	4	
65	14.4	4	
66	14.5	5	
III.15	Tiêu chuẩn 15. Giảng dạy và học tập		
67	15.1	5	
68	15.2	4	
69	15.3	5	
70.	15.4	4	
71.	15.5	4	

III.16	Tiêu chuẩn 16. Đánh giá người học		
72	16.1	5	
73	16.2	5	
74	16.3	5	
75	16.4	5	
III.17	Tiêu chuẩn 17. Các hoạt động phục vụ và hỗ trợ người học		
76	17.1	5	
77	17.2	5	
78	17.3	5	
79	17.4	5	
III.18	Tiêu chuẩn 18. Quản lý NCKH		
80	18.1	5	
81	18.2	4	
82	18.3	4	
83	18.4	4	
III.19	Tiêu chuẩn 19. Quản lý tài sản trí tuệ		
84	19.1	4	
85	19.2	4	
86	19.3	4	
87	19.4	4	
III.20	Tiêu chuẩn 20. Hợp tác và đối tác NCKH		
88	20.1	4	
89	20.2	4	
90	20.3	4	
91	20.4	4	
III.21	Tiêu chuẩn 21. Kết nối và phục vụ cộng đồng		
92	21.1	5	
93	21.2	5	
94	21.3	5	
95	21.4	5	

IV	Lĩnh vực 4. Kết quả hoạt động		
IV.22	Tiêu chuẩn 22. Kết quả đào tạo		
96	22.1	5	
97	22.2	4	
98	22.3	4	
99	22.4	4	
IV.23	Tiêu chuẩn 23. Kết quả NCKH		
100	23.1	5	
101	23.2	5	
102	23.3	5	
103	23.4	4	
104	23.5	4	
105	23.6	4	
IV.24	Tiêu chuẩn 24. Kết quả phục vụ cộng đồng		
106	24.1	4	
107	24.2	4	
108	24.3	4	
109	24.4	4	
IV.25	Tiêu chuẩn 25. Kết quả tài chính và thị trường		
110	25.1	5	
111	25.2	5	

Ghi chú:

- Tiêu chí có điểm cao nhất: 5 điểm
- Tiêu chí có điểm thấp nhất: 4 điểm
- Số tiêu chí đạt từ 4 điểm trở lên: 111/111 (100 %)
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình từ 4.00 điểm trở lên: 25/25 (100 %)
- Số tiêu chuẩn có điểm trung bình dưới 2.00 điểm: 0/25 (0%)

Hà Nội, ngày tháng năm 2023
THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ GIÁO DỤC